

Thánh-thi

Psalms

Mục-dịch: Để diễn-đạt sự ca-tụng, sự thờ-phượng, và sự thú-tội cùng Đức Chúa TRỜI theo thể thơ

Người viết: Đa-vít viết 77 bài; A-sáp 12; các con trai của Cô-ra 12; Sa-lô-môn, Hê-man (hợp với các con trai của Cô-ra), Ê-than, và Mô-i-se mỗi người một bài; và 46 bài ẩn-danh. Tân Ước quy 2 bài ẩn-danh (Thánh-thi 2 và 95) cho Đa-vít (xem Công-vụ 4.25; Hê-bơ-rơ 4.7).

Ngày viết: Từ thời-gian của Mô-i-se (khoảng 1440 Trước Christ giáng-sinh) đến khi Y-sơ-ra-ên bị dân Ba-by-lôn bắt đi lưu-đày vào năm 586 TC (Trước Christ giáng-sinh)

Bối-cảnh: Các trước già Thánh-thi không chủ ý viết về các biến-cổ lịch-sử. Tuy nhiên, các bài Thánh-thi thường song song với các biến-cổ lịch-sử, chẳng hạn như việc Đa-vít trốn khỏi Sau-lơ và tội của người với Bát-Sê-ba.

Câu gốc: "Mọi vật gì có hơi thở hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ. Hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ!" (150.6)

Người chính: Đa-vít

Chỗ chính: Đền-thờ thánh của Đức Chúa TRỜI

Ý chính: "Chào Anh, anh khỏe không?" "Khỏe!" Đây là lời chào hỏi khi người quen biết gặp nhau. Nếu mối thông-giao của hai người nào đó chỉ là những câu hỏi và trả lời xã giao như vậy thì mối liên-hệ này chỉ ở mức-độ bề ngoài mà thôi. Chia-sẻ sự-kiện và quan-điểm nằm sâu hơn lời chào hỏi xã giao. Tuy vậy, con người thật vẫn còn nằm giấu phía dưới chúng. Trong thực-tế, chỉ khi nào những cảm-giác và xúc-động chân-thật được chia-sẻ thì người ta mới biết được con người thật đó; nó mới được yêu-thương, và mới được giúp-đỡ.

Thông thường, các cách thông-giao bề ngoài đã chiếm ngự việc nói chuyện của chúng ta với Đức Chúa TRỜI. Chúng ta dễ-dàng lóng vào những lời nói bóng-bẩy, thường cầu-nguyện lớn tiếng trong hội-chúng cả chục năm rồi hoặc nhanh chóng quăng vào vài câu sáo-ngữ và gọi đó là cầu-nguyện với Đức Chúa TRỜI của chúng ta. Không chút nghi-ngờ gì rằng Đức Chúa TRỜI nghe và hiểu những cố-gắng yếu-ớt của chúng ta, nhưng chiều sâu thông-giao ấy của chúng ta làm cho chúng ta nông-cạn trong mối liên-hệ với Đức Chúa TRỜI. Nhưng Ngài biết chúng ta, và Ngài muốn có sự thông-giao chân-thật với chúng ta.

Ở chính giữa quyển Thánh-Kinh này là quyển sách các Thánh-thi. Đây là một sưu tập lớn những bài ca và các bài cầu-nguyện diễn-tả tâm và hồn của nhân-loại. Trong chúng, mọi mức độ kinh-nghiệm làm người được bày tỏ ra. Không có các sáo-ngữ nào trong sách này. Thay vào đó, Đa-vít và những trước-già khác một cách thành-thật tuôn đổ ra những cảm-xúc chân-thật của mình, phản-ảnh một tình bằng-hữu đối-thay cuộc đời, đầy quyền-năng, và linh-động với Đức Chúa TRỜI. Những người viết các Thánh-thi này thú-nhận các tội-lỗi của mình, phát-biểu những nỗi nghi-ngờ và lo sợ của mình, cầu xin Đức Chúa TRỜI giúp-đỡ trong những lúc gặp rắc-rối, và ca-tụng và thờ-lạy Ngài.

Khi quý vị đọc Thánh-thi, quý vị sẽ nghe các tín-nhân khóc lớn lên cùng Đức Chúa TRỜI từ tận đáy sâu thẳm đầy tuyệt-vọng, và quý vị sẽ nghe họ hát lớn tiếng lên cho Ngài nghe vào những cao điềm của các buổi đại-lễ. Nhưng, quý vị sẽ luôn luôn nghe họ chia-sẻ những xúc-cảm thành-thật với Đức Chúa TRỜI của họ, dù tuyệt-vọng hay vui-mừng. Với sự phát-biểu thành-thật của các trước già thánh-thi, đàn-ông cũng như đàn-bà trải qua chiều dài lịch-sử đó, đã nhiều lần đến cùng sách Thánh-thi để được an-ủi trong những lúc phấn-đầu và sầu-não. Và nhờ các trước già thánh-thi này, họ đã chối-dậy từ vực thẳm đầy tuyệt-vọng đến những mức cao mới tìm được của sự vui-mừng và ca-tụng khi họ cũng khám-phá được quyền-năng của sự tha-thứ và tình yêu-thương mãi mãi của Đức Chúa TRỜI. Xin để sự chân-thành của các trước già thánh-thi này đưa quý vị vào trong một mối liên-hệ chân-thật và sâu-đậm hơn với Đức Chúa TRỜI.

Quyển I
Các Thánh-Thi 1.1-41.13

THÁNH-THI 1

Người công-chính khác với kẻ độc-ác
Người viết: Vô danh

¹Phước thay cho người không bước đi theo lời khuyên của kẻ độc-ác,
Cũng chẳng trong lối đi của các tội-nhân,
Cũng chẳng ngồi trong chỗ của những kẻ nhạo-báng!
²Nhưng sự vui-thích của hắn là ở trong luật-pháp của Đức GIA-VÊ,
Và trong luật-pháp của Ngài, hắn ngắm-ngẫm ngày và đêm.
³Và hắn sẽ như cây được trồng cạnh các dòng nước,
Sanh trái của nó trong mùa của nó,
Và lá nó không tàn-úa;
Và trong bất cứ việc gì hắn làm, hắn đều thịnh vượng.

⁴Những kẻ độc-ác chẳng như vậy đâu;
Nhưng chúng như rơm gió thổi đi mất.
⁵Bởi vậy, kẻ độc-ác sẽ không đứng *nổi* trong sự phán-xét,
Tội-nhân cũng không ở trong hội-đồng của kẻ công-chính.
⁶Vì Đức GIA-VÊ biết đường-lối của người công-chính,
Nhưng đường-lối kẻ độc-ác sẽ bị diệt-vong.

THÁNH-THI 2

Sự trị-vì của Đấng Chụ-xức-dầu của Đức GIA-VÊ
Người viết: Đa-vít (xem Công-vụ 4.25-4.26)

¹Cớ sao các quốc-gia ở trong sự náo động,
Và các dân-tộc đang chế ra chuyện hư-không?
²Các vua của trái đất giữ vững lập trường của họ,
Các nhà cầm-quyền bàn-bạc với nhau
Chống Đức GIA-VÊ và chống Đấng Chụ-xức-dầu⁽¹⁾ của Ngài:
³"Chúng ta hãy bứt xiềng-xích của họ ra,
Và quăng xa các dây thừng của họ khỏi chúng ta!"
⁴Đấng ngồi trong các tầng trời cười,
Chúa chế-giễu chúng.
⁵Thế rồi Ngài sẽ nói với chúng trong cơn giận của Ngài
Và làm chúng kinh-hãi trong cơn thịnh-nộ của Ngài:
⁶"Nhưng về phần Ta, Ta vừa đặt Vua của Ta
Trên Si-ôn, núi thánh của Ta."
⁷"Chắc-chắn Ta sẽ nói về sắc-lệnh của GIA-VÊ:
Ngài đã nói với Ta: 'Vua là Con trai của Ta,
Ngày nay Ta vừa sinh ra Vua.
⁸Hãy xin Ta, và chắc-chắn Ta sẽ các quốc-gia làm tài sản riêng của Vua,
Và các nơi tận cùng trái đất làm tài-sản của Vua.
⁹Vua sẽ phải trị-vì chúng với cây gậy sắt,
Vua sẽ đập tan chúng như đồ sứ của người thợ gốm.'"

¹⁰Bởi vậy, bây giờ, hỡi các vua, hãy tỏ ra sáng-suốt;
Hãy nhận lấy lời cảnh-cáo, hỡi các quan-án của trái đất.
¹¹Hãy thờ-phượng Đức GIA-VÊ với sự kính-sợ,
Và hãy vui-mừng cùng với run-rẩy.

¹Đấng Chụ-xức-dầu = the Anointed = the Messiah = the Christ, tức là Đấng Christ

Book I
Psalms 1.1-41.13

PSALM 1

¹How blessed is the man who does not walk in the counsel of the wicked,
Nor stand in the path of sinners,
Nor sit in the seat of scoffers!
²But his delight is in the law of YHWH,
And in His law he meditates day and night.
³And he will be like a tree *firmly* planted by streams of water,
Which yields its fruit in its season,
And its leaf does not wither;
And in whatever he does, he prospers.

⁴The wicked are not so,
But they are like chaff which the wind drives away.
⁵Therefore the wicked will not stand in the judgment,
Nor sinners in the assembly of the righteous.
⁶For YHWH knows the way of the righteous,
But the way of the wicked will perish.

PSALM 2

¹Why are the nations in an uproar,
And the peoples devising a vain thing?
²The kings of the earth take their stand,
And the rulers take counsel together
Against YHWH and against His Anointed:
³"Let us tear their fetters apart,
And cast away their cords from us!"
⁴He who sits in the heavens laughs,
The Lord scoffs at them.
⁵Then He will speak to them in His anger
And terrify them in His fury:
⁶"But as for Me, I have installed My King
Upon Zion, My holy mountain."
⁷"I will surely tell of the decree of YHWH:
He said to Me, 'Thou art My Son,
Today I have begotten Thee.
⁸Ask of Me, and I will surely give the nations as Thine inheritance,
And the *very* ends of the earth as Thy possession.
⁹Thou shalt rule them with a rod of iron,
Thou shalt shatter them like potter's ware.' "

¹⁰Now therefore, O kings, show discernment;
Take warning, O judges of the earth.
¹¹Worship YHWH with reverence,
And rejoice with trembling.

Psalms 2.12-4.4

¹²Kiss the Son, lest He become angry, and you perish *in* the way,
For His wrath may soon be kindled.
How blessed are all who take refuge in Him!

PSALM 3

¹"O YHWH, how my adversaries have increased!
Many are rising up against me.
²Many are saying of my soul,
'There is no deliverance for him in God.' [Selah.]

³"But Thou, O YHWH, art a shield about me,
My glory, and the One who lifts my head."
⁴I was crying to YHWH with my voice,
And He answered me from His holy mountain. [Selah.]

⁵I lay down and slept;
I awoke, for YHWH sustains me.
⁶I will not be afraid of ten thousands of people
Who have set themselves against me round about.

⁷"Arise, O YHWH; save me, O my God!
For Thou hast smitten all my enemies on the jaw;
Thou hast shattered the teeth of the wicked."

⁸"Salvation belongs to YHWH;
Thy blessing *be* upon Thy people!" [Selah.]

PSALM 4

¹"Answer me when I call,
O God of my righteousness!
Thou hast relieved me in my distress;
Be gracious to me and hear my prayer."

²O sons of men, how long will my honor become a reproach?
How long will you love what is worthless and aim at deception? [Selah.]
³But know that YHWH has set apart the godly man for Himself;
YHWH hears when I call to Him.

⁴Tremble, and do not sin;
Meditate in your heart upon your bed and be still. [Selah]

Thánh-thi 2.12-4.4

¹²Hãy hôn *Đức* Con, e Ngài nổi giận, và các người diệt-vong *trong* đường-lối ấy,
Vì con thịnh-nộ của Ngài có thể sớm nhen lên.
Phước biết bao tất cả những kẻ ẩn-náu trong Ngài!

THÁNH-THI 3

Bài cầu-nguyện buổi sáng để trông-cậy Đức Chúa TRỜI
Người viết: Đa-vít khi người chạy trốn Áp-sa-lôm, con trai của người

¹"*Đức* GIA-VÊ ôi, các đối-thù của con vừa thêm nhiều biết bao!
Nhiều kẻ đang đẩy lên chống lại con.
²Nhiều kẻ đang nói về hồn con:
'Chẳng có một sự giải-cứu nào cho nó trong *Đức* Chúa TRỜI.' [Sê-la.⁽¹⁾]

³"Nhưng Chúa, *Đức* GIA-VÊ ôi, là cái khiên *che* chung-quanh con,
Là sự vinh-quang của con, và là Đấng nâng đầu con lên."
⁴Tôi đã đang kêu-gào cùng *Đức* GIA-VÊ với tiếng kêu của tôi,
Và Ngài đã đáp lời tôi từ núi thánh của Ngài. [Sê-la.]

⁵Tôi đã nằm xuống và đã ngủ;
Tôi đã thức-dậy, vì *Đức* GIA-VÊ duy-trì tôi.
⁶Tôi sẽ không sợ hàng chục ngàn người
Vừa quyết-tâm chống lại tôi khắp đó đây.

⁷"Xin chỗi dậy, *Đức* GIA-VÊ ôi; xin cứu con, *Đức* Chúa TRỜI của con ôi!
Vì Chúa đã đánh tất cả các kẻ thù con nơi quai hàm;
Chúa đã đập vỡ tan răng của kẻ độc-ác."

⁸"Sự cứu-rỗi thuộc về *Đức* GIA-VÊ;
Nguyện phước của Chúa ở trên dân của Chúa." [Sê-la.]

THÁNH-THI 4

Bài cầu-nguyện buổi chiều để tin-cậy Đức Chúa TRỜI
(Cho trường ban nhạc; dùng đàn dây)
Người viết: Đa-vít

¹"Xin đáp lời con khi con kêu-cầu,
Đức Chúa TRỜI của sự công-chính của con ôi!
Chúa đã làm con bớt khổ trong nỗi đau buồn của con;
Xin khoan-dung với con và xin nghe lời cầu-nguyện của con."

²Hỡi các con trai loài người, danh-dự ta sẽ đổi thành nhục-nhã *cho đến* chừng nào?
Các người sẽ thích điều không ra gì và nhằm vào sự dối-trá *cho đến bao lâu?* [Sê-la.]
³Nhưng hãy biết rằng *Đức* GIA-VÊ đã để riêng ra người tin-kính Ngài cho chính Ngài;
Đức GIA-VÊ nghe khi tôi kêu-cầu Ngài.

⁴Hãy run-sợ, và đừng phạm tội;
Hãy suy-ngâm trong tâm người trên giường người và im-lặng. [Sê-la.]

¹Sê-la, ở chỗ này dùng để ra chỉ-thị: ngừng lại, khi hát hoặc khi đọc

Thánh-thi 4.5-5.12

⁵Hãy dâng các hy-sinh công-chính,
Và hãy trồng-cây nơi ĐỨC GIA-VÊ.

⁶Nhiều người đang nói:
"Ai sẽ tỏ cho chúng ta điều tốt gì?"
"Xin nâng tia sáng của sắc mặt Chúa lên trên chúng con,
ĐỨC GIA-VÊ ôi!
⁷Chúa đã đặt sự vui-mừng vào trong tâm con,
Nhiều hơn khi lúa và rượu nho mới của chúng đầy đầy.
⁸Trong sự bình-an, con sẽ cả nằm xuống lẫn ngủ,
Vì chỉ một mình Chúa, ĐỨC GIA-VÊ ôi, khiến cho con ở
trong sự an-toàn."

THÁNH-THI 5

Bài cầu-nguyện xin bảo-vệ khỏi kẻ ác (Cho trường ban nhạc; dùng ống quyển)

Người viết: Đa-vít

¹"Xin để tai nghe những lời con, ĐỨC GIA-VÊ ôi,
Xin xem-xét sự rên-rỉ của con.
²Xin lưu ý đến tiếng con kêu xin giúp-đỡ, Vua của con và
là ĐỨC CHÚA TRỜI của con ôi,
Vì cùng Chúa con cầu-nguyện.
³Vào buổi sáng, ĐỨC GIA-VÊ ôi, Chúa sẽ nghe tiếng con;
Vào buổi sáng, con sẽ đặt lời cầu-nguyện của con nơi
Chúa và háo hức trông chừng.
⁴Vì Chúa không phải là một Thần thích-thú với sự độc-ác;
Không có kẻ xấu-xa nào tạm-lưu với Chúa.
⁵Kẻ kiêu-ngạo sẽ chẳng đứng được trước mắt Chúa;
Chúa ghét tất cả những kẻ làm điều độc-ác.
⁶Chúa diệt những kẻ nói lời dối-trá;
ĐỨC GIA-VÊ ghê-tởm người làm đổ máu và gian-dối.
⁷Nhưng về phần con, bởi sự ân-cần thương-yêu dư-dật của
Chúa, con sẽ vào đền Chúa,
Nơi đền-thờ thánh của Chúa, con sẽ cúi đầu cung-kính vì
Chúa.
⁸"ĐỨC GIA-VÊ ôi, xin dẫn-dắt con trong sự công-chính
của Chúa bởi có những kẻ thù con;
Xin làm đường của Chúa thẳng trước mặt con.
⁹"Chẳng có gì đáng tin-cậy trong điều chúng nói;
Phần nội tâm của chúng chính nó là sự hủy-diệt;
Họng chúng là cái mộ lộ thiên;
Chúng đua-nịnh bằng lưỡi của chúng.
¹⁰"Xin bắt chúng chịu tội, ĐỨC CHÚA TRỜI ôi;
Bởi các mưu-chước của chính chúng, xin để chúng ngã!
Theo vô số tội lỗi của chúng, xin ném chúng ra,
Vì chúng nổi-loạn chống lại Chúa.
¹¹Song xin cho mọi kẻ ân-nẫu trong Chúa được hân-hoan,
Xin để họ mãi mãi ca-hát vì vui-vẻ;
Và xin Chúa che-chở họ,
Để những kẻ yêu danh Chúa có thể hân-hoan trong Chúa.
¹²Vì chính Chúa ban phước cho người công-chính, ĐỨC
GIA-VÊ ôi,
Chúa bao-quanh người ấy bằng ân-huệ như bằng một cái
khiên."

Psalms 4.5-5.12

⁵Offer righteous sacrifices,
And trust in YHWH.

⁶Many are saying,
"Who will show us any good?"
"Lift up the light of Thy countenance upon us, O YHWH.
⁷Thou hast put gladness in my heart,
More than when their grain and new wine abound.
⁸In peace I will both lie down and sleep,
For Thou alone, O YHWH, dost make me to dwell in
safety."

PSALM 5

¹"Give ear to my words, O YHWH,
Consider my groaning.
²Heed the sound of my cry for help, my King and my
God,
For to Thee do I pray.
³In the morning, O YHWH, Thou wilt hear my voice;
In the morning I will order *my prayer* to Thee and *eagerly*
watch.
⁴For Thou art not a God who takes pleasure in
wickedness;
No evil sojourns with Thee.
⁵The boastful shall not stand before Thine eyes;
Thou dost hate all who do iniquity.
⁶Thou dost destroy those who speak falsehood;
YHWH abhors the man of bloodshed and deceit.
⁷But as for me, by Thine abundant lovingkindness I will
enter Thy house,
At Thy holy temple I will bow in reverence for Thee.
⁸"O YHWH, lead me in Thy righteousness because of my
foes;
Make Thy way straight before me.
⁹There is nothing reliable in what they say;
Their inward part is destruction *itself*;
Their throat is an open grave;
They flatter with their tongue.
¹⁰"Hold them guilty O God;
By their own devices let them fall!
In the multitude of their transgressions thrust them out,
For they are rebellious against Thee.
¹¹But let all who take refuge in Thee be glad,
Let them ever sing for joy;
And mayest Thou shelter them.
That those who love Thy name may exult in Thee.
¹²For it is Thou who dost bless the righteous man, O
YHWH,
Thou dost surround him with favor as with a shield."

PSALM 6

1^o O YHWH, do not rebuke me in Thine anger,
Nor chasten me in Thy wrath.
2^{Be} gracious to me, O YHWH, for I am pining away;
Heal me, O YHWH, for my bones are dismayed.
3^{And} my soul is greatly dismayed;
But Thou, O YHWH—how long?"

4^{"Return}, O YHWH, rescue my soul;
Save me because of Thy lovingkindness.
5^{For} there is no mention of Thee in death;
In Sheol who will give Thee thanks?"

6^I am weary with my sighing;
Every night I make my bed swim,
I dissolve my couch with my tears.
7^{My} eye has wasted away with grief;
It has become old because of all my adversaries.

8^{Depart} from me, all you who do iniquity,
For YHWH has heard the voice of my weeping.
9^{YHWH} has heard my supplication,
YHWH receives my prayer.
10^{All} my enemies shall be ashamed and greatly dismayed;
They shall turn back, they shall suddenly be ashamed.

PSALM 7

1^o O YHWH my God, in Thee I have taken refuge;
Save me from all those who pursue me, and deliver me,
2^{Lest} he tear my soul like a lion,
Dragging me away, while there is none to deliver.

3^o O YHWH my God, if I have done this,
If there is injustice in my hands,
4^{If} I have rewarded evil to him who was at peace with me,
Or have plundered him who without cause was my adversary,
5^{Let} the enemy pursue my soul and overtake *it*;
And let him trample my life down to the ground,
And lay my glory in the dust. [Selah.]

6^{"Arise}, O YHWH, in Thine anger;
Lift up Thyself against the rage of my adversaries.
And arouse Thyself for me; Thou hast appointed judgment.

THÁNH-THI 6

Bài cầu-nguyện xin sự khoan hồng trong cơn hoạn-nạn
(Cho trường ban nhạc; dùng bát-huyền cầm)

Người viết: Đa-vít

1^{"Đức} GIA-VÊ ôi, xin đừng quở-trách con trong cơn giận của Chúa,
Cũng đừng sửa-phạt con trong sự phẫn-nộ của Chúa.
2^{Xin} khoan-dung với con, *Đức* GIA-VÊ ôi, vì con đang gầy mòn;
Xin chữa lành con, *Đức* GIA-VÊ ôi, vì xương-cốt⁽¹⁾ con bị làm khiếp-đám.
3^{Và} hồn con chán-ngán quá đỗi;
Nhưng Chúa, *Đức* GIA-VÊ ôi—bao lâu?"

4^{Xin} trở lại, *Đức* GIA-VÊ ôi, xin giải-cứu hồn con;
Xin cứu con vì sự ân-cần thương-yêu của Chúa.
5^{Vì} chẳng *ai nhắc* đến Chúa trong sự chết;
Trong Âm-phủ ai sẽ tạ ơn Chúa?"

6^{Tôi} mệt lử với lời than-thở của tôi;
Mỗi đêm tôi làm giường tôi đắm ướt,
Tôi hòa-tan ghé trường-kỳ của tôi bằng nước mắt của tôi.
7^{Con} mắt tôi đã yếu mòn với nỗi sầu-khô;
Nó đã trở nên già yếu vì mọi đối-thù của tôi.

8^{Hãy} lia xa ta, tất cả các người những kẻ làm ác,
Vì *Đức* GIA-VÊ đã nghe tiếng khóc-lóc của ta.
9^{Đức} GIA-VÊ đã nghe lời cầu-thay của ta,
Đức GIA-VÊ nhậm lời cầu-nguyện của ta.
10^{Tất} cả những kẻ thù ta sẽ bị xấu-hổ và rất khiếp-đám;
Chúng sẽ thối lui, chúng sẽ thành-linh bị xấu-hổ.

THÁNH-THI 7

Đức GIA-VÊ được nài-xin để bình-vực trước giả Thánh Thi chống lại kẻ độc-ác (Cúc, một người Bên-gia-min)

Người viết: Đa-vít

1^{"GIA-VÊ} *Đức* Chúa TRỜI của con ôi, trong Chúa con vừa ân-náu;
Xin cứu con khỏi tất cả những kẻ truy đuổi con, và xin giải-thoát con,
2^E hấn xé hồn con như sư-tử,
Kéo lê con đi mất, trong khi không có một ai giải-thoát.

3^{"GIA-VÊ} *Đức* Chúa TRỜI của con ôi, nếu con vừa làm điều này,
Nếu có sự bất-công trong đôi bàn tay của con,
4^{Nếu} con vừa trả điều xấu-xa cho người ở hòa-thuận với con,
Hay vừa cướp-bóc kẻ vô cơ đã là đối-thù của con,
5^{Thì} xin cho kẻ thù ấy đuổi theo hồn con và bắt kịp;
Và xin để hấn giẫm-đạp sinh-mạng con xuống tận mặt đất,
Và để vinh-quang của con ở trong tro bụi. [Sê-la.]

6^{"Xin} chỗi dậy, *Đức* GIA-VÊ ôi, trong cơn giận của Chúa;
Xin Chúa nâng Chúa lên chống lại cơn giận dữ của những đối-thù con,
Xin Chúa khởi dậy vì con; Chúa đã định sự phán xét.

¹xương-cốt: cái phách, cái vĩa, hay linh con người

Thánh-thi 7.7-8.8

7Và để các dân-tộc nhóm lại bao-quanh Chúa;
Và từ trên cao xin Chúa trở lại trên họ."
8Đức GIA-VÊ phán-xét các dân-tộc;
"Xin minh-oan cho con, Đức GIA-VÊ ôi, theo sự công-
chính của con và sự chính-trực của con ở trong con."
9Ôi, xin để điều xấu của kẻ ác kết-thúc, nhưng vững-lập
kẻ công-chính;
Vì kẻ công-chính, Đức Chúa TRỜI thử những tâm và trí⁽¹⁾.
10Cái khiến của tôi ở với Đức Chúa TRỜI,
Đấng cứu người ngay-thẳng trong tâm.
11Đức Chúa TRỜI là một vị thẩm-phán công-chính,
Và là một Đức Chúa TRỜI có sự phẫn-nộ mỗi ngày.
12Nếu một kẻ không hối-cải, Ngài sẽ mài gươm Ngài;
Ngài đã giương cung Ngài và làm cho nó sẵn-sàng.
13Ngài cũng đã chuẩn-bị các vũ-khí chết người của Ngài;
Ngài làm các mũi tên Ngài thành các ống thông đổ lửa.
14Kìa, hấn lao động với sự độc-ác,
Hấn thai nghén trò quấy phá, và đem lại điều dối-trá.
15Hấn đã đào một cái hố và đã khoét nó rộng ra,
Và đã té vào trong cái lỗ hấn đã đào.
16Trò quấy phá của hấn sẽ quật lại trên đầu của hấn,
Và bạo-lực của hấn sẽ giáng xuống trên đầu của hấn.
17Tôi sẽ cảm-tạ Đức GIA-VÊ theo sự công-chính của
Ngài,
Và sẽ hát lời ca-tụng danh Đức GIA-VÊ Chí-Cao.

THÁNH-THI 8

*Vinh-hiến của Đức Chúa TRỜI và phẩm-giá của loài
người (Cho trường ban nhạc; dùng đàn 'Ghi-tít')*
Người viết: Đa-vít

1"Đức GIA-VÊ ôi, Chúa chúng con ôi,
Oai-nghi biết bao là danh Chúa trong tất cả trái đất,
Chúa đã phô-bày sự huy-hoàng của Chúa trên các tầng
trời!
2Từ miệng các trẻ con và những bé đang bú, Chúa đã
vững-lập sức mạnh,
Bởi có những đối-thù của Chúa,
Để bắt kẻ thù và kẻ báo-thù dừng lại.
3"Khi con xem-xét các tầng trời của Chúa, công trình của
các ngón tay của Chúa,
Mặt trăng và các ngôi sao, mà Chúa từng chỉ-định;
4Loài người là gì, mà Chúa phải nghĩ về nó?
Và con trai loài người là chi, mà Chúa phải săn-sóc nó?
5Tuy vậy Chúa đã dựng nên người kém hơn Đức Chúa
TRỜI một chút,
Và đội vương-miện cho nó với sự vinh-quang và oai-nghi!
6Chúa cho nó cai-trị trên các công trình của bàn tay Chúa;
Chúa đã đặt tất cả sự vật dưới hai bàn chân nó,
7Tất cả những chiến và bò,
Và các thú vật ngoài đồng cũng vậy,
8Chim chóc trong các tầng trời cùng cá dưới biển,
Bất cứ cái gì lội qua các lối đi của biển.

¹Nguyên ngữ: các trái tim và các trái thận, nghĩa bóng là phần
trong sâu-thẳm của loài người, người bề trong

Psalms 7.7-8.8

7And let the assembly of the peoples encompass Thee;
And over them return Thou on high."
8YAHWEH judges the peoples;
"Vindicate me, O YAHWEH, according to my
righteousness and my integrity that is in me."
9O let the evil of the wicked come to an end, but establish
the righteous;
For the righteous God tries the hearts and minds.
10My shield is with God,
Who saves the upright in heart.
11God is a righteous judge,
And a God who has indignation every day.
12If a man does not repent, He will sharpen His sword;
He has bent His bow and made it ready.
13He has also prepared His deadly weapons;
He makes His arrows fiery shafts.
14Behold, he travails with wickedness,
And he conceives mischief, and brings forth falsehood.
15He has dug a pit and hollowed it out,
And had fallen into the hole which he made.
16His mischief will return upon his own head,
And his violence will descend upon his own pate.
17I will give thanks to YHWH according to His
righteousness,
And will sing praise to the name of YHWH Most High.

PSALM 8

1"O YHWH, our Lord,
How majestic is Thy name in all the earth,
Who hast displayed Thy splendor above the heavens!
2From the mouth of infants and nursing babes Thou hast
established strength,
Because of Thine adversaries,
To make the enemy and the revengeful cease.
3"When I consider Thy heavens, the work of Thy fingers,
The moon and the stars, which Thou hast appointed;
4What is man, that Thou dost take thought of him?
And the son of man, that Thou dost care for him?
5Yet Thou hast made him a little lower than God,
And dost crown him with glory and majesty!
6Thou dost make him to rule over the works of Thy hands;
Thou hast put all things under his feet,
7All sheep and oxen,
And also the beasts of the field,
8The birds of the heavens and the fish of the sea,
Whatever passes through the paths of the seas.

Psalms 8.9-9.17

9"O YHWH, our Lord,
How majestic is Thy name in all the earth!

PSALM 9

1"I will give thanks to YHWH with all my heart;
I will tell of all Thy wonders.

2I will be glad and exult in Thee;
I will sing praise to Thy name, O Most High.

3"When my enemies turn back,
They stumble and perish before Thee.

4For Thou hast maintained my right and my cause;
Thou does sit on the throne judging righteously.

5Thou hast rebuked the nations;
Thou hast destroyed the wicked;
Thou hast blotted out their name forever and ever.

6The enemy has come to an end in perpetual ruins,
And Thou hast uprooted the cities;
The very memory of them has perished."

7But YHWH sits as King forever;

He has established His throne for judgment,

8And He will judge the world in righteousness;
He will execute judgment for the peoples with equity.

9YHWH also will be a stronghold for the oppressed,
A stronghold in times of trouble,

10"And those who know Thy name will put their trust in
Thee;
For Thou, O YHWH, hast not forsaken those who seek
Thee."

11Sing praises to YHWH, who dwells in Zion;
Declare among the peoples His deeds.

12For He who avenges bloodshed remembers them;
He does not forget the cry of the afflicted.

13Be gracious to me, O YHWH;
Behold my affliction from those who hate me,
Thou who dost lift me up from the gates of death;

14That I may tell of all Thy praises,
That in the gates of the daughter of Zion
I may rejoice in Thy salvation."

15The nations have sunk down in the pit which they have
made;

In the net which they hid, their own foot has been caught.

16YHWH has made Himself known;
He has executed judgment.

In the work of his own hands the wicked is snared.
[Higgaion Selah.]

17The wicked will depart to Sheol,
Even all the nations who forget God.

Thánh-thi 8.9-9.17

9"*Đức* GIA-VÊ ôi, Chúa chúng con ôi,
Oai-nghi biết bao là danh của Chúa trên tất cả trái đất!"

THÁNH-THI 9

Thánh-thi về sự cảm-tạ công-lý của Đức Chúa TRỜI
(Cho trường ban nhạc; về điệu Mút-la-bên⁽¹⁾)

Người viết: Đa-vít, có lẽ viết sau chiến-thắng dân Phi-li-tin.

1"Con sẽ tạ ơn *Đức* GIA-VÊ với tất cả tâm-lòng của con;
Con sẽ nói về tất cả những việc kỳ-diệu của Chúa.

2Con sẽ vui mừng và hớn-hở trong Chúa;
Con sẽ hát lời ca-tụng danh của Chúa, Đấng Chí Cao ôi.

3"Khi những kẻ thù con tháo lui,
Chúng vấp-ngã và diệt-vong trước mặt Chúa.

4Vì Chúa từng giữ gìn quyền của con và cố của con;
Chúa ngồi trên ngai phán-xét một cách công-chính.

5Chúa đã quở-trách các dân-tộc;
Chúa đã diệt những kẻ độc-ác;
Chúa đã xóa tên chúng mãi mãi và mãi mãi.

6Kẻ thù đã kết-thúc trong phé-tích mãi mãi,
Và Chúa đã trừ tiệt các thành-thị ấy;
Chính kỷ-niệm của chúng cũng đã tiêu mất."

7Nhưng *Đức* GIA-VÊ cứ ngồi làm Vua mãi mãi;
Ngài đã vững-lập ngai của Ngài cho sự phán-xét.

8Và Ngài sẽ phán-xét thế gian trong sự công chính;
Ngài sẽ ra phán-xét cho các dân-tộc trong sự vô-tư.

9*Đức* GIA-VÊ cũng sẽ là một đồn-lũy cho kẻ bị áp-bức,
Một thành-trì trong những lúc phiền-hà,

10"Những kẻ biết danh Chúa sẽ đặt lòng trông-cậy của họ
nơi Chúa;
Vì Chúa, *Đức* GIA-VÊ ôi, đã không bỏ rơi những kẻ tìm
kiếm Chúa."

11Hãy hát các lời ca-tụng *Đức* GIA-VÊ, Đấng ngự tại Si-
ôn;

Hãy tuyên-bố giữa các dân-tộc những việc làm của Ngài.

12Vì Ngài là Đấng trả thù máu bị đổ vẫn nhớ họ;
Ngài không quên tiếng khóc của kẻ bị làm sầu-não.

13Xin khoan-dung với con, *Đức* GIA-VÊ ôi;
Xin đoái xem nỗi khổ của con do những kẻ ghét con,
Chúa là Đấng nâng con lên khỏi những công của sự chết;

14Đề con có thể nói về tất cả những lời ca-tụng Chúa,
Rằng tại các công của con gái Si-ôn
Con có thể mừng-rỡ trong sự cứu-rỗi của Chúa."

15Các quốc-gia vừa chìm trong cái hố chúng mới đào;
Trong cái lưới chúng đã giấu, chính chân của chúng đã bị
mắc.

16*Đức* GIA-VÊ đã tỏ Ngài ra;

Ngài đã thi-hành sự phán xét.

Do việc làm của chính hai bàn tay hẩn kẻ độc-ác bị bẫy.
[Trầm-ngâm Sê-la.]

17Kẻ ác sẽ rời đi đến Âm-phủ,
Ngay cả mọi quốc-gia quên *Đức* Chúa TRỜI.

¹Mút-la-bên, Muth-labben, nghĩa là: "Cái Chết của Người Con Trai"

Thánh-thi 9.18-10.16

18 Vì người thiếu-thốn sẽ không luôn luôn bị bỏ quên,
Hy-vọng của người đau-khổ cũng chẳng lụi-tàn mãi mãi.
19 "Xin chỗi dậy, Đức GIA-VÊ ôi, xin chớ để loài người
thắng thế;
Xin để các quốc-gia bị phán xét trước mặt Chúa.
20 Xin đặt chúng trong sự kinh-sợ, Đức GIA-VÊ ôi;
Xin cho các quốc-gia biết họ chỉ là người." [Sê-la.]

THÁNH-THI 10

Bài cầu-nguyện xin đánh hạ kẻ độc-ác

*Người viết: Vô danh, nhưng có lẽ Đa-vít. Nhiều bản văn
cổ liên-hợp hai Thánh-thi 9 và 10 lại, trong khi Thánh-thi
9 do Đa-vít viết.*

1 "Cớ sao Chúa đứng đàng xa, Đức GIA-VÊ ôi?
Cớ sao Chúa ẩn mình trong những lúc phiền-hà?
2 Trong kiêu-căng kẻ độc-ác ráo riết truy đuổi kẻ khổ-đau;
Xin chúng bị kẹt trong các âm-mưu mà chúng vừa chế ra."
3 Vì kẻ độc-ác khoe-khoang về sự khát-khao của tâm hấn,
Và kẻ tham-lam rủa-sả và ghét bỏ Đức GIA-VÊ.
4 Kẻ độc-ác, trong vẻ mặt hồng hách của nó, không tìm
kiếm Ngài.
Mọi ý nghĩ của nó là: "Chẳng có Ông TRỜI nào cả."
5 "Các đường-lối nó luôn luôn phồn-vinh;
Các sự xét-xử của Chúa ở trên cao, ngoài tầm nhìn của nó;
Còn mọi kẻ địch của nó, nó khịt mũi vào chúng."
6 Nó nói thầm: "Ta sẽ chẳng bị mùi lòng;
Trái qua mọi thế-hệ, ta sẽ chẳng bị ở trong sự bất hạnh."
7 Miệng nó đầy các lời rủa-sả, giã-dối, và áp-bức;
Dưới lưỡi nó là trò quỷ phá và sự độc-ác.
8 Nó ngồi nơi những chỗ rình-rập trong các làng-xã;
Trong các chỗ ẩn-khuất, nó giết kẻ vô-tội;
Đôi mắt nó kín-đáo dòm chừng kẻ bất hạnh.
9 Nó rình-rập trong chỗ ẩn-khuất như một con sư-tử trong
hang nó;
Nó rình-rập để bắt người đau-khổ;
Nó bắt kẻ khổ-đau khi nó kéo người ấy vào trong lưới nó.
10 Nó thụ mình lại, nó cúi xuống,
Và kẻ bất hạnh sa vào móng vuốt của nó.
11 Nó nói thầm: "Ông TRỜI đã quên;
Ngài đã giấu mặt Ngài; Ngài sẽ không bao giờ thấy nó."
12 "Xin chỗi-dậy, Đức GIA-VÊ ôi; Đức Chúa TRỜI ôi, xin
nâng tay Chúa lên.
Xin đừng quên những kẻ khổ-đau."
13 Tại sao kẻ độc-ác ghét bỏ Đức Chúa TRỜI?
Nó đã nói thầm: "Chúa sẽ không hạch-hỏi đâu."
14 "Chúa đã thấy, vì Chúa đã quan sát trò quỷ phá và
chuyện bực bội để đặt nó trong bàn tay của Chúa.
Kẻ bất hạnh phó-thác mình cho Chúa;
Chúa là Đấng giúp-đỡ kẻ mò-côi từ trước đến giờ.
15 Xin bẻ cánh tay kẻ ác và kẻ làm điều xấu-xa,
Xin tra-tìm sự độc-ác của nó cho đến khi Chúa không còn
tìm ra gì nữa."
16 Đức GIA-VÊ là Vua đời đời;
Các quốc-gia vừa diệt-vong khỏi đất Ngài.

Psalms 9.18-10.16

18 For the needy will not always be forgotten,
Nor the hope of the afflicted perish forever.
19 "Arise, O YHWH, do not let man prevail;
Let the nations be judged before Thee.
20 Put them in fear, O YHWH;
Let the nations know that they are but men." [Selah.]

PSALM 10

1 "Why dost Thou stand afar off, O YHWH?
Why dost Thou hide Thyself in times of trouble?
2 In pride the wicked hotly pursue the afflicted;
Let them be caught in the plots which they have devised."
3 For the wicked boasts of his heart's desire,
And the greedy man curses and spurns YHWH.
4 The wicked, in the haughtiness of his countenance, does
not seek Him.
All his thoughts are, "There is no God."
5 "His ways prosper at all times;
Thy judgments are on high, out of his sight;
As for all his adversaries, he snorts at them."
6 He says to himself, "I shall not be moved;
Throughout all generations I shall not be in adversity."
7 His mouth is full of curses and deceit and oppression;
Under his tongue is mischief and wickedness.
8 He sits in the lurking places of the villages;
In the hiding places he kills the innocent;
His eyes stealthily watch for the unfortunate.
9 He lurks in a hiding place as a lion in his lair;
He lurks to catch the afflicted;
He catches the afflicted when he draws him into his net.
10 He crouches, he bows down,
And the unfortunate fall into his claws.
11 He says to himself, "God has forgotten;
He has hidden His face; He will never see it."
12 "Arise, O YHWH; O God, lift up Thy hand.
Do not forget the afflicted."
13 Why has the wicked spurned God?
He has said to himself, "Thou wilt not require it."
14 "Thou hast seen it, for Thou hast beheld mischief and
vexation to put it into Thy hand.
The unfortunate commits himself to Thee;
Thou hast been the helper of the orphan.
15 Break the arm of the wicked and the evildoer,
Seek out his wickedness until Thou dost find none."

16 YHWH is King forever and ever;
Nations have perished from His land.

Psalms 10.17-12.7

¹⁷"O YHWH, Thou hast heard the desire of the humble;
Thou wilt strengthen their heart, Thou wilt incline Thine ear

¹⁸To vindicate the orphan and the oppressed,
That man who is of the earth may cause terror no more."

PSALM 11

¹In YHWH, I take refuge;
How can you say to my soul, "Flee as a bird to your mountain;

²For, behold, the wicked bend the bow,
They make ready their arrow upon the string,
To shoot in darkness at the upright in heart.

³If the foundations are destroyed,
What can the righteous do?"

⁴YHWH is in His holy temple; YHWH's throne is in heaven;

His eyes behold, His eyelids test the sons of men.

⁵YHWH tests the righteous and the wicked,
And the one who loves violence His soul hates.

⁶Upon the wicked He will rain snares;
Fire and brimstone and burning wind will be the portion of their cup.

⁷For YHWH is righteous, He loves righteousness;
The upright will behold His face.

PSALM 12

¹"Help, YHWH, for the godly man ceases to be,
For the faithful disappear from among the sons of men.

²They speak emptiness to one another;
With flattering lips and with a double heart they speak.

³May YHWH cut off all flattering lips,
The tongue that speaks great things;

⁴Who have said, "With our tongue we will prevail;
Our lips are with us; who is lord over us?"

⁵"Because of the devastation of the afflicted, because of the groaning of the needy,
Now I will arise," says YHWH; "I will set him in the safety for which he longs."

⁶The words of YHWH are pure words;
As silver tried in a furnace on the earth, refined seven times.

⁷Thou, O YHWH, wilt keep them;
Thou wilt preserve him from this generation forever.

Thánh-thi 10.17-12.7

¹⁷"Đức GIA-VÊ ôi, Chúa đã nghe sự khát khao của kẻ khiêm-tôn đó;
Chúa sẽ tăng sức cho tâm của họ, Chúa sẽ nghiêng tai của Chúa

¹⁸Để binh-vực⁽¹⁾ kẻ mô-côi và người bị áp-bức,
Để người của trái đất không còn gây ra sự khủng-bố nữa.

THÁNH-THI 11

Đức GIA-VÊ là nơi ẩn-náu (Cho trường ban nhạc)

Người viết: Đa-vít

¹Trong Đức GIA-VÊ, ta ẩn-náu;
Thế nào các người có thể nói với hồn ta: "Hãy bay trốn đi như một con chim lên núi của người;

²Vì, kia, các kẻ độc-ác giương cung,
Chúng chuẩn bị mũi tên của chúng trên dây cung,
Để bắn trong tối-tăm vào người ngay thẳng trong tâm.

³Nếu các nền-tảng bị hủy-diệt,
Thì người công-chính có thể làm gì?"

⁴Đức GIA-VÊ ở trong đền thánh của Ngài; ngài của Đức GIA-VÊ ở trong trời;

Các mắt của Ngài nhìn xem, các mí mắt của Ngài thử những con trai của loài người.

⁵Đức GIA-VÊ thử người công-chính và kẻ độc-ác,
Và kẻ ưa-thích bạo lực, hồn Ngài ghét.

⁶Trên kẻ độc-ác, Ngài sẽ mưa xuống các bẫy;
Lửa và diêm và gió thiêu-đốt sẽ là phần của chén chúng.

⁷Vì Đức GIA-VÊ là công-chính; Ngài yêu sự công-chính;
Người ngay thẳng sẽ nhìn mặt Ngài.

THÁNH-THI 12

Đức Chúa TRỜI, Đấng giúp-đỡ chống lại người giả-dối

(Cho trường ban nhạc; dùng bát huyền cầm)

Người viết: Đa-vít

¹"Xin giúp, Đức GIA-VÊ ôi, vì kẻ tin-kính thôi hiện diện,
Vì các kẻ trung-tín biến mất khỏi giữa những con trai loài người.

²Chúng nói sự trống rỗng cho nhau nghe;
Với các môi dua-nịnh và hai lòng chúng nói.

³Nguyên xin Đức GIA-VÊ kết-liều mọi môi dua-nịnh,
Cái lưỡi nói những việc vĩ-đại;

⁴Những kẻ vừa nói: "Với cái lưỡi của mình, chúng ta sẽ thẳng thắn;

Môi của chúng ta ở với chúng ta; ai là chúa trên chúng ta?"

"

⁵"Bởi vì sự tan hoang của kẻ khổ-đau, bởi vì sự rên-ri của kẻ nghèo-túng,

Nay Ta sẽ chối dậy," Đức GIA-VÊ phán: "Ta sẽ đặt nó trong sự an-toàn mà nó khao-khát."

⁶Các lời của Đức GIA-VÊ là các lời thuần bạch;
Như bạc được thử trong lò trên trái đất, được luyện bảy lần.

⁷Chúa, Đức GIA-VÊ ôi, sẽ giữ-gìn họ;
Chúa sẽ bảo-tồn hần khỏi thế-hệ này mãi mãi.

¹nguyên ngữ: xét-xử

Thánh-thi 12.8-15.1

⁸Kẻ ác đi vênh-váo đó đây mọi phía,
Khi sự đòi-bại được tán-dương giữa các con trai loài người.

THÁNH-THI 13

Lời cầu-nguyện xin giúp-đỡ trong rắc-rối (Cho trường ban nhạc)

Người viết: Đa-vít

¹"Bao lâu, Đức GIA-VÊ ôi? Chúa sẽ quên con mãi mãi sao?

Trong bao lâu Chúa sẽ ẩn mặt Chúa khỏi con?

²Trong bao lâu con sẽ bàn-bạc trong hồn con;

Buồn khổ trong lòng con suốt cả ngày?

Trong bao lâu kẻ thù con sẽ được đề-cao hơn con?

³"Xin xem-xét và trả lời con, Đức GIA-VÊ ôi, Đức Chúa TRỜI của con;

Xin làm sáng tỏ đôi mắt con, e rằng con ngủ vào cái chết,

⁴E rằng kẻ thù con nói: 'Ta vừa thắng nó,'

E rằng các đối-thù con mừng-rỡ khi con bị run-rẩy.

⁵"Nhưng con vừa trông-cậy nơi sự ân-cần thương-yêu của Chúa;

Tâm con sẽ mừng-rỡ trong sự cứu-rỗi của Chúa."

⁶Tôi sẽ ca hát cho Đức GIA-VÊ nghe,

Bởi vì Ngài vừa đối-xử rộng-rãi với tôi.

THÁNH-THI 14

Sự điên-rồ và độc-ác của loài người (Cho trường ban nhạc)

Người viết: Đa-vít

¹Kẻ ngu-dại đã nói trong tâm hần: "Chẳng có Ông TRỜI nào cả."

Chúng đòi-bại, chúng vừa cam kết làm các việc ghê-tởm;

Chẳng có một kẻ nào làm điều lành.

²Đức GIA-VÊ vừa nhìn xuống những con trai loài người từ trời,

Để xem có kẻ nào hiểu-biết chẳng,

Kẻ tìm kiếm Đức Chúa TRỜI chẳng.

³Hết thấy chúng vừa quay qua một bên; cùng nhau chúng vừa trở thành đòi-bại;

Chẳng có một kẻ làm lành, không có lấy một.

⁴Há mọi nhân công của sự độc-ác chẳng biết:

Là những kẻ ăn nuốt dân ta như ăn bánh,

Và chẳng cầu-khẩn Chúa hay sao?

⁵Ở đó chúng ở trong sự kinh-sợ lớn,

Vì Đức Chúa TRỜI ở với thế-hệ công-chính.

⁶Các người muốn hạ nhục sự bàn-bạc của người khô-đau, Nhưng Đức GIA-VÊ là nơi ẩn-náu của người.

⁷Ôi! Chớ gì sự cứu-rỗi của Y-sơ-ra-ên đi ra từ Si-ôn!

Khi Đức GIA-VÊ hồi-phục dân bị lưu-đày của Ngài,

Thì Gia-cốp sẽ mừng-rỡ, Y-sơ-ra-ên sẽ vui-vẻ.

THÁNH-THI 15

Diễn-tả một công-dân của Si-ôn

Người viết: Đa-vít

¹"Đức GIA-VÊ ôi, ai có thể tạm lưu trong lều của Chúa?

Ai có thể cư-ngụ trên đồi thánh của Chúa?

Psalms 12.8-15.1

⁸The wicked strut about on every side,
When vileness is exalted among the sons of men.

PSALM 13

¹"How long, O YHWH? Wilt Thou forget me forever?
How long wilt Thou hide Thy face from me?

²How long shall I take counsel in my soul,
Having sorrow in my heart all the day?
How long will my enemy be exalted over me?

³"Consider and answer me, O YHWH, my God;
Enlighten my eyes, lest I sleep the *sleep* of death,
⁴Lest my enemy say, 'I have overcome him,'
Lest my adversaries rejoice when I am shaken.

⁵"But I have trusted in Thy lovingkindness;
My heart shall rejoice in Thy salvation."

⁶I will sing to YHWH,
Because He has dealt bountifully with me.

PSALM 14

¹The fool has said in his heart, "There is no God."
They are corrupt, they have committed abominable deeds;
There is no one who does good.

²YHWH has looked down from heaven upon the sons of men,
To see if there are any who understand,
Who seek after God.

³They have all turned aside; together they have become corrupt;
There is no one who does good, not even one.

⁴Do all the workers of wickedness not know,
Who eat up my people *as they eat bread,*
And do not call upon the Lord?

⁵There they are in great dread,
For God is with the righteous generation.

⁶You would put to shame the counsel of the afflicted,
But YHWH is his refuge.

⁷Oh, that the salvation of Israel would be out of Zion!
When YHWH restores His captive people,
Jacob will rejoice, Israel will be glad.

PSALM 15

¹"O YHWH, who may sojourn in Thy tent?
Who may dwell on Thy holy hill?

Psalms 15.2-17.1

²He who walks with integrity, and works righteousness,
And speaks truth in his heart.
³He does not slander with his tongue,
Nor does evil to his neighbor,
Nor takes up a reproach against his friend;
⁴In his eyes a reprobate is despised,
But he honors those who fear YHWH;
He swears to his own hurt, and does not change;
⁵He does not put out his money at interest,
Nor does he take a bribe against the innocent.
He who does these things will never be shaken.

PSALM 16

¹"Preserve me, O God, for I take refuge in Thee."
²O my soul, you said to YHWH, "Thou art my Lord;
I have no good besides Thee."
³As for the holy ones who are in the earth,
They are the majestic ones in whom is all my delight.
⁴The sorrows of those who have bartered for another *god*
will be multiplied;
I shall not pour out their libations of blood,
Nor shall I take their names upon my lips

⁵YHWH is the portion of my inheritance and my cup;
Thou dost support my lot.
⁶The lines have fallen to me in pleasant places;
Indeed, my heritage is beautiful to me."
⁷I will bless YHWH who has counseled me;
Indeed, my kidneys instructs me in the night.
⁸I have set YHWH continually before me;
Because He is at my right hand, I will not be shaken.
⁹Therefore my heart is glad, and my glory rejoices;
My flesh also will dwell securely.
¹⁰"For Thou wilt not abandon my soul to Sheol;
Neither wilt Thou give Thy Holy One to see corruption.
¹¹Thou wilt make known to me the path of life;
In Thy presence is fulness of joy;
In Thy right hand there are pleasures forever."

PSALM 17

¹"Hear a just cause, O YHWH, give heed to my cry;
Give ear to my prayer, which is not from deceitful lips.

Thánh-thi 15.2-17.1

²Là người bước đi với sự chính-trực, làm điều công-chính,
Và nói sự thật trong tâm của hần.
³Là người không vu-không với lưỡi của hần,
Cũng không làm điều ác cho người láng-giềng của hần,
Cũng không đem lời quở-trách chống lại bạn của hần;
⁴Trong đôi mắt của hần, kẻ phóng đảng truy-lạc bị khinh-
miệt,
Nhưng hần kính trọng những kẻ kính-sợ Đức GIA-VÊ;
Hần thề-nguyện đến cả hần tôn-hại, và không thay-đổi;
⁵Hần không bỏ tiền của hần ra để lấy lời,
Hần cũng chẳng ăn hối-lộ hại kẻ vô-tội.
Người làm các điều này sẽ không bao giờ bị lay động.

THÁNH-THI 16

Đức GIA-VÊ là phần phước của trước-giã trong cuộc sống và là Đấng Giải-cứu trong sự chết (Thánh-thi về sự cứu-chuộc)

Người viết: Đa-vít

¹"Xin duy trì con, Đức Chúa TRỜI ôi, vì con ân-náu trong Chúa."
²Hỡi hồn ta, người đã nói cùng Đức GIA-VÊ: "Chúa là Chúa của con;
Con không có một điều thiện nào ngoại trừ Chúa."
³Về phần các người thánh ở trong trái đất,
Họ là các kẻ oai-nghi, nơi họ là tất cả sự thích-thú của ta.
⁴Các sự buồn-rầu của những kẻ dối-chác với thần khác sẽ bị gia-tăng;
Ta sẽ không đổ các rượu lễ có máu của chúng ra,
Ta cũng sẽ chẳng để tên chúng trên đôi môi ta.

⁵"Đức GIA-VÊ là phần thừa-kế của con và chén của con;
Chúa chắc-chắn ủng-hộ phần của con.
⁶Các đường ranh-giới đã rơi xuống cho con trong các nơi êm đềm;
Quả thật, của thừa-kế của con thật là đẹp-đẽ cho con."
⁷Ta sẽ chúc-tụng Đức GIA-VÊ, Đấng đã khuyên-bảo ta;
Quả thật, người bề-trong⁽¹⁾ của ta chỉ dạy ta vào ban đêm.
⁸Ta đã liên-tục đề Đức GIA-VÊ trước mặt ta;
Bởi vì Ngài ở bên tay hữu ta, ta sẽ không bị lay động.
⁹Vì vậy tâm ta vui-vẻ, và sự vinh-quang của ta mừng-rỡ;
Xác-thịt ta cũng sẽ ở một cách an ninh.
¹⁰"Vì Chúa sẽ không bỏ rơi hồn tôi cho Âm-phủ;
Cũng chẳng cho Đấng Thánh của Chúa thấy sự thối-rữa.
¹¹Chúa sẽ cho tôi biết đường có sự sống;
Trong sự hiện-diện của Chúa có sự đầy-đủ niềm vui;
Ở bên tay hữu của Chúa có các sự khoan khoái mãi mãi."

THÁNH-THI 17

Cầu-nguyện Chúa giữ-gìn chống những kẻ áp-bức
Người viết: Đa-vít, viết lời cầu-nguyện này trong khi đang bị Sau-lơ ngược-đãi khùng-bố

¹"Xin nghe một nguyên-cớ chính đáng, Đức GIA-VÊ ôi,
xin lưu ý đến tiếng khóc của con;
Xin để tai nghe lời cầu-nguyện của con, lời không từ đôi môi giả-đối.

¹nguyên ngữ: các trái cật của con, có nghĩa bóng là người bề-trong của con (my inner man)

Thánh-thi 17.2-18.1

²Xin cho sự phán-xét của con đi ra từ sự hiện-diện của Chúa;
Xin để mắt Chúa nhìn với sự vô-tư.
³Chúa vừa thử tâm con;
Chúa vừa thăm-viếng con vào ban đêm;
Chúa vừa thử con và không tìm thấy gì cả;
Con có ý-định rằng miệng con sẽ không phạm tội.
⁴Còn công việc của loài người, bởi lời các môi Chúa
Con đã tránh khỏi các đường-lối của kẻ hung-bạo.
⁵Các bước đi của con đã giữ vững theo các lối của Chúa.
Hai chân con đã không trượt.

⁶"Con kêu-cầu Chúa, vì Chúa sẽ trả lời con, Đức Chúa TRỜI ôi;
Xin nghiêng tai Chúa về con, xin nghe lời nói của con.
⁷Một cách kỳ diệu xin tỏ lòng yêu-thương ân-cần của Chúa,
Ôi Đấng Cứu-rỗi của những kẻ ân-náu nơi tay hữu của Chúa
Tránh các kẻ chỗi dậy chống lại họ.
⁸Xin giữ con như con người của con mắt,
Xin giấu con trong bóng những cánh của Chúa,
⁹Tránh những kẻ ác cường-đoạt con,
Các kẻ thù trí mạng của con, vây quanh con.
¹⁰Chúng đã khép kín trái tim mập⁽¹⁾ của chúng;
Với miệng của chúng, chúng nói một cách kiêu-căng.
¹¹Nay chúng đã bao-vây chúng con trong các bước của chúng con;
Chúng đặt mắt chúng nhìn để quăng chúng con xuống đất.
¹²Nó như con sư-tử hăm-hở để xé,
Và như con sư-tử tơ rình trong các nơi ẩn-núp.

¹³"Xin chỗi dậy, Đức GIA-VÊ ôi, xin đương đầu với nó, đem nó thấp xuống;
Xin giải-thoát hồn con khỏi kẻ độc-ác với gươm của Chúa,
¹⁴Khỏi loài người với tay của Chúa, Đức GIA-VÊ ôi,
Khỏi người thế-gian mà phần của họ là ở trong đời này;
Và bụng họ Chúa cho đầy vật báu của Chúa;
Họ thỏa-mãn với những đứa con,
Và để sự giàu có của họ lại cho những đứa con nít của họ.
¹⁵Về phần con, con sẽ ngắm-nhìn mặt Chúa trong sự công-chính;
Con sẽ được thỏa-nguyện với việc ngắm-nhìn này khi con thức dậy."

THÁNH-THI 18

Tác-giả ca-tụng Đức GIA-VÊ ban cho sự giải-cứu (Cho trường ban nhạc. Đa-vít kẻ tội-tử của Đức GIA-VÊ đọc cho Đức GIA-VÊ nghe các lời bài này trong ngày Đức GIA-VÊ giải-cứu mình khỏi tay tất cả các kẻ thù mình và khỏi tay Sau-lơ.)

Người viết: Đa-vít

¹"Con yêu Chúa, ôi Đức GIA-VÊ, sức mạnh của con."

¹nghĩa là: trái tim không cảm giác

Psalms 17.2-18.1

²Let my judgment come forth from Thy presence;
Let Thine eyes look with equity.
³Thou hast tried my heart;
Thou hast visited me by night;
Thou hast tested me and dost find nothing;
I have purposed that my mouth will not transgress.
⁴As for the deeds of men, by the word of Thy lips
I have kept from the paths of the violent.
⁵My steps have held fast to Thy paths.
My feet have not slipped.

⁶"I have called upon Thee, for Thou wilt answer me, O God;
Incline Thine ear to me, hear my speech.
⁷Wondrously show Thy lovingkindness,
O Savior of those who take refuge at Thy right hand
From those who rise up against them.
⁸Keep me as the apple of the eye,
Hide me in the shadow of Thy wings,
⁹From the wicked who despoil me,
My deadly enemies, who surround me.
¹⁰They have closed their fat heart;
With their mouth they speak proudly.
¹¹They have now surrounded us in our steps;
They set their eyes to cast us down to the ground.
¹²He is like a lion that is eager to tear,
And as a young lion lurking in hiding places.

¹³"Arise, O YHWH, confront him, bring him low;
Deliver my soul from the wicked with Thy sword,
¹⁴From men with Thy hand, O YHWH,
From men of the world, whose portion is in *this* life;
And whose befall Thou dost fill with Thy treasure;
They are satisfied with children,
And leave their abundance to their babes.
¹⁵As for me, I shall behold Thy face in righteousness;
I will be satisfied with beholding when I awake."

PSALM 18

¹"I love Thee, O YHWH, my strength."

Psalms 18.2-18.20

²YHWH is my rock and my fortress and my deliverer,
My God, my rock, in whom I take refuge;
My shield and the horn of my salvation, my stronghold.
³I call upon YHWH, who is worthy to be praised,
And I am saved from my enemies.

⁴The cords of death encompassed me,
And the torrents of ungodliness terrified me.

⁵The cords of Sheol surrounded me;
The snares of death confronted me.

⁶In my distress I called upon YHWH,
And cried to my God for help;
He heard my voice out of His temple,
And my cry for help before Him came into His ears.

⁷Then the earth shook and quaked;
And the foundations of the mountains were trembling
And were shaken, because He was angry.

⁸Smoke bent up out of His nostrils,
And fire from His mouth devoured;
Coals were kindled by it.

⁹He bowed the heavens also, and came down
With thick darkness under His feet.

¹⁰And He rode upon a cherub and flew;
And He sped upon the wings of the wind.

¹¹He made darkness His hiding place, His canopy around
Him,
Darkness of waters, thick clouds of the skies.

¹²From the brightness before Him passed His thick louds,
Hailstones and coals of fire.

¹³YHWH also thundered in the heavens,
And the Most High uttered His voice,
Hailstones and coals of fire.

¹⁴And He sent out His arrows, and scattered them,
And lightning flashes in abundance, and routed them.

¹⁵"Then the channels of water appeared,
And the foundations of the world were laid bare
At Thy rebuke, O YHWH,
At the blast of the breath of Thy nostrils."

¹⁶He sent from on high, He took me;
He drew me out of many waters.

¹⁷He delivered me from my strong enemy,
And from those who hated me, for they were too mighty
for me.

¹⁸They confronted me in the day of my calamity,
But YHWH was my stay.

¹⁹He brought me forth also into a broad place;
He rescued me, because He delighted in me.

²⁰YHWH has rewarded me according to my
righteousness;
According to the cleanness of my hands He has
recompensed me

Thánh-thi 18.2-18.20

²*Đức* GIA-VÊ là vàng đá của tôi và đòn-lũy của tôi, và là
Đấng Giải-cứu của tôi,
Đức Chúa TRỜI của tôi, vàng đá của tôi, trong Ngài tôi
ân-nậu;
Cái thuẫn của tôi và cái sừng của sự cứu-rỗi của tôi, thành-
tri của tôi.

³Tôi kêu-cầu *Đức* GIA-VÊ, Đấng đáng được ca-tụng,
Và tôi được cứu khỏi các kẻ thù tôi.

⁴Các dây của sự chết đã bao quanh tôi,
Và nước xoáy của sự không tin-kính đã làm tôi kinh-sợ.

⁵Các dây của Âm-phủ đã vây quanh tôi;
Các bẫy của sự chết đã đương-đầu tôi.

⁶Trong cảnh khốn-cùng của tôi, tôi đã kêu-cầu *Đức* GIA-
VÊ,
Và đã khóc cùng *Đức* Chúa TRỜI của tôi xin giúp-đỡ
Ngài đã nghe tiếng tôi từ đền của Ngài,
Tiếng khóc xin giúp-đỡ của tôi trước mặt Ngài đã vào
trong tai Ngài.

⁷Lúc ấy trái đất đã lung-lay và rung-chuyển;
Và các nền của những núi đã đang run-rẩy
Và bị lung-lay, bởi vì Ngài đã giận.

⁸Khói đã cuộn lên ra khỏi các lỗ mũi Ngài,
Và lửa từ miệng Ngài đã thiêu-nuốt;
Than đã được đốt cháy bởi nó.

⁹Ngài cũng đã uốn cong các tầng trời, và đã xuống
Với sự tối tăm dày đặc dưới các bàn chân của Ngài.

¹⁰Và Ngài đã cỡi chê-rúp và bay;
Ngài đã lướt lẹ trên các cánh gió.

¹¹Ngài đã dùng sự tối-tăm làm chỗ ẩn của Ngài, trước
của Ngài quanh Ngài,

Sự tối-tăm của nước, các mây dày-đặc của các bầu trời.

¹²Từ sự sáng chói trước mặt Ngài, đã đi qua các mây dày-
đặc của Ngài,
Các mưa đá và những than lửa.

¹³*Đức* GIA-VÊ cũng làm tiếng sấm trong các tầng trời,
Và Đấng Chí Cao đã thốt ra tiếng Ngài,

Các mưa đá và các than lửa.

¹⁴Và Ngài đã bắn ra các mũi tên của Ngài, và đã làm tan-
lạc chúng,

Và sét chớp nhấp nhóang, và đã đánh chúng tan-tác.

¹⁵"Lúc đó các rãnh nước đã hiện ra,
Và các nền vũ-trụ đã bị để lộ trần ra
Do sự quở-trách của Chúa, *Đức* GIA-VÊ ôi,
Do lượng hơi thở của các lỗ mũi của Chúa."

¹⁶Ngài đã sai đi từ nơi cao, Ngài đã nắm lấy tôi;
Ngài đã kéo tôi ra khỏi nước lũ.

¹⁷Ngài đã giải-cứu tôi khỏi kẻ thù mạnh-mẽ của tôi,
Và những kẻ đã ghét tôi, vì chúng đã quá mạnh đối với tôi.

¹⁸Chúng đã đương đầu tôi trong cái ngày tai-họa của tôi,
Nhưng *Đức* GIA-VÊ đã là nơi lưu trú của tôi.

¹⁹Ngài cũng đã đem tôi ra vào trong chỗ rộng-rãi;
Ngài đã cứu tôi, bởi vì Ngài thích-thú nơi tôi.

²⁰*Đức* GIA-VÊ đã thưởng tôi theo sự công-chính của tôi;
Theo sự sạch-sẽ của các bàn tay tôi, Ngài đã khen-thưởng
tôi

Thánh-thi 18.21-18.43

21 Vì tôi đã giữ các đường-lối của Đức GIA-VÊ,
Và đã chẳng rời bỏ Đức Chúa TRỜI của tôi một cách độc-ác.

22 Vì tất cả các mạng-lệnh của Ngài đã ở trước mặt tôi,
Và tôi đã chẳng bỏ các giới-luật của Ngài khỏi tôi.

23 Tôi cũng đã trọn- vẹn với Ngài,
Và tôi đã giữ mình tránh khỏi sự độc-ác của tôi.

24 Vì vậy, Đức GIA-VÊ khen-thưởng tôi theo sự công-
chính của tôi,
Theo sự sạch-sẽ của đôi bàn tay tôi trong mắt Ngài.

25 "Với kẻ tử-tế, Chúa tỏ mình tử-tế;

Với kẻ trọn- vẹn, Chúa tỏ mình trọn- vẹn;

26 Với kẻ thuần- bạch, Chúa tỏ mình thuần- bạch;
Và với kẻ xiên xẹo, Chúa tỏ mình sắc-sảo.

27 Vì Chúa cứu dân khôn-khổ;
Nhưng các mắt kiêu-căng, Chúa hạ phẩm-giá.

28 Vì Chúa thấp ngọn đèn của con;
GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI con soi-sáng sự tăm-tối của con.

29 Vì bởi Chúa, con có thể đè bẹp một toán quân;
Và bởi Đức Chúa TRỜI con, con có thể nhảy qua tường."

30 Còn Đức Chúa TRỜI, đường-lối Ngài là trọn vẹn;

Lời của Đức GIA-VÊ được thử rồi;
Ngài là cái khiên cho tất cả những kẻ ẩn-náu trong Ngài.

31 Vì ai là Đức Chúa TRỜI, ngoài Đức GIA-VÊ?
Và ai là tảng đá, ngoại trừ Đức Chúa TRỜI của chúng ta,

32 Chính Đức Chúa TRỜI nài nịt tôi với sức mạnh,
Và làm đường-lối tôi trọn vẹn?

33 Ngài khiến các chân tôi như *chân* những con nai cái đỏ,
Và để tôi trên những chỗ cao của tôi.

34 Ngài luyện-tập các bàn tay tôi cho chiến-trận,
Để các cánh tay tôi có thể giương nổi cây cung bằng đồng.

35 "Chúa cũng đã ban cho con cái khiên cứu-rỗi của Chúa,
Tay hữu của Chúa nâng- đỡ con;

Sự hòa-nhã của Chúa làm con lớn.
36 Chúa mở lớn các bước đi của con dưới con,

Và các bàn chân con đã chẳng trượt.
37 Con đã đuổi theo các kẻ thù con và bắt kịp chúng,

Và con đã chẳng quay lại cho đến khi chúng đã bị tiêu-
diệt.

38 Con đã đập tan chúng, để chúng không thể chỗi dậy;
Chúng đã ngã dưới các bàn chân con.

39 Vì Chúa đã nài nịt con với sức mạnh cho trận-chiến;
Chúa đã khiến các kẻ chỗi dậy chống lại con cúi xuống
dưới con.

40 Chúa cũng đã khiến kẻ thù con quay lưng chúng *trón*
con,

Và con đã hủy-diệt các kẻ ghét con."

41 Chúng kêu la xin giúp- đỡ, nhưng đã chẳng có ai để cứu,
Ngay cả xin Đức GIA-VÊ, nhưng Ngài đã chẳng trả lời
chúng.

42 Lúc đó tôi đập chúng nát như bụi trước gió;
Tôi ném chúng ra hết như bùn các đường-phố.

43 "Chúa đã giải-cứ con khỏi các sự tranh cạnh của dân-
chúng;

Chúa đã đặt con làm đầu các quốc-gia;
Một dân mà con đã không biết lại phục-vụ con.

Psalms 18.21-18.43

21 For I have kept the ways of YHWH,
And have not wickedly departed from my God.

22 For all His ordinances were before me.

And I did not put away His statutes from me.

23 I was also complete with Him,

And I kept myself from my iniquity.

24 Therefore YHWH has recompensed me according to my
righteousness,

According to the cleanness of my hands in His eyes.

25 "With the kind Thou dost show Thyself kind;

With the complete Thou dost show Thyself complete;

26 With the pure Thou dost show Thyself pure;

And with the crooked Thou dost show Thyself astute.

27 For Thou dost save an afflicted people;

But haughty eyes Thou dost abase.

28 For Thou dost light my lamp;

YHWH my God illumines my darkness.

29 For by Thee I can crush a troop;

And by my God I can leap over a wall."

30 As for God, His way is complete;

The word of YHWH is tried;

He is a shield to all who take refuge in Him.

31 For who is God, but YHWH?

And who is a rock, except our God,

32 The God who girds me with strength,

And makes my way complete?

33 He makes my feet like hinds' *feet*,

And sets me upon my high places.

34 He trains my hands for battle,

So that my arms can bend a bow of bronze.

35 "Thou hast also given me the shield of Thy salvation,

And Thy right hand upholds me;

And Thy gentleness makes me great.

36 Thou dost enlarge my steps under me,

And my feet have not slipped.

37 I pursued my enemies and overtook them,

And I did not turn back until they were consumed.

38 I shattered them, so that they were not able to rise;

They fell under my feet.

39 For Thou hast girded me with strength for battle;

Thou hast caused to bow down under me those who rose
up against me.

40 Thou hast also made my enemies turn their backs to me,

And I destroyed those who hated me."

41 They cried for help, but there was none to save,

Even to YHWH, but He did not answer them.

42 Then I beat them fine as the dust before the wind;

I emptied them out as the mire of the streets.

43 "Thou hast delivered me from the contentions of the
people;

Thou hast placed me as head of the nations;

A people whom I have not known serve me.

Psalms 18.44-19.12

44As soon as they hear, they obey me;
Foreigners give feigned obedience to me.
45Foreigners wear out,
And come trembling out of their fortresses."
46YHWH lives, and blessed be my rock;
And exalted be the God of my salvation,
47The God who executes vengeance for me,
And subdues peoples under me.
48He delivers me from my enemies;
"Surely Thou dost lift me above those who rise up against
me;
Thou dost rescue me from the violent man.
49Therefore I will give thanks to Thee among the nations,
O YHWH,
And I will sing praises to Thy name."
50He gives great deliverance to His king,
And shows lovingkindness to His anointed,
To David and his seed forever.

PSALM 19

1The heavens are telling of the glory of God;
And their expanse is declaring the work of His hands.
2Day to day pours forth speech,
And night to night reveals knowledge.
3There is no speech, nor are there words;
Their voice is not heard.
4Their sound has gone out through all the earth,
And their utterances to the end of the world.
In them He has placed a tent for the sun,
5Which is as a bridegroom coming out of his chamber;
It rejoices as a strong man to run his course.
6Its rising is from one end of the heavens,
And its circuit to the other end of them;
And there is nothing hidden from its heat.
7The law of YHWH is perfect, restoring the soul;
The testimony of YHWH is sure, making wise the simple.
8The precepts of YHWH are right, rejoicing the heart;
The commandment of YHWH is pure, enlightening the eyes.
9The fear of YHWH is clean, enduring forever;
The judgments of YHWH are true; they are righteous
altogether.
10They are more desirable than gold, yes, than much fine
gold;
Sweeter also than honey and the drippings of the
honeycomb.
11"Moreover, by them Thy servant is warned;
In keeping them there is great reward.
12Who can discern *his* errors?
Acquit me hidden *faults*.

Thánh-thi 18.44-19.12

44Vừa khi họ nghe, họ vâng lời con;
Những kẻ ngoại-quốc giả-bộ vâng lời con.
45Các người nước ngoài kiệt sức,
Và vừa đi ra khỏi thành lũy của chúng vừa run-rẩy."
46Đức GIA-VÊ sống, và đáng chúc-tụng tâng đá của tôi;
Và đáng tôn-cao thay Đức Chúa Trời của sự cứu-rỗi tôi,
47Chính Đức Chúa TRỜI thi hành việc báo oán cho tôi,
Và bắt phục các dân-tộc dưới tôi.
48Ngài giải-cứu tôi khỏi các kẻ thù tôi;
"Chắc-chắn Chúa nâng con ở trên các kẻ chỗi dậy chống
con;
Chúa giải-cứu con khỏi người hung-bạo.
49Vì lý-do đó, con sẽ dâng các lời cảm-tạ lên Chúa giữa
các quốc-gia, Đức GIA-VÊ ôi,
Và con sẽ ca hát các lời ca-tụng danh của Chúa."
50Ngài ban sự giải-cứu lớn-lao cho vua của Ngài,
Và tỏ ân-cần thương-yêu cho kẻ được xúc dầu của Ngài,
Cho Đa-vít và dòng-giống của người mãi mãi.

THÁNH-THI 19

*Các công-việc và Lời của Đức Chúa TRỜI (Cho trường
ban nhạc)*

Người viết: Đa-vít

1Các tầng trời đang kể về sự vinh-quang của Đức Chúa
TRỜI;
Và khoảng rộng mở ra của chúng đang tuyên-bố việc làm
các bàn tay Ngài.
2Ngày qua ngày tuôn ra bài nói,
Và đêm lại đêm tiết-lộ kiến-thức.
3Chẳng có một bài nói nào, cũng chẳng có các lời gì;
Tiếng nói chúng không nghe được.
4Âm-thanh chúng đã đi ra qua tất cả trái đất,
Và lời phát biểu của chúng đến chỗ tận-cùng của thế gian.
Trong chúng Ngài đã đặt một cái lều cho mặt trời,
5Nó như chàng rể đi ra khỏi phòng của hắn;
Nó mừng-rỡ như một người mạnh chạy cuộc đua của hắn.
6Nó mọc lên từ một đầu này của các tầng trời,
Và đường vòng của nó đến một đầu kia của chúng;
Và chẳng có cái gì tránh khỏi sức nóng của nó.
7Luật-pháp Đức GIA-VÊ là trọn- vẹn, phục-hồi tâm-hồn;
Chứng-cớ Đức GIA-VÊ là chắc-chắn, làm khôn-ngoaan kẻ
chất-phác.
8Các giới-luật Đức GIA-VÊ là đúng, làm tâm mừng-rỡ;
Điều-răn Đức GIA-VÊ là thuần-bạch, làm sáng đôi mắt.
9Sự kinh-sợ Đức GIA-VÊ là trong-sạch, tồn-tại mãi mãi;
Các phán-quyết của Đức GIA-VÊ là đúng; chúng hoàn-
toàn công-chính.
10Chúng đáng mong-muốn hơn vàng, vàng, hơn vàng
ròng;
Cũng ngọt hơn mật ong và các giọt chảy ra của tổ-ong.
11"Hơn nữa, bởi chúng kẻ tội-tớ này của Chúa được cảnh-
cáo;
Giữ chúng thì có phần thưởng lớn.
12Ai có thể nhận-thức được các sai-làm của mình?
Xin tha bổng con các lỗi ẩn giấu.

Thánh-thi 19.13-21.4

¹³Cũng xin giữ tội-tớ này của Chúa khỏi *tội* tự-phụ
Xin đừng cho chúng cai-trị con;
Thế thì con sẽ trọn-vẹn,
Và con sẽ được tha bổng về sự vi-phạm lớn-lao.
¹⁴Xin các lời của miệng con và sự suy-gẫm của tâm con
Được chấp-nhận trong cái nhìn của Chúa,
Đức GIA-VÊ ôi, tảng đá của con và Đấng Cứu-chuộc của con."

THÁNH-THI 20

Cầu-nguyện xin chiến-thắng các kẻ thù (Cho trường ban nhạc)

Người viết: Đa-vít. Những biến-cổ trong 2 Sa-mu-ên đoạn 10 có thể đã thúc-đẩy bài cầu-nguyện này.

¹Nguyện *Đức GIA-VÊ* trả lời người trong ngày có sự lo-phiền!

Nguyện danh *Đức* Chúa TRỜI của Gia-cóp đặt người nơi cao!

²Nguyện Ngài sai giúp-đỡ người từ nơi thánh,
Và ủng-hộ người từ Si-ôn!

³Nguyện Ngài nhớ mọi của-lễ của người,
Và thấy của-lễ thiếu của người là chấp-nhận được. [Sê-la.

⁴Nguyện Ngài ban cho người điều ao-ước của tâm người,
Và làm thành mọi ý-định của người!

⁵Chúng ta sẽ hát vì vui-mừng về chiến-thắng của người,
Và trong danh *Đức* Chúa TRỜI của chúng ta, chúng ta sẽ
dựng lên các ngọn cờ của chúng ta.

Nguyện *Đức GIA-VÊ* hoàn thành tất cả các lời thỉnh-cầu
của người.

⁶Nay tôi biết rằng *Đức GIA-VÊ* cứu người được xúc dầu
của Ngài;

Ngài sẽ đáp lời người từ tầng trời thánh của Ngài,
Với sức mạnh cứu-rỗi của bàn tay hữu của Ngài.

⁷Có kẻ khoác lác về xe-cộ, kẻ khác về những con ngựa;
Nhưng chúng ta sẽ đề-cập đến danh *Đức GIA-VÊ, Đức*
Chúa TRỜI của chúng ta

⁸Chúng nó đã cúi gập xuống và đã ngã;
Nhưng chúng ta đã chỗi dậy và đã đứng thẳng lên.

⁹"Xin cứu, *Đức GIA-VÊ* ôi;
Nguyện nhà Vua đáp lời chúng con trong ngày chúng con
kêu cầu."

THÁNH-THI 21

Ca-tụng sự giải-cứu (Cho trường ban nhạc)

Người viết: Đa-vít

¹"*Đức GIA-VÊ* ôi, trong sức mạnh của Chúa, vua này sẽ
vui-mừng,

Và trong sự cứu-rỗi của Chúa, vua sẽ mừng lớn biết bao!

²Chúa đã ban cho vua điều ước-ao của tâm vua,
Và Chúa đã chẳng từ lời yêu-cầu của đôi môi vua. [Sê-la.

³Vì Chúa đón tiếp vua với với phước hạnh của những điều
lành;

Chúa đặt mão-miền bằng vàng ròng trên đầu vua.

⁴Vua đã xin sự sống của Chúa,

Chúa đã ban nó cho vua,

Chuỗi dài các ngày đời đời.

Psalms 19.13-21.4

¹³Also keep back Thy servant from presumptuous *sins*;
Let them not rule over me;

Then I shall be complete,
And I shall be acquitted of great transgression.

¹⁴Let the words of my mouth and the meditation of my
heart

Be acceptable in Thy sight,
O YHWH, my rock and my Redeemer."

PSALM 20

¹May YHWH answer you in the day of trouble!
May the name of the God of Jacob set you *securely* on
high!

²May He send you help from the sanctuary,
And support you from Zion!

³May He remember all your offerings,
And find your burnt offering acceptable! [Selah.

⁴May He grant you your heart's desire,
And fulfill all your counsel!

⁵We will sing for joy over your victory,
And in the name of our God we will set up our banners,
May YHWH fulfill all your petitions.

⁶Now I know that YHWH saves His anointed;
He will answer him from His holy heaven,
With the saving strength of His right hand.

⁷Some boast in chariots, and some in horses;
But we will make mention of the name of YHWH, our
God.

⁸They have bowed down and fallen;
But we have risen and stood upright.

⁹"Save, O YHWH;
May the King answer us in the day we call."

PSALM 21

¹"O YHWH, in Thy strength the king will be glad,
And in Thy salvation how greatly he will rejoice!

²Thou hast given him his heart's desire,
And Thou hast not withheld the request of his lips. [Selah.

³For Thou dost meet him with the blessings of good
things;

Thou dost set a crown of fine gold on his head.

⁴He asked life of Thee,
Thou didst give it to him,
Length of days forever and ever.

Psalms 21.5-22.10

⁵His glory is great through Thy salvation,
Splendor and majesty Thou dost place upon him.
⁶For Thou dost make him most blessed forever;
Thou dost make him joyful with gladness in Thy presence.
⁷"For the king trusts in YHWH,
And through the lovingkindness of the Most High he will
not be shaken.
⁸Thine hand will find out all Thy enemies;
Thy right hand will find out those who hate Thee.
⁹Thou wilt make them as a fiery oven in the time of Thine
anger;
YHWH will swallow them up in His wrath,
And fire will devour them.
¹⁰Their fruit Thou wilt destroy from the earth,
And their seed from among the sons of men.
¹¹Though they intended evil against Thee,
And devised a plot,
They will not succeed.
¹²For Thou wilt make them turn their back;
Thou wilt make ready with Thy bowstrings at their faces.
¹³"Be Thou exalted,
O YHWH, in Thy strength;
We will sing and praise Thy power."

PSALM 22

¹"My God, my God, why hast Thou forsaken me?
Why art Thou so far from my deliverance, from the words
of my groaning.
²O my God, I cry by day, but Thou dost not answer;
And by night, there is no silence for me.
³Yet Thou art holy,
O Thou who dost inhabit the praises of Israel.
⁴In Thee our fathers trusted;
They trusted, and Thou didst deliver them.
⁵To Thee they cried out, and were delivered;
In Thee they trusted, and were not disappointed.

⁶"But I am a worm, and not a man,
A reproach of men, and despised by the people.
⁷All who see me sneer at me;
They separate with the lip, they wag the head, *saying*,
⁸Roll yourself to YHWH; let Him deliver him;
Let Him rescue him, because He delights in him."

⁹Yet Thou art He who didst bring me forth from the
womb;
Thou didst make me trust *when* upon my mother's breasts.
¹⁰Upon Thee I was cast from a womb;
Thou hast been my God from my mother's womb.

Thánh-thi 21.5-22.10

⁵Sự vinh-quang của vua là lớn nhờ sự cứu-rỗi của Chúa,
Sự huy-hoàng và oai-nghi Chúa đặt trên vua.
⁶Vì Chúa làm cho vua được phước nhất mãi mãi;
Chúa làm cho vua vui-vẻ với sự vui-mừng trong sự hiện-
diện của Chúa.
⁷"Vì nhà vua trông-cậy nơi Đức GIA-VÊ,
Và nhờ sự ân-cần thương-yêu của Đấng Chí Cao vua sẽ
không bị lay-động.
⁸Bàn tay Chúa sẽ tìm ra mọi kẻ thù của Chúa;
Bàn tay phải của Chúa sẽ tìm ra những kẻ ghét Chúa.
⁹Chúa sẽ khiến cho chúng như lò lửa dữ dội trong lúc
Chúa giận;
Đức GIA-VÊ sẽ nuốt chúng trong cơn thịnh-nộ của Ngài,
Và lửa sẽ thiêu-nuốt chúng.
¹⁰Quả của chúng Chúa sẽ diệt khỏi trái đất,
Và dòng-dõi của chúng khỏi giữa những con trai loài
người.
¹¹Dẫu chúng đã có ý định xấu chống lại Chúa,
Đã chế ra một âm-muru,
Chúng sẽ không thành-công.
¹²Vì Chúa sẽ khiến chúng xây lưng chúng lại;
Chúa sẽ làm các dây cung của Chúa sẵn-sàng nơi mặt của
chúng.
¹³Nguyện Chúa được tôn-cao,
Đức GIA-VÊ ôi, trong sức mạnh của Chúa;
Chúng con sẽ ca-hát và ca-tụng quyền-năng của Chúa."

THÁNH-THI 22

*Tiếng kêu than vì quá khốn-khổ, rồi hát ca-tụng Chúa vì
được giải-cứu (Cho trường ban nhạc theo điệu "con nai
cái đỏ rạng đông.")*
Người viết: Đa-vít

¹"Chúa TRỜI tôi ơi, Chúa TRỜI tôi ơi, sao Chúa đã bỏ rơi
tôi?
Sao Chúa quá xa sự giải-thoát tôi, xa các lời rên-ri của tôi?
²Chúa TRỜI tôi ôi, tôi kêu ban ngày, nhưng Chúa không
trả lời;
Và ban đêm, không có sự im-lặng nào cho tôi cả.
³Tuy nhiên, Chúa là thánh,
Ôi, Chúa là Đấng ngự trong các lời ca-tụng của Y-sơ-ra-
ên.
⁴Nơi Chúa tỏ-phụ của chúng tôi đã trông-cậy;
Họ đã trông-cậy, và Chúa đã giải-cứu họ.
⁵Cùng Chúa họ đã kêu la, và đã được giải-cứu;
Nơi Chúa họ đã tin-cậy, và đã không bị thất-vọng.

⁶Nhưng tôi là một con trùng, mà chẳng phải là một
người,
Là sự si-nhục của loài người, và bị người ta khinh-dể.
⁷Tất cả thấy tôi đều chế-giễu tôi;
Họ trề môi, họ lắc đầu, *nói*:
⁸Tự lặn đến Đức GIA-VÊ đi! Hãy để Ngài giải-cứu hần;
Hãy để Ngài cứu hần, bởi vì Ngài ưa-thích hần."

⁹Tuy nhiên Chúa là Đấng đã sinh tôi ra từ tử-cung;
Chúa đã khiến tôi trông-cậy *khi còn* trên các vú mẹ tôi.
¹⁰Lên trên Chúa tôi đã được ném ra từ tử-cung;
Chúa đã là Chúa TRỜI của tôi từ tử-cung mẹ của tôi.

Thánh-thi 22.11-22.31

11"Xin chớ xa tôi, vì sự lo-phiền hầu gần;
Vì chẳng có một ai để giúp-đỡ.
12Nhiều con bò đực vừa vây quanh tôi;
Các bò đực mạnh-mẽ Ba-san vừa bao-vây tôi.
13Chúng há rộng miệng của chúng vào tôi,
Như con sư-tử ngầu-nghiến và rống.
14Tôi bị trút ra như nước,
Tất cả xương xóc tôi đều rời-rã;
Tim tôi như sáp;
Nó chảy ra bên trong tôi.
15Sức mạnh của tôi bị khô đi như mảnh đồ gốm,
Và lưỡi của tôi dính chặt vào hàm của tôi;
Và Chúa lại đặt tôi nằm trong tro sự chết.
16Vì các con chó vừa vây quanh tôi;
Một bọn làm điều ác vừa bao quanh tôi;
Chúng đã đâm lủng các tay tôi và những chân tôi.
17Tôi có thể đếm được tất cả xương của tôi.
Chúng nhìn, chúng ngó chăm-chăm nơi tôi;
18Chúng chia các bộ áo của tôi ở giữa chúng,
Còn về quần-áo của tôi chúng bắt thăm.

19"Nhưng Chúa, GIA-VÊ ôi, xin chớ ở xa-xôi;
Ôi, Chúa, sự giúp-đỡ của tôi, xin mau đến trợ-giúp tôi.
20 Xin giải-phóng hồn tôi khỏi guơm,
Sinh-mạng độc-nhất của tôi khỏi vuốt con chó đó.
21Xin cứu tôi khỏi miệng sư-tử;
Và khỏi sừng bò rừng, Chúa đáp lời tôi.

22"Tôi sẽ kể về danh Chúa cho anh em tôi;
Giữa hội-chúng tôi sẽ ca-tụng Chúa.
23Các người kính-sợ GIA-VÊ, hãy ca-tụng Ngài;
Tất cả các người, dòng Gia-cốp, hãy tôn-vinh Ngài,
Và đứng trong sự kính-sợ Ngài, tất cả các người, dòng-
giống Y-sơ-ra-ên.
24Vì Ngài chẳng khinh-bi cũng chẳng ghê-tởm nỗi sầu-
não của kẻ khô-đau;
Ngài cũng chẳng giấu mặt Ngài tránh người ấy;
Nhưng khi nó gào xin giúp-đỡ với Ngài, thì Ngài nghe.'

25"Từ Chúa *đến* sự ca-tụng của tôi trong hội-chúng lớn;
'Ta sẽ trả các lời hứa ta trước mặt những kẻ kính-sợ
Ngài.'"
26Những kẻ nghèo sẽ được ăn và được no-nê;
Những kẻ tìm kiếm Ngài sẽ ca-tụng *Đức* GIA-VÊ.
Hãy để tâm các người sống mãi mãi!
27Tất cả các đầu-cùng trái đất sẽ nhớ lại và trở về cùng
Đức GIA-VÊ,
Và mọi gia-đình trong các nước sẽ thờ-lạy trước mặt
Chúa.
28Vì vương-quốc là của *Đức* GIA-VÊ,
Và Ngài cai-trị trên các nước.
29 Tất cả các kẻ thịnh-vượng của trái đất sẽ ăn và thờ-lạy,
Mọi kẻ đi xuống bụi-đất sẽ cúi đầu trước mặt Ngài,
Cả kẻ không thể giữ hồn mình còn sống.
30Một dòng-giống sẽ phụng-sự Ngài;
Sẽ được nói về Chúa cho thế-hệ sắp đến.
31Chúng sẽ đến và sẽ tuyên-bố sự công-chính của Ngài
Cho một dân sẽ được sinh ra, rằng Ngài vừa làm *việc* ấy.

Psalms 22.11-22.31

11"Be not far from me, for trouble is near;
For there is none to help.
12Many bulls have surrounded me;
Strong *bulls* of Bashan have encircled me.
13They open wide their mouth *at* me,
As a ravening and a roaring lion.
14I am poured out like water,
And all my bones are out of joint;
My heart is like wax;
It is melted within me.
15My strength is dried up like a potsherd,
And my tongue cleaves to my jaws;
And Thou dost lay me in the dust of death.
16For dogs have surrounded me;
A band of evildoers has encompassed me;
They pierced my hands and my feet.
17I can count all my bones.
They look, they stare at me;
18They divide my garments among them,
And for my clothing they cast lots.

19"But Thou, O YHWH, be not far off;
O Thou my help, hasten to my assistance.
20 Deliver my soul from the sword,
My only *life* from the paw of the dog.
21Save me from the lion's mouth;
And from the horns of the wild oxen Thou dost answer
me.

22"I will tell of Thy name to my brethren;
In the midst of the assembly I will praise Thee.
23You who fear YHWH, praise Him;
All you seed of Jacob, glorify Him,
And stand in awe of Him, all you seed of Israel.
24For He has not despised nor abhorred the affliction of
the afflicted;
Neither has He hidden His face from him;
But when he cried to Him for help, He heard.'

25"From Thee *comes* my praise in the great assembly;
'I shall pay my vows before those who fear Him.' "
26 The poor shall eat and be satisfied;
Those who seek Him will praise YHWH.
Let your heart live forever!
27All the ends of the earth will remember and turn to
YHWH,
And all the families of the nations will worship before
Thee.
28For the kingdom is YHWH's,
And He rules over the nations.
29All the prosperous of the earth will eat and worship,
All those who go down to the dust will bow before Him,
Even he who cannot keep his soul alive.
30A seed will serve Him;
It will be told of the Lord to the *coming* generation.
31They will come and will declare His righteousness
To a people who will be born, that He has performed *it*.

PSALM 23

¹YHWH is my shepherd,
I shall not want.
²He makes me lie down in green pastures;
He leads me beside waters of rest.
³He restores my soul;
He guides me in the tracks of righteousness
For His name's sake.

⁴"Even though I walk through the valley of the shadow of death,
I fear no evil; for Thou art with me;
Thy rod and Thy staff, they comfort me.
⁵Thou dost prepare a table before me in the presence of my enemies;
Thou hast anointed my head with oil;
My cup overflows.
⁶Surely goodness and lovingkindness will follow me all for length of days,
And I will dwell in the house of YHWH forever."

PSALM 24

¹The earth is YHWH's, and all it contains,
The world, and those who dwell in it.
²For He has founded it upon the seas,
And established it upon the rivers.
³Who may ascend into the hill of YHWH?
And who may stand in His holy place?
⁴He who has clean hands and a pure heart,
Who has not lifted up his soul in vain,
And has not sworn deceitfully.
⁵He shall receive a blessing from YHWH
And righteousness from the God of his salvation.
⁶"This is the generation of those who seek Him,
Who seek the face of the God of Jacob." [Selah.
⁷Lift up your heads, O gates,
And be lifted up, O everlasting doors,
That the King of glory may come in!
⁸Who is the King of glory?
YHWH strong and mighty,
YHWH mighty in battle.
⁹Lift up your heads, O gates,
And lift them up, O everlasting doors,
That the King of glory may come in!
¹⁰Who is this King of glory?
YHWH of hosts,
He is the King of glory. [Selah.

THÁNH-THI 23

Đức GIA-VÊ, Đấng Chăn-giữ của trước-giả
Người viết: Đa-vít

¹Đức GIA-VÊ là Đấng chăn-giữ tôi,
Tôi sẽ chẳng muốn gì.
²Ngài khiến tôi nằm xuống trong các đồng-cỏ xanh-tươi;
Ngài dẫn tôi đến mé nước bình tĩnh.
³Ngài hồi-phục hồn tôi;
Ngài dẫn tôi trong các lối đi công-chính
Vì cơ danh Ngài.

⁴"Dẫu con đi qua thung-lũng có bóng của sự chết,
Con chẳng sợ điều xấu-xa nào; vì Chúa ở cùng con;
Cây gậy của Chúa và cây trượng của Chúa, chúng an-ủi con.
⁵Chúa dọn bàn trước mặt con trong sự hiện-diện của những kẻ thù con;
Chúa đã xức dầu đầu con;
Chén con đầy tràn.
⁶Chắc-chắn sự tốt-lành và sự ân-cần thương-yêu sẽ theo con trọn các ngày của đời con,
Và con sẽ ở trong đền của Đức GIA-VÊ mãi mãi."

THÁNH-THI 24

Vua Vinh-hiển vào Si-ôn
Người viết: Đa-vít

¹Trái đất là của Đức GIA-VÊ, và mọi vật mà nó chứa đựng,
Thế gian và những kẻ ở trong nó.
²Vì Ngài lập nó trên các biển,
Và thiết-lập nó trên các sông.
³Ai có thể đi lên vào đồi của Đức GIA-VÊ?
Ai có thể đứng trong chỗ thánh của Ngài?
⁴Kẻ có các bàn tay sạch và một tâm thuần-bạch,
Là kẻ chẳng nâng hồn của hắn lên một cách vô-ích,
Và chẳng thề một cách dối-trá.
⁵Kẻ ấy sẽ nhận được phước từ Đức GIA-VÊ
Và sự công-chính từ Đức Chúa TRỜI, là Đấng cứu-rỗi của người.
⁶"Đây là thế-hệ của các người tìm Ngài,
Những kẻ tìm mặt của Đức Chúa TRỜI của Gia-cóp."
[Sê-la.
⁷Hãy ngẩng đầu các người lên, hỡi các cổng,
Hãy để cho được nâng lên, hỡi các cửa đời đời,
Để vì Vua vinh-quang được đi vào!
⁸Ai là vì Vua vinh-quang?
Đức GIA-VÊ mạnh-mẽ và phi-thường,
Đức GIA-VÊ phi-thường trong chiến-trận.
⁹Hãy ngẩng đầu các người lên, hỡi các cổng,
Và hãy nâng chúng lên, hỡi các cửa đời đời,
Để vì Vua vinh-quang được đi vào!
¹⁰Ai là vì Vua vinh-quang?
Đức GIA-VÊ vạn-quân,
Ngài là vì Vua vinh-quang. [Sê-la.

THÁNH-THI 25

Cầu-nguyện xin sự bảo-vệ, hướng-dẫn, và tha-thứ
 Người viết: Đa-vít

- 1"*Đức* GIA-VÊ ôi, con nâng hồn con lên đến Chúa.
 2*Đức* Chúa TRỜI của con ôi, nơi Chúa con trông-cậy,
 Xin đừng để cho con bị hổ-thẹn;
 Xin đừng để các kẻ thù con hoan-hi trên con.
 3Thật ra, chẳng có ai trong những kẻ chờ-đợi Chúa sẽ bị
 hổ-thẹn;
 Những kẻ đối-xử một cách xảo-trá vô cơ sẽ bị hổ-thẹn.
- 4"Xin làm cho con biết các đường-lối của Chúa, *Đức*
 GIA-VÊ ôi;
 Xin dạy con các nẻo-đường của Chúa.
 5Xin dẫn con trong lẽ thật của Chúa và xin dạy-dỗ con,
 Vì Chúa là *Đức* Chúa TRỜI của sự cứu-rỗi của con;
 Vì Chúa, con chờ đợi suốt cả ngày.
 6Xin nhớ, *Đức* GIA-VÊ ôi, sự thương-xót của Chúa và sự
 ân-cần thương-yêu của Chúa,
 Vì chúng tồn-tại đời đời.
 7Xin đừng nhớ tội-lỗi thời thiếu-niên của con hay các sự
 vi-phạm của con;
 Theo sự ân-cần thương-yêu của Chúa, xin Chúa nhớ đến
 con,
 Vì sự tốt-lành của Chúa, *Đức* GIA-VÊ ôi."
- 8*Đức* GIA-VÊ là tốt-lành và ngay-thắng;
 Vì lý-do đó, Ngài chỉ-dạy các tội-nhân trong đường-lối ấy.
 9Ngài dẫn kẻ khiêm-tốn trong công-lý,
 Ngài dạy người khiêm-tốn đường-lối của Ngài.
 10Mọi nẻo-đường của *Đức* GIA-VÊ là ân-cần thương-yêu
 và lẽ thật
 Cho những kẻ giữ giao-ước Ngài và các chứng-cớ của
 Ngài.
 11"Vì danh của Chúa, *Đức* GIA-VÊ ôi,
 Xin tha sự gian-ác của con, vì nó lớn."
- 12Ai là kẻ kinh-sợ *Đức* GIA-VÊ?
 Ngài sẽ chỉ-dạy nó theo đường-lối mà nó nên chọn.
 13Hồn nó sẽ ở trong sự phồn-vinh,
 Và dòng-giống của nó sẽ thừa-kế trái đất.
 14Lời chỉ-bảo của *Đức* GIA-VÊ là cho những kẻ kinh-sợ
 Ngài,
 Và Ngài sẽ làm cho họ biết giao-ước của Ngài
 15Những mắt tôi liên-tục hướng về *Đức* GIA-VÊ,
 Vì Ngài sẽ gỡ các bản chân tôi ra khỏi lưới ấy.
- 16"Xin quay lại cùng con và xin khoan-dung với con,
 Vì con cô-đơn và khôn-khỏi.
 17Các nỗi lo-phiền của tâm con bị nới rộng nhiều;
 Xin đem con ra khỏi các nỗi đau-buồn của con.
 18Xin nhìn nỗi khôn-khỏi của con và sự cực-nhọc của con,
 Và xin tha-thứ tất cả các tội của con.
 19Xin nhìn các kẻ thù con, vì chúng nó nhiều;
 Và chúng nó ghét con với sự căm-ghét hung bạo.
 20Xin canh-giữ hồn con và giải-cứu con;
 Xin chớ để con bị xấu-hổ, vì con ân-nẫu trong Chúa.

PSALM 25

- 1"To Thee, O YHWH, I lift up my soul.
 2O my God, in Thee I trust,
 Do not let me be ashamed;
 Do not let my enemies exult over me.
 3Indeed, none of those who wait for Thee will be
 ashamed;
 Those who deal treacherously without cause will be
 ashamed.
- 4"Make me know Thy ways, O YHWH;
 Teach me Thy paths.
 5Lead me in Thy truth and teach me,
 For Thou art the God of my salvation;
 For Thee I wait all the day.
 6Remember, O YHWH, Thy compassion and Thy
 lovingkindnesses,
 For they have been everlasting.
 7Do not remember the sins of my youth or my
 transgressions;
 According to Thy lovingkindness remember Thou me,
 For Thy goodness' sake, O YHWH."
- 8Good and upright is YHWH;
 Therefore He instructs sinners in the way.
 9He leads the humble in justice,
 And He teaches the humble His way.
 10All the paths of YHWH are lovingkindness and truth
 To those who keep His covenant and His testimonies.
 11"For Thy name's sake, O YHWH,
 Pardon my iniquity, for it is great."
- 12Who is the man who fears YHWH?
 He will instruct him in the way he should choose.
 13His soul will abide in prosperity,
 And his seed will inherit the earth.
 14The counsel of YHWH is for those who fear Him,
 And He will make them know His covenant.
 15My eyes are continually toward YHWH,
 For He will bring out my feet out of the net.
- 16"Turn to me and be gracious to me,
 For I am lonely and afflicted.
 17The troubles of my heart are enlarged;
 Bring me out of my distresses.
 18Look upon my affliction and my toil,
 And forgive all my sins.
 19Look upon my enemies, for they are many;
 And they hate me with violent hatred.
 20Guard my soul and deliver me;
 Do not let me be ashamed, for I take refuge in Thee.

Psalms 25.21-27.3

²¹Let integrity and uprightness preserve me,
For I wait for Thee.

²²Redeem Israel, O God,
Out of all his troubles."

PSALM 26

¹"Vindicate me, O YHWH, for I have walked
In my integrity;
And I have trusted in YHWH, I do not slide.
²Examine me, O YHWH, and try me;
Test my kidneys and my heart.
³For Thy lovingkindness is before my eyes,
And I have walked in Thy truth.
⁴I do not sit with deceitful men,
Nor will I go with men of falsehood.
⁵I hate the assembly of evildoers,
And I will not sit with the wicked.
⁶I shall wash my hands in innocence,
And I will go about Thine altar, O YHWH,
⁷That I may proclaim with the voice of thanksgiving,
And declare all Thy wonders.

⁸"O YHWH, I love the habitation of Thy house.
And the place of the tabernacle of Thy glory.
⁹Do not gather my soul away *along* with sinners,
Nor my life with men of bloodshed,
¹⁰In whose hands is a wicked scheme,
And whose right hand is full of bribes.
¹¹But as for me, I shall walk in my integrity;
Redeem me, and be gracious to me.
¹²My foot stands on a level place;
In the congregations I shall bless YHWH."

PSALM 27

¹YHWH is my light and my salvation;
Whom shall I fear?
YHWH is the refuge of my life;
Whom shall I dread?
²When evildoers came upon me to devour my flesh,
My adversaries and my enemies, they stumbled and fell.
³Though a host encamp against me,
My heart will not fear;
Though war arise against me,
In *spite* of this I am confident.

Thánh-thi 25.21-27.3

²¹Xin cho sự thanh-liêm và sự ngay thẳng bảo-tồn con,
Vì con chờ-đợi Chúa.

²²Xin cứu-chuộc Y-sơ-ra-ên, Đức Chúa TRỜI ôi,
Khỏi tất cả các sự lo-phiền của người.

THÁNH-THI 26

Khẳng định là thanh-liêm và cầu-nguyện xin bảo-vệ
Người viết: Đa-vít, có lẽ được viết trong những ngày Áp-
sa-lôm nổi-loạn

¹"Minh-oan cho con, Đức GIA-VÊ ôi, vì con đã bước đi
Trong sự thanh-liêm của con;
Và con đã trông-cậy nơi Đức GIA-VÊ, con không trượt.
²Xin dò-xét con, Đức GIA-VÊ ôi, và xin thử con;
Xin thử-nghiệm thận con⁽¹⁾ và tim con.
³Vì sự ân-cần thương-yêu của Chúa ở trước đôi mắt con,
Và con đã đi trong lẽ thật của Chúa.
⁴Con không ngồi với những kẻ dối-trá,
Con cũng sẽ chẳng đi với các người sai trái.
⁵Con ghét hội-đồng của các kẻ xấu,
Và con sẽ không ngồi với các kẻ ác.
⁶Con sẽ rửa các bàn tay của con trong sự vô-tội,
Và con sẽ đến gần bàn-thờ Chúa, Đức GIA-VÊ ôi,
⁷Để con có thể công-bố với tiếng tạ ơn,
Và tuyên-bố tất cả các điều kỳ-diệu của Chúa.

⁸"Đức GIA-VÊ ôi, con ưa chỗ ở thuộc đền Chúa,
Và chỗ đền-tạm có sự vinh-quang của Chúa.
⁹Xin đừng gom hồn con đi cùng với các tội-nhân,
Cũng đừng gom sinh-mạng con với các kẻ làm đổ máu,
¹⁰Trong các bàn tay chúng là mưu-đồ độc-ác,
Và tay hữu của chúng đầy các của hối-lộ.
¹¹Nhưng về phần con, con sẽ bước đi trong sự thanh-liêm
của con;
Xin chuộc con, xin khoan-dung với con.
¹²Bàn chân con đứng trên chỗ bằng-phẳng;
Trong các hội-chúng, con sẽ chúc-tụng Đức GIA-VÊ."

THÁNH-THI 27

Chẳng sợ gì, chỉ trông-cậy nơi Đức Chúa TRỜI
Người viết: Đa-vít

¹Đức GIA-VÊ là sự sáng của tôi và sự cứu-rỗi của tôi;
Tôi sẽ kinh-sợ ai?
Đức GIA-VÊ là nơi ẩn-náu của sinh-mạng tôi;
Tôi sẽ khiếp-sợ ai?
²Khi các kẻ làm điều ác đã xông vào tôi để ăn-nuốt thịt
tôi,
Các cừu- địch của tôi và các kẻ thù của tôi, họ vấp và té.
³Dẫu một đám đông dàn trại chống lại tôi,
Tâm tôi sẽ không sợ;
Dẫu giặc-giã nổi lên chống lại tôi,
Tôi cũng vững tin.

¹Thận nghĩa bóng là con người bên trong: trí óc và tình cảm và ý-
chí, tức là hồn của con người; trong khi tim tượng-trung linh của
con người

Thánh-thi 27.4-28.3

4 Một điều tôi mới xin từ Đức GIA-VÊ, mà tôi sẽ kiếm:
Rằng tôi được ở trong đền Đức GIA-VÊ tất cả các ngày
của đời tôi,
Để ngắm-nhìn sự vui-thích của Đức GIA-VÊ,
Và để cầu-vấn trong đền-thờ của Ngài.
5 Vì trong ngày rắc-rối, Ngài sẽ giấu tôi trong đền-tạm của
Ngài;
Trong chỗ bí-mật của lều Ngài, Ngài sẽ giấu tôi;
Ngài sẽ đỡ tôi lên trên một tảng đá.
6 Và bây giờ đầu tôi sẽ được nâng lên cao hơn các kẻ thù
tôi quanh tôi;
Và tôi sẽ dâng trong lều Ngài các tiếng reo hò vui-vẻ làm
tế vật;
Tôi sẽ hát, phải, tôi sẽ hát các lời ca-tụng Đức GIA-VÊ.
7 Xin nghe, Đức GIA-VÊ ôi, khi con khóc với tiếng của
con,
Và xin khoan-dung với con và trả lời con.
8 Khi Chúa đã nói: 'Hãy tìm mặt Ta,' thì tâm con đã thưa
cùng Chúa:
'Mặt Chúa, Đức GIA-VÊ ôi, con sẽ tìm.'
9 Xin chớ ân mặt Chúa khỏi con,
Xin chớ đuổi kẻ tội-tố này của Chúa trong con giận;
Từ trước đến giờ Chúa là sự giúp-đỡ của con;
Xin chớ bỏ con, cũng chớ bỏ rơi con,
Đức Chúa TRỜI của sự cứu-rỗi của con ôi!
10 Nếu cha con và mẹ con vừa bỏ rơi con,
Thì Đức GIA-VÊ sẽ ấm con lên.
11 Xin dạy con đường-lối Chúa, Đức GIA-VÊ ôi,
Và xin dẫn con trên lối bằng-phẳng,
Bởi có các địch-thù của con.
12 Xin đừng nộp con cho hồn các kẻ cừu-địch con;
Vì những kẻ chứng dối đã chỗi dậy chống lại con,
Và các kẻ như thế thờ ra bạo lực.
13 Con hẳn sẽ tuyệt-vọng trừ phi con đã tin rằng con sẽ
thấy sự tốt-lành của Đức GIA-VÊ
Trong đất những kẻ sống."
14 Hãy chờ-đợi Đức GIA-VÊ;
Hãy kiên-quyết, và hãy để tâm người can-đảm;
Đúng, hãy chờ-đợi Đức GIA-VÊ.

THÁNH-THI 28

Cầu-nguyện xin giúp-đỡ, và ca-tụng vì được nhậm lời
Người viết: Đa-vít

1 "Cùng Chúa, Đức GIA-VÊ ôi, con kêu-cầu;
Tảng đá của con ôi, xin chớ làm điếc với con,
E rằng, nếu Chúa làm thinh với con,
Thì con trở nên như những kẻ đi xuống huyệt.
2 Xin nghe tiếng khẩn-cầu của con khi con khóc với Chúa
xin giúp-đỡ,
Khi con giơ các tay con lên hướng về chỗ bên trong nhất
nơi thánh của Chúa.
3 Xin đừng kéo con đi với các kẻ độc-ác
Và với những kẻ làm sự gian-ác;
Là những kẻ nói hòa-bình với láng-giềng của chúng,
Trong khi điều ác ở trong tâm chúng.

Psalms 27.4-28.3

4 One thing I have asked from YHWH, that I shall seek:
That I may dwell in the house of YHWH all the days of
my life,
To behold the delightfulness of YHWH,
And to inquire in His temple.
5 For in the day of trouble He will conceal me in His
tabernacle;
In the secret place of His tent He will hide me;
He will lift me up on a rock.
6 And now my head will be lifted up above my enemies
around me;
And I will offer in His tent sacrifices of shouts of joy;
I will sing, yes, I will sing praises to YHWH.
7 "Hear, O YHWH, when I cry with my voice,
And be gracious to me and answer me.
8 When thou didst say, 'Seek My face,' my heart said to
Thee,
'Thy face, O YHWH, I shall seek.'
9 Do not hide Thy face from me,
Do not turn Thy servant away in anger;
Thou hast been my help;
Do not abandon me nor forsake me,
O God of my salvation!
10 If my father and my mother have forsaken me,
Then YHWH will take me up.

11 "Teach me Thy way, O YHWH,
And lead me in a level path,
Because of my foes.
12 Do not deliver me over to the soul of my adversaries;
For false witnesses have risen against me,
And such as breathe out violence.
13 I would have despaired unless I had believed that I
would see the goodness of YHWH
In the land of the living."
14 Wait for YHWH;
Be strong, and let your heart take courage;
Yes, wait for YHWH.

PSALM 28

1 "To thee, O YHWH, I call;
My rock, do not be deaf to me,
Lest, if Thou be silent to me,
I become like those who go down to the pit.
2 Hear the voice of my supplications when I cry to Thee
for help,
When I lift up my hands toward the innermost place of
Thy sanctuary.
3 Do not drag me away with the wicked
And with those who work iniquity;
Who speak peace with their neighbors,
While evil is in their hearts.

Psalms 28.4-29.11

⁴Requite them according to their work and according to the evil of their practices;
Requite them according to the deeds of their hands;
Repay them their recompense."

⁵Because they do not regard the works of YHWH
Nor the deeds of His hands,
He will tear them down and not build them up.

⁶Blessed be YHWH,
Because He has heard the voice of my supplication.

⁷YHWH is my strength and my shield;
My heart trusts in Him, and I am helped;
Therefore my heart exults,
And with my song I shall thank Him.

⁸YHWH is their strength,
And He is a refuge of salvation to His anointed.

⁹Save Thy people, and bless Thine inheritance;
Be their shepherd also, and carry them forever."

PSALM 29

¹Ascribe to YHWH, O sons of the mighty,
Ascribe to YHWH glory and strength.

²Ascribe to YHWH the glory of His name;
Worship YHWH in holy array.

³The voice of YHWH is upon the waters;
The God of glory thunders,
YHWH is over many waters.

⁴The voice of YHWH is powerful,
The voice of YHWH is majestic.

⁵The voice of YHWH breaks the cedars;
Yes, YHWH breaks in pieces the cedars of Lebanon.

⁶And He makes Lebanon skip like calf,
And Sirion like a young wild ox.

⁷The voice of YHWH hews out flames of fire.

⁸The voice of YHWH shakes the wilderness;
YHWH shakes the wilderness of Kadesh.

⁹The voice of YHWH makes the deer to calve,
And strips the forests bare,
And in His temple everything says, "Glory!"

¹⁰YHWH sat as King at the flood;
Yes, YHWH sits as King forever.

¹¹YHWH will give strength to His people;
YHWH will bless His people with peace.

Thánh-thi 28.4-29.11

⁴Xin đáp lại chúng theo việc của chúng và theo điều ác của các thói-quen chúng;

Xin đáp lại chúng theo các việc làm của các bàn tay của chúng;

Xin trả cho chúng sự đền bù của chúng."

⁵Vì chúng không xem công việc của Đức GIA-VÊ ra gì Cùng những việc làm của các bàn tay Ngài,
Ngài sẽ phá đổ chúng và không dựng chúng lên.

⁶Đáng chúc-tụng thay Đức GIA-VÊ,
Bởi vì Ngài đã nghe tiếng nài-xin của tôi.

⁷Đức GIA-VÊ là sức mạnh của tôi và cái khiên của tôi;
Tâm tôi trông-cậy nơi Ngài, và tôi được giúp-đỡ;

Vì vậy, tâm tôi hớn-hở;
Với bài ca của tôi, tôi sẽ cảm-tạ Ngài.

⁸Đức GIA-VÊ là sức mạnh của họ,
Và Ngài là nơi ẩn-náu cứu-rỗi cho kẻ được xúc dầu của Ngài.

⁹Xin cứu dân của Chúa, xin ban phước cho tài sản riêng của Chúa;

Và cũng xin là Đấng chặn-giữ của họ, và xin ẵm chúng mãi mãi."

THÁNH-THI 29

Tiếng rất oai-nghiêm của Đức GIA-VÊ trong trận bão
Người viết: Đa-vít

¹Hãy quy cho Đức GIA-VÊ, hỡi những con trai của Đấng toàn-năng,

Hãy quy cho Đức GIA-VÊ sự vinh-quang và sức mạnh.

²Hãy quy cho Đức GIA-VÊ sự vinh-quang của danh Ngài;
Hãy thờ-phượng Đức GIA-VÊ trong y-phục thánh.

³Tiếng của Đức GIA-VÊ ở trên các dòng nước;
Đức Chúa TRỜI vinh-quang lâm sấm
Đức GIA-VÊ ở trên nhiều dòng nước.

⁴Tiếng của Đức GIA-VÊ đầy sức mạnh,
Tiếng của Đức GIA-VÊ thì oai-nghiêm.

⁵Tiếng của Đức GIA-VÊ bẻ gãy những cây tuyết-tùng;
Phải, Đức GIA-VÊ bẻ thành từng mảnh các cây tuyết-tùng Li-ban.

⁶Và Ngài khiến Li-ban nhảy như một con bò con,
Và Si-ri-ôn như con bò rừng tơ.

⁷Tiếng Đức GIA-VÊ đổ *phân* ra các ngọn lửa.

⁸Tiếng Đức GIA-VÊ làm rúng-động vùng hoang-vu Ca-đe.

⁹Tiếng Đức GIA-VÊ khiến con nai cái đẻ ra con bê,
Và lột các rừng trại-lũ,

Và trong đền-thờ của Ngài mọi vật đều nói: "Vinh-quang thay!"

¹⁰Đức GIA-VÊ ngự nơi nước lụt;
Phải, Đức GIA-VÊ ngự làm Vua mãi mãi.

¹¹Đức GIA-VÊ sẽ ban sức mạnh cho dân Ngài;
Đức GIA-VÊ sẽ ban phước cho dân Ngài với sự bình-an.

THÁNH-THI 30

Lời tạ ơn vì sự giải-cứu khỏi cái chết (Một bài hát vào lễ khánh-thành cung-điện)

Người viết: Đa-vít

1"Con sẽ tán-dương Chúa, *Đức* GIA-VÊ ôi, vì Chúa đã nâng con lên,

Và đã không để cho các kẻ thù của con mừng-rỡ trên con.

2GIA-VÊ *Đức* Chúa TRỜI của con ôi,

Con đã khóc cùng Chúa xin giúp-đỡ, và Chúa đã chữa lành con.

3*Đức* GIA-VÊ ôi, Chúa đã đem hồn con lên từ Âm-phủ; Chúa đã giữ con còn sống để con không phải đi xuống cái huyệt ấy."

4Hãy hát ca-tụng *Đức* GIA-VÊ, các người những kẻ tin-kính Ngài,

Và hãy tạ ơn danh thánh Ngài.

5Vì cơn giận của Ngài chỉ trong chốc lát,

Còn ân-huệ Ngài thì trọn một đời;

Việc khóc-lóc có thể kéo dài trọn đêm,

Nhưng hò-reo vui-vẻ đến vào buổi sáng.

6"Nay về phần con, con đã nói trong sự phồn-vinh của con:

'Con sẽ không bao giờ bị chuyển-dịch'

7*Đức* GIA-VÊ ôi, bởi ân-huệ của Chúa, Chúa đã làm cho núi của con đứng vững;

Chúa đã ẩn mặt Chúa, con từng bị thất-kinh.

8Cùng Chúa, *Đức* GIA-VÊ ôi, con đã kêu-cầu,

Và cùng Chúa, con đã nài-xin:

9'Có lợi gì trong máu con, nếu con đi xuống cái huyệt ấy? Bụi-tro sẽ ca-tụng Chúa sao? Nó sẽ tuyên-bố sự thành-tín của Chúa sao?

10Xin nghe, *Đức* GIA-VÊ ôi, và xin khoan-dung với con;

Đức GIA-VÊ ôi, xin Chúa là Đấng giúp-đỡ con.'

11"Chúa đã đổi con từ khóc-than thành nhảy-múa;

Chúa đã mở vải gai của con và đã nai nịt con bằng sự vui-mừng;

12Đề hồn con có thể hát ca-tụng Chúa, và không nín-lặng. GIA-VÊ *Đức* Chúa TRỜI của con ôi, con sẽ tạ ơn Chúa mãi mãi."

THÁNH-THI 31

Thánh-thi than-phiền và ca-tụng (Cho trường ban nhạc)

Người viết: Đa-vít

1"Trong Chúa, *Đức* GIA-VÊ ôi, con ân-náu;

Xin đừng bao giờ để con bị hổ-thẹn;

Trong sự công-chính của Chúa, xin giải-phóng con.

2Xin nghiêng tai Chúa về con, xin giải-cứu con mau mau;

Xin Chúa đối với con là tảng đá ân-náu,

Một đồn-lũy để cứu con.

3Vì Chúa là tảng đá của con và là thành-lũy của con;

Vì danh Chúa, Chúa sẽ chỉ-dạo con và dẫn-dắt con.

4Chúa sẽ gỡ con ra khỏi lưới mà chúng đã bí-mật gài con;

Vì Chúa là sức mạnh của con.

5Trong tay Chúa, con phó linh của con;

Chúa đã chuộc con, *Đức* GIA-VÊ ôi, *Đức* Chúa TRỜI có lẽ thật.

PSALM 30

1"I will extol Thee, O YHWH, for Thou hast lifted me up, And hast not let my enemies rejoice over me.

2O YHWH my God,

I cried to Thee for help, and Thou didst heal me.

3O YHWH, Thou hast brought up my soul from Sheol; Thou hast kept me alive that I should not go down to the pit."

4Sing praise to YHWH, you His godly ones, And give thanks to His holy name.

5For His anger is but for a moment,

His favor is for a lifetime;

Weeping may last for the night,

But a shout of joy comes in the morning.

6"Now as for me, I said in my prosperity, 'I will never be moved.'

7O YHWH, by Thy favor Thou hast made my mountain to stand strong;

Thou didst hide Thy face, I was dismayed.

8To Thee, O YHWH, I called,

And to the Lord I made supplication:

9'What profit is there in my blood, if I go down to the pit? Will the dust praise Thee? Will it declare Thy faithfulness?

10Hear, O YHWH, and be gracious to me;

O YHWH, be Thou my helper.'

11"Thou hast turned for me my mourning into dancing;

Thou hast loosed my sackcloth and girded me with gladness;

12That my soul may sing praise to Thee, and not be silent.

O YHWH my God, I will give thanks to Thee forever."

PSALM 31

1"In Thee, O YHWH, I have taken refuge;

Let me never be ashamed;

In Thy righteousness deliver me.

2Incline Thine ear to me, rescue me quickly;

Be Thou to me a rock of refuge,

A stronghold to save me.

3For Thou art my rock and my fortress;

For Thy name's sake Thou wilt lead me and guide me.

4Thou wilt pull me out of the net which they have secretly laid for me;

For Thou art my strength.

5Into Thy hand I commit my spirit;

Thou hast ransomed me, O YHWH, God of truth.

Psalms 31.6-31.22

6"I hate those who regard empty vanities;
But I trust in YHWH.
7I will rejoice and be glad in Thy lovingkindness,
Because Thou hast seen my affliction;
Thou hast known the troubles of my soul,
8And Thou hast not given me over into the hand of the
enemy;
Thou hast set my feet in a large place.
9"Be gracious to me, O YHWH, for I am in distress;
My eye is wasted away from grief, my soul and my body
also.
10For my life is spent with sorrow,
And my years with sighing;
My strength has failed because of my iniquity,
And my body has wasted away.
11Because of all my adversaries, I have become a
reproach,
Especially to my neighbors,
And an object of dread to my acquaintances;
Those who see me in the street flee from me.
12I am forgotten as a dead man, out of mind,
I am like a broken vessel.
13For I have heard the slander of many,
Terror is on every side;
While they took counsel together against me,
They schemed to take away my life.
14"But as for me, I trust in Thee, O YHWH,
I say, 'Thou art my God.'
15My times are in Thy hand;
Deliver me from the hand of my enemies, and from those
who persecute me.
16Make Thy face to shine upon Thy servant;
Save me in Thy lovingkindness.
17Let me not be put to shame, O YHWH, for I call upon
Thee;
Let the wicked be put to shame, let them be silent in
Sheol.
18Let the lying lips be dumb,
Which speak arrogantly against the righteous with pride
and contempt.
19"How great is Thy goodness,
Which Thou hast stored up for those who fear Thee,
Which Thou hast wrought for those who take refuge in
Thee,
Before the sons of men!
20Thou dost hide them in the secret place of Thy presence
from the conspiracies of man;
Thou dost keep them secretly in a shelter from the strife of
tongues."
21Blessed be YHWH,
For He has made marvelous His lovingskindness to me in
a besieged city.
22"As for me, I said in my alarm,
'I am cut off from before Thine eyes';
Nevertheless Thou didst hear the voice of my
supplications when I cried to Thee."

Thánh-thi 31.6-31.22

6"Con ghét các kẻ coi trọng các sự hư không trống rỗng;
Nhưng con trông-cậy nơi Đức GIA-VÊ.
7Con sẽ mừng-rỡ và vui-vẻ trong sự ân-cần thương-yêu
của Chúa,
Bởi vì Chúa thấy nỗi khổ-đau của con;
Chúa biết các nỗi phiền-muộn của hồn con,
8Và Chúa chẳng phó con trong tay kẻ thù-nghịch;
Chúa đặt các bàn chân con nơi chỗ rộng-rãi.
9"Xin khoan-dung với con, Đức GIA-VÊ ôi, vì con đang
thống khổ;
Mắt con hao-mòn vì sầu-khổ, hồn con và thân-thể con
cũng vậy.
10Vì đời con tàn-lụi với sầu-đau,
Và các năm của con với thờ dài;
Sức con yếu đi vì sự gian-ác của con,
Và thân-thể con hao-mòn.
11Vì mọi cừ-địch của con, con vừa thành một sự si-nhục,
Đặc-biệt với các láng-giềng của con,
Và là một vật kinh-hãi cho các kẻ quen biết của con;
Những kẻ thấy con ngoài đường đều trốn tránh con.
12Con bị lãng quên như một kẻ đã chết, bị quên đi,
Con giống như cái bình đã bể.
13Vì lâu nay con nghe lời vu-không của nhiều người,
Sự kinh-khủng thì ở mọi phía;
Trong khi chúng đã họp bàn chống lại con,
Chúng đã âm-mưu lấy đi sinh-mạng con.
14"Nhưng còn con, con trông-cậy nơi Chúa, Đức GIA-VÊ
ôi,
Con nói: 'Chúa là Đức Chúa TRỜI của con.'
15Các thời của con ở trong tay của Chúa;
Xin giải-phóng con khỏi bàn tay của các kẻ thù của con,
và khỏi các kẻ bắt hại con.
16Xin khiến mặt của Chúa chiếu sáng trên kẻ tội-tớ này
của Chúa;
Xin cứu con trong sự ân-cần thương-yêu của Chúa.
17Xin đừng để con bị nhục, Đức GIA-VÊ ôi, vì con kêu
cầu Chúa;
Xin để kẻ ác bị nhục, xin cho nó im tiếng trong Âm-phủ.
18Xin cho các môi nói dối bị câm đi,
Nói xác-xược chống lại người công-chính trong sự kiêu-
căng và khinh-miệt.
19"Vi-đại thay lòng tốt của Chúa,
Mà Chúa đã để dành cho những kẻ kinh-sợ Chúa,
Mà Chúa đã làm cho những kẻ ân-náu trong Chúa,
Trước mặt những con trai loài người!
20Chúa giấu họ nơi chỗ bí-mật có sự hiện-diện của Chúa,
tránh các âm-mưu của loài người;
Chúa giữ họ bí-mật trong một nơi trú tránh sự xung-đột
của những cái lưỡi."
21Đáng chúc-tụng thay Đức GIA-VÊ,
Vì Ngài đã làm sự ân-cần thương-yêu của Ngài cho tôi
tuyệt-diệu trong một thành bị vây-hãm.
22"Về phần con, con đã nói trong sự hoảng hốt của con:
'Con bị diệt khỏi trước đôi mắt Chúa';
Tuy thế mà Chúa cũng đã nghe tiếng nài-xin của con khi
con khóc cùng Chúa."

Thánh-thi 31.23-33.1

23Ôi, hãy yêu Đức GIA-VÊ, tất cả các người những kẻ tin-kính của Ngài!
Đức GIA-VÊ bảo-tồn kẻ trung-tín,
Và hoàn-toàn đáp trả nhân-công kiêu-ngạo.
24Hãy kiên-quyết, và để tâm các người lấy can-dám,
Các người mọi kẻ chờ-đợi Đức GIA-VÊ.

THÁNH-THI 32

Phước của sự được tha-thứ và của sự tin-cậy nơi Đức Chúa TRỜI

Người viết: Đa-vít

1Phước thay là kẻ có vi-phạm được tha-thứ,
Tội của hắn được bao phủ!
2Phước cho kẻ mà Đức GIA-VÊ không cho là gian-ác,
Và trong linh của hắn không có sự lừa-dối!

3"Khi con im tiếng về tội của con, thì thân-thể con tiêu-tàn
Trong khi con kêu rống cả ngày.
4Vì ngày và đêm, bàn tay Chúa đã là nặng-nề trên con;
Nhựa sống của con đã bị biến thành hạn-hán của mùa hè.
[Sê-la.

5Con đã thú-nhận tội con với Chúa,
Và sự gian-ác của con, con đã chẳng giấu;
Con đã thưa: 'Con sẽ thú-nhận các sự vi-phạm của con
cùng Đức GIA-VÊ';
Và Chúa đã tha-thứ lỗi-lầm của tội con. [Sê-la.
6Vì thế, xin cho mọi người tin-kính cầu-nguyện cùng
Chúa vào lúc khi Chúa có thể được gặp;
Chắc-chắn trong trận lụt có các nước lớn, chúng sẽ chẳng
vươn tới người.
7Chúa là nơi ân-núp của con; Chúa giữ con khỏi sự muộn-
phỉen;
Chúa bao quanh con với các bài hát giải-phóng." [Sê-la.

8"Ta sẽ chỉ-thị người và dạy-dỗ người trong đường-lối mà
người phải đi;
Ta sẽ khuyên-răn người với con mắt Ta trên người.
9Chớ như con ngựa hay như con lừa không có sự hiểu-
biết,
Đồ kèm chúng gồm có hàm-khớp và dây-cương để kiểm-
chế chúng,
Nếu không, chúng sẽ không đến gần người.
10Nhiều thay là các nỗi đau-khổ của kẻ độc-ác;
Nhưng kẻ trông-cậy nơi Đức GIA-VÊ, thì sự ân-cần
thương-yêu sẽ bao quanh người.
11Hãy vui trong Đức GIA-VÊ và mừng-rỡ, các người
những kẻ công-chính.
Và hãy la vì vui, hết thầy các người những kẻ ngay-thẳng
trong tâm.

THÁNH-THI 33

Ca-tụng Đấng Tạo-hóa và là Đấng Che-chở

Người viết: Vô danh

1Hãy hát vì vui trong Đức GIA-VÊ, hỡi các người, những
người công-chính;
Ca-ngợi là thích-hợp cho người ngay-thẳng.

Psalms 31.23-33.1

23O love YHWH, all you His godly ones!
YHWH preserves the faithful,
And fully recompenses the proud doer.
24Be strong, and let your heart take courage,
All you who wait for YHWH.

PSALM 32

1How blessed is he whose transgression is forgiven,
Whose sin is covered!
2How blessed is the man to whom YHWH does not
impute iniquity,
And in whose spirit there is no deceit!

3"When I kept silent about my sin, my body wasted away
Through my roaring all day long.
4For day and night Thy hand was heavy upon me;
My life juices were turned into the drought of summer.
[Selah.

5I acknowledged my sin to Thee,
And my iniquity I did not hide;
I said, 'I will confess my transgressions to YHWH';
And Thou didst forgive the guilt of my sin. [Selah.
6Therefore, let everyone who is godly pray to Thee in a
time when Thou mayest be found;
Surely in a flood of great waters they shall not reach him.
7Thou art my hiding place; Thou dost preserve me from
trouble;
Thou dost surround me with songs of deliverance."
[Selah.

8"I will instruct you and teach you in the way which you
should go;
I will counsel you with My eye upon you.
9Do not be as the horse or as the mule which have no
understanding,
Whose trappings include bit and bridle to hold them in
check,
Otherwise they will not come near to you.
10Many are the sorrows of the wicked;
But he who trusts in YHWH, lovingkindness shall
surround him.
11Be glad in YHWH and rejoice, you righteous ones,
And shout for joy, all you who are upright in heart.

PSALM 33

1Sing for joy in YHWH, O you righteous ones;
Praise is becoming to the upright.

Psalms 33.2-33.22

²Give thanks to YHWH with the lyre;
Sing praises to Him with a harp of ten strings.
³Sing to Him a new song;
Play skillfully with a shout of joy.
⁴For the word of YHWH is upright;
And all His work is *done* in faithfulness.
⁵He loves righteousness and justice;
The earth is full of the lovingkindness of YHWH.

⁶By the word of YHWH the heavens were made,
And by the breath of His mouth all their host.
⁷He gathers the waters of the sea together as a heap;
He lays up the deeps in storehouses.
⁸Let all the earth fear YHWH;
Let all the inhabitants of the world stand in awe of Him.
⁹For He spoke, and it was done;
He commanded, and it stood fast.
¹⁰YHWH nullifies the counsel of the nations;
He frustrates the plans of the peoples.
¹¹The counsel of YHWH stands forever,
The plans of His heart from generation to generation.
¹²Blessed is the nation whose God is YHWH,
The people whom He has chosen for His own inheritance.

¹³YHWH looks from heaven;
He sees all the sons of men;
¹⁴From His dwelling place He looks out
On all the inhabitants of the earth,
¹⁵He who fashions the hearts of them all,
He who understands all their works.
¹⁶The king is not saved by a mighty army;
A warrior is not delivered by great strength.
¹⁷A horse is a false hope for victory;
Nor does it deliver anyone by its great strength.

¹⁸Behold, the eye of YHWH is on those who fear Him,
On those who wait for His lovingkindness,
¹⁹To deliver their soul from death,
And to keep them alive in famine.
²⁰Our soul waits for YHWH;
He is our help and our shield.
²¹For our heart rejoices in Him,
Because we trust in His holy name.
²²"Let Thy lovingkindness, O YHWH, be upon us,
According as we have waited for Thee."

Thánh-thi 33.2-33.22

²Hãy tạ ơn Đức GIA-VÊ với đàn lia⁽¹⁾;
Hãy hát các lời ca-tụng Ngài với hạc cầm⁽²⁾ mười dây.
³Hãy hát cho Ngài một bài ca mới;
Hãy chơi nhạc điệu nghệ với tiếng hò-reo vui-vẻ.
⁴Vì lời Đức GIA-VÊ là ngay-thẳng;
Và mọi việc Ngài làm đều được *làm* trong sự thành-tín.
⁵Ngài ưa sự công-chính và công-lý;
Trái đất đầy-dẫy sự ân-cần thương-yêu của Đức GIA-VÊ.

⁶Bởi lời Đức GIA-VÊ các tầng trời đã được làm nên,
Và bởi hơi-thở của miệng Ngài, vô-số vật của chúng.
⁷Ngài gom nước biển lại với nhau thành như một đồng;
Ngài chất chứa các vực sâu trong các kho.
⁸Hãy để tất cả trái đất kinh-sợ Đức GIA-VÊ;
Hãy để tất cả những cư-dân thế-giới đứng trong sự kinh-sợ về Ngài.
⁹Vì Ngài đã phán, nó được làm xong;
Ngài đã ra lệnh, nó đã đứng vững.
¹⁰Đức GIA-VÊ vô-hiệu-hóa ý-định của các quốc-gia;
Ngài làm hỏng các kế-hoạch của các dân-tộc.
¹¹Lời chỉ bảo của Đức GIA-VÊ đứng mãi mãi,
Các kế-hoạch của tâm Ngài từ thế-hệ này đến thế-hệ khác.
¹²Phước thay đất nước mà Đức Chúa TRỜI⁽³⁾ của mình là Đức GIA-VÊ,
Dân-tộc mà Ngài vừa chọn làm tài sản riêng của Ngài.

¹³Đức GIA-VÊ nhìn từ trời;
Ngài thấy mọi con trai loài người;
¹⁴Từ nơi ngự của Ngài, Ngài theo dõi
Tất cả cư-dân của trái đất,
¹⁵Ngài là Đấng nắm các tâm-lòng của tất cả chúng,
Ngài là Đấng hiểu-biết mọi việc-làm của chúng.
¹⁶Một vua chẳng được cứu bởi một quân-đội hùng-mạnh;
Một chiến-sĩ chẳng được giải-thoát bởi sức mạnh lớn-lao.
¹⁷Ngựa là hy-vọng hão cho chiến-thắng;
Nó chẳng giải-phóng được bất cứ ai bởi sức mạnh lớn-lao của nó.

¹⁸Kìa, con mắt Đức GIA-VÊ ở trên những kẻ kinh-sợ Ngài,
Trên những kẻ đợi chờ sự ân-cần thương-yêu của Ngài,
¹⁹Để giải-cứu hồn họ khỏi sự chết,
Và giữ họ còn sống trong nạn đói.
²⁰Hồn chúng tôi đợi chờ Đức GIA-VÊ;
Ngài là sự giúp-đỡ của chúng tôi và là cái khiên chúng tôi.
²¹Vì tâm chúng tôi vui-mừng trong Ngài,
Bởi vì chúng tôi trông-cậy nơi danh thánh của Ngài.
²²"Xin sự ân-cần thương-yêu của Chúa, Đức GIA-VÊ ôi,
ở trên chúng con,
Như chúng con đợi chờ Chúa lâu nay."

¹Nhạc cụ cổ có dây buộc vào một khung hình chữ U, dùng ngón tay để gảy-gần giống đàn cầm

²Nhạc cụ lớn để thẳng đứng có nhiều dây căng trên một cái khung hình tam-giác, đánh bằng các ngón tay gần giống đàn sắt

³hay vị THẦN của mình là GIA-VÊ

THÁNH-THI 34

Đức GIA-VÊ Đấng Cung-cấp và là Đấng Giải-cứu

Người viết: Đa-vít khi ông già-bộ điên-dại trước mặt A-bi-mê-léc, và bị hấn đuổi đi

1Tôi sẽ chúc-tụng Đức GIA-VÊ luôn luôn;
Sự ca-tụng Ngài sẽ phải liên-tục ở trong miệng tôi.
2Hồn tôi sẽ khoe mình trong Đức GIA-VÊ;
Kẻ khiêm-tốn sẽ nghe nó và mừng-rỡ.
3Ôi, hãy cùng tôi tán-dương Đức GIA-VÊ,
Và chúng ta hãy cùng nhau tôn-cao danh Ngài.

4Tôi đã tìm-cầu Đức GIA-VÊ và Ngài đã đáp lời tôi,
Và đã giải-cứu tôi khỏi tất cả các nỗi sợ-hãi của tôi.
5Họ trông vào Ngài và hớn-hở,
Và mặt họ sẽ chẳng hề bị hổ-thẹn.
6Người nghèo nầy đã khóc và Đức GIA-VÊ đã nghe người,
Đã cứu người khỏi mọi phiền-hà của người.
7Vị thiên-sứ của Đức GIA-VÊ đóng trại chung-quanh những kẻ sợ Ngài,
Và giải-cứu họ.

8Ồ, hãy nếm và thấy rằng Đức GIA-VÊ là thiện;
Phước thay cho người ẩn-náu trong Ngài!
9Ôi, hãy kính-sợ Đức GIA-VÊ, các người những thánh-đồ của Ngài;
Vì đối với những kẻ kính-sợ Ngài, chẳng có một ham muốn gì cả.
10Các sư-tử con thiếu kém và chịu đói;
Nhưng các kẻ tìm-cầu Đức GIA-VÊ chẳng thiếu một điều tốt nào cả.

11Hãy đến, các người những con trẻ, hãy lắng-nghe ta;
Ta sẽ dạy các con sự kính-sợ Đức GIA-VÊ.
12Ai là người ham muốn sự sống,
Và yêu những ngày của mình để được thấy điều tốt-lành?
13Hãy giữ lưỡi của người khỏi điều ác,
Các môi của người không nói lời dối-gạt.
14Hãy tránh điều ác, và hãy làm điều lành;
Hãy tìm hòa-bình, và đeo-đuôi nó.

15Mắt của Đức GIA-VÊ hướng về người công-chính,
Và tai của Ngài nghe họ khóc.
16Mặt Đức GIA-VÊ chống những kẻ làm điều ác,
Để diệt ký ức về chúng khỏi trái đất.
17Người công-chính khóc, Đức GIA-VÊ bèn nghe,
Và giải-cứu họ ra khỏi tất cả những sự phiền-hà.
18Đức GIA-VÊ ở gần những kẻ có tim tan-vỡ,
Và cứu những kẻ bị nghiền-nát trong tâm-linh.

19Nhiều thay tai-họa của người công-chính;
Nhưng Đức GIA-VÊ giải-cứu người ra khỏi tất cả chúng.
20Ngài giữ tất cả xương xóc của người;
Chẳng một cái nào trong chúng bị gãy.
21Điều ác sẽ giết kẻ độc-ác;
Và những kẻ ghét người công-chính sẽ bị kết-án.
22Đức GIA-VÊ chuộc hồn của những tội-tớ Ngài;
Chẳng có một hồn nào của những kẻ ẩn-náu trong Ngài sẽ bị kết-án.

PSALM 34

1I will bless YHWH at all times;
His praise shall continually be in my mouth,
2My soul shall make its boast in YHWH;
The humble shall hear it and rejoice.
3O magnify YHWH with me,
And let us exalt His name together.
4I sought YHWH, and He answered me,
And delivered me from all my fears.
5They looked to Him and were radiant,
And their faces shall never be ashamed.
6This poor man cried and YHWH heard him,
And saved him out of all his troubles.
7The angel of YHWH encamps around those who fear Him,
And rescues them.

8O taste and see that YHWH is good;
How blessed is the man who takes refuge in Him!
9O fear YHWH, you His saints;
For to those who fear Him, there is no want.
10The young lions do lack and suffer hunger;
But they who seek YHWH shall not be in want of any good thing.

11Come, you children, listen to me;
I will teach you the fear of YHWH.
12Who is the man who desires life,
And loves *length of days* that he may see good?
13Keep your tongue from evil,
And your lips from speaking deceit.
14Depart from evil, and do good;
Seek peace, and pursue it.

15The eyes of YHWH are toward the righteous,
And His ears are *open* to their cry.
16The face of YHWH is against evildoers,
To cut off the memory of them from the earth.
17The *righteous* cry and YHWH hears,
And delivers them out of all their troubles.
18YHWH is near to the broken hearted,
And saves those who are crushed in spirit.

19Many are the afflictions of the righteous;
But YHWH delivers him out of them all.
20He keeps all his bones;
Not one of them is broken.
21Evil shall slay the wicked;
And those who hate the righteous will be condemned.
22YHWH redeems the soul of His servants;
And none of those who take refuge in Him will be condemned.

PSALM 35

1¹Contend, O YHWH, with those who contend with me;
Fight against those who fight against me.

2²Take hold of buckler and shield,
And rise up for my help.

3³Draw also the spear and the battle-axe to meet those who
pursue me;
Say to my soul, 'I am your salvation.'

4⁴Let those be ashamed and dishonored who seek my life;
Let those be turned back and humiliated who devise evil
against me.

5⁵Let them be like chaff before the wind,
With the angel of YHWH driving *them* on.

6⁶Let their way be dark and slippery,
With the angel of YHWH pursuing them.

7⁷"For without cause they hid their net for me;
Without cause they dug a pit for my soul.

8⁸Let destruction come upon him unawares;
And let the net which he hid catch himself;
Into that very destruction let him fall."

9⁹And my soul shall rejoice in YHWH;
It shall exult in His salvation.

10¹⁰All my bones will say, "YHWH, who is like Thee,
Who delivers the afflicted from him who is too strong for
him,

And the afflicted and the needy from him who robs him?"

11¹¹Malicious witnesses rise up;
They ask me of things that I do not know.

12¹²They repay me evil for good,
To the bereavement of my soul.

13¹³But as for me, when they were sick, my clothing was
sackcloth;

I humbled my soul with fasting;
And my prayer kept returning to my bosom.

14¹⁴I went about as though it were my friend or brother;
I bowed down mourning, as one who sorrows for a
mother.

15¹⁵But at my stumbling they rejoiced, and gathered
themselves together;
The smiters whom I did not know gathered together
against me,

They tore me without ceasing.

16¹⁶Like godless jesters at a feast,
They gnashed at me with their teeth.

17¹⁷Lord, how long wilt Thou look on?
Rescue my soul from their ravages,
My only *life* from the lions.

18¹⁸I will give Thee thanks in the great congregation;
I will praise Thee among a mighty throng.

THÁNH-THI 35

Câu-nguyện xin giải-cứu khỏi các kẻ thù
Người viết: Đa-vít

1¹"Xin đấu tranh, *Đức* GIA-VÊ ôi, với những kẻ đấu tranh
với con;

Xin đánh chống những kẻ đánh chống con.

2²Xin cầm khiên nhỏ và khiên lớn,

Và xin chỗi-dậy để giúp-đỡ con.

3³Xin cũng rút giáo và rìu chiến-trận ra để đón những kẻ
truy đuổi con;

Xin nói với hồn con: "Ta là sự cứu-rỗi của ngươi."

4⁴Xin cho những kẻ tìm sinh-mạng con bị hồ-thẹn và bị sỉ-
nhục;

Xin cho những kẻ chế ra điều ác chống lại con bị đẩy lui
và bị làm nhục.

5⁵Xin cho chúng như trâu trước gió,

Với vị thiên-sứ của *Đức* GIA-VÊ kéo *chúng* đi.

6⁶Xin cho đường của chúng tối-mịt và trơn-trợt,

Với vị thiên-sứ của *Đức* GIA-VÊ truy đuổi chúng.

7⁷"Vì vô-cớ chúng giăng lưới của chúng để bẫy con;

Vô-cớ chúng đào huyết cho hồn con.

8⁸Xin sự hủy-hoại bất ngờ đến trên nó;

Và xin cho cái lưới mà nó giăng bắt lấy chính nó;

Trong chính sự hủy-hoại đó xin cho nó sa vào."

9⁹Và hồn tôi sẽ mừng-rỡ trong *Đức* GIA-VÊ;

Nó sẽ hân-hoan trong sự cứu-rỗi của Ngài.

10¹⁰Và mọi xương tôi sẽ nói: "*Đức* GIA-VÊ, có ai như
Chúa,

Đáng giải-cứu người bị khổ khỏi kẻ quá mạnh đối với
người,

Và người bị nạn và người thiếu-thốn khỏi kẻ trăn lộn
người?"

11¹¹Các nhân chứng hiểm-độc dấy lên;

Chúng hỏi tôi về các việc tôi không biết.

12¹²Chúng lấy ác báo tôi việc lành,

Để hồn tôi chịu tôn-thất.

13¹³Nhưng còn tôi, khi chúng đã ngã bệnh, thì quần-áo tôi
đã là vải gai;

Tôi làm hồn tôi khiêm tốn bằng kiêng ăn;

Và lời cầu-nguyện của tôi đã cứ trở lại vào ngực tôi.

14¹⁴Tôi đi đây đó như thể chính là bạn-hữu hay anh em tôi;

Tôi đã cúi xuống khóc-than, như người đau-buồn vì mẹ.

15¹⁵Nhưng khi tôi vấp-ngã, chúng đã mừng-rỡ và đã tụ họp
lại với nhau;

Các kẻ giày vò mà tôi đã chẳng biết họp lại với nhau
chống lại tôi,

Chúng không ngừng xâu xé tôi.

16¹⁶Như các anh hề vô-thần tại bữa tiệc,

Chúng nó nghiền răng vào *mặt* tôi.

17¹⁷"Chúa ôi, bao lâu Chúa sẽ cứ ngó vào?

Xin giải-cứu hồn con khỏi các sự tàn-phá của chúng,

Sinh-mạng duy-nhất của con khỏi những con sư-tử.

18¹⁸Con sẽ tạ ơn Chúa trong hội lớn;

Con sẽ ca-tụng Chúa ở giữa một đám đông mạnh mẽ.

Thánh-thi 35.19-36.7

19 Xin chớ để những kẻ không đáng là các kẻ thù con mừng-rỡ trên con;
Cũng xin đừng để các kẻ ghét con vô cớ nheo mắt một cách ác-tâm.

20 Vì chúng không nói lời hòa-bình,
Nhưng chúng chế ra các lời lừa-dối chống những kẻ yên lặng trong xứ.

21 Và chúng há toát miệng của chúng ra chống lại con;
Chúng nói: "Ha, ha, mắt chúng ta thấy nó rồi!"

22 "Chúa thấy nó rồi, Đức GIA-VÊ ôi, xin đừng im-lặng;
Chúa ôi, xin chớ cách xa con.

23 Xin Chúa tự khuấy-động, và xin trở dậy bảo vệ quyền của con,

Và cờ của con, Đức Chúa TRỜI của con và Chúa của con.

24 Xin phán-xét con, GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI của con,
tùy theo sự công-chính của Chúa;

Và xin đừng để chúng mừng-rỡ trên con.

25 Xin đừng cho chúng nói trong tâm chúng: "Ha, ước-muốn của chúng ta!"

Xin chớ để chúng nói: "Chúng ta đã nuốt trọn nó rồi!"

26 Xin cho hết những kẻ mừng-rỡ khi con bị khốn-cùng bị hổ-thẹn và bị nhục;

Xin cho những kẻ tự làm cao hơn con bị xấu-hổ và mất danh dự.

27 "Xin cho họ, những kẻ chiếu-cổ sự minh-oan của con reo hò vì vui và mừng-rỡ;

Và xin để họ nói liên-tục: "Đức GIA-VÊ đáng được tán-tụng thay!

Là Đấng vui-thích nơi sự phồn-vinh của tôi-tớ Ngài."

28 Và, lưỡi của con sẽ tuyên-bố sự công-chính của Chúa
Và sự ca-tụng Chúa suốt cả ngày."

THÁNH-THI 36

Sự gian-ác của loài người và sự nhân-từ của Đức Chúa TRỜI (Cho trường ban nhạc)

Người viết: Đa-vít

1 Sự vi-phạm nói cùng kẻ không tin-kính trong tâm hấn;
Trước mắt hấn chẳng có sự kính-sợ Đức Chúa TRỜI.

2 Vì hấn tâng-bộc hấn trong nhãn quan của hấn,
Về tội-ác của hấn chẳng bị khám-phá và không bị ghét.

3 Các lời của miệng hấn là sự độc-ác và dối-gạt;
Hấn đã hết khôn-ngoaan và thôi làm việc lành.

4 Hấn hoạch-định sự độc-ác trên giường của hấn;

Hấn tự đặt mình trên nẻo không tốt;

Hấn không khinh-dể điều ác.

5 "Sự ân-cần thương-yêu của Chúa, Đức GIA-VÊ ôi, mở rộng đến tận các tầng trời,

Sự thành-tin của Chúa chạm đến các bầu trời.

6 Sự công-chính của Chúa như các núi của Đức Chúa TRỜI;

Các phán-xét của Chúa như một vực rộng sâu.

Đức GIA-VÊ ôi, Chúa bảo-tồn loài người và thú vật.

7 Quý biết bao sự ân-cần thương-yêu của Chúa, Đức Chúa TRỜI ôi!

Và con cái loài người ẩn-náu trong bóng của những cánh của Chúa.

Psalms 35.19-36.7

19 Do not let those who are wrongfully my enemies rejoice over me;

Neither let those who hate me without cause wink maliciously.

20 For they do not speak peace,

But they devise deceitful words against those who are quiet in the land.

21 And they opened their mouth wide against me;

They said, "Aha, aha, our eyes have seen it!"

22 "Thou hast seen it, O YHWH, do not keep silent;
O Lord, do not be far from me,

23 Stir up Thyself, and awake to my right,

And to my cause, my God and my Lord.

24 Judge me; O YHWH my God, according to Thy righteousness;

And do not let them rejoice over me.

25 Do not let them say in their heart, 'Aha, our desire!'

Do not let them say, 'We have swallowed him up!'

26 Let those be ashamed and humiliated altogether who rejoice at my distress;

Let those be clothed with shame and dishonor who magnify themselves over me.

27 "Let them shout for joy and rejoice, who favor my vindication;

And let them say continually, 'YHWH be magnified,
Who delights in the prosperity of His servant.'

28 And my tongue shall declare Thy righteousness

And Thy praise all day long."

PSALM 36

1 Transgression speaks to the ungodly within his heart;
There is no fear of God before his eyes.

2 For he flatters himself in his own eyes,

Concerning the discovery of his iniquity and the hatred of it.

3 The words of his mouth are wickedness and deceit;

He has ceased to be wise and to do good.

4 He plans wickedness upon his bed;

He sets himself on a path that is not good;

He does not despise evil.

5 "Thy lovingkindness, O YHWH, extends to the heavens,
Thy faithfulness reaches to the skies.

6 Thy righteousness is like the mountains of God;

Thy judgments are like a great deep.

O YHWH, Thou preservest man and beast.

7 How precious is Thy lovingkindness, O God!

And the children of men take refuge in the shadow of Thy wings.

Psalms 36.8-37.16

⁸They drink their fill of the abundance of Thy house;
And Thou dost give them to drink of the river of Thy delights.

⁹For with Thee is the fountain of life;
In Thy light we see light.

¹⁰O continue Thy lovingkindness to those who know Thee,

And Thy righteousness to the upright in heart.

¹¹Let not the foot of pride come upon me,
And let not the hand of the wicked drive me away.

¹²There the doers of iniquity have fallen;
They have been thrust down and cannot rise."

PSALM 37

¹Do not fret because of evildoers,
Be not envious toward wrongdoers.

²For they will wither quickly like the grass,
And fade like the green herb.

³Trust in YHWH, and do good;
Dwell in the land and cultivate faithfulness.

⁴Delight yourself in YHWH;
And He will give you the desires of your heart.

⁵Commit your way to YHWH,
Trust also in Him, and He will do it.

⁶And He will bring forth your righteousness as the light,
And your judgment as the noonday.

⁷Rest in YHWH and wait patiently for Him;
Do not fret because of him who prospers in his way,
Because of the man who carries out wicked schemes.

⁸Cease from anger, and forsake wrath;
Do not fret, it leads only to evildoing.

⁹For evildoers will be cut off,
But those who wait for YHWH, they will inherit the land.

¹⁰Yet a little while and the wicked man will be no more;
And you will look carefully for his place, and he will not be there.

¹¹But the humble will inherit the land,
And will delight themselves in abundant prosperity.

¹²The wicked plots against the righteous,
And gnashes at him with his teeth.

¹³The Lord laughs at him;
For He sees his day is coming.

¹⁴The wicked have drawn the sword and bent their bow,
To cast down the afflicted and the needy,
To slay those who are upright in conduct.

¹⁵Their sword will enter their own heart,
And their bows will be broken.

¹⁶Better is the little of the righteous
Than the abundance of many wicked.

Thánh-thi 36.8-37.16

⁸Họ uống no-nê sự dư-dật của đền Chúa;
Và Chúa cho họ uống từ sông các vui-thích của Chúa.

⁹Vì với Chúa, là nguồn sự sống;
Trong sự sáng của Chúa chúng con thấy ánh sáng.

¹⁰Ôi, xin tiếp-tục sự ân-cần thương-yêu của Chúa cho
những kẻ biết Chúa,

Và sự công-chính của Chúa cho những kẻ ngay-thẳng
trong tâm.

¹¹Xin đừng để bàn chân kiêu-ngạo chụp trên con,
Và xin đừng để bàn tay kẻ độc-ác đẩy con đi.

¹²Ở đó các kẻ làm ác ngã rôi;
Chúng bị vật xuống và không thể chỗi dậy rôi."

THÁNH-THI 37

*Sự an-bình của những người tin-cậy nơi Đức GIA-VÊ
và sự bất an của những kẻ ác*

Người viết: Đa-vít

¹Chớ bứt-rứt vì các kẻ làm điều xấu,
Đừng ghen-tị những kẻ làm điều sai trái,

²Vì chúng sẽ tàn-rụi nhanh như cỏ,
Và phai đi như cỏ xanh.

³Hãy trông-cậy nơi Đức GIA-VÊ, và hãy làm điều lành;
Hãy ở trong xứ và vun xới lòng trung-tín.

⁴Hãy tự mình vui-thích trong Đức GIA-VÊ;
Và Ngài sẽ ban cho ngươi những ao-ước của tâm ngươi.

⁵Hãy phó-thác đường-lối của mình cho Đức GIA-VÊ,
Cũng hãy trông-cậy Ngài, Ngài sẽ làm việc ấy.

⁶Và Ngài sẽ đem ra sự công-chính của ngươi ra như ánh-
sáng,
Và sự phán-đoán của ngươi như giữa trưa.

⁷Hãy nghỉ-ngoi trong Đức GIA-VÊ và hãy kiên-nhẫn chờ
đợi Ngài;

Chớ bứt-rứt vì kẻ thịnh-vượng trong đường-lối của hần,
Bởi hần thi-thành các mưu-chước độc-ác.

⁸Hãy ngưng cơn giận, và hãy bỏ sự phẫn-nộ;
Chớ bứt-rứt, nó chỉ dẫn tới việc làm xấu-xa.

⁹Vì những kẻ làm điều xấu sẽ bị diệt,
Còn những kẻ chờ-đợi Đức GIA-VE sẽ thừa-kế đất-đai.

¹⁰Tuy nhiên một chốc nữa kẻ độc-ác sẽ không còn nữa;
Và ngươi sẽ tìm kỹ chỗ của hần, hần sẽ không có đó.

¹¹Nhưng người khiêm-tốn sẽ thừa-kế đất ấy,
Và sẽ tự mình vui-thích trong sự thịnh-vượng dư-dật.

¹²Kẻ độc-ác lập mưu chống lại người công-chính,
Và nghiêng răng của hần cùng người.

¹³Chúa cười hần;
Vì Ngài thấy cái ngày của hần đang đến.

¹⁴Kẻ độc-ác rút gươm ra và giương cung của hần rôi,
Đề đánh ngã người khôn-khó và kẻ thiếu-thốn,

Đề giết những người ngay-thẳng trong cách cư-xử.
¹⁵Gươm của chúng sẽ vào chính tim chúng
Và những cây cung của chúng sẽ bị gãy.

¹⁶Thà có một chút xiu của các người công-chính
Hơn là một đồng của nhiều kẻ độc-ác.

Thánh-thi 37.17-37.38

17 Vì những cánh tay của các kẻ độc-ác sẽ bị gãy;
Nhưng Đức GIA-VÊ duy-trì các người công-chính.
18 Đức GIA-VÊ biết các ngày những kẻ không chỗ trách;
Và của thừa-kế của họ sẽ là mãi mãi.
19 Họ sẽ không bị hổ-thẹn trong thời xấu-xa;
Và trong các ngày đói kém, họ sẽ có dư-dật.
20 Nhưng các kẻ độc-ác sẽ diệt-vong;
Và các kẻ thù của Đức GIA-VÊ sẽ như vinh-quang của
các đồng cỏ,
Chúng tiêu-tan—như khói chúng biến mất đi.
21 Kẻ độc-ác mượn và không trả lại,
Nhưng người công-chính khoan-dung và cho ra;
22 Vì các kẻ được Ngài ban phước sẽ thừa-kế đất-đai;
Nhưng những kẻ bị Ngài rủa-sả sẽ bị diệt.
23 Những bước đi của một người được Đức GIA-VÊ vững
lập;
Và Ngài vui-thích đường-lối của người.
24 Khi người té, đầu người sẽ không đâm xuống;
Bởi vì Đức GIA-VÊ là Đấng nắm tay người.
25 Tôi đã từng là trẻ, và nay tôi già;
Tuy thế tôi đã chưa từng thấy người công-chính bị bỏ rơi,
Hoặc con cháu người ăn xin bánh.
26 Suốt ngày, người thì khoan-dung và cho mượn;
Con cháu người là một phước-hạnh.
27 Hãy rời khỏi điều xấu, và hãy làm điều lành,
Thế là người sẽ cứ ở mãi mãi.
28 Vì Đức GIA-VÊ thích sự công-bình,
Và chẳng bỏ những kẻ tin-kính của Ngài;
Họ được gìn-giữ đời đời;
Nhưng con cháu kẻ độc-ác sẽ bị diệt.
29 Kẻ công-chính sẽ thừa-kế đất-đai,
Và ngụ trong đó đời đời.
30 Miệng người công-chính thốt ra sự khôn-ngoan,
Lưỡi người nói sự công-bình.
31 Luật-pháp của Đức Chúa TRỜI của người ở trong tâm
của người;
Các bước đi của người chẳng trượt.
32 Kẻ ác dò-thám người công-chính,
Và tìm-kiếm để giết người.
33 Đức GIA-VÊ sẽ chẳng bỏ người trong tay hắn,
Hay để người bị kết án khi người bị phán-xét.
34 Hãy chờ đợi Đức GIA-VÊ, và hãy giữ đường-lối Ngài,
Rồi Ngài sẽ nâng người lên để thừa-kế đất-đai;
Khi các kẻ độc-ác bị diệt, người sẽ thấy điều ấy.
35 Tôi đã từng thấy một người ác, dữ-tợn
Tự trải hấn ra như một cây sum-sê nơi đất bầm-sinh của
nó.
36 Đoạn hấn qua đời, và kia, hấn đã chẳng còn nữa;
Tôi đã tìm-kiếm hấn, nhưng hấn đã chẳng có thể tìm ra
được.
37 Hãy để ý người không chỗ trách, và hãy xem người
ngay-thẳng;
Vì người có sự bình-an sẽ có hậu-tự.
38 Nhưng các kẻ phạm-tội sẽ bị hủy-diệt hoàn-toàn;
Hậu-tự của kẻ độc-ác sẽ bị trừ-diệt.

Psalms 37.17-37.38

17 For the arms of the wicked will be broken;
But YHWH sustains the righteous.
18 YHWH knows the days of the blameless;
And their inheritance will be forever.
19 They will not be ashamed in the time of evil;
And in the days of famine they will have abundance.
20 But the wicked will perish;
And the enemies of YHWH will be like the glory of the
pastures,
They vanish—like smoke they vanish away.
21 The wicked borrows and does not pay back,
But the righteous is gracious and gives.
22 For those blessed by Him will inherit the land;
But those cursed by Him will be cut off.
23 The steps of a man are established by YHWH;
And He delights in his way.
24 When he falls, he shall not be hurled headlong;
Because YHWH is the One who holds his hand.
25 I have been young, and now I am old;
Yet I have not seen the righteous forsaken,
Or his descendants begging bread.
26 All day long he is gracious and lends;
And his descendants are a blessing.
27 Depart from evil, and do good,
So you will abide forever.
28 For YHWH loves justice,
And does not forsake His godly ones;
They are preserved forever;
But the descendants of the wicked will be cut off.
29 The righteous will inherit the land,
And dwell in it forever.
30 The mouth of the righteous utters wisdom,
And his tongue speaks justice
31 The law of his God is in his heart;
His steps do not slip.
32 The wicked spies upon the righteous,
And seeks to kill him.
33 YHWH will not leave him in his hand,
Or let him be condemned when he is judged.
34 Wait for YHWH, and keep His way,
And He will exalt you to inherit the land;
When the wicked are cut off, you will see it.
35 I have seen a violent, wicked man
Spreading himself like a luxuriant tree in its native soil.
36 Then he passed away, and lo, he was no more;
I sought for him, but he could not found.
37 Mark the blameless man, and behold the upright;
For the man of peace will have a posterity.
38 But transgressors will be altogether destroyed;
The posterity of the wicked will be cut off.

Psalms 37.39-38.19

³⁹But the salvation of the righteous is from YHWH;
He is their strength in time of trouble.
⁴⁰And YHWH helps them, and delivers them;
He delivers them from the wicked, and saves them,
Because they take refuge in Him.

PSALM 38

¹"O YHWH, rebuke me not in Thy wrath;
And chasten me not in Thy burning anger.
²For Thine arrows have sunk deep into me,
And Thy hand has pressed down on me.
³There is no soundness in my flesh because of Thine
indignation;
There is no health in my bones because of my sin.
⁴For my iniquities are gone over my head;
As a heavy burden they weigh too much for me.
⁵My wounds grow foul *and* fester.
Because of my folly,
⁶I am bent over and greatly bowed down;
I go mourning all day long.
⁷For my loins are filled with burning;
And there is no soundness in my flesh.
⁸I am benumbed and badly crushed;
I groan because of the agitation of my heart.

⁹"Lord, all my desire is before Thee;
And my sighing is not hidden from Thee.
¹⁰My heart throbs, my strength fails me;
And the light of my eyes, even that has gone from me.
¹¹My loved ones and my friends stand aloof from my
plague;
And my kinsmen stand afar off.

¹²"Those who seek my life lay snares *for me*;
And those who seek to injure me have threatened
destruction,
And they devise treachery all day long.

¹³But I, like a deaf man, do not hear;
And I am like a dumb man who does not open his mouth.
¹⁴Yes, I am like a man who does not hear,
And in whose mouth are no arguments.
¹⁵For I hope in Thee, O YHWH;
Thou wilt answer, O Lord my God.
¹⁶For I said, "May they not rejoice over me,
Who, when my foot slips, would magnify themselves
against me."
¹⁷For I am ready to fall,
And my sorrow is continually before me.
¹⁸For I confess my iniquity;
I am full of anxiety because of my sin.
¹⁹But my enemies are vigorous *and* strong;
And many are those who hate me wrongfully.

Thánh-thi 37.39-38.19

³⁹Nhưng sự cứu-rỗi những người công-chính là từ Đức
GIA-VÊ;
Ngài là sức mạnh của họ trước lúc có sự phiền-hà.
⁴⁰Đức GIA-VÊ giúp-đỡ họ, và giải-phóng họ;
Ngài giải-phóng họ khỏi các kẻ độc-ác, và cứu họ,
Bởi vì họ ân-náu trong Ngài.

THÁNH-THI 38

Lời cầu-nguyện của một người ăn-năn hối-cải đau-khổ
Người viết: Đa-vít

¹"Đức GIA-VÊ ôi, xin chớ khiển-trách con trong con
thịnh-nộ của Chúa;
Cũng xin đừng sửa-phạt con trong con giận bùng bùng
của Chúa.
²Vì các mũi tên Chúa mới cắm sâu trong con,
Và bàn tay của Chúa mới ép mạnh xuống trên con.
³Chẳng có sự lành-mạnh nào trong xác-thịt con vì sự
phân-nộ của Chúa;
Chẳng có sức khỏe gì trong bộ xương con vì tội của con.
⁴Vì các sự gian-ác của con vượt qua đầu con;
Như một gánh nặng, chúng đè quá sức cho con.
⁵Các vết thương của con thành hôi-thối và mưng mủ.
Vì sự đại-dột của con,
⁶Con bị bắt khòm xuống và bị cụp mình;
Con đi khóc-than suốt cả ngày.
⁷Vì chỗ thắt lưng con đầy-dẫy lửa bùng cháy;
Chẳng có sự lành-mạnh nào trong xác-thịt con.
⁸Con bị tê-cóng và nhàu nát quá tệ;
Con rên-ri vì sự khuấy-động của tâm con.

⁹"Chúa ôi! tất cả ước-ao của con đều ở trước mặt Chúa;
Và sự thờ dãi của con chẳng giấu khỏi Chúa.
¹⁰Tim con đập nhanh, sức mạnh của con phụ con;
Và ánh-sáng các mắt con, ngay cả nó cũng đã biến mất
khỏi con.
¹¹Những người yêu-dấu của con và các bạn con đều lánh
xa tai-họa của con;
Và bà-con của con đứng đàng xa xa.

¹²"Những kẻ tìm sinh-mạng con gài bẫy con;
Và những kẻ tìm hại con đã hăm-he hủy diệt,
Chúng nghĩ ra sự xảo-trá lừa-lọc suốt cả ngày.

¹³Nhưng con, như một người điếc, không nghe;
Và con như một người câm không mở miệng mình.
¹⁴Đúng, con như một người không nghe,
Và trong miệng của mình không có các lời tranh-luận.
¹⁵Vì con hy-vọng nơi Chúa, Đức GIA-VÊ ôi;
Chúa sẽ trả lời, ôi Chúa Đức Chúa TRỜI của con.
¹⁶Vì con đã nói: "Nguyện chúng không mừng-rỡ trên con,
Khi chân con trượt, chúng tự tôn tự đại chống lại con."
¹⁷Vì con sẵn-sàng để té ngã,
Và nỗi đau-dớn của con liên-tục ở trước mặt con.
¹⁸Vì con thú-nhận sự gian-ác của con;
Con đầy nỗi lo-âu bởi có tội của con.
¹⁹Nhưng các kẻ thù con cường-tráng và mạnh-mẽ;
Và nhiều thay những kẻ ghét con một cách sai-lầm.

Thánh-thi 38.20-39.13

20Và những kẻ lấy điều xấu trả điều tốt,
Chúng chống-đối con, bởi vì con theo điều tốt-lành.
21Xin chớ bỏ rơi con, *Đức* GIA-VÊ ôi;
Đức Chúa TRỜI của con ôi, xin chớ ở xa con!
22Xin mau mau giúp-đỡ con,
Ôi Chúa, sự cứu-rỗi của con!"

THÁNH-THI 39

Sự hư-không của đời (Cho trường ban nhạc, cho Giê-đu-thun)

Người viết: Đa-vít

1Tôi đã nói: "Tôi sẽ canh-giữ các đường-lối của tôi,
Đề tôi không phạm tội được với cái lưỡi của tôi;
Tôi sẽ canh-giữ cái miệng của tôi như với cái khớp mõm,
Trong khi kẻ độc-ác ở trong sự hiện-diện của tôi."
2Tôi đã câm và nín-thinh,
Tôi đã nhịn *ngay* cả thức ăn;
Và nỗi buồn khổ của tôi càng trở nên tệ hơn.
3Tâm tôi đã nóng ở bên trong tôi;
Trong khi tôi trầm-ngâm, thì lửa cháy;
Rồi tôi nói bằng cái lưỡi của tôi:
4"*Đức* GIA-VÊ ôi, xin khiến cho con biết sự cuối-cùng
của con,
Và những ngày của con kéo dài tới đâu,
Xin cho con biết con phù du thể nào.
5Kìa, Chúa làm những ngày của con *như* bề rộng bàn tay,
Và đời con như không là gì trong cái nhìn của Chúa,
Chắc-chắn mỗi người quá lắm chỉ là một hơi thở. [Sê-la.
6Chắc-chắn mỗi người bước đi đây đó như một cái bóng;
Chắc-chắn họ làm sự nao-động luống-công;
Người tích của-cái, và không biết ai sẽ thâu chúng.
7"Và bây giờ, Chúa ôi, con chờ đợi cái gì?
Hy-vọng của con là ở nơi Chúa.
8Xin giải-phóng con khỏi mọi vi-phạm của con;
Xin đừng làm con thành sự sỉ-nhục của người ngu-dại.
9Con đã trở nên câm, con chẳng mở miệng con ra,
Bởi vì chính Chúa vừa làm việc *đó*.
10Xin cất đi tai-ách của Chúa khỏi con;
Bởi vì sự chống-đối của bàn tay Chúa, con đang diệt-vong.
11Với các sự khiển-trách, Chúa trừng-phạt một người vì
gian-ác;
Chúa ăn nuốt như một con mọt cái gì là quý đối với hắn;
Chắc-chắn mỗi người chỉ là một hơi thở. [Sê-la.
12"Xin nghe lời cầu-nguyện của con, *Đức* GIA-VÊ ôi, và
xin để tai *nghe* tiếng khóc của con;
Xin đừng nín-lặng ở nước mắt con;
Vì con là một kẻ xa lạ với Chúa,
Một kẻ tạm trú như tất cả những tổ-phụ của con.
13Xin trở cái nhìn chăm của Chúa khỏi con, để con được
mỉm cười,
Trước khi con ra đi và không còn nữa."

Psalms 38.20-39.13

20And those who repay evil for good,
They oppose me, because I follow what is good.
21Do not forsake me, O YHWH;
O my God, do not be far from me!
22Make haste to help me,
O Lord, my salvation!"

PSALM 39

1I said, "I will guard my ways,
That I may not sin with my tongue;
I will guard my mouth as with a muzzle,
While the wicked are in my presence."
2I was dumb and silent,
I refrained *even* from food;
And my sorrow grew worse.
3My heart was hot within me;
While I was musing the fire burned;
Then I spoke with my tongue:
4"YHWH, make me to know my end,
And what is the extent of my days,
Let me know how transient I am.
5Behold, Thou hast made my days as handbreadths,
And my lifetime as nothing in Thy sight,
Surely every man at his best is a mere breath. [Selah.
6Surely every man walks about as a phantom;
Surely they make an uproar for nothing;
He amasses riches, and does not know who will gather
them.
7"And now, Lord, for what do I wait?
My hope is in Thee.
8Deliver me from all my transgressions;
Make me not the reproach of the foolish.
9I have become dumb, I do not open my mouth,
Because it is Thou who hast done it.
10Remove Thy plague from me;
Because of the opposition of Thy hand, I am perishing.
11With reproofs Thou dost chasten a man for iniquity;
Thou dost consume as a moth what is precious to him;
Surely every man is a mere breath. [Selah.
12"Hear my prayer, O YHWH, and give ear to my cry;
Do not be silent at my tears;
For I am a stranger with Thee,
A sojourner like all my fathers.
13Turn Thy gaze away from me, that I may smile *again*,
Before I depart and am no more."

PSALM 40

1^I waited patiently for YHWH;
And He inclined to me, and heard my cry.
2^{He} brought me up out of the pit of destruction, out of the miry clay;
And He set my feet upon a rock making my footsteps firm.
3^{And} He put a new song in my mouth a song of praise to our God;
Many will see and fear,
And will trust in YHWH.

4^{How} blessed is the man who has made YHWH his trust.
And has not turned to the proud, nor to those who lapse into falsehood.
5^{"Many,} O YHWH my God, are the wonders which Thou hast done,
And Thy thoughts toward us;
There is none to compare with Thee;
If I would declare and speak of them,
They would be too numerous to count.

6^{"Sacrifice} and meal offering Thou hast not desired;
My ears Thou hast pierced;
Burnt offering and sin offering Thou hast not required.
7^{Then} I said, 'Behold, I come;
In the scroll of the book it is written of me;
8^I delight to do Thy will, O my God;
Thy Law is within my heart."

9^{"I} have proclaimed glad tidings of righteousness in the great congregation;
Behold, I will not restrain my lips,
O YHWH, Thou knowest.
10^I have not hidden Thy righteousness within my heart;
I have spoken of Thy faithfulness and Thy salvation;
I have not concealed Thy lovingkindness and Thy truth from the great congregation.

11^{"Thou,} O YHWH, wilt not withhold Thy compassion from me;
Thy lovingkindness and Thy truth will continually preserve me.
12^{For} evils beyond number have surrounded me;
My iniquities have overtaken me, so that I am not able to see;
They are more numerous than the hairs of my head;
And my heart has failed me.

13^{"Be} pleased, O YHWH, to deliver me;
Make haste, O YHWH, to help me.

THÁNH-THI 40

Đức Chúa TRỜI duy-trì tôi-tớ của Ngài (Cho trường ban nhạc)

Người viết: Đa-vít

1^{Tôi} đã kiên-nhẫn chờ đợi Đức GIA-VÊ;
Và Ngài đã nghiêng về tôi, và nghe tiếng khóc của tôi.
2^{Ngài} đã đem tôi lên khỏi hầm hủy-hoại, ra khỏi đất sét bầy nhầy;
Và Ngài đã đặt hai bàn chân tôi trên tảng đá làm cho các bước tôi vững chắc.
3^{Và} Ngài đã để một bài hát mới trong miệng tôi, một bài hát ca-tụng Đức Chúa TRỜI của chúng tôi;
Nhiều người sẽ thấy và kinh-sợ,
Và sẽ trông-cậy nơi Đức GIA-VÊ.

4^{Phước} thay cho người làm Đức GIA-VÊ thành sự trông-cậy của hắn,
Và chẳng xoay theo kẻ kiêu-ngạo, hay các kẻ sa vào sự sai-trái.
5^{"Nhiều} thay, GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI của con ôi, là các điều kỳ-diệu mà Chúa từng làm,
Và các tư-tưởng của Chúa hướng về chúng con;
Chẳng có một ai sánh kịp với Chúa;
Nếu con muốn tuyên-bố và nói về chúng,
Thì chúng quá nhiều không đếm được.

6^{"Té} vật và của-lễ chay, trước giờ Chúa chẳng muốn;
Nhưng tai con, Chúa xó;
Của-lễ thiêu và của-lễ chuộc tội Chúa trước giờ chẳng đòi.
7^{Lúc} đó con đã nói: 'Này, con đến;
Trong cuộn sách có viết về con;
8^{Con} vui-thích được thực-hiện ý muốn của Chúa, Đức Chúa TRỜI của con ôi;
Luật-pháp của Chúa ở trong tâm con."

9^{"Con} vừa công-bố tin mừng về sự công-chính trong hội chúng lớn;
Kia, con sẽ không kiềm-chế các môi của con,
Đức GIA-VÊ ôi, Chúa biết.
10^{Con} lâu nay chẳng giấu sự công-chính của Chúa ở trong tâm con;
Lâu nay con nói về sự thành-tín của Chúa và sự cứu-rỗi của Chúa;
Lâu nay con chẳng giấu hội chúng lớn sự ân-cần yêu-thương của Chúa và lẽ-thật của Chúa.

11^{"Chúa,} Đức GIA-VÊ ôi, sẽ không giữ lòng thương-xót của Chúa khỏi con;
Sự ân-cần thương-yêu của Chúa và lẽ thật của Chúa sẽ liên-tục gìn-giữ con.
12^{Vì} vô số điều xấu đã bao-vây con;
Tội-ác của con theo kịp con rồi, đến nỗi con không có khả-năng để thấy;
Chúng nhiều hơn tóc trên đầu con;
Và tâm con phụ con rồi.

13^{"Xin} vui lòng, Đức GIA-VÊ ôi, giải-phóng con;
Xin nhanh lên, Đức GIA-VÊ ôi, giúp con.

Thánh-thi 40.14-41.13

¹⁴Xin cho hết thảy những kẻ truy mạng-sống con để hủy-diệt bị mắc-cỡ và bị làm nhục;

Xin cho những kẻ vui-thích trong sự đau-đớn của con bị thối lui và bị si-nhục.

¹⁵Xin những kẻ nói với con: 'Ha, ha!' Bị sững-sờ bởi vì sự si-nhục của hă.

¹⁶"Xin cho mọi kẻ tìm-cầu Chúa mừng-rỡ và vui-vẻ trong Chúa;

Xin để những người yêu sự cứu-rỗi của Chúa nói hoài: 'Đức GIA-VÊ đáng tôn-đại thay!'

¹⁷Vì con bị tai ương và thiếu-thốn, Xin Chúa lưu-tâm đến con; Chúa là sự giúp-đỡ của con và là Đấng giải-cứ của con; Xin đừng trì-hoãn, Đức Chúa TRỜI của con ôi."

THÁNH-THI 41

*Trong cơn bệnh, trước-giã than-thờ về các kẻ thù và những bầu-bạn giả-dối (Cho trường ban nhạc)
Người viết: Đa-vít*

¹Phước thay cho người đoái đến kẻ bơ-vơ;
Đức GIA-VÊ sẽ giải-cứ hă trong ngày có sự phiền-hà.

²Đức GIA-VÊ sẽ bảo-vệ hă, và giữ cho hă sống, Và hă sẽ được gọi là có phước trên trái đất; Và không phó hă cho ước-muốn của kẻ thù của hă.

³"Đức GIA-VÊ sẽ duy-trì hă trên giường bệnh của hă; Trong cơn bệnh của hă, Chúa cải-đổi giường⁽¹⁾ của hă.

⁴"Về phần con, con đã nói: 'Đức GIA-VÊ ôi, xin khoan-dung với con;

Xin chữa hồn con, vì con đã phạm tội chống lại Chúa.'

⁵Các kẻ thù của con nói xấu về con:

'Khi nó chết, và tên nó sẽ diệt-vong?'

⁶Và khi hă đến thăm con, hă nói lời sai trái;

Tâm hă thu-thập sự ác-độc vào chính nó;

Khi hă đi ra ngoài, hă để lộ ra.

⁷Mọi kẻ ghét con đều xâm-xì với nhau chống lại con;

Chống lại con, chúng chế ra cách làm con đau-đớn, nói:

⁸Một điều ác được đổ ra trên nó,

Để khi nó nằm xuống, nó sẽ không chỗi dậy lần nữa.'

⁹Ngay cả bạn thân con, mà con tin cậy,

Là người đã ăn bánh của con,

Vừa giơ gót của nó lên chống lại con.

¹⁰"Nhưng Chúa, Đức GIA-VÊ ôi, xin khoan-dung với con, và xin đỡ con dậy,

Để con có thể báo-trả chúng.

¹¹Bởi điều này con biết rằng Chúa vui lòng với con:

Bởi vì kẻ thù con không reo-hò thắng hơn con.

¹²Còn con, Chúa xác nhận con lên trong sự thanh-liêm của con,

Và Chúa đặt con ở trong sự hiện-diện của Chúa mãi mãi."

¹³Đáng chúc-tụng thay Đức GIA-VÊ, Đức Chúa TRỜI của Y-so-ra-ên,

Từ đời đời cho đến đời đời!

A-men, A-men!

Psalms 40.14-41.13

¹⁴Let those be ashamed and humiliated together
Who seek my life to destroy it;

Let those be turned back and, dishonored

Who delight in my hurt.

¹⁵Let those be appalled because of their shame

Who say to me, 'Aha, aha!'"

¹⁶"Let all who seek Thee rejoice and be glad in Thee;

Let those who love Thy salvation say continually,

'YHWH be magnified!'

¹⁷Since I am afflicted and needy,

Let the Lord be mindful of me;

Thou art my help and my deliverer;

Do not delay, O my God."

PSALM 41

¹How blessed is he who considers the helpless;
YHWH will deliver him in a day of trouble.

²YHWH will protect him, and keep him alive,

And he shall be called blessed upon the ear

And do not give him over to the desire of his enemies.

³"YHWH will sustain him upon his sickbed;

In his illness, Thou dost turn all his bed.

⁴"As for me, I said, 'O YHWH, be gracious to me;

Heal my soul, for I have sinned against Thee.'

⁵My enemies speak evil against me,

'When will he die, and his name perish?'

⁶And when he comes to see me, he speaks falsehood;

His heart gathers wickedness to itself;

When he goes outside, he tells it.

⁷All who hate me whisper together against me;

Against me they devise my hurt, saying,

⁸'A wicked thing is poured out upon him,

That when he lies down, he will not rise up again.'

⁹Even my close friend, in whom I trusted

Who ate my bread,

Has lifted up his heel against me.

¹⁰"But Thou, O YHWH, be gracious to me, and raise me up,

That I may repay them.

¹¹By this I know that Thou art pleased with me,

Because my enemy does not shout in triumph over me.

¹²As for me, Thou dost uphold me in my integrity,

And Thou dost set me in Thy presence forever."

¹³Blessed be YHWH, the God of Israel,

From everlasting to everlasting.

Amen, and Amen.

¹Hãy: hồi-phục sức khỏe cho người

Book II
Psalms 42.1-72.20

PSALM 42

1¹As the hart pants for the water brooks,
So my soul pants for Thee, O God.
2²My soul thirsts for God, for the living God;
When shall I come and appear before God?
3³My tears have been my food day and night,
While *they* say to me all day long, 'Where is your God?'
4⁴These things I remember, and I pour out my soul within
me.
For I used to go along with the throng *and* lead them in
procession to the house of God,
With the voice of joy and thanksgiving, a multitude
keeping festival."
5⁵Why are you sunk down, O my soul?
And *why* have you become disturbed within me?
Wait for God, for I shall still praise Him,
For the saving acts of His presence.
6⁶"O my God, my soul is sunk down within me;
Therefore I remember Thee from the land of the Jordan
And the peaks of Hermon, from Mount Mizar.
7⁷Deep calls to deep at the sound of Thy waterfalls;
All Thy breakers and Thy waves have rolled over me."
8⁸YHWH will command His lovingkindness in the
daytime;
And His song will be with me in the night,
A prayer to the God of my life.
9⁹I will say to God my rock, "Why have Thou forgotten
me?
Why do I go mourning because of the oppression of the
enemy?"
10¹⁰As a shattering of my bones, my adversaries revile me,
While they say to me all day long, "Where is your God?"
11¹¹Why are you sunk down, O my soul?
And why have you become disturbed within me?
Wait for God, for I shall yet praise Him,
The saving acts of my countenance and my God.

PSALM 43

1¹"Vindicate me, O God, and plead my case against an
ungodly nation;
O deliver me from the deceitful and unjust man!

Quyển Thứ Hai
Các Thánh-Thi 42.1-72.20

THÁNH-THI 42

*Lòng khao-khát Đức Chúa TRỜI trong lúc hoạn-nạn và
bị lưu-dây (Cho trường ban nhạc)*
*Người viết: Những con trai của Cô-ra, là các nhạc-sĩ và
phụ-tá đền-thờ*

1¹"Như con nai đực dò hồng thềm-khát các suối nước nhỏ,
Cũng vậy hồn con khao-khát Chúa, Đức Chúa TRỜI ôi!
2²Hồn con khát-khao Đức Chúa TRỜI, khao-khát Đức
Chúa TRỜI hằng sống;
Khi con sẽ đến và hiện ra trước mặt Đức Chúa TRỜI?
3³Nước mắt con đã là thức-ăn của con ngày và đêm,
Trong khi *chúng nó* nói với con suốt cả ngày: 'Đức Chúa
TRỜI của ngươi ở đâu?'
4⁴Các điều này con nhớ lại, con bèn tuôn ra hồn của con ở
bên trong con.
Vì con đã thường đi cùng với đoàn người và dẫn họ lữ-
lược đến đền Đức Chúa TRỜI của con,
Với tiếng vui-vẻ và cảm-tạ, một đoàn đồng giữ lễ."
5⁵Tại sao ngươi chùng xuống, hồn ta ơi?
Và tại sao ngươi trở nên bối rối ở trong ta?
Hãy chờ Đức Chúa TRỜI, vì ta sẽ còn ca-tụng Ngài,
Vì việc làm cứu rỗi của sự hiện diện của Ngài.
6⁶"Đức Chúa TRỜI của con ơi, hồn con chìm xuống bên
trong con;
Vì thế con nhớ Chúa từ xứ có sông Giô-đanh
Và các đỉnh Hết-môn, từ Núi Mít-sê-a.

7⁷Vực gọi vực *khi có* tiếng của các thác nước của Chúa;
Tất cả sóng lớn vỗ bờ của Chúa và biển cả của Chúa cuộn
trên con."
8⁸Đức GIA-VÊ sẽ có sẵn sự ân-cần yêu thương của Ngài
vào ban ngày;
Và bài ca của Ngài sẽ ở cùng tôi vào ban đêm,
Một lời cầu nguyện tới Đức Chúa TRỜI của đời tôi.
9⁹Tôi sẽ thưa cùng Đức Chúa TRỜI tảng đá của tôi: "Tại
sao Chúa đã quên con?
Tại sao con than khóc vì sự áp bức của kẻ thù đó?
10¹⁰Trong khi xương con tan vỡ, những kẻ nghịch của con
xía xối con,
Trong khi chúng nói với con suốt cả ngày, "Đức Chúa
TRỜI của ngươi ở đâu?"
11¹¹Tại sao ngươi chùng xuống, hồn ta ơi?
Và tại sao ngươi trở nên bối rối ở trong ta?
Hãy chờ Đức Chúa TRỜI, vì ta sẽ còn ca-tụng Ngài,
Các việc làm cứu rỗi của về mặt của ta và Đức Chúa
TRỜI của ta.

THÁNH-THI 43

Cầu-nguyện xin sự giải-cứ
Người viết: Các con trai Cô-ra (các phụ-tá đền-thờ)

1¹"Xin minh-oan cho con, Đức Chúa TRỜI ôi, xin biện-hộ
trường-hợp con chống lại một dân-tộc không tin-kính;
Ôi, xin giải-cứ con khỏi người dối-gạt và bất-công!

Thánh-thi 43.2-44.10

²Vì Chúa là Đức Chúa TRỜI của sức lực con; cứ sao Chúa đã bác-bỏ con?
Cứ sao con đi khóc-than bởi vì kẻ thù áp-bức?

³"Ôi, xin phát ra ánh-sáng của Chúa và lẽ-thật của Chúa,
xin cho chúng dẫn dắt con;
Xin cho chúng đem con đến đền thánh của Chúa,
và đến các nơi ngự của Chúa.

⁴Lúc đó con sẽ đi đến bàn-thờ của Đức Chúa TRỜI,
Đến cùng Đức Chúa TRỜI, niềm vui vô-hạn của con;
Rồi cùng thất-huyền-cầm, con sẽ ca-tụng Chúa,
Đức Chúa TRỜI ôi, Đức Chúa TRỜI của con."

⁵Cứ sao người chùng xuống, hỡi hồn ta?
và cứ sao người bối-rối bên trong ta?
Hãy chờ Đức Chúa TRỜI, vì ta sẽ lại ca-tụng Ngài
Sự giúp-đỡ của về mặt ta, và Đức Chúa TRỜI của ta.

THÁNH-THI 44

Các sự giải-cứ xưa và các sự phiến-hà hiện tại (Cho trường ban nhạc)

Người viết: Các con trai của Cô-ra (các phụ-tá đền thờ)

¹"Đức Chúa TRỜI ôi, chúng con đã nghe với các lỗ tai mình,
Tổ-phụ của chúng con đã nói cho chúng con biết,
Công-việc Chúa đã làm trong những ngày của họ,
Trong những ngày thuở xưa.

²Chúa, với chính tay Chúa, đã đuổi các dân-tộc ra;
Đoạn Chúa đã trồng họ;
Chúa đã gây họa cho các dân-tộc,
Rồi Chúa đã phân tán họ ra nước ngoài.

³Vì bởi chính gươm mình họ đã chẳng chiếm-hữu được đất ấy;
và cánh tay của chính họ đã chẳng cứu được họ;
Nhưng tay hữu Chúa, cánh tay Chúa, và ánh-sáng của sự hiện-diện của Chúa,
Vì Chúa đã làm ơn cho họ.

⁴"Chúa là Vua của con, Đức Chúa TRỜI ôi;
Xin truyền các chiến-thắng cho Gia-cốp.

⁵Nhờ Chúa, chúng con sẽ đẩy lui những cừu-địch của chúng con;
Nhờ danh Chúa, chúng con sẽ giẫm đạp những kẻ nổi dậy chống lại chúng con.

⁶Vì con sẽ không trông-cậy nơi cây cung của con,
Gươm của con cũng sẽ không cứu con.

⁷Nhưng Chúa đã cứu chúng con khỏi những cừu-địch của chúng con,
và Chúa đã làm nhục-nhã những kẻ ghét chúng con.

⁸Trong Đức Chúa TRỜI, chúng con đã khoe suốt cả ngày,
và chúng con sẽ tạ-ơn danh Chúa mãi mãi. [Sê-la.]

⁹"Vậy mà Chúa đã bác-bỏ và đem chúng con đến sự sỉ-nhục,
và không đi ra cùng quân-đội của chúng con.

¹⁰Chúa đã khiến chúng con lui trở lại tách khỏi kẻ cừu-địch;
và những kẻ ghét chúng con đã lấy chiến-lợi-phẩm cho chúng.

Psalms 43.2-44.10

²For Thou art the God of my strength;
why hast Thou rejected me?
Why do I go mourning because of the oppression of the enemy?

³"O send out Thy light and Thy truth, let them lead me;
Let them bring me to Thy holy hill,
And to Thy dwelling places.

⁴Then I will go to the altar of God,
To God my exceeding joy;
And upon the lyre I shall praise Thee,
O God, my God."

⁵Why are you sunk down, O my soul?
And why are you disturbed within me?
Wait for God, for I shall again praise Him,
The help of my countenance, and my God.

PSALM 44

¹"O God, we have heard with our ears,
Our fathers have told us,
The work that Thou didst in their days,
In the days of old.

²Thou with Thine own hand didst drive out the nations;
Then Thou didst plant them;
Thou didst afflict the peoples,
Then Thou didst spread them abroad.

³For by their own sword they did not possess the land;
And their own arm did not save them;
But Thy right hand, and Thine arm, and the light of Thy presence,
For Thou didst favor them.

⁴"Thou art my King, O God;
Command victories for Jacob.

⁵Through Thee we will push back our adversaries;
Through Thy name we will trample down those who rise up against us.

⁶For I will not trust in my bow,
Nor will my sword save me.

⁷But Thou hast saved us from our adversaries,
And Thou hast put to shame those who hate us.

⁸In God we have boasted all day long,
And we will give thanks to Thy name forever. [Selah.]

⁹"Yet Thou hast rejected us and brought us to dishonor,
And do not go out with our armies.

¹⁰Thou dost cause us to turn back from the adversary;
And those who hate us have taken spoil for themselves.

Psalms 44.11-45.3

11Thou dost give us as sheep to be eaten,
And hast scattered us among the nations.
12Thou dost sell Thy people cheaply,
And hast not set a high price on them.
13Thou dost make us a reproach to our neighbors,
A scoffing and a derision to those around us.
14Thou dost make us a byword among the nations,
A laughingstock among the peoples.
15All day long my dishonor is before me,
And my humiliation has overwhelmed me,
16Because of the voice of him who reproaches and reviles,
Because of the presence of the enemy and the avenger.

17"All this has come upon us, but we have not forgotten
Thee,
And we have not dealt falsely with Thy covenant,
18Our heart has not turned back,
And our steps have not deviated from Thy way,
19Yet Thou hast crushed us in a place of jackals,
And covered us with the shadow of death.

20"If we had forgotten the name of our God,
Or extended our hands to a strange god;
21Would not God find this out?
For He knows the secrets of the heart.
22But for Thy sake we are killed all day long;
We are considered as sheep to be slaughtered.
23Arouse Thyself, why dost Thou sleep, O Lord?
Awake, do not reject us forever.
24Why dost Thou hide Thy face,
And forget our affliction and our oppression?
25For our soul has sunk down into the dust;
Our body cleaves to the earth.
26Rise up, be our help,
And redeem us for the sake of Thy lovingkindness."

PSALM 45

1My heart overflows with a good theme;
I address my verses to the King;
My tongue is the pen of a ready writer.
2"Thou art fairer than the sons of men;
Grace is poured upon Thy lips;
Therefore God has blessed Thee forever.

3"Gird Thy sword on *Thy* Thigh, O Mighty One,
In Thy splendor and Thy majesty!

Thánh-thi 44.11-45.3

11Chúa đã phó chúng con như chiên để bị ăn thịt,
Và đã làm tản-lạc chúng con ở giữa các dân-tộc.
12Chúa đã bán rẻ dân Chúa,
Và chẳng định họ với giá cao.
13Chúa đã làm chúng con thành sự si-nhục cho láng-giềng
của chúng con,
Sự nhạo-báng và trò cười cho những kẻ chung-quanh
chúng con.
14Chúa đã làm chúng con thành tục-ngữ ở giữa các nước,
Một trò cười ở giữa vòng các dân.
15Suốt cả ngày sự mất danh dự của con ở trước mặt con,
Và điều si nhục của con đã tràn ngập con,
16Bởi vì tiếng của kẻ mắng chửi và si-vả,
Bởi vì sự hiện-diện của kẻ thù-nghịch và kẻ báo-thù.

17"Tất cả điều này đã đến trên chúng con, nhưng chúng
con đã chẳng quên Chúa,
Và chúng con đã chẳng làm sai giao-ước của Chúa.
18Tâm chúng con đã chẳng tháo lui,
Và các bước đi của chúng con đã chẳng trệch đường-lối
của Chúa,
19VẬY mà Chúa đã đè bẹp chúng con ở chỗ có những con
chó rừng,
Và đã phủ lên chúng con bằng bóng của sự chết.

20"Nếu chúng con đã quên danh *Đức* Chúa TRỜI của
chúng con,
Hoặc đã vươn tay mình hướng về một thần lạ;
21Há *Đức* Chúa TRỜI đã chẳng khám phá ra điều này?
Vì Ngài biết các bí-mật của tâm-lòng.
20Nhưng vì có Chúa, chúng con bị giết suốt cả ngày;
Chúng con bị coi như là bầy chiên để bị giết thịt.
23Xin Chúa tự đánh thức, có sao Chúa ngủ, ôi Chúa?
Xin thức dậy, xin đừng bác-bỏ chúng con mãi mãi.
24Có sao Chúa giấu mặt Chúa,
Và quên đi tai-họa của chúng con và sự áp-bức của chúng
con?
25Vì hồn chúng con đã chìm xuống trong bụi-đất;
Thân-thể chúng con thấm vào đất.
26Xin chỗi-dậy, xin giúp-đỡ chúng con,
Và xin chuộc chúng con vì sự ân-cần thương-yêu của
Chúa."

THÁNH-THI 45

*Bài hát mừng lễ cưới của nhà vua (Cho trường ban nhạc,
theo điệu "Sô-san-nim." Một bài ca về ái-tình)
Người viết: Con cháu của Cô-ra (các phụ-tá đền-thờ)*

1Tâm tôi tràn-ngập một chủ-đề hay;
Tôi viết các câu thơ của tôi cho nhà Vua;
Lưỡi của tôi là ngòi viết của một văn-sĩ sẵn sàng.
2"Chúa xinh-đẹp hơn những con trai của loài người;
Ân-điền được đổ ra trên các môi của Chúa;
Vì thế, *Đức* Chúa TRỜI đã ban phước cho Chúa mãi mãi.

3"Xin đeo gươm của Chúa trên đùi của Chúa, Đấng Phi-
thường ôi,
Trong sự huy-hoàng của Chúa và sự oai-nghiêm của
Chúa!

Thánh-thi 45.4-46.3

4"Và trong vẻ oai-nghiêm của Chúa, xin cỡi tới một cách chiến-thắng,

Vì lẽ thật, sự ôn-hòa, và sự công-chính;

Xin cho bàn tay hữu Chúa dạy Chúa các việc đáng kính.

5Các mũi tên của Chúa thì nhọn;

Các dân-tộc đều ngã dưới Chúa;

Các mũi tên của Chúa ở trong tim những kẻ thù nhà Vua.

6"Ngôi của Chúa, Đức Chúa TRỜI ôi, là đời đời và vô cùng;

Một cây trượng ngay-thẳng là cây trượng của vương-quốc Chúa.

7Chúa đã yêu sự công-chính và ghét sự độc-ác;

Vì thế Đức Chúa TRỜI, Đức Chúa TRỜI của Chúa, đã xức dầu cho Chúa

Với dầu vui-vẻ trời hơn đồng-bạn của Chúa.

8Tất cả các quần-áo của Chúa đều thơm nhựa trầm-hương, cây lô-hội, và trái ba-đầu;

Ở ngoài cung điện bằng ngà, các nhạc khí bằng dây đã làm Chúa vui-vẻ.

9Những con gái các vì vua ở trong số các tiêu-thư của Chúa;

Ở tay phải Chúa hoàng-hậu *trang-sức bằng vàng* từ Ô-phia đứng.

10"Hãy lắng nghe, hỡi con gái, hãy chú ý và hãy nghiêng tai con;

Hãy quên đi dân của con và nhà của cha con;

11Rồi nhà Vua sẽ ham muốn nhan-sắc con;

Bởi vì Ngài là Chúa của con, hãy cúi xuống chào Ngài.

12Và con gái của Ty-rơ sẽ đến với lễ-vật;

Kẻ giàu ở giữa dân-chúng sẽ van-xin ân-huệ của con.'

13"Con gái nhà Vua rất vinh-quang ở bên trong;

Xiêm-y nàng được thêu-dệt bằng vàng.

14Nàng sẽ được dẫn đến nhà Vua trong áo được thêu-thùa; Những trinh nữ, các bạn đồng-hành của nàng đi theo nàng, Sẽ được dẫn đến cho Chúa."

15Chúng sẽ được dẫn đến với sự vui-vẻ và mừng-rỡ;

Chúng sẽ vào trong hoàng cung.

16"Trong chỗ các tổ-phụ ngươi sẽ là những con trai ngươi; Ngươi sẽ lập chúng làm các ông hoàng ở tất cả trái đất."

17Ta sẽ khiến danh Chúa được nhớ đến trong tất cả các thế-hệ;

Vì thế các dân-tộc sẽ dâng lên Chúa các lời cảm-tạ đời đời và vô cùng."

THÁNH-THI 46

Đức Chúa TRỜI là nơi ẩn-náu của dân Ngài (Cho trường ban nhạc, theo điệu "A-la-mốt")

Người viết: Các con trai Cô-ra (các phụ-tá đền-thờ)

1Đức Chúa TRỜI là nơi ẩn-náu và sức mạnh của chúng tôi,

Quá đổi sẵn-sàng giúp-đỡ trong sự phiền-phức.

2Bởi vậy chúng tôi sẽ không sợ, dầu trái đất có đổi thay,

Và dầu các núi trượt vào trong lòng biển;

3Dầu nước lũ của nó âm-âm sủi-bọt,

Dầu các núi rung-động do sự kiêu-hãnh phình lên của nó.

[Sê-la.]

Psalms 45.4-46.3

4"And in Thy majesty ride on victoriously,

For the cause of truth and meekness *and* righteousness;

Let Thy right hand teach Thee awesome things.

5Thine arrows are sharp;

The peoples fall under Thee;

Thine arrows are in the heart of the King's enemies.

6"Thy throne, O God, is forever and ever;

A scepter of uprightness is the scepter of Thy kingdom.

7Thou hast loved righteousness and hated wickedness;

Therefore God, Thy God, has anointed Thee

With the oil of joy above Thy fellows.

8All Thy garments are fragrant with myrrh and aloes *and* cassia;

Out of ivory palaces stringed instruments have made Thee glad.

9Kings' daughters are among Thy noble ladies;

At Thy right hand stands the queen in gold from Ophir.

10"Listen, O daughter, give attention and incline your ear;

Forget your people and your father's house;

11Then the King will desire your beauty;

Because He is your Lord, bow down to Him.

12And the daughter of Tyre *will come* with a gift;

The rich among the people will entreat your favor.'

13"The King's daughter is all glorious within;

Her clothing is interwoven with gold.

14She will be led to the King in embroidered work;

The virgins, her companions who follow her,

Will be brought to Thee."

15They will be led forth with gladness and rejoicing;

They will enter into the King's palace.

16"In place of your fathers will be your sons;

You shall make them princes in all the earth."

17I will cause Thy name to be remembered in all

generations;

Therefore the peoples will give Thee thanks forever and

ever."

PSALM 46

1God is our refuge and strength,

Abundantly available for help in trouble.

2Therefore we will not fear, though the earth should

change,

And though the mountains slip into the heart of the sea;

3Though its waters roar *and* foam,

Though the mountains quake at its swelling pride.

[Selah.]

Psalms 46.4-48

⁴There is a river whose streams make glad the city of God,
The holy dwelling places of the Most High.

⁵God is in the midst of her, she will not be moved;
God will help her when morning dawns.

⁶The nations made an uproar, the kingdoms tottered;
He raised His voice, the earth melted.

⁷YHWH of hosts is with us;
The God of Jacob is our stronghold. [Selah.

⁸Come, behold the works of YHWH,
Who has wrought desolations in the earth.

⁹He makes wars to cease to the end of the earth;
He breaks the bow and cuts the spear in two;
He burns the chariots with fire.

¹⁰"Cease striving and know that I am God;
I will be exalted among the nations, I will be exalted in the earth."

¹¹YHWH of hosts is with us;
The God of Jacob is our stronghold. [Selah.

PSALM 47

¹O clap your hands, all peoples;
Shout to God with the voice of joy.

²For YHWH Most High is to be feared,
A great King over all the earth.

³He subdues peoples under us,
And nations under our feet.

⁴He chooses our inheritance for us,
The glory of Jacob whom He loves. [Selah.

⁵God has ascended with a shout,
YHWH, with the sound of a trumpet.

⁶Sing praises to God, sing praises;
Sing praises to our King, sing praises

⁷For God is the King of all the earth;
Sing praises with a skillful psalm.

⁸God reigns over the nations,
God sits on His holy throne.

⁹The princes of the people have assembled themselves as
the people of the God of Abraham;
For the shields of the earth belong to God;
He is highly exalted.

PSALM 48

Thánh-thi 46.4-48

⁴Có một con sông có dòng nước làm thành-phố của Đức
Chúa TRỜI vui,
Các chỗ ngự thánh của Đấng Chí Cao.

⁵Đức Chúa TRỜI ở giữa nó⁽¹⁾, nó sẽ không bị dời;
Đức Chúa TRỜI sẽ giúp-đỡ nó khi vừa rạn-đông.

⁶Các dân-tộc đã gây ra sự náo-động, các vương-quốc đã
lung-lay;

Ngài cất tiếng của Ngài lên, trái đất tan chảy.

⁷Đức GIA-VÊ vạn-quân ở với chúng tôi;
Đức Chúa TRỜI của Gia-cốp là đồn lũy của chúng tôi.
[Sê-la.

⁸Hãy đến, hãy nhìn-xem các việc làm của Đức GIA-VÊ,
Đấng đã làm các sự tan-hoang trong trái đất.

⁹Ngài khiến các cuộc chiến-tranh kết-thúc đến đầu-cùng
của trái đất;

Ngài bẻ gãy cung và chặt giáo thành hai;

Ngài dùng lửa đốt các chiến-xa.

¹⁰"Ngừng tranh đấu và hãy biết rằng Ta là Đức Chúa
TRỜI;

Ta sẽ được tán-dương ở giữa các quốc-gia, Ta sẽ được
tán-dương trên trái đất."

¹¹Đức GIA-VÊ vạn-quân ở với chúng tôi;
Đức Chúa TRỜI của Gia-cốp là đồn lũy của chúng tôi.
[Sê-la.

THÁNH-THI 47

Đức Chúa TRỜI là Vua của trái đất (Trường ban nhạc)
Người viết: Con cháu Cô-ra (các phụ-tá trong đền-thờ)

¹Ôi, hãy vỗ tay của các ngươi, hỡi tất cả các dân-tộc;
Hãy hò-reo cho Đức Chúa TRỜI với tiếng vui-vẻ.

²Vì Đức GIA-VÊ Chí Cao phải được kính-sợ,
Một vị Vua vĩ-đại trên tất cả trái đất.

³Ngài khuất-phục các dân-tộc dưới chúng tôi,
Và các quốc-gia dưới bàn chân chúng tôi.

⁴Ngài chọn của thừa-kế của chúng tôi cho chúng tôi,
Sự vinh-quang của Gia-cốp, kẻ mà Ngài yêu. [Sê-la.

⁵Đức Chúa TRỜI đã thăng lên với một tiếng reo hò,
Đức GIA-VÊ, với tiếng kèn trom-bét.

⁶Hãy hát ca-tụng Đức Chúa TRỜI, hãy hát ca-tụng;
Hãy hát ca-tụng tới Vua chúng ta, hãy hát ca-tụng.

⁷Vì Đức Chúa TRỜI là Vua của tất cả trái đất;
Hãy hát ca-tụng với một thánh-thi khéo-léo.

⁸Đức Chúa TRỜI trị-vì các quốc-gia,

Đức Chúa TRỜI ngồi trên ngôi thánh của Ngài.

⁹Các ông hoàng của dân ấy đã họp họ lại làm dân của Đức
Chúa TRỜI của Áp-ra-ham;

Vì những cái khiên của trái đất thuộc về Đức Chúa TRỜI;
Ngài được tôn hết sức cao.

THÁNH-THI 48

Vẻ đẹp và sự vinh-quang của Si-ôn

Người viết: Các con trai của Cô-ra (những phụ-tá đền-thờ)

¹hay: thành-phố ấy

Thánh-thi 48.1-49.6

¹Vĩ-dại thay Đức GIA-VÊ, và rất đáng được ca-tụng thay,
Trong thành của Đức Chúa TRỜI chúng ta, núi thánh của
Ngài.

²Đẹp thay ở chỗ đất cao, niềm vui của toàn trái đất,
Là Núi Si-ôn ở miền bắc xa-xôi,
Thành của vì Vua vĩ-dại ấy.

³Đức Chúa TRỜI, trong các lâu đài của thành ấy,
Đã làm chính Ngài được biết tới như một đồn-lũy.

⁴Vì, kia, các vì vua đã tự tập-hợp lại,
Họ cùng nhau đi qua.

⁵Họ đã thấy nó, thì họ sùng-sốt;
Họ khiếp-kinh, họ đã chạy trốn trong sự hoảng-hốt.

⁶Sự hoang-mang đã tóm lấy họ ở đó,
Nỗi thống-khổ, như của người đàn-bà trong cơn sanh-đẻ.

⁷Với gió phương đông
Chúa đã đánh bể các tàu Ta-rê-si.

⁸Như chúng con có nghe, thế là chúng con có thấy
Trong thành của Đức GIA-VÊ vạn-quân, trong thành của
Đức Chúa TRỜI của chúng con;
Đức Chúa TRỜI sẽ thiết-lập nó mãi mãi. [Sê-la.

⁹Chúng con đã cứ nghĩ đến sự ân-cần yêu-thương của
Chúa, Đức Chúa TRỜI ôi,
Ở giữa đền-thờ của Chúa.

¹⁰Như danh của Chúa thế nào, Đức Chúa TRỜI ôi,
Thì sự ca-tụng Chúa tới các tận-cùng của trái đất thế ấy;
Tay hữu của Chúa đầy-dẫy sự công-chính.

¹¹Xin cho núi Si-ôn vui-vẻ,
Xin cho những con gái Giu-đa mừng-rỡ,
Bởi có các sự phán-xét của Chúa."

¹²Hãy đi đây đó trong Si-ôn, và đi xung-quanh nó;
Hãy đếm các ngọn tháp của nó;

¹³Hãy xem-xét các thành-lũy nó;
Hãy đi xuyên qua các lâu-đài của nó;
Để các người có thể nói về nó cho thế-hệ kế biết.

¹⁴Vì Đức Chúa TRỜI là thế,
Đức Chúa TRỜI chúng ta đời đời vô cùng;
Ngài sẽ hướng-dẫn chúng ta mãi mãi.

THÁNH-THI 49

Sự điên-rồ của việc trồng-cây vào của-cải

Người viết: Các con trai của Cô-ra (những phụ-tá trong đền-thờ)

¹Nghe đây, hỡi tất cả các dân;
Hãy lắng tai nghe, hỡi tất cả cư-dân của thế gian,

²Cả vùng thấp lẫn vùng cao,
Cả giàu lẫn nghèo với nhau.

³Miệng tôi sẽ nói sự khôn-ngoan;
Và sự suy-gẫm của tâm tôi sẽ là sự hiểu-biết.

⁴Tôi sẽ nghiêng tai tôi để nghe một lời châm-ngôn;
Tôi sẽ bày tỏ câu đố tôi trên hạc-cầm.

⁵Tại sao tôi phải sợ trong các ngày tai-ương,
Khi tội lỗi của các kẻ thù tôi bao-vây tôi,

⁶Ngay cả những kẻ trồng-cây nơi tài-sản của mình,
Và khoe-khoang sự giàu sụ của mình?

Psalms 48.1-49.6

¹Great is YHWH, and greatly to be praised,
In the city of our God, His holy mountain.

²Beautiful in elevation, the joy of the whole earth,
Is Mount Zion in the far north,
The city of the great King.

³God, in her palaces,
Has made Himself known as a stronghold.

⁴For, lo, the kings assembled themselves,
They passed by together.

⁵They saw it, then they were amazed;
They were terrified, they fled in alarm.

⁶Panic seized them there,
Anguish, as of a woman in childbirth.

⁷With the east wind
Thou dost break the ships of Tarshish.

⁸As we have heard, so have we seen
In the city of YHWH of hosts, in the city of our God;
God will establish her forever. [Selah.

⁹We have thought on Thy lovingkindness, O God,
In the midst of Thy temple.

¹⁰As is Thy name, O God,
So is Thy praise to the ends of the earth;
Thy right hand is full of righteousness.

¹¹Let Mount Zion be glad,
Let the daughters of Judah rejoice,
Because of Thy judgments."

¹²Walk about Zion, and go around her;
Count her towers;

¹³Consider her ramparts;
Go through her palaces;
That you may tell it to the next generation.

¹⁴For such is God,
Our God forever and ever;
He will guide us forever.

PSALM 49

¹Hear this, all peoples,
Give ear, all inhabitants of the world,

²Both low and high,
Rich and poor together.

³My mouth will speak wisdom;
And the meditation of my heart will be understanding.

⁴I will incline my ear to a proverb;
I will express my riddle on the harp.

⁵Why should I fear in days of adversity,
When the iniquity of my foes surrounds me,

⁶Even those who trust in their wealth,
And boast in the abundance of their riches?

Psalms 49.7-50.6

⁷No man can by any means redeem *his* brother,
Or give to God a ransom for him—

⁸For the redemption of his soul is costly,
And he should cease *trying* forever—

⁹That he should live on eternally
That he should not undergo decay.

¹⁰For he sees that even wise men die;
The stupid and the senseless alike perish,
And leave their wealth to others.

¹¹Their inner thought is, that their houses are forever,
And their dwelling places to all generations;
They have called their lands after their own names.

¹²But man in his pomp will not endure;
He is like the beasts that perish.

¹³This is the way of those who are foolish,
And of those after them who approve their words. [Selah.

¹⁴As sheep they are appointed for Sheol;
Death shall be their shepherd;
And the upright shall rule over them in the morning;
And their form shall be for Sheol to consume,
So that they have no habitation.

¹⁵But God will redeem my soul from the power of Sheol,
For He will receive me. [Selah.

¹⁶Do not be afraid when a man becomes rich,
When the glory of his house is increased;

¹⁷For when he dies he will carry nothing away;
His glory will not descend after him.

¹⁸Though while he lives he congratulates himself—
And though *men* praise you when you do well for
yourself—

¹⁹He shall go to the generation of his fathers;
They shall never see the light.

²⁰Man in *his* pomp, yet without understanding,
Is like the beasts that perish.

PSALM 50

¹The Mighty One, God,
YHWH, has spoken,
And summoned the earth from the rising of the sun to its
setting.

²Out of Zion, the perfection of beauty,
God has shone forth.

³May our God come and not keep silence;
Fire devours before Him,
And it is very tempestuous around Him.

⁴He summons the heavens above,
And the earth, to judge His people:

⁵"Gather My godly ones to Me,
Those who have made a covenant with Me by sacrifice."

⁶And the heavens declare His righteousness,
For God Himself is judge. [Selah.

Thánh-thi 49.7-50.6

⁷Chẳng ai chuộc được anh em của hần bằng mọi cách,
Hay rao cho Đức Chúa TRỜI một giá chuộc cho nó—

⁸Vì sự chuộc hồn người là rất đắt,
Và người phải thôi *ráng công* mãi mãi—

⁹Để mình được sống đời đời;
Để mình không trải qua sự thối-rữa.

¹⁰Vì người thấy *cả* các kẻ khôn-ngoan *cũng* chết;
Những kẻ dâm và những kẻ ngu đều hư-vong như nhau,
Và để tài-sản của họ lại cho các người khác.

¹¹Tư-tướng bề trong của chúng là: nhà mình là vĩnh viễn,
Và các chỗ ở của chúng là cho mọi thế-hệ;
Chúng đã đặt tên đất-đai chúng theo tên riêng của chúng.

¹²Nhưng con người trong vẻ tráng-lệ sẽ chẳng tồn-tại;
Nó giống như thú-vật phải hư-vong.

¹³Đây là đường-lối của những kẻ ngu-ngốc,
Và của những kẻ theo sau chúng, *là* những kẻ tán-thành
các lời của chúng. [Sê-la.

¹⁴Như bầy chiên, chúng bị định xuống Âm-phủ;
Sự chết sẽ là người chăn của chúng;
Và người ngay-thẳng sẽ cai-trị chúng vào buổi sáng;
Và hình-thê chúng sẽ cho Âm-phủ tiêu-thụ,
Ngõ hầu chúng không có một nơi ở nào cả.

¹⁵Nhưng Đức Chúa TRỜI sẽ chuộc hồn tôi khỏi quyền-
năng của Âm-phủ;
Vì Ngài sẽ tiếp-nhận tôi. [Sê-la.

¹⁶Chớ sợ khi một người trở nên giàu,
Khi vinh-quang của nhà hần gia tăng;

¹⁷Vì khi hần chết, hần sẽ chẳng mang theo một cái gì cả;
Vinh-quang của hần sẽ không đi xuống theo hần.

¹⁸Dẫu trong khi hần sống hần tự chúc tụng mình—
Và dẫu *người ta* ca-ngợi người khi người làm tốt cho
chính người—

¹⁹Hần sẽ đi đến thế-hệ của tổ-phụ hần;
Họ sẽ chẳng bao giờ thấy sự sáng.

²⁰Con người trông hào-hoa, mà không có sự hiểu-biết,
Thì như các thú-vật hư-vong.

THÁNH-THI 50

**Đức Chúa TRỜI là Đấng phán-xét người công-chính và
kẻ độc-ác**

Người viết: A-sáp, một trong các nhạc-sĩ chính của Đa-vít

¹Đấng Toàn-năng, Đức Chúa TRỜI,
Đức GIA-VÊ, đã phán,
Và đã triệu-tập trái đất từ *hướng* mặt trời mọc lên đến
hướng nó lặn xuống.

²Ra từ Si-ôn, về toàn mỹ,
Đức Chúa TRỜI đã chói sáng ra.

³Xin Đức Chúa TRỜI chúng tôi đến, và đừng nín-lặng;
Lửa thiêu cháy trước mặt Ngài,
Và nó rất dữ-dội chung-quanh Ngài.

⁴Ngài triệu-tập các tầng trời ở trên,
Và trái đất, để phán-xét dân Ngài:

⁵"Hãy nhóm lại các kẻ tin-kính của Ta cùng Ta,
Những kẻ đã lập một giao-ước với Ta bằng sự hiến-tế."

⁶Và các tầng trời tuyên-bố sự công-chính của Ngài,
Vì chính Đức Chúa TRỜI là quan án. [Sê-la.

Thánh-thi 50.7-51.3

7"Hãy nghe, hỡi dân Ta, và Ta sẽ nói;
Hỡi Y-sơ-ra-ên, Ta sẽ làm chứng chống lại ngươi;
Ta là Đức Chúa TRỜI, Đức ChúaTRỜI của ngươi.
8Ta không quở-trách ngươi vì những tể-vật của ngươi,
Và các của-lễ thiêu của ngươi liên-tiếp ở trước mặt Ta.
9Ta sẽ không lấy bất cứ một con bò đực tơ nào ra khỏi nhà
của ngươi,
Cũng chẳng lấy các dê đực ra khỏi các bầy ngươi.
10Vì mọi thú trong rừng là của Ta,
Các bầy súc-vật trên ngàn đồi núi *cũng vậy*.
11Ta biết rõ mọi con chim trong các núi,
Và mọi vật di-động ngoài đồng là của Ta.

12"Nếu Ta đã đói, Ta sẽ chẳng nói cho ngươi;
Vì thế gian là của Ta, và mọi vật nó chứa.
13Há Ta phải ăn thịt các con bò đực,
Hay uống máu những dê đực ư?
14Hãy dâng cho Đức Chúa TRỜI tể-vật tạ ơn,
Và hãy hoàn thành các sự hứa-nguyện của ngươi cho
Đấng Chí Cao;
15Và hãy kêu-cầu Ta trong ngày rắc-rối;
Ta sẽ giải-cứu ngươi, và ngươi sẽ tôn-vinh Ta."

16Nhưng cùng kẻ độc-ác Đức Chúa TRỜI phán:
"Quyền gì ngươi có để nói về các luật-lệ của Ta,
Và để ngậm giao-ước Ta trong miệng ngươi?
17Vì ngươi ghét ky-luật,
Và ngươi ném các lời Ta sau lưng ngươi.
18Khi ngươi thấy kẻ trộm, ngươi hài-lòng với nó,
Ngươi kết-hợp với các kẻ ngoại-tình.
19Ngươi buông lỏng miệng của ngươi trong điều xấu,
Và lưỡi ngươi thêu-dệt sự dối-gạt.
20Ngươi ngồi và nói nghịch lại anh em của ngươi;
Ngươi vu-oan cho con trai của chính mẹ ngươi.
21Những điều này ngươi đã làm, và Ta đã cứ giữ im-lặng;
Ngươi đã nghĩ rằng Ta giống y như ngươi;
Ta sẽ quở-trách ngươi, và liệt kê từng trường hợp một
trước mắt ngươi.
22"Bây giờ hãy xem-xét điều này, các ngươi những kẻ
quên Đức Chúa TRỜI,
E rằng Ta xé các ngươi thành từng mảnh, và chẳng có một
ai giải-cứu.
23Kẻ dâng một tể-vật để tạ-ơn tôn-vinh Ta;
Và cho kẻ đặt đúng đường-lối của hắn
Ta sẽ bày tỏ sự cứu-rỗi của Đức Chúa TRỜI."

THÁNH-THI 51

Lời cầu-nguyện xin tha-thứ của một tội-nhân hối-cải
(Cho trưởng ban nhạc)

Người viết: Đa-vít

1"Xin khoan-dung với con, Đức Chúa TRỜI ôi, theo sự
ân-cần yêu-thương của Chúa;
Theo sự vĩ-đại của lòng thương-xót của Chúa, xin xóa các
sự vi-phạm của con.
2Xin rửa con hoàn-toàn khỏi sự gian-ác của con,
Và rửa cho con sạch khỏi tội-lỗi của con.
3Vì con biết các sự vi-phạm của con,
Và tội-lỗi con hằng ở trước mặt con.

Psalms 50.7-51.3

7"Hear, O My people, and I will speak;
O Israel, I will testify against you;
I am God, your God.
8I do not reprove you for your sacrifices,
And your burnt offerings are continually before Me.
9I shall take no young bull out of your house,
Nor male goats out of your folds.
10For every beast of the forest is Mine,
The cattle on a thousand hills.
11I know every bird of the mountains,
And everything that moves in the field is Mine.

12"If I were hungry, I would not tell you;
For the world is Mine, and all it contains.
13Shall I eat the flesh of bulls,
Or drink the blood of male goats?
14Offer to God a sacrifice of thanksgiving,
And pay your vows to the Most High;
15And call upon Me in the day of trouble;
I shall rescue you, and you will honor Me."

16But to the wicked God says,
"What right have you to tell of My statutes,
And to take My covenant in your mouth?
17For you hate discipline,
And you cast My words behind you.
18When you see a thief, you are pleased with him,
And you associate with adulterers.
19You let your mouth loose in evil,
And your tongue frames deceit.
20You sit and speak against your brother;
You slander your own mother's son.
21These things you have done, and I kept silence;
You thought that I was just like you;
I will reprove you, and state *the case* in order before your
eyes.
22"Now consider this, you who forget God,
Lest I tear you in pieces, and there be none to deliver.
23He who offers a sacrifice of thanksgiving honors Me;
And to him who sets his way aright
I shall show the salvation of God."

PSALM 51

1"Be gracious to me, O God, according to Thy
lovingkindness;
According to the greatness of Thy compassion blot out my
transgressions.
2Wash me thoroughly from my iniquity,
And cleanse me from my sin.
3For I know my transgressions,
And my sin is ever before me.

Psalms 51.4-52.4

⁴Against Thee, Thee only, I have sinned,
And done what is evil in Thy sight,
So that Thou art justified when Thou dost speak,
And blameless when Thou dost judge.

⁵"Behold, I was brought forth in iniquity,
And in sin my mother conceived me.

⁶Behold, Thou dost desire truth in the innermost being,
And in the hidden part Thou wilt make me know wisdom.

⁷Purify me with hyssop, and I shall be clean;
Wash me, and I shall be whiter than snow.

⁸Make me to hear joy and gladness,
Let the bones which Thou hast broken rejoice.

⁹Hide Thy face from my sins,
And blot out all my iniquities.

¹⁰"Create for me a clean heart, O God
And renew a steadfast spirit within me.

¹¹Do not cast me away from Thy presence,
And do not take Thy Holy Spirit from me.

¹²Restore to me the joy of Thy salvation,
And sustain me with a willing spirit.

¹³Then I will teach transgressors Thy ways,
And sinners will turn back to Thee.

¹⁴"Deliver me from bloodguiltiness, O God, the
God of my salvation;
Then my tongue will joyfully sing of Thy righteousness.

¹⁵"O Lord, open my lips,
That my mouth may declare Thy praise.

¹⁶"For Thou dost not delight in sacrifice, otherwise I
would give it;
Thou art not pleased with burnt offering.

¹⁷The sacrifices of God are a broken spirit;
A broken and a contrite heart, O God, Thou wilt not
despise.

¹⁸"By Thy favor do good to Zion
Build the walls of Jerusalem.

¹⁹Then Thou wilt delight in righteous sacrifices,
In burnt offering and whole burnt offering;
Then young bulls will be offered on Thine altar."

PSALM 52

¹Why do you boast in evil, O mighty man?
The lovingkindness of God endures all day long.

²Your tongue devises destruction,
Like a sharp razor, O worker of deceit.

³You love evil more than good, [Selah.
Falsehood more than speaking what is right.

⁴You love all words that devour,
O deceitful tongue.

Thánh-thi 51.4-52.4

⁴Chống lại Chúa, một mình Chúa, con đã phạm-tội,
Và đã làm điều xấu trong cái nhìn của Chúa,
Ngõ hầu Chúa được biện-minh là đúng khi Chúa phán,
Và không trách được khi Chúa phán-xét.

⁵"Kìa, con đã được sinh ra đời trong sự gian-ác,
Và trong tội-lỗi mẹ của con đã hoài-thai con.

⁶Kìa, Chúa ham muốn lẽ-thật nơi tận cùng nội tâm,
Và trong phần giấu-kín, Chúa sẽ làm cho con biết sự
khôn-ngoan.

⁷Xin thanh-tẩy con với chum kinh-giới, con sẽ được sạch;
Xin tẩy con, và con sẽ trắng hơn tuyết.

⁸Xin khiến con nghe sự vui-vẻ và sự mừng-rỡ,
Xin cho xương xóc mà Chúa đã bẻ gãy reo-mừng.

⁹Xin ẩn mặt Chúa khỏi các tội-lỗi của con,
Và xin xóa đi tất cả các sự độc-ác của con.

¹⁰"Xin tạo cho con một tâm sạch, Đức Chúa TRỜI ôi,
Và xin làm mới lại một linh kiên tri ở trong con.

¹¹Xin đừng ném con ra khỏi sự hiện-diện của Chúa,
Và xin đừng cất Thánh-Linh của Chúa ra khỏi con.

¹²Xin phục-hồi cho con niềm vui về sự cứu-rỗi của Chúa,
Xin duy-trì cho con một linh sẵn-lòng.

¹³Rồi con sẽ dạy các kẻ vi-phạm các đường-lối của Chúa,
Và các tội-nhân sẽ trở về cùng Chúa.

¹⁴"Xin giải-cứ con khỏi tội làm đổ máu, Đức Chúa TRỜI
ôi, Đức Chúa TRỜI của sự cứu-rỗi con;
Thì lưỡi con sẽ vui-vẻ hát về sự công-chính của Chúa.

¹⁵"Chúa ôi, xin mở các môi con,
Để miệng con tuyên-bố lời ca-tụng Chúa.

¹⁶Vì Chúa không vui sướng với tế vật, nếu có thì con sẽ
dâng nó;
Chúa cũng không hài lòng với của-lễ thiêu.

¹⁷Các tế vật thuộc Đức Chúa TRỜI là một linh tan vỡ;
Một tâm tan vỡ và ăn năn, Đức Chúa TRỜI ôi, Chúa sẽ
không khinh-miệt.

¹⁸"Bởi ân-huệ Chúa, xin làm điều lành cho Si-ôn;
Xin xây các vách của Giê-ru-sa-lem.

¹⁹Rồi Chúa sẽ thích các tế vật công-chính:
Với của-lễ thiêu và toàn bộ của-lễ thiêu;

Rồi các con bò đực tơ sẽ được dâng trên bàn-thờ Chúa."

THÁNH-THI 52

Kẻ ác tự khoe mình lấy làm lương-công (Cho trường ban
nhạc. Thánh-thi của Đa-vít, để dạy-dỗ, khi Đô-e, người Ê-
đôm cho Sau-lơ hay rằng: Đa-vít đã vào nhà A-hi-mê-léc)
Người viết: Đa-vít

¹Cớ sao người khoác lác về điều xấu, hỡi người to lớn?
Sự ân-cần thương-yêu của Đức Chúa TRỜI có suốt cả
ngày.

²Lưỡi người chế ra sự hủy-hoại,
Như dao-cạo bén, hỡi kẻ làm điều dối-trá!

³Người thích điều xấu hơn điều tốt,
Điều sai trái hơn nói điều đúng. [Sê-la.

⁴Người thích mọi lời tàn-hại,
Hỡi lưỡi dối-trá!

Thánh-thi 52.5-54.2

⁵Nhưng Đức Chúa TRỜI sẽ đập tan ngươi mãi mãi;
Ngài sẽ túm lấy ngươi, và rút ngươi ra khỏi lều ngươi,
Và nhổ ngươi ra khỏi xứ của người sống. [Sê-la.]

⁶Và người công-chính sẽ thấy và sợ,
Và sẽ cười nó, nói:

⁷"Kìa, kẻ không muốn làm Đức Chúa TRỜI thành nơi ẩn-
náu của hắn,
Nhưng đã trồng-cây nơi sự giàu sụ của hắn,
Đã kiên-quyết trong ước-muốn xấu-xa của hắn."

⁸"Nhưng về phần con, con như cây ô-li-ve xanh trong đền
của Đức Chúa TRỜI;

Con trồng-cây nơi sự ân-cần thương-yêu của Đức Chúa
TRỜI đời đời vô cùng.

⁹Con sẽ dâng cho Chúa các lời cảm-tạ mãi mãi, bởi vì
Chúa đã làm xong nó,
Và con sẽ phục-dịch danh Chúa, vì ấy là tốt, trong sự hiện-
diện của các kẻ tin-kính Chúa."

THÁNH-THI 53

*Sự ngu-dại và gian-ác của loài người (Cho trường ban
nhạc. Thánh-thi Đa-vít, để dạy-dỗ, theo điệu "Ma-ha-lát")*
Người viết: Đa-vít

¹Kẻ ngu-dại đã nói trong tâm của hắn: "Chẳng có Đức
Chúa TRỜI nào cả,"

Chúng thì thối nát và đã phạm sự bất công đáng tởm;
Chẳng có một ai làm điều lành.

²Đức Chúa TRỜI đã từ trời ngó xuống những con trai loài
người,

Để xem có một người nào hiểu biết,
Tìm-kiếm Đức Chúa TRỜI chẳng.

³"Mỗi người trong bọn đã rẽ hướng; cùng nhau chúng đã
trở nên thối nát;
Chẳng có ai làm điều lành, cả một người cũng không.

⁴"Há những kẻ làm ác không có một kiến-thức nào chẳng?
Chúng ăn nuốt dân Ta như thể chúng ăn bánh,
Và đã chẳng khấn-cầu Đức Chúa TRỜI.

⁵"Ở đó chúng ở trong cơn sợ lớn nơi đã chẳng từng có sự
kinh-sợ nào;

Vì Đức Chúa TRỜI đã rải xương xóc của kẻ cắm trại
chống lại ngươi;
Ngươi đã làm chúng hổ-thẹn, bởi vì Đức Chúa TRỜI đã
bác-bỏ chúng.

⁶"Ôi! Chớ gì sự cứu-rỗi của Y-sơ-ra-ên đi ra từ Si-ôn!
Khi Đức Chúa TRỜI hồi-phục dân bị giam-cầm của Ngài,
Gia-cốp hãy mừng-rỡ, Y-sơ-ra-ên hãy vui-vê."

THÁNH-THI 54

*Lời cầu-nguyện xin bảo-vệ chống kẻ thù (Cho trường
ban nhạc, dùng nhạc-khí bằng dây)*
*Người viết: Đa-vít để dạy-dỗ, khi cư dân Xíp đến nói với
Sau-lơ rằng: "Há Đa-vít không đang ẩn-núp giữa chúng
tôi sao?"*

¹"Xin cứu con, Đức Chúa TRỜI ôi, bởi danh Chúa,
Xin minh-oan cho con bởi quyền-năng của Chúa.

²Xin nghe lời cầu-nguyện của con, Đức Chúa TRỜI ôi;
Xin lắng tai nghe các lời của miệng con.

Psalms 52.5-54.2

⁵But God will break you down forever;
He will snatch you up, and tear you away from *your* tent,
And uproot you from the land of the living. [Selah.]

⁶And the righteous will see and fear,
And will laugh at him, *saying*,

⁷Behold, the man who would not make God his refuge,
But trusted in the abundance of his riches,
And was strong in his evil desire."

⁸"But as for me, I am like a green olive tree in the house
of God;

I trust in the lovingkindness of God forever and ever.

⁹I will give Thee thanks forever, because Thou hast done
it.

And I will wait on Thy name, for *it is* good, in the
presence of Thy godly ones."

PSALM 53

¹The fool has said in his heart, "There is no God,"
They are corrupt and have committed abominable
injustice;

There is no one who does good.

²God has looked down from heaven upon the sons of men,
To see if there is anyone who understands,
Who seeks after God.

³Every one of them has turned aside; together they have
become corrupt;
There is no one who does good, not even one.

⁴"Have the workers of wickedness no knowledge,
Who eat up My people as though they ate bread,
And have not called upon God?"

⁵"There they were in great fear where no fear had been;
For God scattered the bones of him who encamped against
you;

You put them to shame, because God had rejected them.

⁶"Oh, that the salvation of Israel would come out of Zion!
When God restores His captive people,
Let Jacob rejoice, let Israel be glad."

PSALM 54

¹"Save me, O God, by Thy name,
And vindicate me by Thy power.

²Hear my prayer, O God;
Give ear to the words of my mouth.

Psalms 54.3-55.14

³For strangers have risen against me,
And violent men have sought my life;
They have not set God before them. " [Selah.

⁴Behold, God is my helper;
The Lord is the sustainer of my soul.

⁵ He will recompense the evil to my foes;
"Destroy them in Thy faithfulness."

⁶"Willingly I will sacrifice to Thee;
I will give thanks to Thy name, O YHWH, for it is good."

⁷For He has delivered me from all trouble;
And my eye has looked with *satisfaction* upon my
enemies.

PSALM 55

¹"Give ear to my prayer, O God;
And do not hide Thyself from my supplication.
²Give heed to me, and answer me,
I am restless in my complaint and am surely distracted,
³Because of the voice of the enemy,
Because of the pressure of the wicked;
For they bring down trouble upon me,
And in anger they bear a grudge against me.

⁴"My heart is in anguish within me,
And the terrors of death have fallen upon me.

⁵Fear and trembling come upon me;
And horror has overwhelmed me.

⁵Fear and trembling come upon me;
And horror has overwhelmed me.

⁶And I said, 'Oh, that I had wings like a dove!
I would fly away and be at rest.

⁷Behold, I would wander far away,
I would lodge in the wilderness. [Selah.

⁸I would hasten to my place of refuge
From the stormy wind *and* tempest.'

⁹"Confuse, O Lord, divide their tongues,
For I have seen violence and strife in the city.

¹⁰Day and night they go around her upon her walls;
And iniquity and mischief are in her midst.

¹¹Destruction is in her midst;
Oppression and deceit do not depart from her streets.

¹²"For it is not an enemy who reproaches me,
Then I could bear *it*;
Nor is it one who hates me who has exalted himself
against me,
Then I could hide myself from him."

¹³But it is you, a man my equal,
My companion and my familiar friend.

¹⁴We who had sweet fellowship together,
Walked in the house of God in the throng.

Thánh-thi 54.3-55.14

³Vì các kẻ lạ đã dấy lên chống con,
Những kẻ hung-bạo đã truy tìm sinh-mạng con;
Chúng đã chẳng đặt Đức Chúa TRỜI trước chúng. " [Sê-la.

⁴Kìa, Đức Chúa TRỜI là Đấng giúp-đỡ tôi;
Chúa là Đấng duy-trì hồn tôi.

⁵Ngài sẽ báo trả điều xấu cho các kẻ thù của tôi;
"Xin hủy-diệt chúng trong sự chung-thủy của Chúa."

⁶Sẵn-lòng con sẽ hiến-tế cho Chúa;
Con sẽ cảm-tạ danh Chúa, Đức GIA-VÊ ôi, vì đó là lành."

⁷Vì Ngài đã giải-phóng tôi khỏi tất cả mọi điều rắc-rối;
Và con mắt tôi đã nhìn *thỏa-mãn* trên các kẻ thù tôi.

THÁNH-THI 55

*Lời cầu-nguyện xin diệt kẻ phân-bội (Cho trường ban
nhạc, dùng nhạc-khí bằng dây)
Người viết: Đa-vít, để dạy-đỗ*

¹Xin để tai nghe lời cầu-nguyện của con, Đức Chúa
TRỜI ôi;

Xin Chúa đừng ản mình tránh lời nài-xin của con.

²Xin lưu-ý đến con, xin trả lời con;

Con bất an trong sự than-phiền của con và chắc lạc-trí,

³Vì tiếng của kẻ thù,

Vì áp-lực của kẻ độc-ác;

Vì chúng đồ điều rắc-rối trên con,

Và trong cơn giận chúng mang hận-thù với con.

⁴Tâm con thống-khổ ở bên trong con,

Và các sự khủng-khiếp về sự chết đã giáng trên con.

⁵Sự kinh-sợ và run-rẩy đến trên con;

Và sự khiếp-kinh đã tràn ngập con.

⁶Và con đã nói: 'Ôi, chớ gì con đã có cánh như bò-câu!

Ất con đã bay đi và đã yên-nghỉ.

⁷Kìa, con đã đi thơ-thần rất xa,

Con sẽ ở trong vùng hoang-vu. [Sê-la.

⁸Con sẽ vội-vã đến nơi ẩn-náu của con

Tránh gió bão và giông-tổ.'

⁹"Xin làm lộn-xộn, Chúa ôi, xin chia rẽ các ngôn-ngữ của
chúng,

Vì con đã thấy sự hung-bạo và sự xung-đột trong thành.

¹⁰Ngày và đêm chúng đi quanh thành trên các vách thành;

Và tội ác và trò quấy phá ở giữa *thành*.

¹¹Sự tàn-phá *cũng* ở giữa thành;

Áp-bức và đối-trá không lia khỏi các đường-phố của nó.

¹²"Vì chẳng phải chính một kẻ thù si-nhục con;

Thế thì con đã có thể chịu được;

Cũng chẳng phải kẻ ghét con đã tự đề-cao chống lại con;

Thế thì con đã có thể ản mình tránh hấn."

¹³Nhưng ấy là người, một người bình-đẳng với ta,

Bầu-bạn ta và bạn quen của ta.

¹⁴Chúng ta đã có tình bè bạn ngọt-ngào với nhau,

Đã bước đi trong đền Đức Chúa TRỜI trong đám đông
người.

Thánh-thi 55.15-56.7

15Để sự chết chộp lấy chúng;
Hãy để chúng đi xuống Âm-phủ *trong khi* còn sống nhãng,
Vì điều xấu ở trong nơi ở của chúng, ở giữa chúng.

16Về phần tôi, tôi sẽ kêu-cầu Đức Chúa TRỜI,
Và Đức GIA-VÊ sẽ cứu tôi.

17Chiều và sáng lẫn trưa, tôi sẽ than-phiền và kêu-ca,
Và Ngài sẽ nghe tiếng của tôi.

18Ngài sẽ chuộc hồn tôi trong sự bình-an từ chiến trận
chống lại tôi,

Vì bợn chúng có nhiều, là *những kẻ đấu tranh* với tôi.

19Đức Chúa TRỜI sẽ nghe và đáp-ứng chúng—
Tức là Đấng ngự trên ngai từ ngàn xưa— [Sê-la.

Với chúng chẳng có sự thay-đổi nào cả,
Và chúng chẳng kinh-sợ Đức Chúa TRỜI.

20Hắn đã gợn tay của hắn chống lại các người đã hòa-
thuận với hắn;

Hắn đã bội-nghịch giao-ước của hắn.

21Lời nói của hắn trơn láng hơn bơ,

Nhưng tâm hắn là chiến-tranh;

Các lời hắn dịu-dàng hơn dầu,

Nhưng chúng là các lưỡi gươm rút ra rồi.

22Hãy trao gánh-nặng người cho Đức GIA-VÊ, và Ngài sẽ
duy-trì người;

Ngài sẽ chẳng bao giờ để người công-chính rúng-động.

23"Nhưng Chúa, Đức Chúa TRỜI ôi, sẽ đem chúng xuống
tới hầm hủy-diệt;

Những người làm đổ máu và dối-trá sẽ chẳng sống hết
phần nửa những ngày của chúng.

Nhưng con sẽ trông-cậy nơi Chúa."

THÁNH-THI 56

*Lời nài-xin giải-cứu, cảm-tạ, và trông-cậy Đức Chúa
TRỜI (Cho trường ban nhạc, theo điệu "bờ-câu của cây
thông phương xa")*

*Người viết: Đa-vít, khi dân Phi-li-tin bắt người trong
thành Gát*

1"Xin khoan-dung, Đức Chúa TRỜI ôi, vì loài người đã
giẫm trên con;

Đầu đá suốt cả ngày, nó áp-bức con.

2Những kẻ thù con đã giẫm trên con suốt cả ngày,

Vì chúng thì nhiều, là những kẻ kiêu-ngạo đánh lại con.

3Khi con sợ-hãi,

Con sẽ đặt lòng tin của con ở Chúa.

4Trong Đức Chúa TRỜI, lời Chúa con ca-tụng,

Nơi Đức Chúa TRỜI, con đã đặt lòng trông-cậy của con;

Con sẽ chẳng sợ.

Loài người có thể gây cho con điều gì?"

5"Suốt cả ngày, chúng bóp méo các lời của con;

Mọi tư-tưởng của chúng chống lại con theo *hướng* xấu.

6Chúng tấn-công, chúng rình rập,

Chúng theo dõi các bước đi của con,

Trong khi chúng nằm chờ lâu nay để lấy sinh-mạng con.

7Bởi vì sự độc-ác, xin ném chúng đi,

Trong cơn giận, xin đập các dân này xuống, Đức Chúa
TRỜI ôi!

Psalms 55.15-56.7

15Let death seize upon them;
Let them go down alive to Sheol,
For evil is in their dwelling, in their midst.

16As for me, I shall call upon God,
And YHWH will save me.

17Evening and morning and at noon, I will complain and
murmur,

And He will hear my voice.

18He will redeem my soul in peace from the battle *which
is* against me,

For they are many *who strive* with me.

19God will hear and answer them—

Even the one who sits enthroned from of old— [Selah.

With whom there is no change,

And who do not fear God.

20He has put forth his hands against those who were at
peace with him;

He has violated his covenant.

21His speech was smoother than butter,

But his heart was war;

His words were softer than oil,

Yet they were drawn swords.

22Cast your burden upon YHWH, and He will sustain
you;

He will never allow the righteous to be shaken.

23"But Thou, O God, wilt bring them down to the pit of
destruction;

Men of bloodshed and deceit will not live out half their
days.

But I will trust in Thee."

PSALM 56

1"Be gracious, O God, for man has trampled upon me;
Fighting all day long he oppresses me.

2My foes have trampled upon me all day long,

For they are many who fight proudly against me.

3When I am afraid,

I will put my trust in Thee.

4In God, whose word I praise,

In God I have put my trust;

I shall not be afraid.

What can *mere* man do to me?"

5"All day long they distort my words;

All their thoughts are against me for evil.

6They attack, they lurk,

They watch my steps,

As they have waited to *take* my life.

7Because of wickedness, cast them forth,

In anger put down the peoples, O God!

Psalms 56.8-57.10

8"Thou hast taken account of my wanderings;
Put my tears in Thy bottle;
Are *they* not in Thy book?
9Then my enemies will turn back in the day when I call;
This I know, that God is for me.
10In God, *whose* word I praise,
In YHWH, *whose* word I praise,
11In God I have put my trust, I shall not be afraid.
What can man do to me?

12"Thy vows are *binding* upon me, O God;
I will render thank offerings to Thee.
13For Thou hast delivered my soul from death,
Indeed my feet from stumbling,
So that I may walk before God
In the light of the living."

PSALM 57

1"Be gracious to me, O God, be gracious to me,
For my soul takes refuge in Thee;
And in the shadow of Thy wings I will take refuge,
Until destruction passes by.
2I will cry to God Most High,
To God who accomplishes *all things* for me."
3He will send from heaven and save me;
He reproaches him who tramples upon me. [Selah.
God will send forth His lovingkindness and His truth.

4"My soul is among lions;
I must lie among those who breathe forth fire,
Even the sons of men, whose teeth are spears and arrows,
And their tongue a sharp sword.
5Be exalted above the heavens, O God;
Let Thy glory *be* above all the earth.
6They have prepared a net for my steps;
My soul is bowed down;
They dug a pit before me;
They *themselves* have fallen into the midst of it. [Selah.
7"My heart is steadfast, O God, my heart is steadfast;
I will sing, yes, I will sing praises!"
8Awake, my glory;
Awake, harp and lyre,
I will awaken the dawn!
9"I will give thanks to Thee, O Lord, among the peoples;
I will sing praises to Thee among the nations.
10For Thy lovingkindness is great to the heavens,
And Thy truth to the clouds.

Thánh-thi 56.8-57.10

8"Chúa biết các bước lang-thang của con;
Xin chứa các giọt nước mắt của con trong ve của Chúa;
Há *chúng* không có trong sách của Chúa sao?
9Rồi các kẻ thù con sẽ thối-lui trong ngày con kêu-cầu;
Điều này con biết, rằng Đức Chúa TRỜI vì con.
10Trong Đức Chúa TRỜI, lời Chúa con ca-tụng,
Trong Đức GIA-VÊ, lời Chúa con ca-tụng,
11Nơi Đức Chúa TRỜI, con đã đặt lòng trông-cậy của con, con sẽ không sợ.
Điều gì loài người có thể gây cho con?

12"Các lời hứa của Chúa đang ràng buộc con, Đức Chúa TRỜI ôi;
Con sẽ dâng các của-lễ cảm-tạ lên Chúa.
13Vì Chúa đã giải-thoát hồn con khỏi sự chết,
Quả thật các chân con khỏi vấp ngã,
Ngõ hầu con có thể bước-đi trước mặt Đức Chúa TRỜI
Trong sự sáng của kẻ sống."

THÁNH-THI 57

Lời cầu-nguyện xin giải-cứu khỏi các kẻ thù (Cho trường ban nhạc, theo điệu "Chớ Phá-hủy")
Người viết: Đa-vít, khi Sau-lơ sai thuộc hạ rình-rập để giết người

1"Xin khoan-dung với con, Đức Chúa TRỜI ôi, xin khoan-dung với con,
Vì hồn con ân-náu trong Chúa;
Và trong bóng của những cánh Chúa con sẽ ân-náu,
Cho đến khi sự phá-hoại đi qua.
2Con sẽ kêu-gào cùng Đức Chúa TRỜI Chí Cao,
Cùng Đức Chúa TRỜI Đấng hoàn-tất mọi việc cho con."
3Ngài sẽ sai từ trời mà cứu tôi;
Ngài quở-trách kẻ giâm trên tôi. [Sê-la.
Đức Chúa TRỜI sẽ tỏ ra sự ân-cần thương-yêu của Ngài và lẽ-thật của Ngài.
4"Hồn con ở giữa bầy sư-tử;
Con phải nằm ở giữa những kẻ thờ ra lửa,
Những con trai loài người, răng của chúng là những cây giáo và các mũi tên,
Và lưỡi của chúng là lưỡi gươm bén-nhọn.
5Xin được tôn cao ở trên các tầng trời, Đức Chúa TRỜI ôi;
Xin để vinh-quang của Chúa ở bên trên tất cả trái đất.
6Họ đã chuẩn bị một cái lưới cho các bước của con;
Hồn con bị cúi xuống;
Họ đào một cái hố trước mặt con;
Họ đã sa vào trong giữa nó. [Sê-la.
7"Tâm con kiên trì, Đức Chúa TRỜI ôi, tâm con kiên trì;
Con sẽ hát, phải, con sẽ hát các lời ca-tụng!"
8Hãy thức-giác, hồi vinh-quang của ta;
Hãy thức-giác, hồi hạc-cầm và thất-huyền-cầm,
Ta sẽ thức dậy lúc rạng đông!
9"Con sẽ dâng lời cảm-tạ Chúa, Chúa ôi, ở giữa các dân-tộc;
Con sẽ hát các lời ca-tụng Chúa ở giữa các quốc-gia.
10Vì sự ân-cần thương-yêu của Chúa thì lớn đến các tầng trời,
Và lẽ-thật của Chúa đến các tầng mây.

Thánh-thi 57.11-59.3

¹¹Xin được tôn cao ở trên các tầng trời, *Đức* Chúa TRỜI
ôi;
Xin để vinh-quang của Chúa ở bên trên tất cả trái đất."

THÁNH-THI 58

*Lời cầu-nguyện xin phạt kẻ độc-ác (Cho trường ban
nhạc, theo điệu "Chớ Phá-hủy")*

Người viết: Đa-vít

¹Người có thật nói sự công-chính không, hỏi các thần^{(1)?}
Người có phán-xét ngay thẳng không, hỏi những con trai⁽²⁾
của loài người?

²Không, trong tâm, các người làm sự bất chính;
Trên đất, các người cân sự hung-bạo của tay các người.

³Những kẻ độc-ác bị làm cho ghê lạnh từ từ-cung;
Những kẻ nói dối này đi lạc lối từ lúc ra đời.

⁴Chúng có nọc-độc như nọc của rắn;
Như con rắn hổ-mang điếc lập tai nó lại,

⁵Để nó không nghe tiếng của những thầy rắn,
Hay thầy ếm tài tình.

⁶"*Đức* Chúa TRỜI ôi, xin đập vỡ răng trong miệng chúng;
Xin bẻ răng nanh của những con sư-tử tợ, *Đức* GIA-VÊ
ôi.

⁷Xin cho chúng tuôn đi như nước chảy vôi;
Khi hấn nhắm các mũi tên của hấn, xin cho chúng như các
mũi tên không đầu.

⁸*Xin cho chúng* như con ốc sên tan chảy mắt trong khi nó
bò đi,

Như những thai bị sảy chẳng bao giờ thấy mặt trời."

⁹Trước khi những cái nôi của các người có thể cảm-thấy
lừa của các bụi gai,

Ngài sẽ quét chúng đi bằng con gió xoáy, cây xanh hay
cháy như nhau.

¹⁰Kẻ công-chính sẽ mừng-rỡ khi thấy sự báo-thù;
Người sẽ rửa những chân của mình trong máu kẻ độc-ác.

¹¹Và người ta sẽ nói: "Chắc-chắn có phần-thưởng cho
người công-chính;

Chắc-chắn có một *Đức* Chúa TRỜI phán-xét trên đất!"

THÁNH-THI 59

*Lời cầu-nguyện xin giải-cứu khỏi các kẻ thù (Cho
trường ban nhạc, theo điệu "Chớ Phá-hủy")*

Người viết: Đa-vít

¹"Xin giải-cứu con khỏi các kẻ thù của con, *Đức* Chúa
TRỜI của con ôi;

Xin đặt con trên cao khỏi những kẻ chỗi dậy chống con.

²Xin giải-thoát con khỏi những kẻ làm điều gian ác,
Và xin cứu con khỏi những người làm đồ máu.

³Vì kia, chúng vừa đặt một cuộc phục-kích *lấy* mạng con;
Các kẻ hung-dữ mở một cuộc tấn-công chống lại con,
Không vì sự vi-phạm của con, cũng chẳng vì tội của con,
Đức GIA-VÊ ôi,

¹hay: các vị thần-phán; hay: các chúa-tể mạnh-bạo

²hay: các người có đoán-xét một cách ngay-thẳng những con trai
của loài người, hay không?

Psalms 57.11-59.3

¹¹Be exalted above the heavens, O God;
Let Thy glory be above all the earth."

PSALM 58

¹Do you indeed speak righteousness O gods?
Do you judge uprightly, O sons of men?

²No, in heart you work unrighteousness;
On earth you weigh out the violence of your hands.

³The wicked are estranged from the womb;
These who speak lies go astray from birth.

⁴They have venom like the venom of a serpent;
Like a deaf cobra that stops up its ear,

⁵So that it does not hear the voice of charmers,
Or a skillful caster of spells.

⁶O God, shatter their teeth in their mouth;
Break out the fangs of the young lions, O YHWH,

⁷Let them flow away like water that runs off;
When he aims his arrows, let them be as headless shafts.

⁸*Let them be* as a snail which melts away as it goes along,
Like the miscarriages of a woman which never see the
sun."

⁹Before your pots can feel *the fire* of thorns,
He will sweep them away with a whirl-wind, the green
and the burning alike.

¹⁰The righteous will rejoice when he sees the vengeance;
He will wash his feet in the blood of the wicked.

¹¹And men will say, "Surely there is a reward for the
righteous;

Surely there is a God who judges on earth!"

PSALM 59

¹"Deliver me from my enemies, O my God;
Set me *securely* on high away from those who rise up
against me.

²Deliver me from those who do iniquity,
And save me from men of bloodshed.

³For behold, they have set an ambush for my life;
Fierce men launch an attack against me,
Not for my transgression nor for my sin, O YHWH,

Psalms 59.4-60.2

⁴For no guilt of *mine*, they run and set themselves against me.

Arouse Thyself to help me, and see!

⁵And Thou, O YHWH God of hosts, the God of Israel, Awake to punish all the nations;

Do not be gracious to any *who are* treacherous in iniquity. [Selah.]

⁶They return at evening, they howl like a dog, And go around the city.

⁷Behold, they belch forth with their mouth; Swords are in their lips, For, *they say*, "Who hears?"

⁸But Thou, O YHWH, dost laugh at them; Thou dost scoff at all the nations.

⁹*Because of his strength* I will watch for Thee, For God is my stronghold."

¹⁰My God in His lovingkindness will meet me; God will let me look *triumphantly* upon my foes.

¹¹"Do not slay them, lest my people forget; Scatter them by Thy power, and bring them down, O Lord, our shield.

¹²*On account of the sin of their mouth and the words of their lips,*

Let them even be caught in their pride, And on account of curses and lies which they utter.

¹³Destroy *them* in wrath, destroy *them*, that they may be no more;

That *men* may know that God rules in Jacob, To the ends of the earth. [Selah.]

¹⁴And they return at evening, they howl like a dog, And go around the city.

¹⁵They wander about for food, And growl if they are not satisfied.

¹⁶"But as for me, I shall sing of Thy strength; Yes, I shall joyfully sing of Thy lovingkindness in the morning,

For Thou hast been my stronghold, And a refuge in the day of my distress.

¹⁷O my strength, I will sing praises to Thee; For God is my stronghold, the God who shows me lovingkindness."

PSALM 60

¹O GOD, Thou hast rejected us. Thou hast broken us; Thou hast been angry; O, restore us.

²Thou hast made the land quake, Thou hast split it open; Heal its breaches, for it totters.

Thánh-thì 59.4-60.2

⁴Không phải vì lỗi của con, vậy mà chúng chạy tới và chống đối con.

Xin Chúa đánh thức mình để giúp con, và xin nhìn coi!

⁵Và Chúa, GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI vạn-quân ôi, Đức Chúa TRỜI của Y-sơ-ra-ên,

Xin thức-giác để phạt tất cả các quốc-gia; Xin đừng khoan-dung với bất cứ ai xảo-quyệt trong tội ác. [Sê-la.]

⁶Chúng trở về vào buổi chiều, chúng tru như chó, Và đi vòng quanh thành.

⁷Kìa, chúng phun ra bằng miệng chúng; Các lưỡi gươm ở các môi chúng, Vì, *chúng nói*: "Có ai nghe đâu?"

⁸Nhưng Chúa, Đức GIA-VÊ ôi, cười chúng nó; Chúa nhạo-báng tất cả các quốc-gia.

⁹Vì sức mạnh của hấn, con sẽ trông chờ Chúa, Vì Đức Chúa TRỜI là thành-trì của con."

¹⁰Đức Chúa TRỜI của tôi, trong sự ân-cần thương-yêu của Ngài, sẽ gặp tôi;

Đức Chúa TRỜI sẽ cho tôi nhìn các kẻ thù tôi *hể hả*.

¹¹"Xin chớ tàn-sát họ, e rằng dân của con quên chăng; Xin tàn-lạc họ bởi quyền-năng của Chúa, và hạ họ xuống, Ôi Chúa, cái khiên của chúng con.

¹²Vì cơ tội của miệng của họ và các lời của môi của họ, Xin cho họ thậm-chí bị bắt trong sự kiêu-ngạo của họ, Và vì cơ những lời rủa-sả và lời nói dối mà họ thốt ra.

¹³Xin hủy-diệt họ trong sự thịnh-nộ, xin hủy-diệt, để họ không còn nữa;

Để người ta có thể biết rằng Đức Chúa TRỜI trị-vì trong Gia-cốp,

Cho đến các đầu-cùng của trái đất. [Sê-la.]

¹⁴Rồi họ trở về vào buổi chiều, họ tru như chó,

Và đi vòng quanh thành.

¹⁵Họ lang thang tìm thức-ăn,

Và cầu-nhàu nếu họ không no.

¹⁶Nhưng còn con, con sẽ hát về sức mạnh của Chúa; Phải, con sẽ vui-vẻ hát về sự ân-cần thương-yêu của Chúa vào buổi sáng,

Vì Chúa là thành-trì của con *lâu nay*,

Và là nơi ẩn-náu trong ngày tai-họa của con.

¹⁷Ôi sức mạnh của con, con sẽ hát các lời ca-tụng Chúa;

Vì Đức Chúa TRỜI là đồn lũy của con, Đức Chúa TRỜI đó tỏ ra cho con sự ân-cần yêu-thương."

THÁNH-THÌ 60

Than-thở thua trận, và cầu-xin giúp-đỡ (Cho trường ban nhạc, theo điệu "Bông-huệ của Giao-ước")

Người viết: Đa-vít, để dạy-đỗ, khi ông đánh trận với dân Mê-sô-bô-ta-mi, và với dân A-ram-xô-ba, lúc Giô-áp trở lại đánh bại 12 ngàn dân Ê-đôm trong thung-lũng Muối, khi Y-sơ-ra-ên bị kẹt trong trận-chiến với A-ram ở phương bắc, và Giu-đa bị Ê-đôm xâm-lăng từ phía nam (2 Sa-mu-ên 8)

¹Đức Chúa TRỜI ôi, Chúa đã bác-bỏ chúng con. Chúa đã bẻ gãy chúng con;

Chúa giận lâu nay; ôi, xin hồi-phục chúng con.

²Chúa đã làm đất rung-động, Chúa đã chẻ nó mở ra;

Xin chữa các vết hồng của nó, vì nó lung-lay gần sụp.

Thánh-thi 60.3-61.8

³Chúa đã khiến dân Chúa trải-nghiệm gian-khổ;
Chúa đã cho chúng con rượu nho để uống làm chúng con
lảo đảo.

⁴Chúa đã ban chiêu bài cho những người kinh-sợ Chúa,
Để nó được trưng-bày vì lẽ-thật. [Sê-la.

⁵Để kẻ yêu-dấu của Chúa được giải-thoát,
Xin cứu vớt tay hữu Chúa, và xin đáp lời chúng con!"

⁶*Đức* Chúa TRỜI đã phán trong sự thánh Ngài:
"Ta sẽ hôn-hờ, Ta sẽ chia Si-chem ra và đo thung-lũng Su-
côt.

⁷Ga-la-át là của Ta, và Ma-na-se là của Ta;
Ép-ra-im cũng là nón sắt trên đầu Ta;
Giu-đa là cây trượng của Ta.

⁸Mô-áp là chậu rửa của Ta;
Trên Ê-đôm, Ta sẽ ném dép Ta;
Hãy hò-reo lớn lên, hỡi đất Phi-li-tin, vì có Ta!"

⁹"Ai sẽ đưa con vào trong thành bị bao vây này?
Ai sẽ dẫn con đến Ê-đôm?"

¹⁰Há không phải chính Chúa, *Đức* Chúa TRỜI ôi, đã bác-
bỏ chúng con?

Và Chúa sẽ không tiến tới với các đội quân của chúng con
hay sao, *Đức* Chúa TRỜI ôi?

¹¹Ôi! Xin giúp-đỡ chúng con chống-lại đối-thù ấy,
Vì sự giải-cứu bởi con người là vô-ích."

¹²Qua *Đức* Chúa TRỜI chúng tôi sẽ hành động dũng-cảm,
Và chính Ngài sẽ giày-đạp các đối-thù của chúng tôi.

THÁNH-THI 61

*Tin-cậy nơi sự bảo-vệ của Đức Chúa TRỜI (Cho trường
ban nhạc, dùng nhạc-khí bằng dây)*

*Người viết: Đa-vít, viết khi người phải chạy trốn trong
những ngày Áp-sa-lôm nổi-loạn (2 Sa-mu-ên 15-18), hoặc
là sau khi người suýt không thoát được một trong những
cố-gắng của Sau-lơ muốn giết người trong khi người trốn
trong vùng hoang-vu*

¹"Xin nghe tiếng khóc của con, *Đức* Chúa TRỜI ôi;
Xin để ý đến lời cầu-nguyện của con.

²Từ đầu cùng trái đất con kêu-cầu cùng Chúa, khi tim con
yếu-ớt;

Xin dẫn con đến tảng đá cao hơn con.

³Vì Chúa lâu nay là nơi ẩn-náu cho con,

Một tháp có sức mạnh chống lại kẻ thù.

⁴Xin cho con ở trong lều của Chúa mãi mãi;

Xin để con ẩn-náu trong chỗ che của các cánh của Chúa.
[Sê-la.

⁵"Vì Chúa đã nghe các lời thệ-nguyện của con, *Đức* Chúa
TRỜI ôi;

Chúa đã cho con của thừa-kế của những kẻ sợ danh Chúa.

⁶Chúa sẽ kéo dài cuộc đời của vua;

Các năm của người sẽ như nhiều thế-hệ.

⁷Người sẽ cứ ở trước mặt *Đức* Chúa TRỜI mãi mãi;

Xin ấn-định sự ân-cần thương-yêu và lẽ-thật, để chúng có
thể gìn-giữ người.

⁸Vì vậy con sẽ hát lời ca-tụng danh của Chúa mãi mãi,

Để con làm thành các sự hứa-nguyện của con từng ngày."

Psalms 60.3-61.8

³Thou hast made Thy people experience hardship;
Thou hast given us wine to drink that makes us stagger.

⁴Thou hast given a banner to those who fear Thee,
That it may be displayed because of the truth. [Selah.

⁵That Thy beloved may be delivered,
Save with Thy right hand, and answer us!

⁶God has spoken in His holiness:
"I will exult, I will portion out Shechem and measure out
the valley of Succoth.

⁷Gilead is Mine, and Manasseh is Mine;
Ephraim also is the helmet of My head;
Judah is My scepter.

⁸Moab is My washbowl;
Over Edom I shall throw My shoe;
Shout loud, O Philistia, because of Me!"

⁹"Who will bring me into the besieged city?
Who will lead me to Edom?"

¹⁰Hast not Thou Thyself, O God, rejected us?
And wilt Thou not go forth with our armies, O God?

¹¹O give us help against the adversary,
For deliverance by man is in vain."

¹²Through God we shall do valiantly,
And it is He who will tread down our adversaries.

PSALM 61

¹"Hear my cry, O God;
Give heed to my prayer.

²From the end of the earth I call to Thee, when my heart is
faint;

Lead me to the rock that is higher than I.

³For Thou hast been a refuge for me,
A tower of strength against the enemy.

⁴Let me dwell in Thy tent forever;
Let me take refuge in the shelter of Thy wings. [Selah.

⁵"For Thou hast heard my vows, O God;
Thou hast given me the inheritance of those who fear Thy
name.

⁶Thou wilt prolong the king's life;
His years will be as many generations.

⁷He will abide before God forever;
Appoint lovingkindness and truth, that they may preserve
him.

⁸So I will sing praise to Thy name forever,
That I may pay my vows day by day."

PSALM 62

¹My soul *waits* in silence for God only;
From Him is my salvation.
²He only is my rock and my salvation,
My stronghold; I shall not be greatly shaken.

³How long will you assail a man,
That you may murder *him*, all of you,
Like a leaning wall, like a tottering fence?
⁴They have counseled only to thrust him down from his
high position;
They delight in falsehood;
They bless with their mouth,
But inwardly they curse. [Selah.]

⁵My soul, wait in silence for God only,
For my hope is from Him.
⁶He only is my rock and my salvation,
My stronghold; I shall not be shaken.
⁷On God my salvation and my glory *rest*;
My mighty rock, my refuge is God.
⁸Trust in Him at all times, O people;
Pour out your heart before Him;
God is a refuge for us. [Selah.]

⁹Men of low degree are only vanity, and men of rank are a
lie;
In the balances they go up;
They are together lighter than breath.
¹⁰Do not trust in oppression,
And do not vainly hope in robbery;
If riches increase, do not set *your* heart *upon them*.

¹¹Once God has spoken;
Twice I have heard this:
"That power belongs to God;
¹²And lovingkindness is Thine, O Lord,
For Thou dost recompense a man according to his work."

PSALM 63

¹"O GOD, Thou art my God; I shall seek Thee earnestly;
My soul thirsts for Thee, my flesh yearns for Thee,
In a dry and weary land where there is no water.
²Thus I have beheld Thee in the sanctuary,
To see Thy power and Thy glory.

THÁNH-THI 62

*Chỉ một mình Đức Chúa TRỜI mới là nơi ẩn-náu tránh
sự phân-trắc và áp-bức (Cho trường ban nhạc, theo điệu
"Giê-đu-thun")*

*Người viết: Đa-vít, viết trong những ngày Áp-sa-lôm nổi-
loạn (2 Sa-mu-ên 15-18)*

¹Hồn ta *chờ* trong yên-lặng chỉ một mình Đức Chúa
TRỜI;
Từ Ngài là sự cứu-rỗi của ta.
²Chỉ Ngài là tảng đá của ta và sự cứu-rỗi ta,
Đồn lũy của ta; ta sẽ chẳng bị lay-động nhiều.

³Bao lâu các người sẽ tấn công vào một người,
Đề các người có thể giết *hắn*, hỡi tất cả các người,
Như một cái vách nghiêng, như một hàng rào sắp ngã?
⁴Chúng đã bàn-bạc chỉ để đánh đổ *hắn* khỏi địa-vị cao của
hắn;
Chúng thích-thú sự sai lầm;
Chúng chúc phước với miệng của chúng,
Nhưng bên trong chúng rủa-sá. [Sê-la.]

⁵Hỡi hồn ta, hãy chờ trong yên-lặng chỉ một mình Đức
Chúa TRỜI;
Vì hy-vọng của ta là từ Ngài.
⁶Chỉ Ngài là tảng đá ta và sự cứu-rỗi ta,
Đồn lũy của ta; ta sẽ chẳng bị lay-động.
⁷Tựa vào Đức Chúa TRỜI, là sự cứu-rỗi của ta và vinh-
quang của ta;
Tảng đá mạnh-mẽ của ta, nơi ẩn-náu của ta là Đức Chúa
TRỜI.

⁸Hãy luôn luôn trông-cậy nơi Ngài, hỡi dân-chúng;
Hãy tuôn đổ ra tâm các người trước mặt Ngài;
Đức Chúa TRỜI là nơi ẩn-náu cho chúng ta. [Sê-la.]

⁹Các người hạ-lưu chỉ là phù-phiếm, và các người có chức
vị là giả-dối;
Trên những cái cân, chúng nó chòng lên;
Cả bọn chúng nhẹ hơn hơi thở.
¹⁰Chớ trông-cậy nơi sự áp-bức,
Cũng đừng hy-vọng vô-ích nơi sự trộm-cướp;
Nếu của-cải tăng thêm, chớ đặt tâm mình vào *chúng*.

¹¹Một lần Đức Chúa TRỜI đã từng phán;
Hai lần ta đã nghe điều này:
"Quyền-năng đó thuộc về Đức Chúa TRỜI;
¹²Và sự ân-cần thương-yêu là của Chúa, Chúa ôi,
Vì Chúa báo trả một người tùy theo công-việc người đó."

THÁNH-THI 63

*Hồn khao-khát được thỏa-nguyện nơi Chúa TRỜI
Người viết: Đa-vít, khi người ở trong vùng hoang-vu Giu-
đa)*

¹"Đức Chúa TRỜI ôi, Chúa là Đức Chúa TRỜI của con;
con sẽ tha thiết tìm kiếm Chúa;
Hồn con khao-khát Chúa, xác-thịt con mong-mỏi Chúa,
Trong một mảnh đất khô-khan và cực-nhọc nơi chẳng có
chút nước nào.
²Như vậy con đã nhìn-xem Chúa trong nơi thánh,
Đề thấy quyền-năng của Chúa và vinh-quang của Chúa.

Thánh-thi 63.3-64.10

³Vì sự ân-cần thương-yêu của Chúa thì tốt hơn đời sống,
Các môi của con sẽ ca-tụng Chúa.
⁴Vì thế, chừng nào con còn sống con sẽ chúc-tụng Chúa⁽¹⁾;
Con sẽ giơ các bàn tay con lên trong danh Chúa.
⁵Hồn con được thỏa-nguyện như *được ăn* tỳ và mỡ,
Và miệng con dâng lên các lời ca-tụng với các môi đầy sự
vui-vẻ.
⁶"Khi con nhớ đến Chúa trên giường con,
Con suy-gẫm về Chúa trong những canh đêm,
⁷Vì Chúa lâu nay giúp-đỡ con,
Và trong bóng những cánh của Chúa, con ca-hát vì vui.
⁸Hồn con bám chặt vào Chúa;
Tay hữu Chúa nâng-đỡ con."
⁹Nhưng những kẻ truy tìm để hủy-diệt mạng-sống ta,
Sẽ đi vào trong những vực sâu của trái đất.
¹⁰Chúng sẽ bị phó cho quyền-lực của thanh gươm;
Chúng sẽ là mồi cho những con cáo.
¹¹Nhưng nhà vua sẽ mừng-rỡ trong *Đức* Chúa TRỜI;
Mọi kẻ thù bởi Ngài sẽ hiển-vinh,
Vì miệng các kẻ nói dối sẽ bị bịt lại.

THÁNH-THI 64

*Câu-nguyện xin giải-cứu khỏi các kẻ thù bí-mật (Cho
trường ban nhạc)*
Người viết: Đa-vít

¹"Xin nghe tiếng của con, *Đức* Chúa TRỜI ôi, khi con
than-phiên;
Xin gìn-giữ sinh-mạng con không khiếp-sợ kẻ thù.
²Xin giấu con khỏi cuộc bàn kín của các kẻ làm điều xấu,
Khỏi sự ồn-ào của những kẻ làm điều tội lỗi,
³Những kẻ đã mài lưỡi của chúng nhọn như gươm.
Chúng nhắm lời cay-dắng như mũi tên của chúng,
⁴Đặng bắn vào kẻ không chỗ trách từ nơi ẩn núp;
Thành-linh chúng bắn vào người, và chẳng sợ gì.
⁵Chúng nắm chặt cho chúng mục-đích xấu-xa;
Chúng nói về việc gài bẫy một cách bí-mật;
Chúng nói: 'Ai có thể thấy được các điều này?'
⁶Chúng chế ra các sự bất-công, nói:
'Chúng ta sẵn-sàng với một âm-mưu được thai nghén kỹ';
Vì tư-tưởng bề trong và tâm của một người thật là sâu."
⁷Nhưng *Đức* Chúa TRỜI sẽ bắn chúng bằng một mũi tên;
Đột nhiên chúng bị thương-tích.
⁸Vì vậy chúng sẽ làm cho người vấp-ngã,
Chính lưỡi chúng chống lại chúng;
Tất cả những kẻ thấy chúng sẽ lắc đầu.
⁹Thế thì tất cả loài người đều sẽ sợ,
Và sẽ tuyên-bố công việc của *Đức* Chúa TRỜI,
Và sẽ xem-xét điều Ngài từng làm.
¹⁰Người công-chính sẽ vui-vẻ nơi *Đức* GIA-VÊ, và sẽ ăn-
náu nơi Ngài;
Và mọi người ngay-thẳng trong tâm sẽ vinh-quang.

¹Hãy: trọn đời con

Psalms 63.3-64.10

³Because Thy lovingkindness is better than life,
My lips will praise Thee.
⁴So I will bless Thee as long as I live;
I will lift up my hands in Thy name.
⁵My soul is satisfied as with marrow and fatness.
And my mouth offers praises with joyful lips.

⁶"When I remember Thee on my bed,
I meditate on Thee in the night watches,
⁷For Thou hast been my help,
And in the shadow of Thy wings I sing for joy.
⁸My soul clings to Thee;
Thy right hand upholds me."
⁹But those who seek my life, to destroy it,
Will go into the depths of the earth.
¹⁰They will be delivered over to the power of the sword;
They will be a prey for foxes.
¹¹But the king will rejoice in God;
Everyone who swears by Him will glory,
For the mouths of those who speak lies will be stopped.

PSALM 64

¹"Hear my voice, O God, in my complaint;
Preserve my life from dread of the enemy.
²Hide me from the secret counsel of evildoers,
From the tumult of those who do iniquity,
³Who have sharpened their tongue like a sword.
They aimed bitter speech as their arrow,
⁴To shoot from concealment at the blameless;
Suddenly they shoot at him, and do not fear.
⁵They hold fast to themselves an evil purpose;
They talk of laying snares secretly;
They say, 'Who can see them?'
⁶They devise injustices, *saying*,
'We are ready with a well-conceived plot';
For the inward thought and the heart of a man are deep."

⁷But God will shoot at them with an arrow;
Suddenly they will be wounded.
⁸So they will make him stumble;
Their own tongue is against them;
All who see them will shake the head.
⁹Then all men will fear,
And will declare the work of God,
And will consider what He has done.
¹⁰The righteous man will be glad in YHWH, and will take
refuge in Him;
And all the upright in heart will glory.

PSALM 65

1<sup>There will be silence before Thee, and praise in Zion, O God;
And to Thee the vow will be performed.</sup>
2<sup>O Thou who dost hear prayer,
To Thee all flesh come.</sup>
3<sup>Words of iniquities prevail against me;
As for our transgressions, Thou dost forgive them.</sup>
4<sup>How blessed is the one whom Thou dost choose, and
bring near to Thee,
To dwell in Thy courts.
We will be satisfied with the goodness of Thy house,
Thy holy temple.</sup>

5<sup>By awesome deeds Thou dost answer us in
righteousness, O God of our salvation,
Thou who art the trust of all the ends of the earth and of
the farthest sea;</sup>
6<sup>Who dost establish the mountains by His strength,
Being girded with might;</sup>
7<sup>Who dost still the roaring of the seas,
The roaring of their waves,
And the tumult of the peoples.</sup>
8<sup>And they who dwell in the ends of the earth stand in awe
of Thy signs;
Thou dost make the dawn and the sunset shout for joy.</sup>

9<sup>Thou dost visit the earth, and cause it to overflow;
Thou dost greatly enrich it;
The stream of God is full of water;
Thou dost prepare their grain, for thus Thou dost prepare
the earth.</sup>
10<sup>Thou dost water its furrows abundantly;
Thou dost settle its ridges;
Thou dost soften it with showers;
Thou dost bless its growth.</sup>
11<sup>Thou hast crowned the year with Thy bounty,
And Thy paths drip with fatness.</sup>
12<sup>The pastures of the wilderness drip,
And the hills gird themselves with rejoicing.</sup>
13<sup>The meadows are clothed with flocks,
And the valleys are covered with grain;
They shout for joy, yes, they sing."</sup>

PSALM 66

1^{Shout joyfully to God, all the earth;}
2<sup>Sing the glory of His name;
Make His praise glorious.</sup>

THÁNH-THI 65

*Đức Chúa TRỜI ban ơn dư-dật cho đất và người (Cho
trưởng ban nhạc)*

Người viết: Đa-vít

1<sup>Sẽ có im-lặng trước mặt Chúa, và ca-tụng tại Si-ôn, Đức
Chúa TRỜI ôi;
Và cho Chúa, lời hứa-nguyện sẽ được thực-hiện.</sup>
2<sup>Ôi Chúa Đấng nghe lời cầu-nguyện,
Cùng Chúa, tất cả mọi xác-thịt sẽ đến.</sup>
3<sup>Các lời về những điều tội lỗi thẳng-thể chống lại con;
Còn các vi-phạm của chúng con, Chúa tha-thứ cho chúng.</sup>
4<sup>Phước biết bao cho người mà Chúa chọn và đem đến gần
Chúa,
Đề ở trong các sân của Chúa.
Chúng con sẽ được thỏa-nguyện với sự tốt-lành của đền
Chúa,
Đền thánh của Chúa.</sup>

5<sup>Bằng các việc làm đáng sợ Chúa trả lời chúng con trong
sự công-chính, Đức Chúa TRỜI có sự cứu-rỗi của chúng
con ôi,
Chúa có sự trông-cậy của tất cả các đầu cùng của trái đất
và của biển xa nhất;</sup>
6<sup>Là Đấng lập núi non bởi sức mạnh của mình,
Được thất lung bằng sức-mạnh;</sup>
7<sup>Là Đấng làm biển cả đang gầm rống yên-lặng,
Sự gầm rống của những đợt sóng của chúng,
Và sự náo-động của các dân-tộc.</sup>
8<sup>Và những kẻ ở tại các đầu-cùng của trái đất đứng trong
sự kinh-ngạc về các dấu-hiệu của Chúa;
Chúa khiến hùng-đông và chạng-vạng hò-reo vì vui-mừng</sup>

9<sup>Chúa thăm-viếng trái đất, và khiến nó tràn đầy;
Chúa làm cho nó phong-phú nhiều;
Suối của Đức Chúa TRỜI đầy nước;
Chúa chuẩn-bị ngũ-cốc của họ, vì Chúa chuẩn-bị cho trái
đất như vậy.</sup>
10<sup>Chúa tưới các luống cày của nó một cách dư-dật;
Chúa làm ổn-định các giếng đất của nó;
Chúa làm cho nó mềm bằng các trận mưa rào;
Chúa ban phước cho sự tăng-trưởng của nó.</sup>
11<sup>Chúa đội mão cho năm với sự hào-phóng của Chúa,
Và các lối đi của Chúa nhô ra mỡ.</sup>
12<sup>Các đồng cỏ của vùng hoang-vu nhỏ từng giọt,
Và các đồi thất lung của chúng với sự vui-mừng.</sup>
13<sup>Các đồng cỏ được mặc áo bằng các bầy chiên,
Và các thung-lũng được bao-phủ bằng ngũ-cốc;
Chúng reo-hò vì vui-vẻ, phải, chúng ca hát."</sup>

THÁNH-THI 66

*Ca-tụng Đức Chúa TRỜI vì việc làm cả-thể của Ngài, và
vì Ngài nhậm lời cầu-nguyện (Cho trưởng ban nhạc)*
Người viết: Vô danh, viết sau một chiến-thắng

1<sup>Hãy reo vui-mừng cho Đức Chúa TRỜI, hồi tất cả trái
đất;</sup>
2<sup>Hãy hát sự vinh-quang của danh Ngài;
Hãy khiến lời ca-tụng Ngài đầy vinh-quang.</sup>

Thánh-thi 66.3-67

³Hãy thưa cùng Đức Chúa TRỜI: Các việc làm của Chúa đáng kinh-sợ làm sao!

Bởi vì sự vĩ-đại của quyền-năng của Chúa, các kẻ thù của Chúa sẽ giã-vỡ vàng-phục Chúa.

⁴Tất cả trái đất sẽ thờ-lạy Chúa,
Và sẽ hát các lời ca-tụng Chúa;
Họ sẽ hát các lời ca-tụng danh Chúa." [Sê-la.

⁵Hãy đến và xem công việc của Đức Chúa TRỜI,
Đáng đáng sợ trong các việc làm của Ngài hướng về các con trai loài người.

⁶Ngài đổi biển thành đất khô;
Họ vượt sông đó bằng chân;
Ở đó chúng ta hãy mừng-rỡ trong Ngài!

⁷Ngài cai-trị bởi sức mạnh của Ngài mãi mãi;
Các mắt Ngài cứ xem-xét các quốc-gia;
Chẳng để những kẻ phản loạn tự đề-cao. [Sê-la.

⁸Hãy chúc-tụng Đức Chúa TRỜI của chúng ta, hỡi các dân-tộc,

Và hãy khiến tiếng của lời ca-tụng Ngài được nghe,

⁹Đáng đặt hồn chúng ta trong sự sống,
Và không cho phép các chân chúng ta vướng-vấp.

¹⁰Vì Chúa đã thử chúng con, Đức Chúa TRỜI ôi;
Chúa đã rèn-luyện chúng con như bạc được tinh-luyện.

¹¹Chúa đã đem chúng con vào trong lưới;
Chúa đã chắt một gánh áp-bức trên hông của chúng con.

¹²Chúa đã khiến người ta cỡi trên đầu chúng con;
Chúng con đã đi qua lửa và nước;
Nhưng Chúa đã đem chúng con ra vào trong một chỗ dư-đặt.

¹³Con sẽ đến trong đền Chúa với các của-lễ thiêu;
Con sẽ hoàn thành cho Chúa các lời hứa-nguyện của con,

¹⁴Mà các môi con đã thốt ra
Và miệng con đã nói khi con đã ở trong cảnh khốn-cùng.

¹⁵Con sẽ dâng lên Chúa các thú-vật béo làm của-lễ thiêu,
Với khói những chiên đực;
Con sẽ làm một của-lễ bằng các bò đực và những dê đực." [Sê-la.

¹⁶Hãy đến và hãy nghe, mọi kẻ kinh-sợ Đức Chúa TRỜI,
Và tôi sẽ nói về điều Ngài đã làm cho hồn tôi.

¹⁷Tôi đã kêu-cầu Ngài với miệng tôi,

Và Ngài đã được tán-dương với lưỡi tôi.

¹⁸Nếu tôi xem sự độc-ác trong tâm tôi là trọng,
Thì Chúa sẽ không nghe tôi;

¹⁹Nhưng chắc-chắn Đức Chúa TRỜI đã nghe;
Ngài đã lắng nghe tiếng cầu-nguyện của tôi.

²⁰Đáng chúc-tụng thay Đức Chúa TRỜI,
Đáng đã chẳng bỏ lời cầu-nguyện của tôi,
Cũng không rút sự ân-cần yêu-thương của Ngài khỏi tôi.

THÁNH-THI 67

Các quốc-gia được cổ-võ ca-tụng Đức Chúa TRỜI (Thơ hát. Cho trường ban nhạc, dùng nhạc-khí bằng dây.)

Người viết: Vô danh, có lẽ viết cho một trong những lễ mùa gặt

Psalms 66.3-67

³Say to God, "How awesome are Thy works!
Because of the greatness of Thy power, Thine enemies
will give feigned obedience to Thee.

⁴All the earth will worship Thee,
And will sing praises to Thee;
They will sing praises to Thy name." [Selah.

⁵Come and see the works of God,
Who is awesome in His deeds toward the sons of men.

⁶He turned the sea into dry land;
They passed through the river on foot;
There let us rejoice in Him!

⁷He rules by His might forever;
His eyes keep watch on the nations;
Let not the rebellious exalt themselves. [Selah.

⁸Bless our God, O peoples,
And cause to hear the sound of His praise,

⁹Who puts our soul in life,
And does not allow our feet to stumble.

¹⁰For Thou hast tried us, O God;
Thou hast refined us as silver is refined.

¹¹Thou didst bring us into the net;
Thou didst lay an oppressive burden upon our loins.

¹²Thou didst make men ride over our heads;
We went through fire and through water;
Yet Thou didst bring us out into a place of abundance.

¹³I shall come into Thy house with burnt offerings;
I shall pay Thee my vows,

¹⁴Which my lips uttered
And my mouth spoke when I was in distress.

¹⁵I shall offer to Thee burnt offerings of fat beasts,
With the smoke of rams;
I shall make an offering of bulls with male goats. [Selah.

¹⁶Come and hear, all who fear God,
And I will tell of what He has done for my soul.

¹⁷I cried to Him with my mouth,
And He was extolled with my tongue.

¹⁸If I regard wickedness in my heart,
The Lord will not hear;

¹⁹But certainly God has heard;
He has given heed to the voice of my prayer.

²⁰Blessed be God,
Who has not turned away my prayer,
Nor His lovingkindness from me.

PSALM 67

Psalms 67.1-68.10

1"GOD be gracious to us and bless us,
 And cause His face to shine upon us, [Selah.
 2"Thy way may be known on the earth,
 Thy salvation among all nations.
 3Let the peoples praise Thee, O God;
 Let all the peoples praise Thee.
 4Let the nations be glad and sing for joy;
 For Thou wilt judge the peoples with uprightness,
 And guide the nations on the earth. [Selah.

5"Let the peoples praise Thee, O God;
 Let all the peoples praise Thee. "
 6The earth has yielded its produce;
 God, our God, blesses us.
 7God blesses us,
 And let all the ends of the earth fear Him.

PSALM 68

1Let God arise, let His enemies be scattered;
 And let those who hate Him flee before Him.
 2As smoke is driven away, so drive them away;
 As wax melts before the fire,
 So let the wicked perish before God.
 3But let the righteous be glad; let them exult before God;
 Yes, let them rejoice with gladness.
 4Sing to God, sing praises to His name;
 Cast up a highway for Him who rides through the deserts,
 Whose name is YHWH, and exulted before Him.
 5A father of the fatherless and a judge for the widows,
 Is God in His holy habitation.
 6God makes the solitary to dwell in a house;
 He leads out the prisoners into prosperity,
 Only the rebellious dwell in a parched land.
 7"O God when Thou didst go forth before Thy people,
 When Thou didst march through the wilderness, [Selah.
 8The earth quaked;
 The heavens also dropped rain at the presence of God;
 Sinai itself quaked at the presence of God, the God of
 Israel.
 9Thou didst shed abroad a plentiful rain, O God;
 Thou didst confirm Thine inheritance, when it was
 parched.
 10Thy creatures settled in it:
 Thou didst provide in Thy goodness for the poor, O God."

Thánh-thi 67.1-68.10

1"Đức Chúa TRỜI xin khoan-dung với chúng con và ban
 phước cho chúng con,
 Xin khiến mặt Ngài soi sáng trên chúng con— [Sê-la
 2"Đề người ta biết đường-lối của Chúa trên trái đất,
 Sự cứu-rỗi của Chúa được biết ở giữa mọi quốc-gia.
 3Xin để các dân-tộc ca-tụng Chúa, Đức Chúa TRỜI ôi;
 Xin để tất cả các dân-tộc ca-tụng Chúa.
 4Xin cho các quốc-gia vui-mừng và ca hát vì vui-vẻ;
 Vì Chúa sẽ phán-xét các dân-tộc với sự ngay-thắng,
 Và hướng-dẫn các quốc-gia trên trái đất. [Sê-la.
 5"Xin để các dân-tộc ca-tụng Chúa, Đức Chúa TRỜI ôi;
 Xin để tất cả các dân-tộc ca-tụng Chúa. "
 6Trái đất đã sản-xuất sản-vật của nó;
 Đức Chúa TRỜI, Đức Chúa TRỜI của chúng tôi, ban¹
 phước cho chúng tôi.
 7Đức Chúa TRỜI ban phước cho chúng tôi,
 Và để tất cả các đầu-cùng của trái đất kính-sợ Ngài.

THÁNH-THI 68

**GIA-VÊ là Đức Chúa TRỜI của Si-na-i và của nơi
 thánh (Cho trưởng ban nhạc)
 Người viết: Đa-vít**

1Xin để Đức Chúa TRỜI chỗi-dậy, xin để các kẻ thù của
 Ngài bị tán-lạc;
 Và xin để những kẻ ghét Ngài chạy trốn trước mặt Ngài.
 2Như khói bị thổi đi xa, xin đuổi chúng đi xa như vậy;
 Như sáp tan ra trước lửa,
 Xin cho kẻ độc-ác diệt-vong trước mặt Đức Chúa TRỜI
 như vậy.
 3Nhưng xin để người công-chính vui-mừng; xin để họ
 hớn-hở trước mặt Đức Chúa TRỜI;
 Phải, xin để họ hoan-hỉ với sự mừng-vui.
 4Hãy hát cho Đức Chúa TRỜI, hãy hát các lời ca-tụng cho
 danh Ngài;
 Hãy xây một xa-lộ cho Ngài là Đấng cười qua các sa mạc,
 Danh Ngài là GIA-VÊ, và hãy hớn-hở trước mặt Ngài.
 5Là cha của kẻ không cha và quan-án cho các người góa,
 Là Đức Chúa TRỜI trong nơi ở thánh của Ngài.
 6Đức Chúa TRỜI cho người cô-đơn một mái nhà để ở;
 Ngài dẫn ra các tù-nhân vào trong sự phồn-vinh,
 Chỉ những kẻ phản-nghịch ở trong mảnh đất cằn cỗi.
 7"Đức Chúa TRỜI ôi, khi Chúa đã đi trước mặt dân Chúa,
 Khi Chúa đã bước quân hành qua vùng hoang-vu, [Sê-la.
 8Trái đất rung-động;
 Các tầng trời cũng nhỏ mưa trước sự hiện-diện của Đức
 Chúa TRỜI;
 Chính Si-na-i đã rung-động ở sự hiện-diện của Đức Chúa
 TRỜI; Đức Chúa TRỜI của Y-sơ-ra-ên.
 9Chúa đã đổ một trận mưa dồi-dào trên đất rộng, Đức
 Chúa TRỜI ôi;
 Chúa đã xác-nhận tài sản riêng của Chúa, khi nó khô nứt
 nẻ.
 10Các sinh-vật của Chúa đã định cư trong nó;
 Chúa đã cung-cấp trong sự tốt-lành của Chúa cho kẻ
 nghèo, Đức Chúa TRỜI ôi."

¹Động-từ "ban phước" này ở ngôi thứ ba số ít

Thánh-thi 68.11-68.27

11Chúa ban cho lời;
Các người đàn-bà công-bố tin mừng là một đám rất đông;
12Các vì vua có quân-đội chạy trốn, họ chạy trốn,
Và người đàn-bà ở lại trong nhà sẽ chia của cướp!
13Khi các người nằm xuống ở giữa các bầy chiên,
Thì *giống như* những cánh bò-câu bọc bằng bạc,
Và các lông nó *bọc* bằng vàng bóng loáng.
14Khi Đấng Toàn-năng đã phân tán các vì vua trong nó,
Thì trời đang đổ tuyết tại Xanh-môn.

15Một ngọn núi của *Đức* Chúa TRỜI là cái núi ở Ba-san;
Một ngọn núi có *nhều* đỉnh là cái núi ở Ba-san.

16Tại sao các người ngó với sự ganh-tị,
Vào cái núi mà *Đức* Chúa TRỜI đã muốn làm nơi ở của
Ngài, hỡi các núi có *nhều* đỉnh?
Chắc-chắn *Đức* GIA-VÊ sẽ ở đó mãi mãi.

17Số xe của *Đức* Chúa TRỜI là gấp đôi hàng chục ngàn,
hàng ngàn trên hàng ngàn;

⁽¹⁾Chúa ở giữa chúng *như ở tại* Si-na-i, trong sự thánh.

18"Chúa đã lên nơi cao, Chúa đã dẫn người bị giam-cầm
của Chúa *vào* giam-cầm;
Chúa đã nhận các lễ-vật *từ* giữa loài người,
Cũng cả *từ* giữa những kẻ phân-loạn, để GIA-VÊ *Đức*
Chúa TRỜI có thể ngự ở đó."

19Đấng chúc-tụng Chúa, Đấng hằng ngày mang gánh nặng
của chúng ta,

Là *Đức* Chúa TRỜI *Chúa* là sự cứu-rỗi của chúng ta. [Selah.]

20*Đức* Chúa TRỜI đối với chúng ta là một *Đức* Chúa
TRỜI⁽²⁾ có các sự giải-cứ;

Và thuộc về GIA-VÊ *Đức* Chúa, lối thoát khỏi sự chết.

21Chắc-chắn *Đức* Chúa TRỜI sẽ đập vỡ đầu-trường của
những kẻ thù của Ngài,

Cái đỉnh đầu có tóc của kẻ cứ tiếp-tục trong các việc làm
có lỗi của hắn.

22Chúa đã phán: "Ta sẽ đem *chúng* về từ Ba-san.

Ta sẽ đem *chúng* về từ các vực sâu của biển;

23Đề bàn chân người có thể đập-vỡ *chúng* trong máu,
Lưỡi những con chó của người có thể có phần của nó từ
các kẻ thù của người."

24"Họ đã thấy đoàn người của Chúa, *Đức* Chúa TRỜI đi,
Đoàn người của *Đức* Chúa TRỜI của con, Vua của con,
vào trong nơi thánh."

25Những ca-sĩ đi tới, các nhạc-sĩ theo sau,
Ở giữa có những cô gái đánh các trống cơm.

26Hãy chúc-tụng *Đức* Chúa TRỜI trong các hội-chúng,
Tức là chúc-tụng Đức GIA-VÊ, hỡi các người thuộc
nguồn Y-sơ-ra-ên.

27Có Bên-gia-min, người trẻ nhất, cai-trị họ,
Những ông hoàng Giu-đa trong đám đông của họ,
Các ông hoàng Sa-bu-lôn,
Các ông hoàng Nép-ta-li.

Psalms 68.11-68.27

11The Lord gives the word;
The women who proclaim the *good* tidings are a great
host:

12Kings of armies flee, they flee,
And she who remains at home will divide the spoil!

13When you lie down among the sheepfolds,
You are like the wings of a dove covered with silver,
And its pinions with glistening gold.

14When the Almighty scattered the kings in it,
It was snowing in Zalmon.

15A mountain of God is the mountain of Bashan;
A mountain of many peaks is the mountain of Bashan.

16Why do you look with envy, O mountains with many
peaks,

At the mountain which God has desired for His abode?
Surely, YHWH will dwell there forever.

17The chariots of God are twice ten thousand, thousands
upon thousands;

The Lord is among them as at Sinai, in holiness.

18"Thou hast ascended on high, Thou hast led captive Thy
captives;

Thou hast received gifts among men,

Even *among* the rebellious also, that YHWH God may
dwell there."

19Blessed be the Lord, who daily bears our burden,
The God *who* is our salvation. [Selah.]

20God is to us a God of deliverances;

And to YHWH the Lord belong escape from death.

21Surely God will shatter the head of His enemies,
The hairy crown of him who goes on in his guilty deeds.

22The Lord said, "I will bring *them* back from Bashan.

I will bring *them* back from the depths of the sea;

23That your foot may shatter *them* in blood,

The tongue of your dogs *may have* its portion from *your*
enemies."

24"They have seen Thy procession, O God,
The procession of my God, my King, into the sanctuary."

25The singers went on, the musicians after *them*,
In the midst of the maidens beating tambourines.

26Bless God in the congregations,
Even YHWH, *you who are* of the fountain of Israel.

27There is Benjamin, the youngest, ruling them,

The princes of Judah in their throng,

The princes of Zebulun,

The princes of Naphtali.

¹Một bản khác đọc: Chúa đến từ Xi-nai vào trong nơi thánh

²hay: là một vị THẦN

Psalms 68.28-69.9

28 Your God has commanded your strength;
"Show Thyself strong, O God, who hast acted on our behalf.

29 Because of Thy temple at Jerusalem
Kings will bring gifts to Thee.

30 Rebuke the beasts in the reeds,
The herd of bulls with the calves of the peoples,
Trampling under foot the pieces of silver;
He has scattered the peoples who delight in war.

31 Envoys will come out of Egypt;
Ethiopia will quickly stretch out her hands to God."

32 Sing to God, O kingdoms of the earth;
Sing praises to the Lord, [Selah.

33 To Him who rides upon the highest heavens, which are
from ancient times;
Behold, He speaks forth with His voice, a mighty voice.

34 Ascribe strength to God;
His majesty is over Israel,
And His strength is in the clouds.

35 "O God, *Thou art* awesome from Thy holy places."
The God of Israel Himself gives strength and power to the
people.
Blessed be God!

PSALM 69

1 "Save me, O God,
For the waters have come to my soul.

2 I have sunk in deep mire, and there is no foothold;
I have come into deep waters, and a flowing stream
overflows me.

3 I am weary with my crying; my throat is parched;
My eyes fail while I wait for my God.

4 Those who hate me without a cause are more than the
hairs of my head;
Those who would destroy me are powerful, being
wrongfully my enemies,
What I did not steal, I then have to restore.

5 "O God, it is Thou who dost know my folly,
And my wrongs are not hidden from Thee.

6 May those who wait for Thee not be ashamed through
me, O Lord YHWH of hosts;
May those who seek Thee not be dishonored through me,
O God of Israel,

7 Because for Thy sake I have borne reproach;
Dishonor has covered my face.

8 I have become estranged to my brothers,
And an alien to my mother's sons.

9 For zeal for Thy house has consumed me,
And the reproaches of those who reproach Thee have
fallen on me.

Thánh-thi 68.28-69.9

28 Đức Chúa TRỜI người đã điều-khiển sức mạnh của
người;

"Xin tỏ mình mạnh, Đức Chúa TRỜI ôi, Đấng đã hành-
động thay mặt cho chúng con.

29 Bởi vì đền-thờ của Chúa tại Giê-ru-sa-lem
Các vua sẽ đem các lễ-vật cho Chúa.

30 Xin mắng các thú-vật trong lau-sậy,
Xin quở bầy bò đực với những bò con của các dân-tộc,
Giẫm dưới chân những mảnh bạc;
Ngài đã phân tán các dân-tộc thích chiến-tranh.

31 Các phái-đoàn sẽ đến ra từ Ê-díp-tô;
Ê-thi-ô-bi sẽ lật-đật gơ hai tay của nó lên cùng Đức Chúa
TRỜI."

32 Hãy hát cho Đức Chúa TRỜI nghe, hỡi các vương-quốc
của trái đất;

Hãy hát các lời ca-tụng Chúa, [Sê-la.
33 Cho Đấng cười trên các tầng trời cao nhất, có từ các thời
thái-cổ;

Kìa, Ngài nói ra với tiếng Ngài, một tiếng mạnh-mẽ.

34 Hãy quy sức mạnh cho Đức Chúa TRỜI;
Sự oai-nghiêm của Ngài ở trên Y-sơ-ra-ên,
Và sức mạnh Ngài ở trong các mây.

35 "Đức Chúa TRỜI ôi, Chúa thật đáng sợ từ các nơi thánh
của Chúa."

Đức Chúa TRỜI của Y-sơ-ra-ên tự Ngài ban sức-mạnh và
quyền-năng cho dân Ngài.

Đấng chúc-tụng Đức Chúa TRỜI thay!

THÁNH-THI 69

*Kêu-than về sự gian-nan và xin Chúa phạt những kẻ
thù-nghịch (Cho trường ban nhạc theo điệu "Hoa-huệ")
Người viết: Đa-vít*

1 "Xin cứu con, Đức Chúa TRỜI ôi,
Vì các con nước đã đến tới hồn con.

2 Con đã lún trong bùn sâu, và không có một chỗ đặt chân;
Con đã chìm trong các con nước sâu, và một dòng nước
chảy tràn ngập con.

3 Con mệt lử vì con khát; cuống họng con khô rát;
Các mắt con mờ yếu trong khi con chờ-đợi Đức Chúa
TRỜI của con.

4 Những kẻ ghét con vô-cớ nhiều hơn tóc trên đầu con;
Những kẻ sẽ hủy-diệt con là mạnh, làm các kẻ thù con một
cách vô lý,
Vật gì con đã chẳng ăn cắp, thì con lại phải bồi-hoàn.

5 "Đức Chúa TRỜI ôi, chính Chúa biết sự ngu-dại của con,
Và các sai trái của con không giấu Chúa được.

6 Nguyên những kẻ chờ Chúa không bị hổ-thẹn do con,
Chúa GIA-VÊ vạn-quân ôi;
Nguyên những kẻ tìm Chúa không bị si-nhục do con, Đức
Chúa TRỜI của Y-sơ-ra-ên ôi!

7 Bởi có Chúa, con đã mang sự si-nhục;
Sự si-nhục đã bao-phủ mặt con.

8 Con đã trở nên ghê-lạnh với anh em của con,
Và một người lạ đối với các con trai của mẹ con.

9 Vì sự sốt-sắng cho đền của Chúa đã thiêu-nuốt con,
Và các lời si nhục từ những kẻ si-nhục Chúa đã đổ trên
con.

Thánh-thi 69.10-69.30

10Khi con đã khóc trong hồn con trong khi kiêng-ăn,
Thì nó đã trở thành sự si-nhục của con.
11Khi con đã lấy bao gai làm quần-áo con,
Thì con đã trở thành một tục-ngữ cho chúng nó.
12Những kẻ ngồi trong cổng bàn tán về con,
Và con là các bài hát của những kẻ say rượu.
13"Nhưng về phần con, lời cầu-nguyện của con là cùng
Chúa, *Đức* GIA-VÊ ôi, vào thời-điểm đáng chấp-nhận;
Đức Chúa TRỜI ôi, trong sự vĩ-đại của sự ân-cần thương
yêu của Chúa,
Xin trả lời con với lễ-thật cứu-rỗi của Chúa.
14Xin giải-thoát con khỏi bùn lầy, và xin đừng để con lún
xuống;
Nguyện con được giải-thoát khỏi các kẻ ghét con, và khỏi
những chỗ nước sâu.
15Nguyện dòng nước không tràn-ngập con,
Nguyện vực sâu không nuốt chửng con,
Và nguyện cái hố không lấp miệng nó chôn con.
16"Xin trả lời con, *Đức* GIA-VÊ ôi, vì sự ân-cần thương-
yêu của Chúa là lành;
Vì sự vĩ-đại của lòng thương-xót của Chúa, xin quay lại
cùng con,
17Và xin chớ giấu mặt Chúa khỏi kẻ tội-tớ này của Chúa,
Vì con đang bị khốn-cùng; xin mau mau trả lời con.
18Ôi! Xin kéo đến gần hồn con và xin chuộc nó;
Xin cứu-chuộc con bởi có những kẻ thù của con!
19Chúa biết sự si-nhục của con, sự hổ-thẹn của con, và sự
si-nhục con;
Mọi cừu-địch con đều ở trước mặt Chúa.
20"Nhục-nhã đã làm vỡ tim con, và con bệnh quá.
Con đã tìm sự thương-cảm, nhưng chẳng có một chút gì,
Và tìm các người an-ủi, nhưng đã chẳng tìm được ai!
21Họ cũng đã cho con mặt làm thức-ăn của con,
Và cho con khát của con, họ đã cho con giấm để uống.
22"Xin bàn tiệc của họ ở trước mặt họ thành một cái bẫy;
Và cho những kẻ an ninh, *nguyện* nó thành một cái bẫy.
23Nguyện mắt chúng trở nên mờ để chúng không thể thấy,
Và xin làm các hông của chúng run-rẩy hoai.
24Xin đổ con thịnh-nộ của Chúa trên chúng,
Và nguyện con giận bừng cháy của Chúa bắt kịp chúng.
25Nguyện trại chúng bị bỏ hoang,
Nguyện chẳng có ai ở trong các lều của chúng.
26Vì chúng đã bắt-bớ người mà chính Chúa đã đánh,
Và chúng bàn tán về sự đau-đớn của những kẻ mà Chúa
đã đâm,
27Xin Chúa thêm tội-lỗi vào sự gian-ác của chúng,
Và nguyện chúng không được vào trong sự công-chính
của Chúa.
28Nguyện chúng bị xóa khỏi sách sự sống,
Và xin chúng không được ghi với người công-chính.
29"Nhưng con bị sầu-não và đau-đớn;
Nguyện sự cứu-rỗi của Chúa, *Đức* Chúa TRỜI ôi, đặt con
an-toàn nơi cao."
30Tôi sẽ ca-tụng danh *Đức* Chúa TRỜI với bài ca,
Và sẽ tôn-cao Ngài bằng lời cảm-tạ.

Psalms 69.10-69.30

10When I wept in my soul with fasting,
It became my reproach.
11When I made sackcloth my clothing,
I became a byword to them.
12Those who sit in the gate talk about me,
And I am the songs of the drunkards.
13"But as for me, my prayer is to Thee, O YHWH, at an
acceptable time;
O God, in the greatness of Thy lovingkindness,
Answer me with Thy saving truth.
14Deliver me from the mire, and do not let me sink;
May I be delivered from those who hate me, and from the
deep places of water.
15May the stream of water not overflow me,
And may the deep not swallow me up,
And may the pit not shut its mouth on me.
16"Answer me, O YHWH, for Thy lovingkindness is
good;
According to the greatness of Thy compassion, turn to me,
17And do not hide Thy face from Thy servant,
For I am in distress; answer me quickly.
18Oh draw near to my soul *and* redeem it;
Ransom me because of my enemies!
19Thou dost know my reproach and my shame and my
dishonor;
All my adversaries are before Thee.
20"Reproach has broken my heart, and I am so sick.
And I looked for sympathy, but there was none,
And for comforters, but found none.
21They also gave me gall for my food,
And for my thirst they gave me vinegar to drink.
22"May their table before them become a snare,
And for those who are secure, may it become a trap.
23May their eyes grow dim so that they cannot see,
And make their loins shake continually.
24Pour out Thine indignation on them,
And may Thy burning anger overtake them.
25May their camp be desolate;
May none dwell in their tents.
26For they have persecuted him whom Thou Thyself hast
smitten,
And they tell of the pain of those whom Thou hast
pierced.
27Do Thou add iniquity to their iniquity,
And may they not come into Thy righteousness.
28May they be blotted out of the book of life.
And may they not be recorded with the righteous.
29"But I am afflicted and in pain;
May Thy salvation, O God, set me securely on high."
30I will praise the name of God with song,
And shall magnify Him with thanksgiving.

Psalms 69.31-71.5

³¹And it will please YHWH better than an ox
Or a young bull with horns and hoofs.

³²The humble have seen *it and* are glad;
You who seek God, let your heart revive.

³³For YHWH hears the needy,
And does not despise His *who are* prisoners.

³⁴Let heaven and earth praise Him,
The seas and everything that moves in them.

³⁵For God will save Zion and build the cities of Judah,
That they may dwell there and possess it.

³⁶And the seed of His servants will inherit it
And those who love His name will dwell in it.

PSALM 70

¹"O GOD, *hasten to* deliver me;
O YHWH, hasten to my help!

²Let those be ashamed and humiliated
Who seek my soul;

Let those be turned back and dishonored
Who delight in my hurt.

³Let those be turned back because of their shame
Who say, "Aha, aha!"

⁴Let all who seek Thee rejoice and be glad in Thee;
And let those who love Thy salvation say continually,
'Let God be magnified.'

⁵But I am afflicted and needy;
Hasten to me, O God!
Thou art my help and my deliverer;
O YHWH, do not delay."

PSALM 71

¹In Thee, O YHWH, I have taken refuge;
Let me never be ashamed.

²In Thy righteousness deliver me, and rescue me;
Incline Thine ear to me, and save me.

³Be Thou to me a rock of habitation, to which I may
continually come;
Thou hast given commandment to save me,
For Thou art my rock and my fortress.

⁴Rescue me, O my God, out of the hand of the wicked.
Out of the palm of the wrongdoer and ruthless man,

⁵For Thou art my hope;
O Lord YHWH, *Thou art* my confidence from my youth.

Thánh-thi 69.31-71.5

³¹Và nó sẽ làm vui lòng Đức GIA-VÊ hơn là một con bò
Hay một con bò đực tơ có các sừng và các móng.

³²Kẻ khiêm-tốn đã thấy điều đó và vui-mừng;
Hỡi các người, những kẻ tìm Đức Chúa TRỜI, hãy để tâm
minh tinh lại.

³³Vì Đức GIA-VÊ nghe những kẻ thiếu-thốn,
Và không khinh-dể những kẻ của Ngài là các tù-nhân.

³⁴Hãy để trời và đất ca-tụng Ngài,
Biển và mọi thứ di-động trong chúng.

³⁵Vì Đức Chúa TRỜI sẽ cứu Si-ôn và xây các thành của
Giu-đa,

Đề họ có thể ở đó và sở-hữu nó.

³⁶Và dòng-dõi của các tội-tớ của Ngài sẽ thừa-kế nó,
Và những kẻ yêu-mến danh Ngài sẽ ở trong đó.

THÁNH-THI 70

*Cầu-nguyện xin giúp-đỡ chống các kẻ hà-hiếp (Cho
trường ban nhạc)*

Người viết: Đa-vít, để kỷ-niệm

¹"Đức Chúa TRỜI ôi, xin giải-thoát con;
Đức GIA-VÊ ôi, xin mau giúp con!

²Xin để chúng bị hổ-thẹn và bị nhục
Là những kẻ truy tìm hồn con;

Xin những kẻ bị thối lui và bị si-nhục
Là những kẻ thích-thú trong nỗi đau-đớn của con.

³Xin cho những kẻ bị thối lui bởi cơn sợ hổ-thẹn của chúng
Là những kẻ nói: "A-ha! A-ha!"

⁴Xin cho mọi kẻ tìm Chúa mừng-rỡ và vui-vẻ trong
Chúa;

Và xin cho những kẻ yêu-mến sự cứu-rỗi của Chúa nói
hoài:

'Xin Đức Chúa TRỜI được tôn-cao.'

⁵Nhưng con bị đau-khổ và thiếu-thốn;
Xin mau đến cùng con, Đức Chúa TRỜI ôi!
Chúa là sự giúp-đỡ của con và là Đấng giải-thoát cho con;
Đức GIA-VÊ ôi, xin đừng chậm-trễ."

THÁNH-THI 71

Người già-cả cầu Chúa cứu mình

Người viết: Vô danh

¹Nơi Chúa, Đức GIA-VÊ ôi, con đã nương-náu;
Xin cho con chẳng hề bị hổ-thẹn.

²Trong sự công-chính của Chúa, xin giải-thoát con, và xin
cứu con;

Xin nghiêng tai về con, và xin cứu con.

³Xin Chúa đối với con là tảng đá để ở mà con có thể đến
hoài;

Chúa đã ra lệnh cứu con,
Vì Chúa là tảng đá con và thành-lũy của con.

⁴Xin giải-cứu con, Đức Chúa TRỜI của con ôi, khỏi bàn
tay kẻ độc-ác,

Khỏi lòng bàn tay kẻ làm bậy và người tàn-nhẫn,

⁵Vì Chúa là hy-vọng của con;
Chúa GIA-VÊ ôi, Chúa là sự tin-cậy của con từ thuở nhỏ.

Thánh-thi 71.6-71.23

⁶Trên Chúa, lâu nay con được chống- đỡ từ lúc lọt lòng;
Chúa là Đấng đã đem con ra khỏi tử-cung của mẹ con;
Con sẽ liên-tục ca-tụng về Chúa.

⁷"Con đã trở thành một sự lạ-lùng cho nhiều người;
Vì Chúa là nơi nương-náu vững-bền của con.

⁸Miệng con đầy lời ca-tụng Chúa,
Và đầy vinh-quang của Chúa suốt cả ngày .

⁹Xin đừng loại-bỏ con trong tuổi già;
Xin đừng bỏ-roi con khi sức con yếu đi.

¹⁰Vì các kẻ thù con đã nói chống con;
Và những kẻ rình-rập hồn con đã bàn-bạc với nhau,

¹¹Rằng: '*Đức* Chúa TRỜI đã bỏ rơi hấn;
Hãy đuổi theo và bắt hấn, vì chẳng có ai giải-thoát cho.'

¹²"*Đức* Chúa TRỜI ôi, xin đừng ở cách xa con;
Đức Chúa TRỜI của con ơi, xin mau đến giúp con!

¹³Xin cho những cừu-địch của hồn con bị hổ-thẹn và bị tiêu-diệt;
Xin cho sự nhục-nhã và si-nhục bao phủ chúng, những kẻ tìm hại con.

¹⁴Nhưng về phần con, con sẽ liên-tục hy-vọng,
Và sẽ còn ca-tụng Chúa càng ngày càng thêm.

¹⁵Miệng con sẽ nói về sự công-chính của Chúa,
Và về sự cứu-rỗi của Chúa suốt cả ngày;
Vì con không biết nó là bao nhiêu.

¹⁶Con sẽ đến với các việc làm phi-thường của Chúa GIA-VÊ;

Con sẽ nhắc về sự công-chính của Chúa, của một mình Chúa.

¹⁷"*Đức* Chúa TRỜI ôi, lâu nay Chúa dạy con từ thuở nhỏ của con;

Và con vẫn tuyên-bố các việc làm lạ-lùng của Chúa.

¹⁸Và cả khi con già và tóc bạc, *Đức* Chúa TRỜI ôi, xin đừng bỏ con,
Cho đến khi con tuyên-bố cánh tay của Chúa cho thế-hệ này,

Quyền-năng của Chúa cho mọi người sắp đến.

¹⁹Vì sự công-chính của Chúa, *Đức* Chúa TRỜI ôi, đến tận các tầng trời,

Chính Chúa đã làm các việc vĩ-đại;

Đức Chúa TRỜI ôi, ai như Chúa?

²⁰Chúa, Đấng đã tỏ cho con⁽¹⁾ thấy nhiều sự phiền-hà và các cảnh hiềm-nghèo,

Sẽ hồi-sinh con⁽¹⁾ một lần nữa,

Và sẽ lại đem con lên khỏi các vực sâu của trái đất.

²¹Nguyện xin Chúa gia-thêm sự cao-quý của con,
Và quay lại để an-ủi con.

²²"Con cũng sẽ ca-tụng Chúa với hạc-cầm,
Ngay cả lễ-thật của Chúa, *Đức* Chúa TRỜI của con ơi;

Cho Chúa, con sẽ hát các lời ca-tụng với đàn lia,

Ôi, Chúa Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên.

²³Các môi con sẽ reo vì vui khi con hát các lời ca-tụng cho Chúa;

Và hồn con, mà Chúa đã chuộc.

Psalms 71.6-71.23

⁶Upon Thee I have been supported from *my* birth;
Thou art He who took me from my mother's womb;
My praise is continually of Thee.

⁷"I have become a marvel to many;
For Thou art my strong refuge.

⁸My mouth is filled with Thy praise,
And with Thy glory all day long.

⁹Do not cast me off in the time of old age;
Do not forsake me when my strength fails.

¹⁰For my enemies have spoken against me;
And those who watch for my soul have consulted together,

¹¹Saying, "God has forsaken him;
Pursue and seize him, for there is no one to deliver."

¹²"O God, do not be far from me;
O my God, hasten to my help!

¹³Let those who are adversaries of my soul be ashamed
and consumed;

Let them be covered with reproach and dishonor, who seek to injure me.

¹⁴But as for me, I will hope continually,
And will praise Thee yet more and more.

¹⁵My mouth shall tell of Thy righteousness,
And of Thy salvation all day long;
For I do not know the number of *them*.

¹⁶I will come with the mighty deeds of the Lord YHWH;
I will make mention of Thy righteousness, Thine alone.

¹⁷"O God, Thou hast taught me from my youth;
And I still declare Thy wondrous deeds.

¹⁸And even when *I am* old and gray, O God, do not forsake me,

Until I declare Thy arm to *this* generation,
Thy power to all who are to come.

¹⁹For Thy righteousness, O God, *reaches* to the heavens,
Thou who hast done great things;
O God, who is like Thee?

²⁰Thou, who hast shown me many troubles and distresses,
Wilt revive me again,

And wilt bring me up again from the depths of the earth.

²¹Mayest Thou increase my greatness,
And turn *to* comfort me.

²²"I will also praise Thee with a harp,
Even Thy truth, O my God;
To Thee I will sing praises with the lyre,
O Thou Holy One of Israel.

²³My lips will shout for joy when I sing praises to Thee;
And my soul, which Thou hast redeemed.

¹Bản Thánh Kinh khác đọc: chúng con

Psalms 71.24-72.16

²⁴My tongue also will utter Thy righteousness all day long;
For they are ashamed, for they are humiliated who seek to injure me."

PSALM 72

¹"Give the king Thy judgments, O God,
And Thy righteousness to the king's son.
²May he judge Thy people with righteousness,
And Thy humble with justice.
³Let the mountains bring peace to the people,
And the hills in righteousness;
⁴May he vindicate the afflicted of the people,
Save the children of the needy,
And crush the oppressor.

⁵"Let them fear Thee while the sun *endures*,
And as long as the moon, throughout all generations.
⁶May he come down like rain upon the mown grass,
Like showers that water the earth.
⁷In his days may the righteous flourish,
And abundance of peace till the moon is no more.

⁸"May he also rule from sea to sea,
And from the River to the ends of the earth.
⁹Let the nomads of the desert bow before him;
And his enemies lick the dust.
¹⁰Let the kings of Tarshish and of the islands bring presents;
The kings of Sheba and Seba offer gifts.
¹¹And let all kings bow down before him,
All nations serve him.

¹²"For he will deliver the needy when he cries for help,
The afflicted also, and him who has no helper.
¹³He will have compassion on the poor and needy.
And the souls of the needy he will save.
¹⁴He will redeem their soul from oppression and violence;
And their blood will be precious in his sight;
¹⁵So may he live; and may the gold of Sheba be given to him;
And let them pray for him continually;
Let them bless him all day long.

¹⁶"May there be abundance of grain in the earth on top of the mountains;
Its fruit will wave like *the cedars of Lebanon*;
And may those from the city flourish like vegetation of the earth.

Thánh-thi 71.24-72.16

²⁴Lưỡi con cũng sẽ thốt ra sự công-chính của Chúa suốt cả ngày;
Vì chúng xấu-hổ, vì chúng bị bề mặt, những kẻ tìm hại con."

THÁNH-THI 72

Sự trị-vì của vua công-chính
Người viết: Đa-vít

¹"Xin ban cho nhà vua các sự phán-xét của Chúa, *Đức Chúa TRỜI* ôi,
Và sự công-chính của Chúa cho con trai của nhà vua.
²Xin người⁽¹⁾ có thể phán-xét dân Chúa với sự công-chính,
Và kẻ khiêm-tốn của Chúa với công-lý.
³Hãy để các ngọn núi đem hòa-bình đến cho dân-chúng,
Và các ngọn đồi trong sự công-chính.
⁴Xin người minh oan cho những kẻ khổ-đau trong dân,
Cứu con cái của những kẻ thiếu-thốn,
Và chà nát kẻ áp-bức.

⁵"Xin cho chúng kinh-sợ Chúa trong khi mặt trời *tồn-tại*,
Và ngày nào còn mặt trăng, suốt tất cả các thế-hệ.
⁶Xin người giáng xuống như mưa xuống trên cỏ mới cắt,
Như các trận mưa rào tưới nước trái đất.
⁷Trong các ngày của người, nguyện các người công-chính hưng-thịnh,
Và làm hòa-bình cho đến khi mặt trăng không còn nữa.

⁸"Nguyện người cũng cai-trị từ biển này tới biển kia,
Và từ Sông *Cái* cho đến các đầu cùng của trái đất.
⁹Xin cho các dân du-mục trong sa mạc cúi đầu trước mặt người;
Và các kẻ thù-nghịch của người liếm bụi.
¹⁰Xin cho các vua của Ta-rê-si và của các đảo đem các lễ-vật đến;
Các vua của Sê-ba và Xê-ba dâng các quà.
¹¹Và xin cho mọi vua cúi đầu trước mặt người,
Tất cả các quốc-gia phục-vụ người.

¹²"Vì người sẽ giải-thoát kẻ khốn khó khi nó gào xin giúp-đỡ,
Kẻ sầu-não nữa, và kẻ không ai giúp-đỡ.
¹³Người sẽ có lòng thương-xót đối với kẻ nghèo và người thiếu-thốn,
Và hồn của những kẻ thiếu-thốn, người sẽ cứu.
¹⁴Người sẽ cứu-chuộc hồn họ khỏi sự áp-bức và bạo-lực;
Và máu của họ sẽ quý-báu trong cái nhìn của người;
¹⁵Vì vậy nguyện người được sống; và xin vàng của Sê-ba được dâng cho người;
Và để họ cầu-nguyện cho người hoải;
Đề họ chúc-tụng người suốt cả ngày.

¹⁶"Xin ngũ-cốc có dồi dào trong trái đất trên đỉnh các núi;
Trái nó sẽ vẫy như *các cây tuyết-tùng ở Li-ban*;
Và xin dân thành-thị hưng-thịnh như cây cỏ của trái đất.

¹Bản Thánh Kinh khác ghi chữ hoa, Người, để diễn-đạt là Con Loài Người, Đấng Christ

Thánh-thi 72.17-73.15

¹⁷Nguyện danh người tồn-tại mãi mãi;
Nguyện danh người tăng lên trước mặt trời;
Và để người ta chúc phước cho nhau bởi người;
Để mọi quốc-gia gọi người là kẻ được phước.

¹⁸Đáng chúc-tụng thay GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI, Đức Chúa TRỜI của Y-sơ-ra-ên,
Ngài một mình làm các việc kỳ-diệu.

¹⁹Và đáng chúc-tụng thay danh vinh-quang của Ngài mãi mãi;
Xin toàn trái đất được đầy-dẫy sự vinh-quang của Ngài.
A-men, và A-men."

²⁰Các lời cầu-nguyện của Đa-vít, con trai của Y-sai kết-thúc.

Quyển Thứ Ba Thánh-Thi 73.1-89.52

THÁNH-THI 73

So-sánh sự cuối-cùng của kẻ độc-ác và người công-chính

Người viết: A-sáp, người lãnh-đạo một trong những ca-đoàn của đền-thờ (xem 1 Sử ký 25.1)

- ¹Chắc-chắn Đức Chúa TRỜI tốt với Y-sơ-ra-ên,
Với những kẻ trong trắng trong tâm!
²Nhưng còn tôi, các chân tôi đã gần vấp ngã,
Các bước tôi đã bị khiến cho trượt,
³Vì tôi đã ganh-tị với những kẻ kiêu-cãnh,
Khi tôi đã thấy những kẻ độc-ác thịnh-vượng.
⁴Vì chẳng có các sự đau-đớn trong cái chết của chúng;
Và bụng của chúng thì phệ.
⁵Chúng không có phiền-hà của loài người như loài người;
Chúng cũng không bị tai-họa cùng với loài người.
⁶Bởi vậy sự kiêu-ngạo là dây chuyền cổ của chúng;
Áo hung-bạo bao-phủ chúng.
⁷Con mắt chúng lồi ra từ mỡ;
Các sự tưởng-tượng của tâm chúng quá hơn hỗn-loạn.
⁸Chúng nhạo-báng, và nói về sự áp-bức một cách độc-ác;
Chúng nói từ nơi cao⁽¹⁾.
⁹Chúng đã để miệng mình chống lại các tầng trời,
Và lưỡi chúng bước đi⁽²⁾ khắp trái đất.
¹⁰Vì thế dân Ngài trở lại chỗ này;
Nước dư-dật bị chúng làm khô cạn.
¹¹Chúng nói: "Thế nào Đức Chúa TRỜI biết được?
Có kiến-thức trong Đấng Chí Cao ư?"
¹²Kìa, đây là những kẻ độc-ác;
Và luôn luôn dễ dàng, chúng đã làm tăng thêm của-cái.
¹³Chắc-chắn tôi đã giữ tâm tôi trong trắng vô-ích,
Và đã rửa tay của tôi trong sự vô-tội;
¹⁴Vì tôi đã bị đánh suốt cả ngày,
Và bị sửa-phạt mỗi buổi sáng.
¹⁵"Nếu con đã nói: 'Ta sẽ nói như vậy.'
Thì kìa, con đã phản-bội thể-hệ của con cái của Chúa.

¹hay: một cách cao-kỳ

²hay: nói khoác lác ba hoa

Psalms 72.17-73.15

¹⁷May his name endure forever;
May his name increase before the sun;
And let *men* bless themselves by him;
Let all nations call him blessed.

¹⁸Blessed be YHWH God, the God of Israel,
Who alone works wonders.

¹⁹And blessed be His glorious name forever;
And may the whole earth be filled with His glory.
Amen, and Amen."

²⁰The prayers of David the son of Jesse are ended.

Book III Psalms 73.1 - 89.52

PSALM 73

- ¹Surely God is good to Israel,
To those who are pure in heart!
²But as for me, my feet came close to stumbling;
My steps were caused to slip.
³For I was envious of the arrogant,
As I saw the prosperity of the wicked.
⁴For there are no pains in their death;
And their belly is fat.
⁵They are not in the trouble of men as *other* mortals;
Nor are they plagued with mankind.
⁶Therefore pride is their necklace;
The garment of violence covers them.
⁷Their eye goes forth from fatness;
The imaginations of *their* heart overflow riot.
⁸They mock, and wickedly speak of oppression;
They speak from on high.
⁹They have set their mouth against the heavens,
And their tongue walks through the earth.
¹⁰Therefore His people return to this place;
And waters of abundance are drained out by them.
¹¹And they say, "How does God know?
And is there knowledge in the Most High?"
¹²Behold, these are the wicked;
And always at ease, they have increased *in* wealth.
¹³Surely in vain I have kept my heart pure,
And washed my hands in innocence;
¹⁴For I have been stricken all day long,
And chastened every morning.
¹⁵"If I had said, 'I will speak thus,'
Behold, I should have betrayed the generation of Thy children.

Psalms 73.16-74.4

16When I pondered to understand this,
It was troublesome in my sight.
17Until I came into the sanctuaries of God;
Then I perceived their end.
18Surely Thou dost set them in slippery places;
Thou dost cast them down to ruins.
19How they are become a desolation in a moment!
They are utterly swept away by sudden terrors!
20Like a dream when one awakes,
O Lord, when aroused, Thou wilt despise their form.

21"When my heart was embittered,
And I was pierced in my kidneys,
22Then I was senseless and ignorant;
I was *like* a beast before Thee.
23Nevertheless I am continually with Thee;
Thou hast taken hold of my right hand.
24With Thy counsel Thou wilt guide me,
And afterward receive me to glory.
25"Whom have I in heaven *but Thee*?
And besides Thee, I desire nothing on earth.
26My flesh and my heart may fail,
But God is the rock of my heart and my portion forever,
27For, behold, those who are far from Thee will perish;
Thou hast destroyed all those who are unfaithful to Thee.
28But as for me, the nearness of God is my good;
I have made the Lord YHWH my refuge,
That I may tell of all Thy works.

PSALM 74

1"O GOD, why hast Thou rejected *us* forever?
Why does Thine anger smoke against the sheep of Thy
pasturing?
2Remember Thy congregation, which Thou hast
purchased of old,
Which Thou hast redeemed to be the tribe of Thine
inheritance;
Mount Zion, where Thou hast dwelt.
3Turn Thy footsteps toward the perpetual ruins;
The enemy has damaged everything within the sanctuary.
4"Thine adversaries have roared in the midst of Thy
meeting place;
They have set up their own standards for signs.

Thánh-thi 73.16-74.4

16Khi con suy-gẫm để hiểu điều này,
Thì nó là rắc rối trong cái nhìn của con.
17Cho đến khi con đã vào trong các nơi thánh của Đức
Chúa TRỜI;
Thì con đã ý-thức được sự cuối cùng của chúng.
18Chắc-chắn Chúa đặt chúng trong những chỗ trơn-trợt;
Chúa ném chúng xuống thành các phế-tích.
19Thế nào chúng bị thành hoang-tàn trong một thoáng!
Chúng hoàn-toàn bị quét sạch bởi các sự kinh-khiếp thình-
lình!
20Giống như một giấc chiêm-bao khi người ta tỉnh dậy,
Chúa ôi, khi tỉnh thức, Chúa sẽ khinh hình-dạng chúng.

21"Khi tâm con đã bị cay-dắng,
Và con đã bị đâm trong các trái thận của con⁽¹⁾,
22Thì con ngu muội và không hiểu biết;
Con đã *giống như* một con thú trước mặt Chúa.
23Tuy nhiên con liên-tục ở với Chúa;
Chúa đã nắm lấy bàn tay hữu của con.
24Với lời chỉ dạy của Chúa, Chúa sẽ hướng-dẫn con,
Và sau đó nhận con vào sự vinh-quang.
25"Con có ai trong trời *trừ Chúa ra*?
Và ngoài Chúa, con chẳng ước-ao một cái gì trên đất.
26Xác-thịt con và tâm con có thể hỏng,
Nhưng Đức Chúa TRỜI là tảng đá⁽²⁾ của tâm con và là
phần của con mãi mãi.
27Vi, kia, những kẻ ở cách xa Chúa sẽ hư-vong;
Chúa đã hủy-diệt mọi kẻ không trung-tín với Chúa.
28Nhưng còn con, sự gần-gũi của Đức Chúa TRỜI là điều
tốt của con;
Con đã làm Chúa GIA-VÊ thành nơi ẩn-náu của con,
Đề con có thể nói về mọi việc làm của Chúa.

THÁNH-THI 74

*Than-thờ vì kẻ thù-nghịch đã phá hoang xứ sở (để dạy-
dỗ)*
*Người viết: A-sáp (hay một trong những con cháu của
ông, vì nhiều người tin rằng bài này được viết sau sự sụp
đổ của Giê-ru-sa-lem trong năm 586 TC)*

1"Đức Chúa TRỜI ôi, có sao Chúa đã bác bỏ chúng con
mãi mãi?
Có sao cơn giận của Chúa bốc lên chống lại bầy chiên mà
Chúa chăn-nuôi?
2Xin nhớ lại hội-chúng của Chúa mà Chúa đã mua thươ
xưa,
Mà Chúa đã cứu-chuộc để làm chi-tộc tài sản riêng của
Chúa;
Cũng xin nhớ lại núi Si-ôn, nơi Chúa đã ngự.
3Xin quay các bước đi của Chúa về các phế-tích đời đời;
Kẻ thù ấy đã gây hư-hại mọi thứ ở bên trong nơi thánh.
4"Những kẻ cừ-địch của Chúa đã găm-hét ở giữa chỗ họp
của Chúa;
Chúng đã dựng lên cờ xí của riêng chúng làm hiệu.

¹hay: đã bị đâm bên trong

²hay: sức mạnh

Thánh-thi 74.5-75

⁵Như thể một người đã giơ lên
Cây rìu của *hắn* trong rừng cây.
⁶Và nay toàn thể công trình chạm-trổ của nó
Chúng đập nát hết bằng rìu và búa.
⁷Chúng đã đốt nơi thánh của Chúa tới mặt đất;
Chúng đã làm ô-úế nơi ngự của danh Chúa.
⁸Chúng đã nói trong tâm chúng: 'Chúng ta hãy hoàn-toàn
áp-bức chúng nó.'
Chúng đã đốt mọi chỗ họp của Đức Chúa TRỜI trong xứ.
⁹Chúng con không thấy các dấu-hiệu của chúng con;
Không còn có một đấng tiên-tri nào nữa,
Cũng không có một ai ở giữa chúng con biết bao lâu nữa.
¹⁰Cho đến khi nào, ôi Đức Chúa TRỜI, kẻ địch sẽ còn
chửi-rủa,
Và kẻ thù khinh-để danh Chúa mãi mãi sao?
¹¹Cớ sao Chúa rút bàn tay Chúa lại, cả tay hữu của Chúa?
Từ ở bên trong lòng ngực Chúa, xin tiêu-diệt chúng!

¹²"Nhưng Đức Chúa TRỜI là vua của con từ xưa,
Là Đấng làm những công việc giải-cứu giữa trái đất.
¹³Chúa đã chia biển ra bởi sức mạnh của Chúa;
Chúa đã bẻ gãy đầu của những con quái-vật biển trong
những vùng nước.
¹⁴Chúa đã chà-nát đầu những con quái-vật biển;
Chúa đã ban nó làm thức-ăn cho các sinh-vật vùng hoang-
vu.
¹⁵Chúa đã mở tung các suối nước và các dòng nước xoáy;
Chúa đã làm khô cạn những dòng nước từng luôn chảy.
¹⁶Chúa là ngày, Chúa là đêm;
Chúa đã chuẩn-bị ánh sáng và mặt trời.
¹⁷Chúa đã thiết-lập tất cả các biên-giới của trái đất;
Chúa đã lập mùa hè và mùa đông.

¹⁸ "Xin nhớ điều này, ôi Đức GIA-VÊ, rằng kẻ thù đã
chửi-rủa;
Và một dân ngu-dại đã khinh-để danh Chúa.
¹⁹Xin đừng phó hồn bò-câu đất của Chúa cho thú rừng;
Xin đừng quên sinh-mạng kẻ khổ-đau của Chúa mãi mãi.

²⁰"Xin xem-xét giao-trước;
Vì các nơi tối-tăm của xứ này đều đầy các chỗ ở hung-
bạo.
²¹Xin chớ để kẻ bị áp-bức trở về trong nhục nhã;
Xin để kẻ đau-khổ và thiếu-thốn ca-tụng danh Chúa.

²²"Xin chỗi dậy, Đức Chúa TRỜI ôi, xin biện-hộ duyên-
cớ riêng của Chúa;
Xin nhớ lại kẻ ngu-dại trách Chúa suốt cả ngày như thế
nào.
²³Xin đừng quên giọng của những kẻ cừ-địch của Chúa,
Sự nào-loạn của những kẻ nổi lên chống lại Chúa tăng lên
liên-tục."

THÁNH-THI 75

*Đức Chúa TRỜI hạ kẻ kiêu-ngạo, nâng người công-
chính lên (Cho trường ban nhạc, theo điệu "Chớ phá-
hủy")*

Người viết: A-sáp

Psalms 74.5-75

⁵It seems as if one had lifted up
His axe in a forest of trees.
⁶And now altogether its carved work
They smash with *hatchet* and hammer.
⁷They have burned Thy sanctuary to the ground;
They have defiled the dwelling place of Thy name.
⁸They said in their heart, 'Let us altogether oppress them.'
They have burned all the meeting places of God in the
land.
⁹We do not see our signs;
There is no longer any prophet,
Nor is there any among us who knows how long.
¹⁰How long, O God, will the adversary revile,
And the enemy spurn Thy name forever?
¹¹Why dost Thou withdraw Thy hand, even Thy right
hand?
From within Thy bosom, destroy *them!*

¹²"Yet God is my king from of old,
Who works deeds of deliverance in the midst of the earth.
¹³Thou didst divide the sea by Thy strength;
Thou didst break the heads of the sea monsters in the
waters.
¹⁴Thou didst crush the heads of sea monsters;
Thou didst give him as food for the creatures of the
wilderness.
¹⁵Thou didst break open springs and torrents;
Thou didst dry up ever-flowing streams.
¹⁶Thine is the day, Thine is the night;
Thou hast prepared the light and the sun.
¹⁷Thou hast established all the boundaries of the earth;
Thou hast made summer and winter.

¹⁸"Remember this, O YHWH, that the enemy has reviled;
And a foolish people has spurned Thy name.
¹⁹Do not deliver the soul of Thy turtledove to the wild
beast;
Do not forget the life of Thine afflicted forever.

²⁰"Consider the covenant;
For the dark places of the land are full of habitations of
violence.
²¹Let not the oppressed return dishonored;
Let the afflicted and needy praise Thy name.

²²"Do arise, O God, *and* plead Thine own cause;
Remember how the foolish man reproaches Thee all day
long.
²³Do not forget the voice of Thine adversaries,
The uproar of those who rise against Thee which ascends
continually."

PSALM 75

Psalms 75.1-76.8

1"We give thanks to Thee, O God, we give thanks,
For Thy name is near;
Men declare Thy wondrous works."
2"When I select an appointed time,
It is I who judge with equity.
3The earth and all who dwell in it melt;
It is I who have firmly set its pillars. [Selah.
4I said to the boastful, 'Do not boast,'
And to the wicked, 'Do not lift up the horn;
5Do not lift up your horn on high,
Do not speak with insolent neck.'"

6For not from the east, nor from the west,
Nor from the desert comes exaltation;
7But God is the Judge;
He puts down one, and exalts another.
8For a cup is in the hand of YHWH, and the wine foams;
It is well mixed, and He pours out of this;
Surely all the wicked of the earth must drain *and* drink
down its dregs.

9But as for me, I will declare it forever;
I will sing praises to the God of Jacob.
10And all the horns of the wicked He will cut off,
But the horns of the righteous will be lifted up.

PSALM 76

1GOD is known in Judah;
His name is great in Israel.
2And His tabernacle is in Salem;
His dwelling place also is in Zion.
3There He broke the flaming arrows,
The shield, and the sword, and the weapons of war.
[Selah.

4"Thou art resplendent,
More majestic than the mountains of prey.
5The stouthearted were plundered;
They sank into sleep;
And none of the warriors could use his hands.
6At Thy rebuke, O God of Jacob,
Both rider and horse were cast into a dead sleep.
7Thou, even Thou, art to be feared;
And who may stand in Thy presence when once Thou art
angry?

8"Thou didst cause judgment to be heard from heaven;
The earth feared, and was still,

Thánh-thì 75.1-76.8

1"Chúng con dâng các lời tạ ơn Chúa, *Đức* Chúa TRỜI ôi,
chúng con cảm-tạ,
Vì danh Chúa ở gần;
Người ta công-bổ công việc lạ-lùng của Chúa."
2"Khi Ta chọn thời-điểm đã định,
Chính Ta phán-xét với tính vô-tư.
3Trái đất và mọi thứ trong nó tan chảy;
Chính Ta đã dựng các trụ của nó vững-chắc. [Sê-la.
4Ta đã bảo những kẻ khoác lác: 'Chớ khoác lác.'
Và những kẻ ác: 'Chớ nâng sừng lên;
5Chớ nâng sừng của các người lên cao,
Chớ nói với cái cổ xác-láo⁽¹⁾."

6Vì không từ phương đông, cũng không từ phương tây,
Cũng không từ sa mạc sự tôn-cao đến;
7Nhưng *Đức* Chúa TRỜI là Quan-án;
Ngài hạ kẻ này xuống, và nâng kẻ kia lên.
8Vì một cái chén ở trong bàn tay của *Đức* GIA-VÊ, và
rượu nho sủi bọt;
Nó được pha kỹ, và Ngài rót nó ra;
Chắc-chắn mọi kẻ ác của trái đất phải uống cạn tới cạn của
nó.

9Nhưng về phần tôi, tôi sẽ tuyên-bố nó mãi mãi;
Tôi sẽ hát các lời ca-tụng *Đức* Chúa TRỜI của Gia-cốp.
10Và mọi sừng của những kẻ độc-ác Ngài sẽ chặt,
Nhưng các sừng của người công-chính sẽ được nâng lên.

THÁNH-THÌ 76

Quyền-năng chiến-thắng của Đức Chúa TRỜI của Gia-cốp (Cho trường ban nhạc, dùng nhạc-khí bằng dây)
Người viết: A-sáp

1*Đức* Chúa TRỜI được biết đến trong Giu-đa;
Danh Ngài vĩ-dại trong Y-sơ-ra-ên.
2Và đền-tạm của Ngài ở tại Sa-lem;
Nơi ngự Ngài cũng ở tại Si-ôn.
3Ở đó Ngài bẻ gãy các tên lửa,
Cái khiên, gươm, và các khí-giới chiến-tranh. [Sê-la.

4"Chúa thì rực-rỡ,
Oai-nghiêm hơn các núi có con mồi.
5Kẻ dũng-cảm đã bị cướp bóc;
Họ đã chìm trong giấc ngủ;
Và chẳng một dũng sĩ nào đã có thể dùng các bàn tay của
hắn.
6Khi Chúa quở-trách, *Đức* Chúa TRỜI của Gia-cốp ôi,
Cả kẻ nài lẫn ngựa đều bị ném vào một giấc ngủ như chết.
7Chúa, chính Chúa, là đáng phải được sợ;
Và ai có thể đứng trong sự hiện-diện của Chúa mỗi khi
Chúa giận?

8"Chúa đã khiến sự phán-xét được nghe từ trời;
Trái đất đã kinh-sợ, và đã đứng im,

¹hay: với sự kiêu-căng cực-kỳ thô-lỗ

Thánh-thi 76.9-77.15

⁹Khi Đức Chúa TRỜI chỗi dậy để phán-xét,
Để cứu mọi kẻ khiêm-tốn của trái đất. [Sê-la.]

¹⁰Vì con thịnh-nộ của loài người sẽ ca-tụng Chúa;
Với phần còn lại của con thịnh-nộ, Chúa sẽ quán-xung-quanh Chúa."

¹¹Hãy hứa-nguyện cùng GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI của các
người và hoàn tất chúng;
Mọi người xung-quanh Ngài hãy đem các lễ-vật cho Ngài,
Đáng phải được kính-sự.

¹²Ngài sẽ diệt linh của các ông hoàng;
Ngài là khủng-khiếp đối với các vị vua của trái đất.

THÁNH-THI 77

*An-ủi lúc bị phiền-hà bằng việc nhớ lại các công-việc
cá-thể của Đức Chúa TRỜI (Cho trường ban nhạc, theo
điệu "Giê-đô-thun")*

Người viết: A-sáp

¹Tiếng tôi lên tới Đức Chúa TRỜI, và tôi sẽ khóc lớn;
Tiếng tôi lên tới Đức Chúa TRỜI, và Ngài sẽ nghe tôi.

²Trong ngày có sự phiền-hà của tôi, tôi đã tìm-cầu Chúa;
Ban đêm bàn tay tôi đã đưa thẳng ra và đã không trở thành
tê;

Hồn tôi không chịu để được an-ủi.

³Khi tôi nhớ đến Đức Chúa TRỜI, thì tôi bị bối-rối;
Khi tôi thờ dài, thì linh tôi trở nên yếu-ớt. [Sê-la.]

⁴"Chúa đã bết các mí mắt con ra;
Con lo-lắng đến nỗi con không thể nói.

⁵Con đã xem-xét các ngày thuở xưa,
Các năm lâu lắm rồi.

⁶Con sẽ nhớ lại bài hát của con vào ban đêm;
Con sẽ suy-gẫm với tâm con;
Và linh con đã tìm-kiếm."

⁷Chúa sẽ bác-bỏ mãi mãi sao?

Và Ngài sẽ không bao giờ thuận lợi cho con nữa sao?

⁸Có phải sự ân-cần thương-yêu của Ngài đã dùng mãi
mãi?

Có phải lời Ngài đã dứt từ thể-hệ này qua thể-hệ kia?

⁹Có phải Đức Chúa TRỜI đã quên khoan-dung?
Hay trong cơn giận Ngài đã đóng lòng thương-xót của
Ngài? [Sê-la.]

¹⁰Lúc đó tôi nói: "Ấy là nỗi sầu-khổ của tôi,
Rằng bàn tay hữu của Đấng Chí Cao đã thay đổi."

¹¹"Con sẽ nhớ các việc làm của Đức GIA-VÊ;
Chắc-chắn con sẽ nhớ các điều kỳ-diệu của Chúa thuở
xưa.

¹²Con sẽ suy-gẫm về mọi công việc của Chúa,
Trăm-ngâm về các việc làm của Chúa.

¹³Đường-lối của Chúa, Đức Chúa TRỜI ôi, là thánh;
Thần nào vĩ đại như Đức Chúa TRỜI của chúng con?

¹⁴Chúa là Đức Chúa TRỜI làm các điều kỳ-diệu;
Chúa đã làm cho biết sức mạnh của Chúa ở giữa các dân.

¹⁵Chúa đã bởi cánh tay⁽¹⁾ của Chúa cứu-chuộc dân Chúa,
Những con trai Gia-cốp và Giô-sép. [Sê-la.]

¹hay: quyền-năng

Psalms 76.9-77.15

⁹When God arose to judgment,
To save all the humble of the earth. [Selah.]

¹⁰For the wrath of man shall praise Thee;
With a remnant of wrath Thou shalt gird Thyself."

¹¹Make vows to YHWH your God and fulfill them;
Let all who are around Him bring gifts to Him who is to
be feared.

¹²He will cut off the spirit of princes;
He is awesome to the kings of the earth.

PSALM 77

¹My voice rises to God, and I will cry aloud;
My voice rises to God, and He will hear me.

²In the day of my trouble I sought the Lord;
In the night my hand was stretched out and did not grow
numb;

My soul refused to be comforted.

³When I remember God, then I am disturbed;
When I sigh, then my spirit grows faint. [Selah.]

⁴"Thou hast held my eyelids open;
I am so troubled that I cannot speak.

⁵I have considered the days of old,
The years of long ago.

⁶I will remember my song in the night;
I will meditate with my heart;
And my spirit searched."

⁷Will the Lord reject forever?

And will He never be favorable again?

⁸Has His lovingkindness ceased forever?

Has His word come to an end from generation to
generation?

⁹Has God forgotten to be gracious?

Or has He in anger shut up His compassion? [Selah.]

¹⁰Then I said, "It is my grief,
That the right hand of the Most High has changed."

¹¹"I shall remember the deeds of YHWH;
Surely I shall remember Thy wonders of old.

¹²I will meditate on all Thy work,
And muse on Thy deeds.

¹³Thy way, O God, is holy;
What god is great like our God?

¹⁴Thou art the God who workest wonders;
Thou hast made known Thy strength among the peoples.

¹⁵Thou hast by Thy arm redeemed Thy people,
The sons of Jacob and Joseph. [Sela.]

Psalms 77.16-78.12

16["]The waters saw Thee, O God;
The waters saw Thee, they were in anguish;
The deeps also trembled.
17The clouds poured out water;
The skies gave forth a sound;
Thy arrows went here and there.
18The sound of Thy thunder was in the whirlwind;
The lightnings lit up the world;
The earth trembled and shook.
19Thy way was in the sea,
And Thy paths in the mighty waters,
And Thy footprints may not be known.
20Thou didst lead Thy people like a flock,
By the hand of Moses and Aaron."

PSALM 78

1Listen, O my people, to my instruction;
Incline your ears to the words of my mouth.
2I will open my mouth in a parable;
I will utter dark sayings of old,
3Which we have heard and known,
And our fathers have told us.
4We will not conceal them from their children,
But tell to the generation to come the praises of YHWH,
And His strength and His wondrous works that He has done.

5For He established a testimony in Jacob,
And appointed a law in Israel,
Which He commanded our fathers,
That they should teach them to their children,
6That the generation to come might know *even* the children *yet* to be born,
That they may arise and tell *them* to their children,
7That they should put their confidence in God,
And not forget the works of God,
But keep His commandments,
8And not be like their fathers,
A stubborn and rebellious generation,
A generation that did not prepare its heart,
And whose spirit was not faithful to God.

9The sons of Ephraim were archers equipped with bows,
Yet they turned back in the day of battle.
10They did not keep the covenant of God,
And refused to walk in His law;
11And they forgot His deeds,
And His miracles that He had shown them.
12He wrought wonders before their fathers,
In the land of Egypt, in the field of Zoan.

Thánh-thi 77.16-78.12

16["]Các *bể* nước đã thấy Chúa, *Đức* Chúa TRỜI òi;
Các *con* nước đã thấy Chúa, chúng đã thống-khổ;
Các vực sâu cũng đã run-sợ.
17Các đám mây đã đổ nước ra;
Các bầu trời đã phát ra tiếng;
Các mũi tên của Chúa đã đi đây đi đó.
18Tiếng sấm của Chúa đã ở trong cơn lốc;
Sét soi sáng vũ-trụ;
Trái đất run-rẩy và lắc-lư.
19Con đường của Chúa ở trong biển,
Các lối của Chúa ở trong những *con* nước phi-thường,
Và các dấu chân của Chúa không được biết đến.
20Chúa đã dẫn-dắt dân Chúa như dẫn dắt một đoàn chiên,
Bởi tay của Môi-se và A-rôn."

THÁNH-THI 78

Đức Chúa TRỜI dẫn-dắt dân Ngài dẫn họ bất-trung (thơ để dạy-dỗ)

Người viết: A-sáp

1Hãy lắng nghe, hỡi dân ta, chỉ-dẫn của ta;
Hãy nghiêng tai của ngươi để nghe các lời của miệng ta.
2Ta sẽ mở miệng của ta bằng ẩn-dụ;
Ta sẽ thốt ra các lời nói tối⁽¹⁾ đời xưa,
3Mà chúng ta đã nghe và đã biết,
Và tổ-phụ chúng ta đã nói cho chúng ta biết.
4Chúng ta sẽ chẳng giấu chúng khỏi con cái họ,
Nhưng nói cho thế-hệ sắp đến biết các lời ca-tụng *Đức* GIA-VÊ,
Và sức mạnh của Ngài và các điều kỳ-diệu mà Ngài đã từng làm.

5Vì Ngài đã lập một chứng-cớ nơi Gia-cốp,
Và chỉ-định luật-pháp trong Y-sơ-ra-ên,
Mà Ngài đã truyền cho tổ-phụ chúng ta,
Rằng họ phải dạy chúng cho con cái của họ,
6Để thế-hệ sắp đến được biết, *tức là* con cái *chưa* sinh ra,
Để chúng có thể chỗi dậy và nói về chúng cho con cái của chúng biết,
7Để chúng phải đặt lòng tin-cậy của chúng nơi *Đức* Chúa TRỜI,
Và không quên các việc làm của *Đức* Chúa TRỜI,
Nhưng giữ các điều-răn của Ngài,
8Và không như tổ-phụ của chúng,
Một thế-hệ ngoan-cổ và khó trị,
Một thế-hệ đã chẳng dọn tâm của họ,
Và có linh không trung-tín với *Đức* Chúa TRỜI.

9Các con trai Ép-ra-im là cung thủ được trang-bị với cung,
Vậy mà họ xoay lưng lại trong ngày có chiến-trận.
10Họ đã chẳng giữ giao-ước của *Đức* Chúa TRỜI,
Và đã không chịu bước đi theo luật-pháp của Ngài;
11Họ đã quên các việc làm của Ngài,
Và các phép lạ mà Ngài đã tỏ ra cho họ thấy.
12Ngài làm các việc lạ-lùng trước mặt tổ-phụ họ,
Trong đất Ê-díp-tô, trong cánh đồng Xô-an.

¹hay: các câu đó

Thánh-thi 78.13-78.37

13Ngài đã rẽ biển ra và khiến họ đi ngang qua;
Và Ngài đã làm nước đứng lên như một đống.
14Rồi Ngài đã dẫn họ bằng áng mây vào ban ngày,
Và cả đêm với ánh lửa.
15Ngài bừa các tảng đá ra trong vùng hoang-vu,
Và ban cho họ nhiều nước uống như các vực sâu của biển.
16Ngài đã đem ra các suối từ tảng đá,
Và đã khiến nước chảy xuống như những con sông.
17VẬY mà họ vẫn tiếp-tục phạm tội chống lại Ngài,
Nổi-loạn chống lại Đấng Chí Cao trong sa-mạc.
18Và trong tâm họ, họ thử Đức Chúa TRỜI
Bằng cách đòi món ăn theo ao-ước của họ.
19Đoạn họ nói chống lại Đức Chúa TRỜI;
Họ nói: "Có thể Đức Chúa TRỜI dọn bàn trong vùng
hoang-vu?
20Kia, Ngài đã đập tảng đá, để nước phun ra,
Và các dòng nước đã chảy tràn;
Có thể Ngài cũng ban bánh?
Ngài sẽ cung-cấp thịt cho dân Ngài chăng?"
21VÌ thế Đức GIA-VÊ đã nghe và đã đầy cơn thịnh-nộ,
Và lửa bùng cháy chống lại Gia-cốp,
Và cơn giận cũng bùng lên chống lại Y-sơ-ra-ên;
22Bởi vì họ đã chẳng tin Đức Chúa TRỜI,
Và đã chẳng trông-cậy nơi sự cứu-rỗi của Ngài.
23Tuy nhiên Ngài đã ra lệnh cho đám mây ở bên trên,
Và đã mở các cửa trời;
24Và Ngài đã đổ -manna- trên họ để ăn,
Và đã ban cho họ thức-ăn từ trời.
25Loài người đã ăn bánh của các thiên-sứ;
Ngài đã gửi cho họ thức-ăn dư-dật.
26Ngài đã khiến gió phương đông thổi trong các tầng trời;
Và bởi quyền-năng Ngài, Ngài đã hướng-dẫn gió nam.
27Khi Ngài đổ thịt xuống trên họ như bụi,
Tức là chim có cánh như cát biển,
28Thì Ngài cho chúng sa xuống giữa trại của họ,
Khắp các chỗ ở của họ.
29VÌ vậy họ đã ăn và quá no-nê;
Ao-ước của họ, Ngài đã cho họ.
30Trước khi họ thỏa-mãn ao-ước của họ,
Trong khi đồ-ăn của họ ở trong miệng họ,
31Thì cơn giận của Đức Chúa TRỜI nổi lên chống họ,
Và giết chết một số người trong những kẻ mập béo nhất,
Và chế-ngự những kẻ giỏi giang của Y-sơ-ra-ên.
32Mặc dầu mọi sự này, họ đã vẫn phạm tội,
Và đã chẳng tin các việc làm kỳ-diệu của Ngài.
33VÌ vậy Ngài đã kết-liều những ngày của họ trong sự vô-
nghĩa,
Và các năm của họ trong sự kinh-hoàng thành-linh.
34Khi Ngài giết họ, thì họ tìm-câu Ngài,
Trở lại và tìm-kiếm Đức Chúa TRỜI một cách sốt-sắng;
35Và họ nhớ lại rằng Đức Chúa TRỜI là tảng đá của mình,
Đức Chúa TRỜI Chí Cao là Đấng Cứu-chuộc mình.
36Nhưng họ đã đánh lừa Ngài với miệng của họ,
Và đã nói dối với Ngài với lưỡi của mình.
37VÌ tâm họ chẳng kiên-định hướng về Ngài,
Họ cũng chẳng trung-tín trong giao-ước của Ngài.

Psalms 78.13-78.37

13He divided the sea and caused them to pass through;
And He made the waters stand up like a heap.
14Then He led them with the cloud by day,
And all the night with a light of fire.
15He split the rocks in the wilderness,
And gave *them* abundant drink like the ocean depths.
16He brought forth streams also from the rock,
And caused waters to run down like rivers.
17Yet they still continued to sin against Him,
To rebel against the Most High in the desert.
18And in their heart they put God to the test
By asking food according to their desire.
19Then they spoke against God;
They said, "Can God prepare a table in the wilderness?
20Behold, He struck the rock, so that waters gushed out,
And streams were overflowing;
Can He give bread also?
Will He provide meat for His people?"
21Therefore YHWH heard and was full of wrath,
And a fire was kindled against Jacob,
And anger also mounted against Israel
22Because they did not believe in God,
And did not trust in His salvation.
23Yet He commanded the clouds above,
And opened the doors of heaven;
24And He rained down manna upon them to eat,
And gave them food from heaven.
25Manna did eat the bread of angels;
He sent them food in abundance.
26He caused the east wind to blow in the heavens;
And by His power He directed the south wind.
27When He rained meat upon them like the bust,
Even winged fowl like the sand of the seas,
28Then He let *them* fall in the midst of their camp,
Round about their dwellings.
29So they ate and were well filled;
And their desire He gave to them.
30Before they had satisfied their desire,
While their food was in their mouths,
31The anger of God rose against them,
And killed some of their stoutest ones,
And subdued the choice men of Israel.
32In spite of all this they still sinned,
And did not believe in His wonderful works.
33So He brought their days to an end in futility,
And their years in sudden terror.
34When He killed them, then they sought Him,
And returned and searched diligently for God;
35And they remembered that God was their rock,
And the Most High God their Redeemer.
36But they deceived Him with their mouth,
And lied to Him with their tongue.
37For their heart was not steadfast toward Him,
Nor were they faithful in His covenant.

Psalms 78.38-78.57

38But He, being compassionate, forgave *their* iniquity,
and did not destroy *them*;
And often He restrained His anger,
And did not arouse all His wrath.
39Thus He remembered that they were but flesh,
A wind that passes and does not return.
40How often they rebelled against Him in the wilderness,
And grieved Him in the desert!
41And again and again they tempted God,
And pained the Holy One of Israel.
42They did not remember His power,
The day when He redeemed them from the adversary,
43When He performed His signs in Egypt,
And His marvels in the field of Zoan,
44And turned their rivers to blood,
And their streams, they could not drink.
45He sent among them swarms of flies, which devoured
them,
And frogs which destroyed them.
46He gave also their crops to the grasshopper,
And the product of their labor to the locust.
47He destroyed their vines with hailstones,
And their sycamore trees with frost.
48He gave over their cattle also to the hailstones,
And their herds to bolts of lightning.
49He sent upon them His burning anger,
Fury, and indignation, and trouble,
A band of destroying angels.
50He leveled a path for His anger;
He did not spare their soul from death,
But gave over their life to the plague,
51And smote all the first-born in Egypt,
The first *issue* of their virility in the tents of Ham.
52But He led forth His own people like sheep,
And guided them in the wilderness like a flock;
53And He led them safely, so that they did not fear;
But the sea engulfed their enemies.
54So He brought them to His holy land,
To this hill country which His right hand had gained.
55He also drove out the nations before them,
And He apportioned them for an inheritance by
measurement,
And made the tribes of Israel dwell in their tents.
56Yet they tempted and rebelled against the Most High
God,
And did not keep His testimonies,
57But turned back and acted treacherously like their
fathers;
They turned aside like a treacherous bow.

Thánh-thi 78.38-78.57

38Nhưng Ngài, có lòng thương-xót, tha-thứ tội, và đã
chẳng diệt *họ*;
Ngài thường nén cơn giận của Ngài,
Và chẳng khơi-dậy hết cơn thịnh-nộ của Ngài.
39Như vậy Ngài đã nhớ lại rằng họ chỉ là xác-thịt,
Một cơn gió thổi qua và không trở lại.
40Họ đã nổi-loạn chống lại Ngài trong vùng hoang-vu
thường xuyên biết bao,
Và làm đau lòng Ngài trong sa-mạc!
41Và một lần nữa và lần nữa họ đã thử *Đức* Chúa TRỜI,
Gây đau-đớn cho Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên.
42Họ đã chẳng nhớ lại quyền-năng của Ngài,
Cái ngày mà Ngài đã cứu-chuộc họ khỏi kẻ cứu-địch,
43Khi Ngài làm các dấu của Ngài tại Ê-díp-tô¹,
Và các sự tuyệt-vời của Ngài trong cánh-đồng Xô-an,
44Và biến các sông ngòi của chúng thành máu,
Và các dòng nước của chúng, chúng đã không thể uống.
45Ngài sai vào ở giữa chúng các đàn ruồi cắn nuốt chúng,
Và những con ếch phá-hủy chúng.
46Ngài cũng phó mùa-màng của chúng cho châu-chấu,
Và sản phẩm của công-lao chúng cho cào-cào.
47Ngài phá-hủy gốc nho của chúng bằng mưa đá,
Và các cây sung-dâu của chúng bằng băng giá.
48Ngài đã phó bầy trâu bò của chúng cũng cho mưa đá,
Và các bầy gia-súc của chúng cho sét đánh.
49Ngài đã giáng trên chúng cơn giận cháy phừng của
Ngài,
Cơn thịnh-nộ, phẫn-nộ, và sự phiền-hà,
Một toán các thiên-sứ phá-hủy.
50Ngài đã san bằng một lối đi vì cơn giận của Ngài;
Ngài đã chẳng tha hồn của chúng khỏi sự chết,
Nhưng đã phó sinh-mạng của chúng cho bệnh dịch,
51Và đánh hạ mọi con đầu lòng trong Ê-díp-tô,
Kết quả đầu tiên của nam tính của chúng trong các lều của
Cham.
52Nhưng Ngài dắt dân của riêng Ngài tiến tới như chiên,
Và dẫn họ đi trong vùng hoang-vu như một bầy;
53Và Ngài dắt họ đi an-toàn, đến nỗi họ đã chẳng sợ-hãi;
Nhưng biển đã bao-trùm những kẻ thù của họ.
54Thế là Ngài đã đem họ đến đất thánh của Ngài,
Đến xứ đồi núi mà bàn tay hữu Ngài đã được.
55Ngài cũng đã đuổi đi các dân-tộc trước mặt họ,
Và Ngài đã chia phần cho họ làm của thừa-kế theo kích
thước,
Và khiến các chi-tộc của Y-sơ-ra-ên ở trong các lều của
họ.
56Vậy mà họ vẫn thử và nổi-loạn chống lại *Đức* Chúa
TRỜI Chí Cao,
Và đã chẳng giữ các chứng-cớ của Ngài,
57Nhưng đã trở lòng và hành-động phản-bội như tổ-phụ
của họ;
Họ đã rẽ qua một bên như một cây cung phản-trắc.

¹ Ai Cập

Thánh-thi 78.58-79.3

58 Vì họ đã chọc Ngài giận bằng các nơi cao,
Đã chọc Ngài ghen¹⁾ vì các tượng chạm.
59 Khi Đức Chúa TRỜI nghe, Ngài đầy thịnh-nộ,
Và gớm-ghiếc Y-sơ-ra-ên quá đỗi;
60 Đến nỗi Ngài bỏ chỗ ở tại Si-lô,
Cái lều mà Ngài đã dựng lên giữa loài người,
61 Và phó sức mạnh của Ngài cho sự bị giam-cầm,
Và vinh-quang của Ngài vào trong tay cừu-địch.
62 Ngài cũng đã phó dân Ngài cho lưỡi gươm,
Và đầy phần nộ nhắm vào tài sản riêng²⁾ của Ngài.
63 Lửa thiêu nuốt các thanh-nam của Ngài;
Và các trinh-nữ của Ngài đã chẳng có các bài hát hôn-nhân.
64 Các thầy tế-lễ của Ngài đã ngã bởi gươm;
Và những người góa của Ngài đã không thể khóc.

65 Rồi Chúa đã tỉnh-thức như từ giấc ngủ,
Như một dũng-sĩ bị ngất đi bởi rượu.
66 Và Ngài đã đẩy lui các cừu-địch của Ngài;
Ngài đã đặt trên chúng một sự si-nhục mãi mãi.
67 Ngài cũng đã bác-bỏ lều của Giô-sép,
Và đã chẳng chọn chi-tộc Ép-ra-im,
68 Nhưng đã chọn chi-tộc Giu-đa,
Núi Si-ôn mà Ngài yêu.
69 Và Ngài đã xây nơi thánh của Ngài giống như những
nơi cao ấy,
Như trái đất mà Ngài đã sáng-lập mãi mãi.
70 Ngài cũng đã chọn Đa-vít tôi-tớ của Ngài,
Và đã bắt người từ những chuồng chiên;
71 Từ việc săn-sóc chiên cái đang cho chiên con bú, Ngài
đem người ra,
Để chăn-giữ Gia-cốp, dân của Ngài,
Và Y-sơ-ra-ên tài sản riêng của Ngài.
72 Thế là người đã chăn-giữ họ theo sự thanh-liêm của tâm
mình,
Và dẫn-dắt họ với các bàn tay khéo-léo của mình.

THÁNH-THI 79

Than-thở vì Giê-ru-sa-lem bị phá-hủy, cầu xin Chúa giúp-đỡ

Người viết: A-sáp (hay một trong các con cháu của người), có lẽ được viết sau khi dân Ba-bên đã san-bằng Giê-ru-sa-lem (2 Vua 25)

1 "Đức Chúa TRỜI ôi, các quốc-gia đã xâm-chiếm tài sản riêng của Chúa;
Chúng đã làm ô-úế đền thánh của Chúa;
Chúng đã làm Giê-ru-sa-lem đổ nát.
2 Chúng đã phó thầy của các tôi-tớ của Chúa cho chìm chóc trong các tầng trời làm thức ăn,
Thịt những kẻ tin-kính của Chúa cho thú-vật của trái đất.
3 Chúng đã đổ máu họ ra như nước khắp Giê-ru-sa-lem;
Và chẳng có ai chôn họ.

Psalms 78.58-79.3

58 For they provoked Him with their high places,
And aroused His jealousy with their graven images.
59 When God heard, He was filled with wrath,
And greatly abhorred Israel;
60 So that He abandoned the dwelling place at Shiloh,
The tent which He had pitched among men,
61 And gave up His strength to captivity,
And His glory into the hand of the adversary.
62 He also delivered His people to the sword,
And was filled with wrath at His inheritance.
63 Fire devoured His young men;
And His virgins had no wedding songs.
64 His priests fell by the sword;
And His widows could not weep.

65 Then the Lord awoke as *if from* sleep,
Like a warrior overcome by wine.
66 And He drove His adversaries backward;
He put on them an everlasting reproach.
67 He also rejected the tent of Joseph,
And did not choose the tribe of Ephraim,
68 But chose the tribe of Judah,
Mount Zion which He loved.
69 And He built His sanctuary like the heights,
Like the earth which He has founded forever.
70 He also chose David His servant,
And took him from the sheepfolds;
71 From the care of the ewes with suckling lambs He brought him,
To shepherd Jacob His people,
And Israel His inheritance.
72 So he shepherded them according to the integrity of his heart,
And guided them with his skillful hands.

PSALM 79

1 "O GOD, the nations have invaded Thine inheritance;
They have defiled Thy holy temple;
They have laid Jerusalem in ruins.
2 They have given the dead bodies of Thy servants for food to the birds of the heavens,
The flesh of Thy godly ones to the beasts of the earth.
3 They have poured out their blood like water round about Jerusalem;
And there was no one to bury them.

¹"Ghen" nghĩa là "không dung-thứ kẻ không chung-thùy"

²tức Y-sơ-ra-ên

Psalms 79.4-80.3

⁴We have become a reproach to our neighbors,
A scoffing and derision to those around us.
⁵How long, O YHWH? Wilt Thou be angry forever?
Will Thy jealousy burn like fire?
⁶Pour out Thy wrath upon the nations which do not know
Thee,
And upon the kingdoms which do not call upon Thy name.
⁷For they have devoured Jacob,
And laid waste his pasture.

⁸"Do not remember the iniquities of *our* forefathers
against us;
Let Thy compassion come quickly to meet us;
For we are brought very low.
⁹Help us, O God of our salvation, for the glory of Thy
name;
And deliver us, and forgive our sins, for Thy name's sake.
¹⁰Why should the nations say, "Where is their God?"
Let there be known among the nations in our sight,
Vengeance for the blood of Thy servants, which has been
shed.

¹¹"Let the groaning of the prisoner come before Thee;
According to the greatness of Thy arm preserve the
children of death.
¹²And return to our neighbors sevenfold into their bosom
The reproach with which they have reproached Thee, O
Lord.
¹³So we Thy people and the sheep of Thy pasture
Will give thanks to Thee forever;
To all generations we will tell of Thy praise.

PSALM 80

¹Oh, give ear, Shepherd of Israel,
Thou who dost lead Joseph like a flock;
Thou who art enthroned *above* the cherubim, shine forth!
²Before Ephraim and Benjamin and Manasseh, stir up Thy
power,
And come to save us!
³O God, restore us,
And cause Thy face to shine *upon us*, and we will be
saved.

Thánh-thi 79.4-80.3

⁴Chúng con đã trở nên sự sỉ-nhục cho các láng-giềng của
chúng con,
Là sự nhạo-báng và trò cười cho những kẻ chung quanh
chúng con.
⁵Bao lâu, Đức GIA-VÊ ôi? Chúa sẽ giận mãi mãi sao?
Con ghen⁽¹⁾ của Chúa sẽ cháy như lửa sao?
⁶Xin tuôn ra cơn thịnh-nộ của Chúa trên các quốc-gia
không biết Chúa,
Và trên các vương-quốc không cầu-khẩn danh Chúa.
⁷Vì chúng nó đã nuốt Gia-cóp,
Đã tàn-phá đồng cỏ của người.

⁸"Xin đừng nhớ các tội-lỗi của tổ-phụ *chúng con* mà
chống lại chúng con;
Xin cho sự thương-xót của Chúa sớm đến gặp chúng con;
Vì chúng con bị đem xuống rất thấp.
⁹Xin giúp đỡ chúng con, Đức Chúa TRỜI của sự cứu-rỗi
chúng con ôi, vì vinh-quang của danh Chúa;
Và giải-phóng chúng con, xin tha thứ các tội của chúng
con, vì có danh Chúa.
¹⁰Tại sao các dân phải nói: "Đức Chúa TRỜI của chúng ở
đâu?"
Xin các quốc-gia trong cái nhìn của chúng con được biết,
Sự báo-thù cho máu của những tội-tố Chúa đã bị đổ ra.

¹¹"Nguyện tiếng rên-ri của tù-nhân đến trước mặt Chúa;
Theo sự vĩ-đại của cánh tay Chúa xin giữ-gìn con cái của
sự chết⁽²⁾.
¹²Và xin báo-trả kẻ láng-giềng chúng con bảy lần vào
trong lòng ngực chúng
Sự sỉ-nhục mà chúng đã mắng-chửi Chúa, Chúa ôi.
¹³Vì vậy chúng con là dân Chúa và là bầy chiên của đồng
cỏ của Chúa
Sẽ dâng lời tạ ơn lên Chúa mãi mãi;
Cùng mọi thể-hệ, chúng con sẽ nói về sự ca-tụng Chúa."

THÁNH-THI 80

*Nài-xin Chúa cứu-vớt dân Ngài khỏi hoạn-nạn (Cho
trưởng ban nhạc, dùng điệu "Bông huệ chúng-cỏ")
Người viết: A-sáp (hay một trong các con cháu của
người), có lẽ được viết sau khi vương-quốc miền bắc Y-sơ-
ra-ên đã bị đánh bại và dân đã bị lưu-đày đến A-si-ri)*

¹Ôi, xin lắng tai, Đấng chặn-giữ của Y-sơ-ra-ên,
Chúa đã dẫn Giô-sép như một bầy chiên;
Chúa, là Đấng ngồi trên ngôi *bên trên* những chê-rúp, xin
chiếu sáng lên!
²Trước mặt Ép-ra-im, Bên-gia-min, và Ma-na-se, xin khơi
đậy quyền-năng của Chúa,
Và xin đến để cứu chúng con!
³Đức Chúa TRỜI ôi, xin phục-hồi chúng con,
Xin khiến mặt Chúa chiếu sáng, và chúng con sẽ được
cứu.

¹"Ghen" nghĩa là "không dung-thứ kẻ không chung-thù"

²hay: những kẻ đã bị định phải chết

Thánh-thi 80.4-81.3

4"**GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI** vạn-quân ôi,
Bao lâu nữa Chúa sẽ bóc khỏi⁽¹⁾ chống lại lời cầu-nguyện
của dân Chúa?

5Chúa đã nuôi họ bằng bánh nước mắt,
Chúa đã khiến họ uống nhiều nước mắt.

6Chúa đã làm chúng con thành một đối-tượng tranh-cạnh
cho các kẻ láng-giềng của chúng con;
Và các kẻ thù của chúng con đều cười-nhạo ở giữa chúng.

7"**Đức Chúa TRỜI** vạn-quân ôi, xin hồi-phục chúng con,
Xin khiến mặt Chúa chiếu sáng, và chúng con sẽ được
cứu.

8"Chúa đã dời một gốc nho từ Ê-díp-tô;
Chúa đã đuổi các dân-tộc ra, và đã trồng nó xuống.

9Chúa đã dọn đất trước mặt nó,
Và nó đâm rễ sâu và bò khắp đất.

10Các núi được phủ bởi bóng của nó;
Và những cây tuyết-tùng của **Đức Chúa TRỜI** với các
nhánh của nó.

11Nó đã vươn các nhánh của nó ra đến biển,
Và các chồi nó đến Sông ấy.

12Cớ sao Chúa đã phá hàng rào của nó xuống,
Ngõ hầu mọi kẻ đi qua lối đó đều ngắt trái nó?

13Một con heo rừng ăn nó hết,
Và bất cứ cái gì di-động trong cánh đồng đều ăn nó.

14"**Đức Chúa TRỜI** vạn-quân ôi, xin quay lại bây giờ,
chúng con van-nài Chúa;

Xin nhìn xuống từ trời và xem, và chăm-sóc gốc nho này,
15Tức là cái chồi mà tay hữu Chúa đã trồng,
Và trên con trai ấy mà Chúa đã tăng sức vì chính Chúa.

16Nó bị lửa đốt cháy, nó bị chặt xuống;
Họ diệt-vong do sự quở-trách của diện-mạo Chúa.

17Xin đặt tay Chúa ở trên người của tay hữu Chúa,
Trên con trai loài người ấy mà Chúa đã làm cho mạnh vì
chính Chúa.

18Lúc đó chúng con sẽ không quay tránh Chúa;
Xin hồi-sinh chúng con, và chúng con sẽ kêu danh Chúa.

19"**GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI** vạn-quân ôi, xin phục-hồi
chúng con,
Xin khiến mặt Chúa chiếu sáng, và chúng con sẽ được
cứu."

THÁNH-THI 81

On của Đức Chúa TRỜI và sự lâm-lạc của Y-so-ra-ên
(Cho trường ban nhạc, dùng nhạc-khí "Ghi-tít")
Người viết: A-sáp

1Hãy ca-hát vì niềm vui cho **Đức Chúa TRỜI** là sức mạnh
của chúng ta;

Hãy hò-la vui-vẻ cho **Đức Chúa TRỜI** của Gia-cóp.

2Hãy cất lên một bài hát, hãy đánh trống com,
Thất-huyền-cầm trôi tiếng ngọt ngào với hạc-cầm.

3Hãy thổi kèn trom-bét khi trăng mới,
Lúc trăng tròn, vào ngày lễ của chúng ta.

¹hay: sẽ giận

Psalms 80.4-81.3

4"O YHWH God of hosts,
How long wilt Thou smoke against the prayer of Thy
people?

5Thou hast fed them with the bread of tears,
And Thou hast made them to drink tears in large measure.

6Thou dost make us an object of contention to our
neighbors;
And our enemies laugh among themselves.

7"O God of hosts, restore us,
And cause Thy face to shine upon us and we will be
saved.

8"Thou didst remove a vine from Egypt;
Thou didst drive out the nations, and didst plant it.

9Thou didst clear the ground before it,
And it took deep root and filled the land.

10The mountains were covered with its shadow;
And the cedars of God with its boughs.

11It was sending out its branches to the sea,
And its shoots to the River.

12Why hast Thou broken down its hedges,
So that all who pass that way pick its fruit?

13A boar from the forest eats it away,
And whatever moves in the field feeds on it.

14"O God of hosts, turn again now, we beseech Thee;
Look down from heaven and see, and take care of this
vine,

15Even the shoot which Thy right hand has planted,
And on the son whom Thou hast strengthened for Thyself.

16It is burned with fire, it is cut down;
They perish at the rebuke of Thy countenance.

17Let Thy hand be upon the man of Thy right hand,
Upon the son of man whom Thou didst make strong for
Thyself.

18Then we shall not turn back from Thee;
Revive us, and we will call upon Thy name.

19"O YHWH God of hosts, restore us;
Cause Thy face to shine upon us, and we will be saved."

PSALM 81

1Sing for joy to God our strength;
Shout joyfully to the God of Jacob.

2Raise a song, strike the timbrel,
The sweet sounding lyre with the harp.

3Blow the trumpet at the new moon,
At the full moon, on our feast day.

Psalms 81.4-82.6

⁴For it is a statute for Israel,
An ordinance of the God of Jacob.
⁵He established it for a testimony in Joseph,
When he went throughout the land of Egypt.
I heard a language that I did not know:

⁶"I relieved his shoulder of the burden,
His hands were freed from the basket.
⁷You called in trouble, and I rescued you;
I answered you in the hiding place of thunder;
I proved you at the waters of Meribah. [Selah.
⁸Hear, O My people, and I will admonish you;
O Israel, if you would listen to Me!
⁹Let there be no strange god among you;
Nor shall you worship any foreign god.
¹⁰I, YHWH, am your God,
Who brought you up from the land of Egypt;
Open your mouth wide and I will fill it.

¹¹But My people did not listen to My voice;
And Israel did not obey Me.
¹²So I gave them over to the stubbornness of their heart,
To walk in their own devices.
¹³Oh that My people would listen to Me,
That Israel would walk in My ways!
¹⁴I would quickly subdue the enemies,
And turn My hand against their adversaries.
¹⁵Those who hate YHWH would pretend obedience to
Him;
And their time of *punishment* would be forever.
¹⁶But I would feed you with the finest of the wheat;
And with honey from the rock I would satisfy you."

PSALM 82

¹God takes His stand in the congregation of God;
He judges in the midst of the gods.
²"How long will you judge unjustly,
And show partiality to the wicked? [Selah.
³Vindicate the weak and fatherless;
Do justice to the afflicted and destitute.
⁴Rescue the weak and needy;
Deliver *them* out of the hand of the wicked."
⁵They do not know nor do they understand;
They walk about in darkness;
All the foundations of the earth are shaken
⁶I, on my part, said, "You are gods,
And all of you are sons of the Most High.

Thánh-thi 81.4-82.6

⁴Vì ấy là một quy-chế cho Y-sơ-ra-ên,
Một giới-luật của Đức Chúa TRỜI của Gia-cóp.
⁵Ngài đã lập nó để làm một chứng-cớ nơi Giô-sép,
Lúc người đã đi khắp xứ Ê-díp-tô⁽¹⁾.
Tôi đã nghe một ngôn-ngữ mà tôi không biết:

⁶Ta đã làm vơi gánh nặng trên vai của nó,
Các bàn tay của nó được tự-do khỏi cái giỏ.
⁷Người đã kêu-cầu lúc có sự phiến-hà và Ta đã giải-cứ
người;
Ta đã trả lời người trong chỗ ẩn-núp sấm-sét;
Ta đã chứng-thực người nơi những vùng nước Mê-rì-ba.

[Sê-la.

⁸Hãy nghe, hỡi dân Ta, và Ta sẽ khuyên-báo người;
Y-sơ-ra-ên ôi, ước gì người nghe Ta!
⁹Không được có một thần lạ nào ở giữa người;
Người cũng sẽ chẳng được thờ bất cứ một thần nước ngoài
nào.
¹⁰Ta, GIA-VÊ, là Chúa TRỜI của người,
Đã đem người lên từ xứ Ê-díp-tô⁽²⁾;
Hãy mở rộng miệng người, và Ta sẽ làm đầy nó.

¹¹Nhưng dân Ta đã chẳng nghe tiếng Ta;
Và Y-sơ-ra-ên đã chẳng vâng-lời Ta.
¹²Vì vậy Ta đã phó chúng cho sự ngoan-cổ của tâm
chúng,
Để bước đi theo các mưu-kế riêng của chúng.
¹³Ôi ước gì dân Ta đã nghe theo Ta,
Y-sơ-ra-ên đã bước đi theo các đường-lối của Ta!
¹⁴Thì Ta đã nhanh-chóng trấn-áp các kẻ thù,
Và trở tay Ta chống lại các cừu-địch của chúng.
¹⁵Những kẻ ghét GIA-VÊ giã-bộ vâng lời Ngài;
Và thời kỳ *hình-phạt* của chúng sẽ là mãi mãi.
¹⁶Nhưng Ta ắt cho người ăn với bột lúa mì mịn nhất;
Và với mật ong từ tảng đá, Ta ắt thỏa-mãn người."

THÁNH-THI 82

Quở-trách các sự đoán-xét bất công

Người viết: A-sáp

¹Đức Chúa TRỜI đứng giữa hội-chúng của Đức Chúa
TRỜI;
Ngài phán-xét ở giữa các thần.
²" Bao lâu các người sẽ phán-xét một cách bất-công,
Và tỏ ra thiên-vị các kẻ độc-ác? [Sê-la.
³Hãy minh-oan cho kẻ yếu-đuối và mồ côi cha;
Hãy thi-hành công-lý cho kẻ đau khổ và bần-cùng.
⁴Hãy giải-cứ kẻ yếu-đuối và thiếu-thốn;
Hãy giải-thoát chúng khỏi tay kẻ ác."
⁵Chúng chẳng biết, chúng cũng chẳng hiểu;
Chúng đi đây đi đó trong sự tối-tăm;
Tất cả các nền của trái đất đều bị rung-động.
⁶Ta, về phần Ta, đã nói: "Các người là các thần,
Và tất cả các người là những con trai của Đấng Chí Cao.

¹Ai Cập

²Ai Cập

Thánh-thi 82.7-83.18

⁷Đầu vậy, các người sẽ chết như loài người,
Và ngã như một trong những ông hoàng."

⁸"Xin chỗi dậy, Đức Chúa TRỜI ôi, xin phán-xét trái đất!
Vì chính Chúa sở-hữu tất cả các quốc-gia. "

THÁNH-THI 83

Xin Đức Chúa TRỜI làm kẻ thù Ngài hổ-thẹn
Người viết: A-sáp

¹"Đức Chúa TRỜI ôi, xin đừng giữ im-lặng;
Xin đừng nín-lặng và, Đức Chúa TRỜI ôi, xin đừng đứng yên.

²Vì, kia, các kẻ thù của Chúa làm một sự náo-động;
Và những kẻ ghét Chúa đã ngược đầu của chúng lên.

³Chúng lập ra các kế-hoạch xảo-quyệt chống lại dân Chúa,
Và cùng nhau âm-mưu chống lại những kẻ trân quý của Chúa.

⁴Chúng nói: 'Hãy đến, chúng ta hãy quét sạch chúng khỏi một đất nước,

Đề danh Y-so-ra-ên không còn được nhớ đến nữa.'

⁵Vì chúng đã nhất-trí âm-mưu với nhau;
Chống lại Chúa chúng lập một giao-ước:

⁶Các lều Ê-đôm và dân Ích-ma-ên;

Mô-áp, và dân Ha-ga-rít;

⁷Ghê-banh, Am-môn, và A-ma-léc;

Vùng Phi-li-tin với cư-dân Ty-rơ;

⁸A-si-ri cũng hiệp với chúng;

Chúng đã trở thành một cánh tay cho con cái của Lót.

[Sê-la.

⁹"Xin đối-xử với chúng như với Ma-đi-an,
Như với Si-sê-ra và Gia-bin, tại dòng nước xoáy Ki-sôn,

¹⁰Là những kẻ bị tiêu-diệt tại Ên-dô-rơ,

Là những kẻ đã trở thành như phân thú-vật cho đất.

¹¹Xin gây cho các người quý tộc của chúng như Ô-rép và Xê-ép,

Và tất cả các ông hoàng của chúng như Xê-bách và Xanh-mu-na,

¹²Là những kẻ đã nói: 'Chúng ta hãy chiếm cho chúng ta
Những đồng cỏ của Đức Chúa TRỜI.'

¹³"Đức Chúa TRỜI của con ôi, xin làm chúng như bụi lóc;

Như trấu trước gió.

¹⁴Như lửa đốt cháy rừng,

Và như một ngọn lửa đốt cháy các núi,

¹⁵Vậy xin truy đuổi chúng bằng giông-tố của Chúa,

Và xin làm chúng kinh-hãi bằng cơn bão của Chúa.

¹⁶Xin đổ đầy mặt chúng bằng điều nhục nhã,

Đề chúng có thể tìm-câu danh Chúa, Đức GIA-VÊ ôi.

¹⁷Xin cho chúng bị hổ-thẹn và bị thất-kinh mãi mãi;

Và xin cho chúng bị nhục và hư mất,

¹⁸Đề chúng được biết rằng chỉ một mình Chúa, có danh là GIA-VÊ,

Là Đấng Chí Cao trên khắp trái đất."

Psalms 82.7-83.18

⁷Nevertheless you will die like men,
And fall like *any* one of the princes."

⁸"Arise, O God, judge the earth!
For it is Thou who dost possess all the nations."

PSALM 83

¹O God, do not remain quiet;

Do not be silent and, O God, do not be still.

²For, behold, Thine enemies make an uproar;
And those who hate Thee have lifted up their head themselves.

³They make shrewd plans against Thy people,
And conspire together against Thy treasured ones.

⁴They have said, 'Come, and let us wipe them out from a nation,

That the name of Israel be remembered no more.'

⁵For they have conspired together with one mind;
Against Thee do they make a covenant:

⁶The tents of Edom and the Ishmaelites;

Moab, and the Hagarites;

⁷Gebal and Ammon, and Amalek;

Philistia with the inhabitants of Tyre;

⁸Assyria also has joined with them;

They have become an arm to the children of Lot.

[Selah.

⁹"Deal with them as with Midian,

As with Sisera and Jabin, at the torrent of Kishon,

¹⁰Who were destroyed at En-dor,

Who became as dung for the ground.

¹¹Make their nobles like Oreb and Zeeb,

And all their princes like Zebah and Zalmunna,

¹²Who said, 'Let us possess for ourselves

The pastures of God.'

¹³"O my God, make them like the whirling dust;

Like chaff before the wind.

¹⁴Like fire that burns the forest,

And like a flame that sets the mountains on fire,

¹⁵So pursue them with Thy tempest,

And terrify them with Thy storm.

¹⁶Fill their faces with dishonor,

That they may seek Thy name, O YHWH.

¹⁷Let them be ashamed and dismayed forever;

And let them be humiliated and perish,

¹⁸That they may know that Thou alone, whose name is

YHWH,

Art the Most High over all the earth."

PSALM 84

1¹How lovely are Thy dwelling places,
O YHWH of hosts!
2²My soul longed and even yearned for the courts of
YHWH;
My heart and my flesh sing for joy to the living God.

3³The bird also has found a house,
And the swallow a nest for herself, where she may lay her
young,
Even Thine altars, O YHWH of hosts, My King and my
God.

4⁴How blessed are those who dwell in Thy house!
They are ever praising Thee. [Selah.]

5⁵How blessed is the man whose strength is in Thee;
In whose heart are the highways to *Tsee-yone!*
6⁶Passing through the valley of Baca, they make it a spring,
The early rain also covers it with blessings.
7⁷They go from strength to strength,
Everyone of them appears before God in Zion.

8⁸O YHWH God of hosts, hear my prayer;
Give ear, O God of Jacob! [Selah.]

9⁹Behold our shield, O God,
And look upon the face of Thine anointed.
10¹⁰For a day in Thy courts is better than a thousand
outside.
I would rather stand at the threshold of the house of my
God,
Than dwell in the tents of wickedness.
11¹¹For YHWH God is a sun and shield;
YHWH gives grace and glory;
No good thing does He withhold with regard to those who
walk with integrity.
12¹²O YHWH of hosts,
How blessed is the man who trusts in Thee!"

PSALM 85

1¹O YHWH, Thou didst show favor to Thy land;
Thou didst restore the fortunes of Jacob.
2²Thou didst forgive the iniquity of Thy people;
Thou didst cover their sin. [Selah.]
3³Thou didst withdraw all Thy fury;
Thou didst turn away from Thy burning anger.

THÁNH-THI 84

*Tác-giã mong-mỏi về sự thờ-phượng trong đền-thờ (Cho
trường ban nhạc, dùng nhạc-khí "Ghi-tít")*

Người viết: Những con trai của Cô-ra

1¹Đáng yêu thay các chỗ ngự của Chúa,
Đức GIA-VÊ vạn-quân ôi!
2²Hồn con khao-khát và ngay cả mong mỏi những sân của
Đức GIA-VÊ;
Tâm con và xác-thịt con ca-hát vì niềm vui cho *Đức* Chúa
TRỜI sống.

3³Con chim cũng đã tìm được một cái nhà,
Và chim én một tổ cho nó, nơi nó có thể đặt con nhỏ của
nó,
Ngay cả các bàn thờ của Chúa, *Đức GIA-VÊ* vạn-quân ôi,
Vua của con, *Đức* Chúa TRỜI của con.
4⁴Phước thay cho những người ở trong nhà Chúa!
Họ không ngớt ca-tụng Chúa. [Sê-la.]

5⁵Phước thay cho người có sức mạnh ở trong Chúa;
Trong tâm hần có các đường cái *đến Si-ôn!*
6⁶Đi qua thung-lũng Ba-ca⁽¹⁾, họ làm nó thành một con
suối,
Mưa sớm cũng bao-phủ nó với các phước.
7⁷Họ đi từ sức mạnh đến sức mạnh⁽²⁾,
Mỗi người trong bọn ra mắt *Đức* Chúa TRỜI tại Si-ôn.

8⁸GIA-VÊ *Đức* Chúa TRỜI vạn-quân ôi, xin nghe lời cầu-
nguyện của con;
Xin lắng tai nghe, *Đức* Chúa TRỜI của Gia-cóp ôi!
[Sê-la.]

9⁹Xin nhìn cái khiên của chúng con, *Đức* Chúa TRỜI ôi,
Và xin nhìn xem mặt của đấng được xức dầu của Chúa.
10¹⁰Vì một ngày trong các sân của Chúa tốt hơn một ngàn ở
ngoài.
Con thà đứng nơi ngạch cửa đền *Đức* Chúa TRỜI của con,
Hơn là ở trong các lều có sự độc-ác.
11¹¹Vì GIA-VÊ *Đức* Chúa TRỜI là mặt trời và cái khiên;
Đức GIA-VÊ cho ân-diễn và vinh-quang;
Chẳng có một điều tốt nào mà Ngài giữ lại đối với những
kẻ bước đi với sự trung-trực.
12¹²*Đức* GIA-VÊ vạn-quân ôi,
Phước thay cho người trông-cậy nơi Chúa!"

THÁNH-THI 85

*Cầu-nguyện xin sự khoan-dung của Đức Chúa TRỜI
cho dân-tộc (Cho trường ban nhạc)*

Người viết: Những con trai của Cô-ra

1¹*Đức* GIA-VÊ ôi, Chúa đã tỏ ra ân-huệ cho xứ-sở của
Chúa;
Chúa đã hồi-phục các gia-tài của Gia-cóp.
2²Chúa đã tha-thứ điều ác của dân Chúa;
Chúa đã bao-phủ tội của họ. [Sê-la.]
3³Chúa đã thấu hồi tất cả mọi cơn thịnh-nộ của Chúa;
Chúa đã quay khỏi cơn giận bùng bùng của Chúa.

¹hay: thung-lũng có những cây liễu khóc-lóc,

²hay: Họ đi tới, sức mạnh lần lần thêm

Thánh-thi 85.4-86.10

4"Xin hồi-phục chúng con, *Đức* Chúa TRỜI của sự cứu-rỗi chúng con ôi,
Và xin khiến cho cơn giận của Chúa hướng về chúng con ngừng đi.

5Chúa sẽ giận chúng con mãi mãi sao?
Chúa sẽ kéo dài cơn giận của Chúa đối với thế-hệ này và thế-hệ nọ sao?

6Có phải Chúa sẽ chẳng lại hồi-sinh chúng con,
Để dân Chúa có thể vui-mừng trong Chúa sao?

7Xin tỏ ra cho chúng con sự ân-cần thương-yêu của Chúa,
Đức GIA-VÊ ôi,
Và xin ban cho chúng con sự cứu-rỗi của Chúa."

8Tôi sẽ nghe điều *Đức* Chúa TRỜI GIA-VÊ sẽ phán;
Vì Ngài sẽ nói sự bình-an cho dân Ngài, tức là cho các kẻ tin-kính Ngài;

Nhưng họ chớ quay trở lại sự ngu-dại.

9Chắc-chắn sự cứu-rỗi của Ngài thì gần cho những kẻ kính-sợ Ngài,

Để vinh-quang có thể ở trong đất của chúng ta.

10Sự ân-cần yêu-thương và lẽ-thật đã gặp nhau;
Sự công-chính và bình-an đã hôn nhau.

11Lẽ-thật vọt ra từ trái đất;

Và công-chính nhìn xuống từ trời.

12Quả thật, *Đức* GIA-VÊ sẽ ban cho điều tốt-lành;

Và xúr của chúng ta sẽ sản-xuất ra sản-phẩm của nó.

13Sự công-chính sẽ đi trước mặt Ngài,

Và sẽ làm các bước đi của Ngài thành một lối đi.

THÁNH-THI 86

Lời cầu-nguyện nài-xin và trông-cậy

Người viết: Đa-vít

1"Xin nghiêng tai Chúa, *Đức* GIA-VÊ ôi, và xin trả lời con;

Vì con bị đau-khổ và thiếu-thốn.

2Xin bảo-quản hồn con, vì con là một người tin-kính;
Ôi Chúa *Đức* Chúa TRỜI của con, xin cứu tôi-tớ này của Chúa, là kẻ trông-cậy nơi Chúa.

3Xin khoan-dung với con, Chúa ôi,

Vì cùng Chúa con khóc suốt cả ngày.

4Xin làm hồn của tôi-tớ này của Chúa vui,

Vì cùng Chúa, Chúa ôi, con nâng hồn con lên.

5Vì Chúa, Chúa ôi, là thiện và sẵn-sàng tha-thứ,
Và dư-dật trong sự ân-cần thương-yêu cho tất cả những kẻ kêu-cầu Chúa.

6Xin lắng tai, *Đức* GIA-VÊ ôi, *nghe* lời cầu-nguyện của con;

Và xin lưu-ý đến tiếng nài-xin của con!

7Trong ngày có sự phiền-hà của con, con sẽ kêu-cầu Chúa,
Vì Chúa sẽ trả lời con.

8"Chẳng có ai như Chúa ở giữa các thần, Chúa ôi;
Cũng chẳng có một việc làm nào như của Chúa.

9Tất cả các dân-tộc mà Chúa đã dựng nên sẽ đến và thờ-lạy trước mặt Chúa, Chúa ôi;

Và họ sẽ tôn vinh danh Chúa

10Vì Chúa là vĩ-đại và làm các việc kỳ-diệu;

Chỉ một mình Chúa là *Đức* Chúa TRỜI.

Psalms 85.4-86.10

4"Restore us, O God of our salvation,
And cause Thine indignation toward us to cease.

5Wilt Thou be angry with us forever?
Wilt Thou prolong Thine anger to generation and generation?

6Wilt Thou not Thyself revive us again,
That Thy people may rejoice in Thee?

7Show us Thy lovingkindness, O YHWH,
And grant us Thy salvation."

8I will hear what God YHWH will say;
For He will speak peace to His people, even to His godly ones;

But let them not turn back to folly.

9Surely His salvation is near to those who fear Him,
That glory may dwell in our land.

10Lovingkindness and truth have met together;
Righteousness and peace have kissed each other.

11Truth springs from the earth;
And righteousness looks down from heaven.

12Indeed, YHWH will give what is good;
And our land will yield its produce.

13Righteousness will go before Him,
And will make His footsteps into a way.

PSALM 86

1"Incline Thine ear, O YHWH, *and* answer me;
For I am afflicted and needy.

2Do preserve my soul, for I am a godly man;
O Thou my God, save Thy servant who trusts in Thee.

3Be gracious to me, O Lord,
For to Thee I cry all day long.

4Make glad the soul of Thy servant,
For to Thee, O Lord, I lift up my soul.

5For Thou, Lord, art good, and ready to forgive,
And abundant in lovingkindness to all who call upon Thee.

6Give ear, O YHWH, to my prayer;
And give heed to the voice of my supplications!

7In the day of my trouble, I shall call upon Thee,
For Thou wilt answer me.

8"There is no one like Thee among the gods, O Lord;
Nor are there any work like Thine.

9All nations whom Thou hast made shall come and worship before Thee, O Lord;
And they shall glorify Thy name.

10For Thou art great and doest wondrous deeds;
Thou alone art God.

Psalms 86.11-88

11"Teach me Thy way, O YHWH;
I will walk in Thy truth;
Unite my heart to fear Thy name.
12I will give thanks to Thee, O Lord my God, with all my heart,
And will glorify Thy name forever.
13For Thy lovingkindness toward me is great,
And Thou hast delivered my soul from the lowest Sheol.
14"O God, arrogant men have risen up against me,
And a band of violent men have sought my life.
And they have not set Thee before them.
15But Thou, O Lord, art a God merciful and gracious.
Slow to anger and abundant in lovingkindness and truth.
16Turn to me, and be gracious to me;
Oh grant Thy strength to Thy servant
And save the son of Thy handmaid.
17Show me a sign for good.
That those who hate me may see it and be ashamed,
Because Thou, O YHWH, hast helped me and comforted me."

PSALM 87

1His foundation is in the holy mountains.
2YHWH loves the gates of Zion
More than all the *other* dwelling places of Jacob.
3Glorious things are spoken of you,
O city of God. [Selah.
4"I shall mention Rahab and Babylon among those who know Me;
Behold, Philistia and Tyre with Ethiopia:
"This one was born there."
5But of Zion it shall be said, "This one and that one were born in her";
And the Most High Himself will establish her.
6YHWH shall count when He registers the peoples,
"This one was born there." [Selah.
7Then those who sing as well as those who play the flutes shall say,
"All my springs of joy are in you."

PSALM 88

Thánh-thi 86.11-88

11"Xin dạy con đường-lối của Chúa, *Đức* GIA-VÊ ôi;
Con sẽ bước đi trong lẽ-thật của Chúa;
Xin hợp-nhất tâm con để kinh-sợ danh của Chúa.
12Con sẽ dâng các lời cảm-tạ lên Chúa, ôi Chúa *Đức* Chúa TRỜI của con, với tất cả tâm-lòng con,
Và sẽ tôn vinh danh Chúa mãi mãi.
13Vì sự ân-cần thương-yêu của Chúa hướng về con là lớn,
Và Chúa đã giải-phóng hồn con khỏi Âm-phủ thấp nhất.
14"*Đức* Chúa TRỜI ôi, các người kiêu-ngạo đã đẩy lên chống lại con,
Và một đám các kẻ hung-bạo đã truy tầm sinh-mạng con,
Và chúng đã chẳng đặt Chúa trước mặt chúng.
15Nhưng Chúa, Chúa ôi, là một *Đức* Chúa TRỜI hay thương-xót và khoan-dung.
Chậm nóng-giận và dur-dật trong sự ân-cần thương-yêu và lẽ-thật.
16Xin quay sang con, và xin khoan-dung với con;
Ôi xin ban sức mạnh của Chúa cho kẻ tội-tở này của Chúa,
Và xin cứu con trai của con đời của Chúa.
17Xin tỏ cho con thấy một dấu-hiệu cho sự tốt-lành,
Để những kẻ ghét con có thể thấy nó và bị hổ-thẹn,
Bởi vì Chúa, *Đức* GIA-VÊ ôi, đã giúp con và đã an-ủi con."

THÁNH-THI 87

Độc-ân của những công-dân tại Si-ôn

Người viết: Những con trai của Cô-ra (các người phụ-tá đến-thờ)

1Cái nền của Ngài ở trong các núi thánh.
2*Đức* GIA-VÊ yêu những cổng của Si-ôn
Hơn tất cả những chỗ ở *khác* của Gia-cốp.
3Các điều vinh-quang đều được nói về người,
Ôi thành của *Đức* Chúa TRỜI. [Sê-la.
4"Ta sẽ nói đến Ra-háp¹⁾ và Ba-by-lôn ở giữa những kẻ biết Ta;
Này, vùng Phi-li-tin và Ty-rơ với Ê-thi-ô-bi:
"Người này đã được sinh ra ở đó²⁾."
5Nhưng về Si-ôn người ta sẽ nói: "Người này và người nọ đã được sinh ra trong nó";
Và chính Đấng Chí Cao sẽ lập nó.
6*Đức* GIA-VÊ sẽ đếm khi Ngài đăng ký các dân-tộc,
"Dân này đã được sinh ra ở đó." [Sê-la.
7Đoạn những kẻ ca-hát cũng như những kẻ thổi sáo sẽ nói:
"Tất cả các suối có niềm vui của ta đều ở trong người."

THÁNH-THI 88

Khẩn nài Chúa cứu khỏi chết (Cho trường ban nhạc theo giọng trầm, theo điệu "Ma-ha-lát", để dạy-dỗ)
Người viết: Hê-man, người Xê-rách, một trong những con trai của Cô-ra (có lẽ cùng một người được nói đến trong 1 Sk 15.19; 16.41; 25.4,5 là nhà tiên-tri của vua)

¹Ai Cập
²ở tại Si-ôn

Thánh-thi 88.1-89.1

1"Đức GIA-VÊ ôi, Đức Chúa TRỜI của sự cứu-rỗi của con,
Con đã kêu-cầu ban ngày lẫn ban đêm trước mặt Chúa.

2Xin cho lời cầu-nguyện của con *đến* trước mặt Chúa;
Xin nghiêng tai Chúa nghe tiếng khóc của con!

3"Vì hồn con đã có đủ muộn phiền,
Và sinh-mạng con đã gần tới Âm-phủ.

4Con bị kẻ ở trong số những kẻ đi xuống cái hố;
Con đã trở thành như một người không có sức mạnh,

5Bị bỏ rơi ở giữa những kẻ chết,
Như những kẻ bị giết nằm trong mộ,
Là những kẻ Chúa không còn nhớ đến nữa,
Và họ bị trừ-diệt khỏi bàn tay Chúa.

6Chúa đã đặt con nằm trong cái hố thấp nhất,
Trong những chỗ tối-tăm, trong các vực thẳm.

7Con thịnh-nộ của Chúa đã ở trên con,
Và Chúa đã làm cho con đau-khổ bằng tất cả các lượn-sóng của Chúa. [Sê-la.

8Chúa đã dời các người quen biết của con xa khỏi con;
Chúa đã làm con thành một *vật* ghê-tởm đối với họ;
Con bị cấm-cố và không thể đi ra ngoài.

9Con mắt của con đã yếu-mòn vì sầu-não;
Con đã cầu-khẩn Chúa mỗi ngày, Đức GIA-VÊ ôi;
Con đã dang các lòng bàn tay của con về hướng Chúa.

10"Chúa sẽ làm các việc kỳ-diệu cho kẻ chết chăng?
Các linh lìa xác sẽ chỗi-dậy và ca-tụng Chúa à? [Sê-la.

11Sự ân-cần thương-yêu của Chúa sẽ được tuyên-bổ trong
mồ-mả chăng?

Sự thành-tín của Chúa trong chốn Hủy-diệt sao?

12Các việc kỳ-diệu của Chúa sẽ được biết trong nơi tối-tăm sao?
Và sự công-chính của Chúa trong đất hay quên sao?

13"Nhưng con, Đức GIA-VÊ ôi, đã kêu-la cùng Chúa xin
giúp-đỡ,

Và tăng sáng lời cầu-nguyện con đến trước mặt Chúa.

14Đức GIA-VÊ ôi, có sao Chúa bác bỏ hồn của con?

Có sao Chúa giấu mặt của Chúa tránh con?

15Con bị đau-khổ và chết dờ từ buổi thơ-ấu trở đi;
Con chịu đựng các kinh-hoàng của Chúa, con bị ngăn trở.

16Con giận bừng cháy của Chúa đã đi qua con,
Sự kinh-hoàng của Chúa đã làm con im tiếng.

17Chúng đã vây quanh con như nước suốt cả ngày;
Chúng đã bao-phủ con hoàn-toàn.

18Chúa đã dời người yêu và bạn-bè xa khỏi con;
Các người quen biết con đều ở trong sự tối-tăm."

THÁNH-THI 89

Giao-ước Đức GIA-VÊ lập cùng Đa-vít, và sự hoạn-nạn của Đích-xơ-ra-ê-lơ (Để dạy-dỗ)

Người viết: Ê-than người Xê-rách (người Lê-vi lãnh-tụ và có lẽ là một trong các nhạc-trưởng trong đền-thờ, 1Sk 15, 17, 19), hay một con cháu của người)

1"Con sẽ hát về sự ân-cần thương-yêu của Đức GIA-VÊ
mãi mãi;
Cho tất cả các thế-hệ, con sẽ làm cho biết sự thành-tín của
Chúa bằng miệng của con.

Psalms 88.1-89.1

1"O YHWH, the God of my salvation,
I have cried out by day and in the night before Thee;

2Let my prayer come before Thee;
Incline Thine ear to my cry!

3"For my soul has had enough troubles,
And my life has drawn near to Sheol.

4I am reckoned among those who go down to the pit;
I have become like a man without strength,

5Forsaken among the dead,
Like the slain who lie in the grave,
Whom Thou dost remember no more,

And they are cut off from Thy hand.

6Thou hast put me in the lowest pit,
In dark places, in the depths.

7Thy wrath has rested upon me,
And Thou hast afflicted me with all Thy waves.[Selah.

8Thou hast removed my acquaintances far from me;
Thou hast made me an abomination to them;

I am shut up and cannot go out.

9My eye has wasted away because of affliction;
I have called upon Thee every day, O YHWH;

I have spread out my palms to Thee.

10"Wilt Thou perform wonders for the dead?
Will the departed spirits rise and praise Thee? [Selah.

11Will Thy lovingkindness be declared in the grave,
Thy faithfulness in Abaddon?

12Will Thy wonders be made known in the darkness?
And Thy righteousness in the land of forgetfulness?

13"But I, O YHWH, have cried out to Thee for help,
And in the morning my prayer comes before Thee.

14O YHWH, why dost Thou reject my soul?
Why dost Thou hide Thy face from me?

15I was afflicted and about to die from my youth on;
I suffer Thy terrors; I am embarrassed.

16Thy burning anger has passed over me;
Thy terrors have silenced me.

17They have surrounded me like water all day long;
They have encompassed me altogether.

18Thou hast removed lover and friend far from me;
My acquaintances are in darkness."

PSALM 89

1"I will sing of the lovingkindness of YHWH forever;
To all generations I will make known Thy faithfulness
with my mouth.

Psalms 89.2-89.23

²For I have said, 'Lovingkindness will be built up forever;
In the heavens Thou wilt establish Thy faithfulness.'

³"I have made a covenant with My chosen
I have sworn to David My servant,
⁴I will establish your seed forever,
And build up your throne to all generations." [Selah.

⁵And the heavens will praise Thy woonders, O YHWH;
Thy faithfulness also in the assembly of the holy ones.

⁶For who in the skies is comparable to YHWH?

Who among the sons of gods is like YHWH,

⁷A God greatly feared in the council of the holy ones,
And awesome above all those who are around Him?

⁸O YHWH God of hosts, who is like Thee, O mighty
YHWH?

Thy faithfulness also surrounds Thee.

⁹Thou dost rule the swelling of the sea;
When its waves rise, Thou dost still them.

¹⁰Thou Thyself didst crush Rahab like one who is slain;
Thou didst scattter Thine enemies with Thy mighty arm.

¹¹"The heavens are Thine, the earth also is Thine;
The world and all it contains, Thou hast founded them.

¹² The north and the south, Thou hast created them;
Tabor and Hermon shout for joy at Thy name.

¹³Thou hast an arm with strength;
Thy hand is mighty, Thy right hand is exalted.

¹⁴Righteousness and justice are the foundation of Thy
throne;

Lovingkindness and truth go before Thee.

¹⁵How blessed are the people who know the joyful sound!
O YHWH, they walk in the light of Thy countenance.

¹⁶In Thy name they rejoice all the day,
And by Thy righteousness they are exalted.

¹⁷For Thou art the glory of their strength,
And by Thy favor our horn is exalted.

¹⁸For our shield belongs to YHWH,
And our king to the Holy One of Israel.

¹⁹"Once Thou didst speak in vision to Thy godly ones,
And didst say, 'I have given help to one who is mighty;
I have exalted one chosen from the people.

²⁰I have found David My servant;
With My holy oil I have anointed him,

²¹With whom My hand will be established;
My arm also will strengthen him.

²²The enemy will not deceive him,
Nor the son of wickedness afflict him.

²³But I shall crush his adversaries before him,
And strike those who hate him.

Thánh-thi 89.2-89.23

²Vì con đã nói: 'Sự ân-cần thương-yêu sẽ được xây đắp
mãi mãi;
Trong các tầng trời, Chúa sẽ thiết-lập sự thành-tín của
Chúa.'

³"Ta đã lập giao-ước với kẻ được chọn của Ta;
Ta đã thề cùng Đa-vít, tôi-tớ của Ta:
⁴Ta sẽ thiết-lập dòng-giống của người mãi mãi,
Và xây đắp ngôi của người cho tất cả các thế-hệ." [Sê-la.

⁵"Các tầng trời sẽ ca-tụng các việc kỳ-diệu của Chúa, *Đức*
GIA-VÊ ôi;

Và sự thành-tín của Chúa cũng trong hội các người thánh.

⁶Vì ai trong các bầu trời có thể sánh với *Đức* *GIA-VÊ*?

Ai trong những con trai các thần giống như *Đức* *GIA-VÊ*,

⁷Một *Đức* Chúa TRỜI được kinh-sợ nhiều trong hội-đồng
các người thánh,

Và kính-khiếp hơn mọi kẻ ở xung-quanh Ngài?

⁸*GIA-VÊ* *Đức* Chúa TRỜI vạn-quân ôi, ai giống như
Chúa, ôi *Đức* *GIA-VÊ* phi-thường?

Sự thành-tín của Chúa cũng bao quanh Chúa.

⁹Chúa cai-trị sự phồng lên của biển;

Khi các sóng của nó nổi lên, Chúa khiến chúng đứng yên.

¹⁰Chính Chúa đã chà-nát Ra-háp¹⁾ như kẻ bị giết;

Chúa đã phân tán các kẻ thù Chúa bằng cánh tay mạnh-mẽ
của Chúa.

¹¹"Các tầng trời là của Chúa, trái đất cũng là của Chúa;
Thế gian và mọi thứ nó chứa, Chúa đã sáng-lập chúng.

¹²Phương bắc, phương nam, Chúa đã sáng-tạo chúng;
Tha-bô và Hết-môn la hét vì niềm vui ở danh Chúa.

¹³Chúa có một cánh tay với sức mạnh;

Bàn tay của Chúa mạnh-mẽ, bàn tay hữu của Chúa được
tôn cao.

¹⁴Sự công-chính và công-lý là nền-tảng của ngôi Chúa;
Sự ân-cần thương-yêu và lễ-thật đi trước mặt Chúa.

¹⁵Phước biết bao cho dân-tộc biết âm-thanh vui-vẻ!
Đức *GIA-VÊ* ôi, họ đi trong ánh-sáng của sắc mặt Chúa.

¹⁶Trong danh Chúa họ mừng-rỡ suốt ngày,
Và bởi sự công-chính của Chúa, họ được nâng cao.

¹⁷Vì Chúa là vinh-quang của sức mạnh họ,

Và bởi ân-huệ Chúa, sừng của chúng con được nâng cao.

¹⁸Vì cái khiên của chúng con thuộc về *Đức* *GIA-VÊ*,

Và vua chúng con *thuộc* về Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên.

¹⁹"Một lần Chúa đã phán bằng sự hiện-thấy cùng những
người thánh của Chúa,

Và đã phán: 'Ta đã ban sự giúp-đỡ cho kẻ mạnh-mẽ;

Ta đã nâng cao người được chọn từ dân-chúng.

²⁰Ta đã tìm thấy Đa-vít tôi-tớ của Ta;

Với dầu thánh của Ta, Ta đã xức cho người,

²¹Với người, bàn tay Ta sẽ được thiết-lập;

Cánh tay Ta cũng sẽ gia-cường người.

²²Kẻ thù sẽ không lừa-dối người,

Con trai có sự độc-ác ấy cũng không làm người đau-khổ.

²³Nhưng Ta sẽ chà-nát những kẻ địch của người trước mặt
người,

Và đánh hạ những kẻ ghét người.

¹Ai Cập

Thánh-thi 89.24-89.46

24 Sự thành-tín của Ta và sự ân-cần yêu-thương của Ta sẽ ở cùng người;

Trong danh Ta, sừng của người sẽ được nâng cao.

25 Ta cũng sẽ đặt bàn tay của người trên biển,
Và bàn tay hữu của người trên những con sông.

26 Người sẽ kêu cầu Ta: "Chúa là Cha của con,
Đức Chúa TRỜI của con, và tảng đá của sự cứu-rỗi của con."

27 Ta cũng sẽ lập người làm con đầu lòng của Ta,
Vì vua cao nhất trong các vua của trái đất.

28 Sự ân-cần thương-yêu của Ta, Ta sẽ giữ cho người mãi mãi,

Và giao-ước của Ta sẽ được xác-nhận cùng người.

29 Thế là Ta sẽ thiết-lập dòng-giống của người mãi mãi,
Và ngôi của người như những ngày của trời.

30 "Nếu những con trai của người bỏ luật-pháp Ta,
Không bước đi trong các phán quyết của Ta,

31 Nếu chúng làm ô-úế quy-chế của Ta,
Và không giữ các điều-răn của Ta,

32 Thì Ta sẽ viếng sự vi-phạm của chúng với cây roi,
Và sự gian-ác của chúng với các lần roi.

33 Nhưng Ta sẽ chẳng cất đi sự ân-cần thương-yêu của Ta khỏi người,

Cũng không đối-xử sai-lầm trong sự thành-tín của Ta.

34 Giao-ước của Ta, Ta sẽ không làm ô-úế,
Ta cũng sẽ chẳng đổi lời thốt ra của những môi Ta.

35 Một lần Ta đã thề bằng sự thánh của Ta;
Ta sẽ không nói dối cùng Đa-vít.

36 Dòng-giống người sẽ phải tồn-tại mãi mãi,
Và ngôi của người như mặt trời trước mặt Ta.

37 Nó sẽ được bền-vững mãi mãi như mặt trăng,
Và chúng có trong bầu trời là thành-tín." [Sê-la.]

38 "Nhưng Chúa đã loại đi và bác bỏ,
Chúa đã đẩy con thịnh-nộ chống lại người được xúc dầu của Chúa.

39 Chúa đã chà đạp giao-ước của tôi-tớ của Chúa;
Chúa đã làm ô-úế mào triều của người đến tận mặt đất⁽¹⁾.

40 Chúa đã đánh đổ mọi vách tường của người;
Chúa đã biến các đôn-lũy của người thành phế-tích.

41 Mọi người đi dọc đường đều cướp-giựt người;
Người đã thành một sự si-nhục cho những kẻ láng-giềng của người.

42 Chúa đã nâng cao bàn tay hữu của những kẻ địch của người;

Chúa đã làm cho tất cả các kẻ thù của người mừng-tỡ.

43 Chúa cũng đã quay lại lưỡi gươm của người,
Và đã chẳng làm người đứng nổi trong chiến-trận.

44 Chúa đã làm cho sự trong sáng của người ngưng lại,
Và đã ném ngôi của người xuống đất.

45 Chúa đã rút ngắn các ngày của tuổi trẻ của người;
Chúa đã bao-phủ người với sự si-nhục." [Sê-la.]

46 "Bao lâu, *Đức* GIA-VÊ ôi?

Chúa sẽ ẩn mình mãi mãi chẳng?

Con thịnh-nộ của Chúa sẽ cháy như lửa chẳng?

Psalms 89.24-89.46

24 And My faithfulness and My lovingkindness will be with him,

And in My name his horn will be exalted.

25 I shall also set his hand on the sea,
And his right hand on the rivers.

26 He will cry to Me, "Thou art my Father,
My God, and the rock of my salvation."

27 I also shall make him My first-born,
The highest of the kings of the earth.

28 My lovingkindness I will keep for him forever,
And My covenant shall be confirmed to him.

29 So I will establish his seed forever,
And his throne as the days of heaven.

30 "If his sons forsake My law,
And do not walk in My judgments,

31 If they profane My statutes,
And do not keep My commandments,

32 Then I will visit their transgression with the rod,
And their iniquity with stripes.

33 But I will not break off My lovingkindness from him,
Nor deal falsely in My faithfulness.

34 My covenant I will not profane,
Nor will I alter the utterance of My lips.

35 Once I have sworn by My holiness;
I will not lie to David.

36 His seed shall endure forever,
And his throne as the sun before Me.

37 It shall be established forever like the moon,
And the witness in the sky is faithful." [Selah.]

38 "But Thou hast cast off and rejected,
Thou hast been full of wrath against Thine anointed.

39 Thou hast spurned the covenant of Thy servant;
Thou hast profaned his crown to the ground.

40 Thou hast broken down all his walls;
Thou hast brought his strongholds to ruin.

41 All who pass along the way plunder him;
He has become a reproach to his neighbors.

42 Thou hast exalted the right hand of his adversaries;
Thou hast made all his enemies rejoice.

43 Thou dost also turn back the edge of his sword.
And hast not made him stand in battle.

44 Thou hast made his clearness to cease,
And cast his throne to the ground.

45 Thou hast shortened the days of his youth;
Thou hast covered him with shame. [Selah.]

46 "How long, O YHWH?

Wilt Thou hide Thyself forever?

Will Thy wrath burn like fire?

¹hay: bằng việc quăng nó xuống bụi-đất

Psalms 89.47-90.10

47Remember what my span of life is;
For what vanity Thou hast created all the sons of men!
48What man can live and not see death?
Can he deliver his soul from the hand of Sheol? [Selah.

49"Where are Thy former lovingkindness, O Lord,
Which Thou didst swear to David in Thy faithfulness?
50Remember, O Lord, the reproach of Thy servants;
How I do bear in my bosom *the reproach* of all the many
peoples,
51With which Thine enemies have reproached,
O YHWH,
With which they have reproached the footsteps of Thine
anointed."

52Blessed be YHWH forever!
Amen and Amen.

Book IV Psalms 90.1-106.48

PSALM 90

1"Lord, Thou hast been our dwelling place in all
generations.

2Before the mountains were born,
Or Thou didst give birth to the earth and the world,
Even from everlasting to everlasting, Thou art God.

3"Thou dost turn man back into dust,
And dost say, 'Return, O children of men.'

4For a thousand years in Thy sight
Are like yesterday when it passes by,
Or *as* a watch in the night.

5Thou hast swept them away like a flood, they became
asleep;

In the morning they are like grass which passes away.

6In the morning it flourishes and passes away;
Toward evening it fades, and withers away.

7"For we have been consumed by Thine anger,
And by Thy wrath we have been terrified.

8Thou hast placed our iniquities before Thee,
Our secret *sins* in the light of Thy presence.

9"For all our days have declined in Thy fury;
We have finished our years like a sigh.

10As for the days of our life, they contain seventy years,
Or if due to strength, eighty years,
Yet their pride is but labor and sorrow;
For soon it is gone and we fly away.

Thánh-thi 89.47-90.10

47Xin nhớ quãng đời của con là gì;
Vì hư-không nào Chúa đã sáng-tạo mọi con trai loài
người!

48Người gì có thể sống mà không thấy sự chết?
Hắn có thể giải-thoát hồn hắn khỏi tay Âm-phủ sao?

[Sê-la.

49"Sự ân-cần thương-yêu xưa của Chúa ở đâu, Chúa ôi,
Mà Chúa đã thề cùng Đa-vít trong sự thành-tín của Chúa?

50Xin nhớ, Chúa ôi, sự si-nhục của các tôi-tớ của Chúa;
Làm thế nào con mang trong ngực con *sự si-nhục* từ tất cả
nhiều dân-tộc,

51Mà những kẻ thù Chúa đã si-nhục *con*, Đức GIA-VÊ ôi,
Mà chúng đã si-nhục các bước đi của đáng được xúc-dầu
của Chúa."

52Đức GIA-VÊ đáng được chúc-tụng mãi mãi!
A-men và A-men.

Quyển Thứ Tư Thánh-Thi 90.1-106.48

THÁNH-THI 90

*Đức Chúa TRỜI đời đời; còn đời người thì tạm và chóng
qua (Bài này cũ nhất trong các thánh-thi)*

Người viết: Môi-se; người của Đức Chúa TRỜI

1"Chúa ôi, lâu nay Chúa là nơi ở của chúng con trong mọi
thế-hệ.

2Trước khi các núi-non được sanh ra,
Hay *trước* khi Chúa đã sanh ra trái đất và thế gian,
Túc là từ vô-cùng cho đến vô-cùng,
Chúa là Đức Chúa TRỜI.

3"Chúa khiến loài người thành bụi đất lại,
Và phán: 'Hãy trở lại, hỡi con cái của loài người.'

4Vì 1 ngàn năm trong cái nhìn của Chúa
Như ngày hôm qua khi nó qua đi,
Hoặc như một canh trong đêm.

5Chúa đã cuốn chúng đi như nước lụt, chúng đã ngủ thiếp;
Vào buổi sáng, chúng như cỏ chết đi.

6Vào buổi sáng, nó mọc sum-sê rồi héo đi;
Về chiều tối, nó tàn và héo đi.

7"Vì chúng con đã bị thiêu-đốt bởi cơn giận của Chúa,
Và vì sự phẫn-nộ của Chúa, chúng con đã bị khiếp-đam.

8Chúa đã đặt các điều ác của chúng con trước mặt Chúa,
Các tội bí-mật của chúng con trong ánh-sáng của sự hiện-
diện của Chúa.

9"Vì tất cả các ngày chúng con đã bị suy tàn trong cơn
thạnh-nộ của Chúa;
Chúng con đã kết-thúc các năm của chúng con như một
hơi thở dài.

10Còn các ngày của đời chúng con, chúng có 70 năm,
Hay nếu do sức khỏe, thì 80 năm,
Tuy nhiên niềm hãnh-diện của chúng chỉ là lao-khở và
buồn-thảm;

Vì một thoáng nó đi mất và chúng con bay đi.

Thánh-thi 90.11-91.13

11 Ai hiểu được quyền-năng của cơn giận của Chúa,
Và sự thịnh-nộ của Chúa, theo sự kinh-sợ đáng dành cho Chúa?

12 Vì vậy, xin dạy chúng con đếm các ngày của chúng con,
Để chúng con có thể dâng cho Chúa một tâm-lòng có sự khôn-ngoan.

13 Xin trở lại, *Đức* GIA-VÊ ôi; bao lâu sẽ là vậy?
Và xin lấy làm buồn cho các tôi-tớ của Chúa.

14 Ôi! Xin thỏa mãn chúng con vào buổi sáng với sự ân-cần thương-yêu của Chúa,
Để chúng con có thể ca-hát vì niềm vui và được vui-về tất cả các ngày của chúng con.

15 Xin làm cho chúng con được vui-về y theo các ngày Chúa đã làm khổ chúng con,
Các năm chúng con đã thấy rắc-rối.

16 Xin để công-việc của Chúa lộ ra cho các tôi-tớ Chúa,
Và sự oai-nghiêm của Chúa cho con cái của họ;

17 Và xin ân-huệ của Chúa, *Đức* Chúa TRỜI của chúng con, ở trên chúng con.

Và xin xác-nhận cho chúng con công-việc của bàn tay chúng con;

Phải, xin tái xác-nhận công-việc của bàn tay chúng con."

THÁNH-THI 91

Sự an-toàn của người trông-cậy Đức Chúa TRỜI

Người viết: Vô-danh

1 Kê ngụ trong chỗ nương-náu của Đấng Chí Cao
Sẽ ở trong bóng của Đấng Toàn-năng,

2 Ta sẽ thưa cùng *Đức* GIA-VÊ: "Nơi ẩn-trú của con và đồn-lũy của con,

Đức Chúa Trời của con, nơi *Chúa* con trông-cậy!"

3 Vì Ngài là Đấng giải-thoát người khỏi cái bẫy của kẻ đánh bẫy,

Và khỏi bệnh dịch chết người.

4 Ngài sẽ bao-phủ người với các lông cánh của Ngài,
Và dưới các cánh của Ngài người có thể tìm nơi ẩn-trú;
Sự thành-tín của Ngài là cái khiên và thành-lũy.

5 Người sẽ chẳng sợ sự khùng-khiếp ban đêm,
Hoặc sợ mùi tên bay ban ngày;

6 Sợ dịch-hạch rình rập trong tối-tăm,
Hay sợ hủy-hoại tàn-phá giữa trưa.

7 Một ngàn người có thể ngã bên cạnh người,
Và mười ngàn người bên tay hữu của người;

Nhưng nó sẽ không đến gần người.

8 Người sẽ chỉ ngó bằng con mắt của người,
Và thấy sự báo-trả những kẻ độc-ác.

9 Vì người đã làm *Đức* GIA-VÊ, nơi ẩn-náu của ta,
Tức là Đấng Chí Cao, thành chỗ ở của người.

10 Không có một điều xấu nào sẽ xảy ra cho người,
Cũng sẽ chẳng có một ôn-dịch nào đến gần lều của người.

11 Vì Ngài sẽ giao trách-nhiệm cho các thiên-sứ của Ngài về người,
Để gìn-giữ người trong tất cả các đường-lối của người.

12 Họ sẽ ẩm người lên trong các tay của họ,
E người đập bàn chân của người vào hòn đá chẳng.

13 Người sẽ bước đi trên sư-tử và rắn hổ-mang;
Sư-tử tờ và rắn, người sẽ giẫm đạp xuống.

Psalms 90.11-91.13

11 Who understands the power of Thine anger,
And Thy fury, according to the fear that is due Thee?

12 So teach us to number our days,
That we may present to Thee a heart of wisdom.

13 Do return, O YHWH; how long will it be?
And be sorry for Thy servants.

14 O satisfy us in the morning with Thy lovingkindness,
That we may sing for joy and be glad all our days.

15 Make us glad according to the days Thou hast afflicted us,
And the years we have seen trouble.

16 Let Thy work appear to Thy servants,
And Thy majesty to their children.

17 And let the favor of the Lord our God be upon us;
And do confirm for us the work of our hands;
Yes, reconfirm the work of our hands."

PSALM 91

1 He who dwells in the shelter of the Most High
Will abide in the shadow of the Almighty.

2 I will say to YHWH, "My refuge and my fortress,
My God, in whom I trust!"

3 For it is He who delivers you from the snare of the trapper,
And from the deadly pestilence.

4 He will cover you with His pinions,
And under His wings you may seek refuge;
His faithfulness is a shield and bulwark.

5 You will not be afraid of the terror by night,
Or of the arrow that flies by day;

6 Of the pestilence that stalks in darkness,
Or of the destruction that lays waste at noon,

7 A thousand may fall at your side,
And ten thousand at your right hand;

But it shall not approach you.

8 You will only look on with your eyes,
And see the recompense of the wicked.

9 For you have made YHWH, my refuge,
Even the Most High, your dwelling place.

10 No evil will befall you,
Nor will any plague come near your tent.

11 For He will give His angels charge concerning you,
To guard you in all your ways.

12 They will bear you up in their hands,
Lest you strike your foot against a stone.

13 You will tread upon the lion and cobra,
The young lion and the serpent you will trample down.

Psalms 91.14-93

14"Because he has loved Me, therefore I will deliver him; I will set him *securely* on high, because he has known My name.

15He will call upon Me, and I will answer him; I will be with him in trouble; I will rescue him, and honor him.

16With a long life I will satisfy him; And let him behold My salvation."

PSALM 92

1"It is good to give thanks to YHWH,
And to sing praises to Thy name, O Most High;
2To declare Thy lovingkindness in the morning,
And Thy faithfulness by night,
3Upon the ten-stringed lute, and upon the harp;
Upon resounding music by means of the lyre.
4For Thou, O YHWH, hast made me glad by what Thou hast done,
I will sing for joy at the works of Thy hands.

5"How great are Thy works, O YHWH!
Thy thoughts are very deep.
6A senseless man has no knowledge;
Nor does a stupid man understand this:
7That when the wicked sprouted up like grass,
And all who did iniquity flourished,
It was *only* that they might be destroyed forevermore.
8But Thou, O YHWH, art on high forever.
9For, behold, Thine enemies, O YHWH,
For, behold, Thine enemies will perish;
All who do iniquity will be scattered.

10"But Thou hast exalted my horn like *that of* the wild ox;
I have been anointed with fresh oil.
11And my eye has looked *exultantly* upon my foes,
My ears hear of the evildoers who rise up against me."

12The righteous man will sprout like the palm tree,
He will grow like a cedar in Lebanon.
13Planted in the house of YHWH,
They will flourish in the courts of our God.
14They will still yield fruit in old age;
They shall be full of sap and very green,
15To declare that YHWH is upright;
He is my rock, and there is no unrighteousness in Him.

PSALM 93

Thánh-thi 91.14-93

14"Bởi vì người đã yêu Ta, nên Ta sẽ giải-thoát người;
Ta sẽ đặt người nơi cao, bởi vì người đã biết danh Ta.
15Người sẽ kêu-cầu Ta, và Ta sẽ trả lời người;
Ta sẽ ở cùng người trong sự phiền-hà;
Ta sẽ giải-cứu người, và tôn-vinh người.
16Với một cuộc đời lâu dài, Ta sẽ làm thỏa-mãn người;
Và cho người xem sự cứu-rỗi của Ta."

THÁNH-THI 92

Ca-ngợi sự tốt-lành của Đức GIA-VÊ
Người viết: Vô-danh

1"Áy là tốt để tạ ơn Đức GIA-VÊ,
Và để hát các lời ca-tụng danh Chúa, Đấng Chí Cao ôi;
2Để tuyên-bổ sự ân-cần thương-yêu của Chúa vào buổi sáng,
Và sự thành-tín của Chúa lúc ban đêm
3Bằng đàn luyt mười dây⁽¹⁾, và bằng hạc-cầm;
Bằng việc vang lên âm-nhạc bởi thất-huyền cầm.
4Vì Chúa, Đức GIA-VÊ ôi, đã làm cho con vui-vẻ bởi điều Chúa đã làm,
Con sẽ ca-hát vì niềm vui ở các việc làm của những bàn tay Chúa.

5"Lớn biết bao là các việc làm của Chúa, Đức GIA-VÊ ôi!
Các tư-tưởng của Chúa rất sâu-sắc.
6Người điên-rồ không có một kiến-thức gì;
Kẻ ngu-đần cũng không hiểu được điều này:
7Rằng khi các kẻ độc-ác đã mọc lên như cỏ,
Và mọi kẻ đã làm điều ác đã phát-đạt,
Áy chi để chúng có thể bị diệt mãi mãi.
8Nhưng, Chúa, Đức GIA-VÊ ôi, ở trên cao mãi mãi.
9Vì kia, các kẻ thù của Chúa, Đức GIA-VÊ ôi,
Vì kia, các kẻ thù của Chúa sẽ diệt-vong;
Mọi kẻ làm ác sẽ bị tán-lạc,

10"Nhưng Chúa đã nâng sừng của con lên như *sừng* con bò rừng;
Con đã được xúc dầu mới.
11Và con mắt của con đã *vui* nhìn các kẻ thù của con,
Các lỗ tai của con nghe về những kẻ làm điều xấu chối lên chống lại con."

12Người công-chính sẽ phát-triển mạnh như cây cọ-bò,
Người sẽ tăng-trưởng như cây tuyết-tùng ở Li-ban.
13Được trồng trong đền Đức GIA-VÊ,
Họ sẽ phát-triển trong các sân của Đức Chúa TRỜI chúng con.
14Họ sẽ còn sinh quả trong tuổi già;
Họ sẽ phải đầy nhựa và rất xanh-tươi,
15Để tuyên-bổ rằng Đức GIA-VÊ là chính-trực;
Ngài là tảng đá của ta, và chẳng có một sự bất-chính nào ở trong Ngài.

THÁNH-THI 93

Sự oai-nghi của Đức GIA-VÊ
Người viết: Vô-danh

¹nhạc-cụ dây, thân hình trái lê, đánh đàn bằng cách gảy ngón tay

Thánh-thi 93.1-94.16

¹*Đức* GIA-VÊ tri-vi, Ngài mặc lấy sự oai-nghi;
Đức GIA-VÊ đã mặc và nai nịt Ngài sức mạnh;
Quả thật, thế gian được lập vững-chắc, nó sẽ không bị di-
chuyển.

²Ngôi của Chúa được lập từ xưa;
Chúa là từ đời đời.

³Nước lụt đã nổi lên, *Đức* GIA-VÊ ôi,
Nước lụt đã trở lên tiếng của chúng;
Nước lụt nổi lên các ngọn sóng vỗ của chúng.

⁴Hơn các tiếng động của nhiều lũ nước,
Hơn các sóng vỗ của biển-cả,
Đức GIA-VÊ trên cao là mạnh-mẽ.

⁵Các chứng-cớ của Chúa đều được xác-nhận đầy-đủ;
Sự thánh thích-đáng đền Chúa, *Đức* GIA-VÊ ôi, mãi mãi."

THÁNH-THI 94

Sự cầu-khẩn Đức GIA-VÊ báo thù kẻ thù-nghịch của dân Ngài

Người viết: Vô-danh

¹*Đức* GIA-VÊ ôi, *Đức* Chúa TRỜI có sự báo thù;
Đức Chúa TRỜI có sự báo-thù ôi, xin tỏ sáng.

²Xin chỗi-dậy, Quan-án của trái đất ôi;
Xin báo-trả những kẻ kiêu-ngạo.

³Bao lâu những kẻ độc-ác sẽ, *Đức* GIA-VÊ ôi,
Bao lâu những kẻ độc-ác sẽ hân-hoan?

⁴"Chúng tuôn ra *các lời*, chúng nói một cách kiêu-căng;
Mọi kẻ làm điều độc-ác đều tự khoe-khoang.

⁵Chúng chà-nát dân của Chúa, *Đức* GIA-VÊ ôi,
Và làm khổ tài sản riêng của Chúa.

⁶Chúng giết đàn-bà góa và kẻ lạ,
Và giết những kẻ mồ-côi.

⁷Và chúng đã nói: '*Đức* GIA-VÊ không thấy,
Đức Chúa TRỜI của Gia-cốp cũng không để ý.'"

⁸Hãy để ý, các người những kẻ điên-rồ ở giữa dân-chúng;
Và khi nào các người sẽ hiểu, hỏi những kẻ ngu-dốt?

⁹Đấng đã gắn lỗ tai, há Ngài chẳng nghe sao?
Đấng đã nắn con mắt, há Ngài chẳng thấy sao?

¹⁰Đấng trừng-phạt các quốc-gia, há Ngài sẽ không quờ-
trách,

Tức là Đấng dạy loài người kiến-thức?

¹¹*Đức* GIA-VÊ biết tư-tưởng của loài người,
Biết chúng chỉ là một hơi-thở.

¹²"Phước cho người mà Chúa sửa phạt, *Đức* GIA-VÊ ôi,
Và dạy rõ về luật-pháp của Chúa;

¹³Đề Chúa có thể ban cho người sự cứu-trợ khỏi các ngày
khổ nạn,

Cho đến khi một cái hố được đào cho những kẻ độc-ác.

¹⁴Vì *Đức* GIA-VÊ sẽ chẳng từ-bỏ dân Ngài,
Ngài cũng chẳng bỏ rơi tài sản riêng của Ngài.

¹⁵Vì sự xét-đoan một lần nữa sẽ là công-chính;
Và tất cả những người ngay thẳng trong tâm sẽ theo nó.

¹⁶"Ai sẽ đứng thẳng vì con để chống lại các kẻ làm xấu?
Ai sẽ đứng vững vì con để chống những kẻ làm điều ác?

Psalms 93.1-94.16

¹YHWH reigns, He is clothed with majesty;
YHWH has clothed and girded Himself with strength;
Indeed, the world is firmly established, it will not be
moved.

²Thy throne is established from of old;
Thou art from everlasting.

³The floods have lifted up, O YHWH,
The floods have lifted up their voice;
The floods lift up their pounding waves.

⁴More than the sounds of many waters,
Than the mighty breakers of the sea,
YHWH on high is mighty.

⁵Thy testimonies are fully confirmed;
Holiness befits Thy house, O YHWH, forevermore."

PSALM 94

¹O YHWH, God of vengeance;
God of vengeance, shine forth.

²Rise up, O Judge of the earth;
Render recompense to the proud.

³How long shall the wicked, O YHWH,
How long shall the wicked exult?

⁴"They pour forth words, they speak arrogantly;
All who do wickedness vaunt themselves.

⁵They crush Thy people, O YHWH,
And afflict Thy heritage.

⁶They slay the widow and the stranger,
And murder the orphans.

⁷And they have said, 'YHWH does not see,
Nor does the God of Jacob pay heed.'"

⁸Pay heed, you senseless among the people;
And when will you understand, stupid ones?

⁹He who planted the ear, does He not hear?
He who formed the eye, does He not see?

¹⁰He who chastens the nations, will He not rebuke,
Even He who teaches man knowledge?

¹¹YHWH knows the thoughts of man,
That they are a mere breath.

¹²"Blessed is the man whom Thou dost chasten, O
YHWH,

And dost teach out of Thy law;

¹³That Thou mayest grant him relief from the days of
adversity,

Until a pit is dug for the wicked.

¹⁴For YHWH will not abandon His people,
Nor will He forsake His inheritance.

¹⁵For judgment will again be righteous;
And all the upright in heart will follow it.

¹⁶"Who will stand up for me against evildoers?
Who will take his stand for me against those who do
wickedness?

Psalms 94.17-96

17If YHWH had not been my help,
My soul would soon have dwelt in the abode of silence.
18If I should say, "My foot has slipped,"
Thy lovingkindness, O YHWH, will hold me up.
19When my anxious thoughts multiply within me,
Thy consolations delight my soul.
20Can a throne of destruction be allied with Thee,
One which devises mischief by decree?"
21They band themselves together against the life of the
righteous,
And condemn the innocent to death.
22But YHWH has been my stronghold,
And my God the rock of my refuge.
23And He has brought back their wickedness upon them,
And will destroy them in their evil;
YHWH our God will destroy them.

PSALM 95

1O come, let us sing for joy to YHWH;
Let us shout joyfully to the rock of our salvation.
2Let us come before His presence with thanksgiving;
Let us shout joyfully to Him with songs.
3For YHWH is a great God,
And a great King above all gods,
4In whose hand are the depths of the earth;
The peaks of the mountains are His also.
5Who has the sea, for it was He who made it;
And His hands formed the dry land.

6Come, let us worship and bow down;
Let us kneel before YHWH our Maker.
7For He is our God,
And we are the people of His pasturing, and the sheep of
His hand.
Today, if you would hear His voice,

8Do not harden your hearts, as at Meribah,
As in the day of Massah in the wilderness;
9"When your fathers tested Me,
They tried Me, though they had seen My work.
10For forty years I loathed that generation,
And said they are a people who err in their heart,
And they do not know My ways.
11Therefore I swore in My anger,
Truly they shall not enter into My rest."

PSALM 96

Thánh-thi 94.17-96

17Nếu Đức GIA-VÊ đã chẳng giúp-đỡ con lâu nay,
Thì hồn con đã sớm ở trong chỗ nín-lặng.
18Nếu con từng nói: "Bàn chân tôi đã trượt,"
Thì sự ân-cần thương-yêu của Chúa, Đức GIA-VÊ ôi, sẽ
đỡ con lên.
19Khi các tư-tưởng lo-âu của con nhân lên ở trong con,
Thì các lời an-ùi của Chúa làm hồn con vui-thích.
20Há cái ngai hủy hoại lại có thể liên-kết được với Chúa,
Là kẻ chế ra điều tác-hại bằng sắc-lệnh sao?"
21Chúng đã tự lập đảng chống mạng người công-chính,
Và kết-án tử-hình kẻ vô-tội.
22Nhưng Đức GIA-VÊ là đồn-lũy của tôi lâu nay,
Và Đức Chúa TRỜI của tôi là tảng-đá của nơi ẩn-náu của
tôi.
23Và Ngài đã đem sự độc-ác của chúng đổ lại trên chúng,
Và sẽ hủy-diệt chúng trong điều xấu-xa của chúng;
GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI của chúng ta sẽ hủy-diệt chúng.

THÁNH-THI 95

Ca-tụng Đức GIA-VÊ và cảnh-cáo sự không tin
Người viết: Đa-vít

1Hãy đến, chúng ta hãy hát vì niềm vui cho Đức GIA-VÊ;
Chúng ta hãy reo-hò đầy vui-vẻ cho tảng đá của sự cứu-rỗi
của chúng ta.
2Chúng ta hãy đến trước sự hiện-diện của Ngài với lời
cảm-tạ;
Chúng ta hãy reo-hò đầy vui-vẻ cho Ngài với các bài ca.
3Vì Đức GIA-VÊ là một Đức Chúa TRỜI vĩ-đại,
Một vì Vua vĩ-đại trên tất cả các thần,
4Trong tay Ngài là các vực của trái đất;
Những đỉnh núi cũng là của Ngài.
5Ai có biển, vì chính Ngài đã làm ra nó;
Và các bàn tay của Ngài đã tạo-thành đất khô.

6Hãy đến, chúng ta hãy thờ-lạy và sấp mình;
Chúng ta hãy qui gối trước mặt Đức GIA-VÊ Đấng Tạo-
Hóa của chúng ta.
7Vì Ngài là Đức Chúa TRỜI của chúng ta,
Và chúng ta là dân mà Ngài chăn, và là chiên của bàn tay
Ngài.
Hôm nay, nếu các người nghe tiếng của Ngài,

8Chớ làm tâm của các người cứng lại, như tại Mê-ri-ba,
Như trong ngày ở Ma-sa trong vùng hoang-vu;
9"Khi tô-phụ của các người đã thử nghiệm Ta,
Chúng đã thử Ta, dầu chúng đã thấy việc-làm của Ta.
10Trong 40 năm Ta đã ghê-tôm thế-hệ đó,
Và đã phán chúng là một dân làm sai trong tâm chúng,
Và chúng chẳng biết các đường-lối của Ta.
11Vì thế Ta đã thề trong cơn giận của Ta,
Quả thật chúng sẽ không vào trong sự yên-nghi của Ta."

THÁNH-THI 96

Lời kêu-gọi thờ-phượng Đức GIA-VÊ vị thẩm-phán
công-chính
Người viết: Có lẽ là Đa-vít bởi vì thánh-thi này rất giống
bài hát ca-tụng của Đa-vít trong 1 Sử ký 16.23-36.

Thánh-thi 96.1-97.7

¹Hãy hát cho Đức GIA-VÊ nghe một bài ca mới;
Hãy hát cho Đức GIA-VÊ, hồi tất cả trái đất.
²Hãy hát cho Đức GIA-VÊ, hãy chúc-tụng danh Ngài;
Hãy công-bổ tin lành về sự cứu-rỗi của Ngài từ ngày này
qua ngày nọ.
³Hãy nói về sự vinh-quang của Ngài ở giữa các quốc-gia,
Các việc kỳ-diệu của Ngài ở giữa mọi dân-tộc.
⁴Vì vĩ-đại là Đức GIA-VÊ, và cao-cả thay để được ca-
tụng;
Ngài phải được kinh-sợ trên tất cả các thần.
⁵Vì tất cả các thần của các dân-tộc đều là các hình-tượng,
Nhưng Đức GIA-VÊ đã dựng-nên các tầng trời.
⁶Sự huy-hoàng và oai-nghi ở trước mặt Ngài,
Sức mạnh và vẻ đẹp ở trong nơi thánh của Ngài.

⁷Hãy quy cho Đức GIA-VÊ, ôi các gia-đình trong các
dân-tộc,
Hãy quy cho Đức GIA-VÊ vinh-quang và sức mạnh.
⁸Hãy quy cho Đức GIA-VÊ vinh-quang của danh Ngài;
Hãy đem của-lễ, và vào trong các sân của Ngài.
⁹Hãy thờ-lạy Đức GIA-VÊ trong trang phục thánh;
Hãy run-sợ trước mặt Ngài, hồi tất cả trái đất.

¹⁰Hãy nói ở giữa các quốc-gia: "Đức GIA-VÊ trị-vì;
Quả thật, thế gian được lập vững-bền, nó sẽ chẳng bị xê-
dịch;
Ngài sẽ phán-xét các dân-tộc với vô-tư."

¹¹Các tầng trời hãy vui-vẻ, và trái đất hãy mừng-rỡ;
Biển hãy rống, và mọi thứ mà nó chứa;
¹²Cánh đồng hãy hân-hoan, và mọi thứ ở trong nó.
Rồi mọi cây-cỏ trong rừng sẽ hát vì niềm vui
¹³Trước mặt Đức GIA-VÊ, vì Ngài đang đến;
Vì Ngài đang đến để phán-xét trái đất.
Ngài sẽ phán-xét thế gian trong sự công-chính,
Và các dân trong sự trung-tín của Ngài.

THÁNH-THI 97

Quyền-năng và sự thống-trị của Đức GIA-VÊ
Người viết: Vô-danh

¹Đức GIA-VÊ trị-vì; trái đất hãy mừng-rỡ;
Nhiều cù-lao ấy hãy vui-vẻ.
²Những đám mây và sự tối-tăm dày-đặc bao quanh Ngài;
Sự công-chính và công-lý là nền tảng của ngôi Ngài.
³Lửa đi trước mặt Ngài,
Và thiêu rụi những cừu-địch của Ngài chung quanh.
⁴Các ánh chớp của Ngài đã chiếu sáng thế gian;
Trái đất đã thấy và đã run-rẩy.
⁵Các núi tan-chảy như sáp ở sự hiện-diện của Đức GIA-
VÊ,
Ở sự hiện-diện của Chúa của toàn-thế trái đất.
⁶Các tầng trời công-bổ sự công-chính của Ngài,
Và mọi dân-tộc ấy đã thấy vinh-quang của Ngài.
⁷Nguyện mọi kẻ ấy, những kẻ hầu các tượng chạm bị hồ-
thẹn,
Những kẻ tự khoe mình về các hình-tượng;
Hãy thờ-lạy Ngài, hồi tất cả các người những thần.

Psalms 96.1-97.7

¹Sing to YHWH a new song;
Sing to YHWH, all the earth.
²Sing to YHWH, bless His name;
Proclaim good tidings of His salvation from day to day.
³Tell of His glory among the nations,
His wonderful deeds among all the peoples.
⁴For great is YHWH, and greatly to be praised;
He is to be feared above all gods.
⁵For all the gods of the peoples are idols,
But YHWH made the heavens.
⁶Splendor and majesty are before Him,
Strength and beauty are in His sanctuary.

⁷Ascribe to YHWH, O families of the peoples,
Ascribe to YHWH glory and strength.
⁸Ascribe to YHWH the glory of His name;
Bring an offering, and come into His courts.
⁹Worship YHWH in holy attire;
Tremble before Him, all the earth.

¹⁰Say among the nations, "YHWH reigns;
Indeed, the world is firmly established, it will not be
moved;
He will judge the peoples with equity."

¹¹Let the heavens be glad, and let the earth rejoice;
Let the sea roar, and all it contains;
¹²Let the field exult, and all that is in it.
Then all the trees of the forest will sing for joy
¹³Before YHWH, for He is coming;
For He is coming to judge the earth.
He will judge the world in righteousness,
And the peoples in His faithfulness.

PSALM 97

¹YHWH reigns; let the earth rejoice;
Let the many islands be glad.
²Clouds and thick darkness surround Him;
Righteousness and justice are the foundation of His
throne.
³Fire goes before Him,
And burns up His adversaries round about.
⁴His lightnings lit up the world;
The earth saw and trembled.
⁵The mountains melted like wax at the presence of
YHWH,
At the presence of the Lord of the whole earth.
⁶The heavens declare His righteousness,
And all the peoples have seen His glory.
⁷Let all those be ashamed who serve graven images,
Who boast themselves of idols;
Worship Him, all you gods.

Psalms 97.8-99.1

8"Zion hears and is glad,
And the daughters of Judah have rejoiced
Because of Thy judgments, O YHWH.
9For Thou art YHWH, Most High over all the earth;
Thou art exalted far above all gods."

10Hate evil, you who love YHWH,
Who preserves the souls of His godly ones;
He delivers them from the hand of the wicked.
11Light is sown like seed for the righteous,
And gladness for the upright in heart.
12Be glad in YHWH, you righteous ones;
And give thanks to His holy name.

PSALM 98

1O sing to YHWH a new song,
For He has done wonderful things,
His right hand and His holy arm have gained the victory
for Him.
2YHWH has made known His salvation;
He has revealed His righteousness in the sight of the
nations.
3He has remembered His lovingkindness and His
faithfulness to the house of Israel;
All the ends of the earth have seen the salvation of our
God.

4Shout joyfully to YHWH, all the earth;
Break forth and sing for joy and sing praises.
5Sing praises to YHWH with the lyre;
With the lyre and the sound of melody.
6With trumpets and the sound of the horn
Shout joyfully before the King, YHWH.

7Let the sea roar and all it contains,
The world and those who dwell in it.
8Let the rivers clap their hands;
Let the mountains sing together for joy
9Before YHWH; for He is coming to judge the earth;
He will judge the world with righteousness,
And the peoples with equity.

PSALM 99

1YHWH reigns, let the peoples tremble;
He is enthroned above the cherubim, let the earth shake!

Thánh-thi 97.8-99.1

8"Si-ôn nghe và vui-vẻ,
Và những con gái của Giu-đa đã mừng-rỡ
Bởi có sự phán-xét của Chúa, Đức GIA-VÊ ôi.
9Vì Chúa là Đức GIA-VÊ, Đấng Chí Cao trên khắp trái
đất;
Chúa được nâng cao xa ở bên trên tất cả các thần."

10Hãy ghét điều xấu-xa, các ngươi những kẻ yêu Đức
GIA-VÊ,
Đấng bảo-quản hồn của những người tin-kính;
Ngài giải-thoát họ khỏi tay kẻ ác.
11Ánh-sáng được gieo cho người công-chính,
Và sự vui-mừng cho kẻ ngay-thắng trong tâm.
12Hãy vui-vẻ trong Đức GIA-VÊ, các ngươi những người
công-chính;
Và hãy tạ ơn danh thánh Ngài.

THÁNH-THI 98

*Một kêu gọi ca-ngợi Đức GIA-VÊ vì sự công-chính của
Ngài*

Người viết: Vô-danh

1Ôi, hãy hát cho Đức GIA-VÊ một bài ca mới;
Vì Ngài đã làm các việc kỳ-diệu,
Tay hữu Ngài và cánh tay thánh Ngài đã thu được chiến-
thắng cho Ngài.
2Đức GIA-VÊ đã làm cho biết sự cứu-rỗi của Ngài;
Ngài đã lộ ra sự công-chính của Ngài trong cái nhìn của
các quốc-gia.
3Ngài đã nhớ lại sự ân-cần thương-yêu của Ngài và sự
thành-tín của Ngài đối với nhà của Y-sơ-ra-ên;
Mọi đầu-cùng của trái đất đã thấy sự cứu-rỗi của Đức
Chúa TRỜI chúng ta.

4Hãy reo-hò vui-vẻ cho Đức GIA-VÊ, hỡi tất cả trái đất;
Hãy phá ra mà hát vì niềm vui và hát các lời ca-tụng.
5Hãy hát các lời ca-tụng cho Đức GIA-VÊ với thất-huyền-
cầm;
Với thất-huyền-cầm và với tiếng có âm-diệu du-dương.
6Với các kèn trom-bét và tiếng còi
Hãy reo-hò vui-vẻ trước mặt nhà Vua, Đức GIA-VÊ.

7Hãy để biển gầm rống cùng mọi thứ nó chứa,
Thế gian cùng những kẻ ở trong nó.
8Hãy để các sông vỗ tay của chúng;
Hãy để các núi cùng nhau hát vì niềm vui
9Trước mặt Đức GIA-VÊ; vì Ngài đang đến để phán-xét
trái đất;
Ngài sẽ phán-xét thế gian với sự công-chính,
Và các dân-tộc với tính vô-tư.

THÁNH-THI 99

*Ca-tụng Đức GIA-VÊ vì sự thành-tín của Ngài
đối với Y-sơ-ra-ên*

Người viết: Vô-danh

1Đức GIA-VÊ trị-vì, các dân-tộc hãy run-sợ;
Ngài ngự trên ngai ở bên trên những chê-rúp, trái đất khá
rung-động!

Thánh-thi 99.2-101.3

²Đức GIA-VÊ cao-cả trong Si-ôn,
Và Ngài được nâng cao trên tất cả các dân-tộc.
³"Xin để cho họ ca-tụng danh đáng sợ và cao-quý của Chúa";
Ngài là thánh.
⁴Và sức mạnh của nhà Vua yêu-mến công-lý;
Chúa đã lập vững-bền tính vô-tư;
Chúa đã thi-hành công-lý và sự công-chính trong Gia-cốp.
⁵Hãy tôn-cao GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI chúng ta,
Và hãy thờ-lạy nơi bệ chân Ngài;
Ngài là thánh.
⁶Môi-se và A-rôn đã ở giữa các thầy tế-lễ của Ngài,
Và Sa-mu-ên đã ở giữa những người đã cầu-khẩn danh Ngài;
Họ đã kêu-cầu Đức GIA-VÊ, và Ngài đã trả lời họ.
⁷Ngài đã phán với họ trong trụ mây;
Họ đã giữ các chứng-cớ của Ngài,
Và luật-lệ mà Ngài đã ban cho họ.
⁸"GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI của chúng con ôi, Chúa đã trả lời họ;
Chúa đã là một Đức Chúa TRỜI tha-thứ đối với họ,
Dẫu là một Đấng báo-thù các việc làm xấu-xa của họ."
⁹Hãy tôn-cao GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI của chúng ta,
Và hãy thờ-lạy nơi đồi thánh Ngài;
Vì GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI chúng ta là thánh.

THÁNH-THI 100

Mọi người nên ca-tụng Đức Chúa TRỜI
Người viết: Vô-danh

¹Hãy reo-hò vui-vẻ cho Đức GIA-VÊ, hết thảy trái đất.
²Hãy phụng-sự Đức GIA-VÊ với sự vui-mừng;
Hãy đến trước mặt Ngài với việc hát ca vui-vẻ.
³Hãy biết rằng chính Đức GIA-VÊ là Đức Chúa TRỜI;
Chính Ngài đã tạo ra chúng ta, và không phải chính chúng ta;
Chúng ta là dân của Ngài và là chiên của đồng-cỏ Ngài.
⁴Hãy vào các cổng của Ngài với sự tạ ơn,
Và các sân của Ngài với lời ca-tụng.
Hãy dâng lời tạ ơn tới Ngài; hãy chúc-tụng danh Ngài.
⁵Vì Đức GIA-VÊ là thiện;
Sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời,
Và sự thành-tín của Ngài dành cho mọi thế-hệ.

THÁNH-THI 101

Tác-giả quyết đi theo đường-lối không chỗ trách được
Người viết: Đa-vít

¹"Con sẽ ca-hát về sự ân-cần thương-yêu và công-lý,
Cho Chúa, Đức GIA-VÊ ôi, con sẽ ca hát các lời ca-tụng.
²Con sẽ chú-ý đến đường-lối không chỗ trách được.
Khi nào Chúa sẽ đến cùng con?
Con sẽ đi trong nhà con theo sự ngay thẳng của tâm con.
³Con sẽ chẳng đặt một điều gì vô loại trước cặp mắt con;
Con ghét việc làm của những kẻ sa ngã;
Nó sẽ không bám được vào con.

Psalms 99.2-101.3

²YHWH is great in Zion,
And He is exalted above all the peoples.
³"Let them praise Thy great and awesome name";
Holy is He.
⁴And the strength of the King loves justice;
Thou hast established equity;
Thou hast executed justice and righteousness in Jacob.
⁵Exalt YHWH our God,
And worship at His footstool;
Holy is He.
⁶Moses and Aaron were among His priests,
And Samuel was among those who called on His name;
They called upon YHWH, and He answered them.
⁷He spoke to them in the pillar of cloud;
They kept His testimonies,
And the statute that He gave them.
⁸"O YHWH our God, Thou didst answer them;
Thou wast a forgiving God to them,
And yet an avenger of their evil deeds."
⁹Exalt YHWH our God,
And worship at His holy hill;
For holy is YHWH our God.

PSALM 100

¹Shout joyfully to YHWH, all the earth.
²Serve YHWH with gladness;
Come before Him with joyful singing.
³Know that YHWH Himself is God;
It is He who has made us, and not we ourselves;
We are His people and the sheep of His pasture.
⁴Enter His gates with thanksgiving,
And His courts with praise.
Give thanks to Him; bless His name.
⁵For YHWH is good;
His lovingkindness is everlasting,
And His faithfulness to all generations.

PSALM 101

¹"I will sing of lovingkindness and justice,
To Thee, O YHWH, I will sing praises.
²I will give heed to the blameless way.
When wilt Thou come to me?
I will walk within my house in the integrity of my heart.
³I will set no worthless thing before my eyes;
I hate the work of those who fall away;
It shall not fasten its grip on me.

Psalms 101.4-102.15

⁴A perverse heart shall depart from me;
I will know no evil.
⁵Whoever secretly slanders his neighbor, him I will
destroy;
No one who has a haughty look and an arrogant heart will
I endure.

⁶"My eyes shall be upon the faithful of the land, that they
may dwell with me;
He who walks in a blameless way is the one who will
minister to me.

⁷He who practices deceit shall not dwell within my house;
He who speaks falsehood shall not be established before
my eyes.

⁸Every morning I will destroy all the wicked of the land,
So as to cut off from the city of YHWH all those who do
iniquity."

PSALM 102

¹"Hear my prayer, O YHWH!
And let my cry for help come to Thee.
²Do not hide Thy face from me in the day of my distress;
Incline Thine ear to me;
In the day when I call answer me quickly.

³For my days have been consumed in smoke,
And my bones have been scorched like a hearth.
⁴My heart has been smitten like herbage and has withered
away,
Indeed, I forget to eat my bread.
⁵Because of the voice of my groaning
My bones have cleaved to my flesh.
⁶I have become similar to a pelican of the wilderness;
I have become like an owl of the waste places.
⁷I lie awake,
I have become like a lonely bird on a housetop.

⁸"My enemies have reproached me all day long;
Those who deride me have used my name as a curse.
⁹For I have eaten ashes like bread,
And mingled my drink with weeping,
¹⁰Because of Thine indignation and Thy wrath;
For Thou hast lifted me up and cast me away.
¹¹My days are like a stretched out shadow;
And I wither away like herbage.

¹²"But Thou, O YHWH, dost abide forever;
And Thy name to all generations.
¹³Thou wilt arise *and* have compassion on Zion;
For it is time to be gracious to her,
For the appointed time has come.
¹⁴Surely Thy servants find pleasure in her stones,
And feel pity for her dust.
¹⁵So the nations will fear the name of YHWH,
And all the kings of the earth Thy glory.

Thánh-thi 101.4-102.15

⁴Tâm gian-tà sẽ lia khỏi con;
Con sẽ chẳng biết một điều xấu nào.
⁵Kẻ nào bí-mật vu-không người láng-giềng của mình, kẻ
đó con sẽ tiêu-diệt;
Con sẽ chịu không dung thứ ai có cái nhìn kiêu-căng và
tâm ngạo-mạn.

⁶"Cặp mắt con sẽ ở trên những người trung-tín trong xứ,
để họ có thể ở với con;
Người đi theo đường-lối không trách được là người sẽ trợ-
giúp con.

⁷Người có thói quen lừa dối sẽ không ở trong nhà con;
Người nói sai trái sẽ không được thiết-lập trước mắt con.

⁸Mỗi buổi sáng con sẽ tiêu-diệt mọi kẻ độc-ác trong xứ,
Để trừ-diệt khỏi thành của Đức GIA-VÊ mọi kẻ làm ác."

THÁNH-THI 102

Trong cơn đau-khổ xin Chúa đoái đến mình
Người viết: Vô-danh

¹"Xin nghe lời cầu-nguyện của con, Đức GIA-VÊ ôi!
Và xin tiếng khóc xin giúp-đỡ của con đến cùng Chúa.
²Xin đừng giấu mặt Chúa khỏi con trong ngày khổ nạn
của con;
Xin nghiêng tai Chúa nghe con;
Trong ngày con gọi, xin nhanh chóng trả lời con.

³"Vì những ngày của con đã bị tiêu-tan trong khói,
Và các xương của con đã bị đốt như lòng lò sưởi.
⁴Tâm con đã bị đánh-đập như cỏ và đã bị khô héo đi,
Quả thật, con quên ăn bánh của con.
⁵Vì tiếng rên-ri của con
Các xương của con còn bám sát vào thịt con.
⁶Con vừa trở thành như con bò nông trong hoang-mạc;
Con vừa trở thành như con chim cú trong những nơi
hoang-dã.
⁷Con nằm thao-thức,
Con vừa trở thành như con chim cô-đơn trên một mái nhà.

⁸"Kẻ thù của con đã si-nhục con suốt cả ngày;
Kẻ chế-nhạo con đã dùng tên con làm một lời rủa.
⁹Vì con đã ăn bụi-tro như ăn bánh,
Và đã hòa thức uống của con với khóc-lóc,
¹⁰Bởi vì phẫn-nộ của Chúa và cơn thịnh-nộ của Chúa;
Vì Chúa đã nâng con lên và loại con đi.
¹¹Những ngày của con như một cái bóng bị kéo dài;
Và con khô-héo đi như cỏ.

¹²"Nhưng Chúa, Đức GIA-VÊ ôi, còn mãi mãi;
Và danh Chúa hằng ở cùng mọi thế-hệ.
¹³Chúa sẽ chỗi-dậy và có lòng thương-xót Si-ôn;
Vì ấy là thời-điểm để khoan-dung cùng nó,
Vì thời-điểm được định đã đến rồi.
¹⁴Hẳn các tội-tố của Chúa tìm được vui-thích trong các
hòn-đá của Si-ôn,
Và cảm-thấy thương-hại cho bụi-đất của Si-ôn.
¹⁵Thế là các dân-tộc sẽ sợ danh Đức GIA-VÊ,
Và mọi vua của trái đất sẽ sợ vinh-quang của Chúa.

Thánh-thi 102.16-103.10

¹⁶Vì Đức GIA-VÊ đã dựng lên Si-ôn
Ngài đã hiện ra trong vinh-quang của Ngài.
¹⁷Ngài đã xem trọng sự cầu-nguyện của kẻ nghèo-khố,
Và đã chẳng khinh-dể lời cầu-nguyện của họ."
18Điều này sẽ được viết cho thế-hệ sắp đến;
Để một dân chưa được sáng-tạo được ca-tụng Đức GIA-VÊ.
¹⁹Vì Ngài đã nhìn xuống từ nơi cao thánh của Ngài;
Từ trời Đức GIA-VÊ đã ngó chăm về trái đất,
²⁰Để nghe tiếng rên-ri của tù-nhân;
Để phồng-thích những kẻ đã bị kết án chết;
²¹Để người ta được nói về danh Đức GIA-VÊ trong Si-ôn,
Và sự ca-tụng Ngài tại Giê-ru-sa-lem;
²²Khi các dân được nhóm lại với nhau,
Và các vương-quốc, để phụng-sự Đức GIA-VÊ.
23Ngài đã giảm sức của tôi ở giữa đường;
Ngài đã rút ngắn những ngày của tôi.
²⁴Tôi nói: "Đức Chúa TRỜI của con ôi, xin đừng cất con
đi khi đời con chỉ mới một nửa,
Các năm của Chúa thì trải qua mọi thế-hệ.
²⁵Thuở xưa Chúa đã lập trái đất;
Và các tầng trời là việc làm của các bàn tay Chúa.
²⁶Chính chúng sẽ hư-vong, nhưng Chúa vẫn còn;
Và hết thảy chúng sẽ hư mòn như áo-xống;
Như quần-áo, Chúa sẽ thay-đổi chúng, và chúng sẽ bị đổi
thay.
²⁷Nhưng Chúa vẫn như thế,
Các năm của Chúa sẽ không hề đến điểm cuối-cùng.
²⁸Con cái của các tôi-tớ Chúa sẽ tiếp-tục,
Và dòng-giống họ sẽ được lập vững-bền trước mặt Chúa."

THÁNH-THI 103

Ca-tụng vì sự khoan-dung của Đức GIA-VÊ
Người viết: Đa-vít

1Hãy chúc-tụng Đức GIA-VÊ, hỡi hồn ta;
Và tất cả ở bên trong ta, *hãy chúc-tụng* danh thánh Ngài.
2Hãy chúc-tụng Đức GIA-VÊ, hỡi hồn ta,
Và chớ quên một ân-huệ nào của Ngài;
3Là Đấng tha-thứ mọi tội-ác của người;
Là Đấng chữa lành mọi bệnh-tật của người;
4Là Đấng cứu-chuộc sinh-mạng của người khỏi cái hó;
*Là Đấng đội mũ cho người với sự ân-cần yêu-thương và
thương-xót;*
5Là Đấng thỏa-mãn các năm của người với các điều lành,
Để tuổi niên thiếu của người được làm mới lại như *tuổi
niên thiếu* của chim đại-bàng.
6Đức GIA-VÊ làm các việc công-chính,
Và các phán-xét cho mọi kẻ bị áp-bức.
7Ngài đã cho Môi-se biết các đường-lối của Ngài,
Cho những con trai Y-sơ-ra-ên các hành-động của Ngài.
8Đức GIA-VÊ thương-xót và khoan-dung,
Chậm nóng giận và có thừa ân-cần thương-yêu.
9Ngài sẽ không luôn luôn tranh-đấu với chúng ta,
Ngài cũng sẽ chẳng *giận* mãi mãi.
10Ngài đã chẳng đả chúng ta theo tội-lỗi của chúng ta,
Cũng chẳng báo-trả chúng ta theo sự gian-ác của chúng ta.

Psalms 102.16-103.10

¹⁶For YHWH has built up Zion
He has appeared in His glory.
¹⁷He has regarded the prayer of the destitute,
And has not despised their prayer."
18This will be written for the generation to come;
That a people yet to be created may praise YHWH.
¹⁹For He looked down from His holy height;
From heaven YHWH gazed toward the earth,
²⁰To hear the groaning of the prisoner;
To set free those who were doomed to death;
²¹That men may tell of the name of YHWH in
Zion,
And His praise in Jerusalem;
²²When the peoples are gathered together,
And the kingdoms, to serve YHWH.
23He has weakened my strength in the way;
He has shortened my days.
²⁴I say, "O my God, do not take me away in the half of
my days,
Thy years are throughout all generations.
²⁵Of old Thou didst found the earth;
And the heavens are the work of Thy hands.
²⁶They themselves will perish, but Thou dost endure;
And all of them will wear out like a garment;
Like clothing Thou wilt change them, and they will be
changed.
²⁷But Thou art the same,
And Thy years will not come to an end.
²⁸The children of Thy servants will continue,
And their seed will be established before Thee."

PSALM 103

1Bless YHWH, O my soul;
And all that is within me, bless His holy name.
2Bless YHWH, O my soul,
And forget none of His benefits;
3Who pardons all your iniquities;
Who heals all your diseases;
4Who redeems your life from the pit;
Who crowns you with lovingkindness and compassion;
5Who satisfies your years with good things,
So that your youth is renewed like the eagle's.
6YHWH performs righteous deeds,
And judgments for all who are oppressed.
7He made known His ways to Moses,
His acts to the sons of Israel.
8YHWH is compassionate and gracious,
Slow to anger and abounding in lovingkindness.
9He will not always strive *with* us;
Nor will He keep *His anger* forever.
10He has not dealt with us according to our sins,
Nor rewarded us according to our iniquities.

Psalms 103.11-104.8

¹¹For as high as the heavens are above the earth,
So great is His lovingkindness toward those who fear Him.
¹²As far as the east is from the west,
So far has He removed our transgressions from us.
¹³Just as a father has compassion on his children,
So YHWH has compassion on those who fear Him.
¹⁴For He Himself knows what we are made of;
He is mindful that we are but dust.
¹⁵As for man, his days are like grass;
As a flower of the field, so he flourishes.
¹⁶When the wind has passed over it, it is no more;
And its place acknowledges it no longer.
¹⁷But the lovingkindness of YHWH is from everlasting to everlasting on those who fear Him,
And His righteousness to children's children,
¹⁸To those who keep His covenant,
And who remember His precepts to do them.
¹⁹YHWH has established His throne in the heavens;
And His sovereignty rules over the universe.
²⁰Bless YHWH, you His angels,
Mighty in strength, who perform His word,
Obeying the voice of His word!
²¹Bless YHWH, all you His hosts,
You who serve Him, doing His will.
²²Bless YHWH, all you works of His,
In all places of His dominion;
Bless YHWH, O my soul!

PSALM 104

¹Bless YHWH, O my soul!
"O YHWH my God, Thou art very great;
Thou art clothed with splendor and majesty,
²Covering Thyself with light as with a cloak,
Stretching out heaven like a tent curtain.
³He lays the beams of His upper chambers in the waters;
He makes the clouds His chariot;
He walks upon the wings of the wind;
⁴He makes the winds His messengers,
Flaming fire His ministers.

⁵He established the earth upon its foundations,
So that it will not move out of place forever and ever.
⁶"Thou didst cover it with the deep as with a garment;
The waters were standing above the mountains.
⁷At Thy rebuke they fled;
At the sound of Thy thunder they hurried away.
⁸The mountains rose; the valleys sank down
To the place which Thou didst establish for them.

Thánh-thi 103.11-104.8

¹¹Vì nếu các tầng trời ở bên trên trái đất cao bao nhiêu,
Thì sự ân-cần yêu-thương của Ngài cho các kẻ sợ Ngài
cũng vĩ-đại như thế.
¹²Nếu phương đông cách xa phương tây bao nhiêu,
Thì Ngài đã dời các vi-phạm của chúng ta ra khỏi chúng ta
cũng như thế.
¹³Y như một người cha có lòng thương-xót con cái mình,
Cũng như thế Đức GIA-VÊ có lòng thương-xót những kẻ
kinh-sợ Ngài.
¹⁴Vì Ngài tự biết bởi cái gì chúng ta được làm thành;
Ngài hằng biết rằng chúng ta chỉ là bụi-đất.
¹⁵Về phần loài người, các ngày của nó như cỏ;
Như hoa ngoài đồng, như thể nó nảy nở.
¹⁶Khi gió vừa thổi qua nó, nó không còn nữa;
Và chỗ của nó không nhận biết nó nữa.
¹⁷Nhưng sự ân-cần thương-yêu của Đức GIA-VÊ là từ đời
đời cho đến đời đời cho những kẻ kinh-sợ Ngài,
Và sự công-chính của Ngài cho con cái của con cái,
¹⁸Cho những kẻ giữ giao-ước của Ngài,
Và cho những kẻ nhớ giới luật của Ngài để thực-hành
chúng.
¹⁹Đức GIA-VÊ đã lập ngôi của Ngài trong các tầng trời;
Và quyền tể trị của Ngài cai-trị vũ-trụ.
²⁰Hãy chúc-tụng Đức GIA-VÊ, các người, những thiên-sứ
của Ngài,
Phi-thường trọng sức mạnh, là các vị thực-hiện lời Ngài,
Vâng-phục tiếng nói của lời Ngài!
²¹Hãy chúc-tụng Đức GIA-VÊ, hết thầy các người, vạn-
quân của Ngài,
Các người là các vị hầu Ngài, thực-hành ý muốn của Ngài.
²²Hãy chúc-tụng Đức GIA-VÊ, hết thầy các người các
công việc của Ngài,
Trong mọi nơi dưới quyền tể trị của Ngài;
Hãy chúc-tụng Đức GIA-VÊ, hỡi hồn ta!

THÁNH-THI 104

Sự chăm-sóc của Đức GIA-VÊ trên tất cả việc làm của Ngài
Người viết: Vô-danh

¹Hãy chúc-tụng Đức GIA-VÊ, hỡi hồn ta!
"GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI của con ôi, Chúa quá vĩ-đại;
Chúa mặc lấy sự long-lẫy và oai-nghi,
²Bao phủ lấy chính Chúa bằng ánh-sáng như một cái áo,
Căng trời ra như một tấm màn.
³Ngài đặt các đòn tay của các phòng trên của Ngài trong
các vùng nước;
Ngài làm các đám mây thành xe của Ngài;
Ngài bước đi trên những cánh gió;
⁴Ngài khiến các ngọn gió thành các sứ-giã của Ngài,
Lửa hùng thành những kẻ thừa-hành của Ngài.

⁵Ngài đã lập trái đất trên các nền nó,
Đề nó sẽ không bao giờ đi ra khỏi chỗ mãi mãi.
⁶"Chúa đã bao-phủ nó bằng vực sâu như bằng một cái áo;
Những vùng nước đã đang đứng ở phía trên các núi.
⁷Khi Chúa quở-trách chúng chạy trốn;
Lúc có tiếng sấm của Chúa chúng đã lật-đật chạy xa.
⁸Các núi đã chỗi dậy; các thung-lũng đã chìm xuống
Đến chỗ mà Chúa đã lập cho chúng.

Thánh-thi 104.9-104.31

⁹Chúa đã đặt biên-giới để chúng không được vượt qua;
Để chúng không được trở lại để bao-phủ trái đất."

¹⁰Ngài khiến các suối phun ra trong các thung-lũng;
Chúng chảy giữa các núi;

¹¹Chúng ban nước uống cho mỗi con thú-vật ngoài đồng;
Những con lừa rừng giải con khát của chúng.

¹²Bên cạnh chúng chim chóc các tầng trời cư-trú;
Chúng cất lên tiếng của chúng ở giữa các nhánh cây.

¹³Ngài tưới nước trên các núi từ các phòng cao của Ngài;
Trái đất được thỏa-mãn với kết-quả của công việc Ngài.

¹⁴Ngài khiến cỏ mọc lên cho súc-vật,
Và cây-cối cho sự lao-động của loài người,
Để loài người có thể sản xuất ra thức-ăn từ trái đất,

¹⁵Và rượu nho làm tâm của loài người vui-vẻ,
Để người ta có thể làm mặt của họ bóng-loáng với dầu,
Và thực-phẩm duy-trì tâm loài người.

¹⁶Cây-cối của Đúc GIA-VÊ uống no-nê,
Những cây tuyết-tùng ở Li-ban mà Ngài đã trồng,

¹⁷Nơi những con chim xây các tổ của chúng,
Và con cò, có nhà là các cây sam.

¹⁸Các núi cao dành cho những con dê rừng;
Các vách đá là chỗ ẩn-náu cho những con chồn đá.

¹⁹Ngài đã làm mặt trăng cho các mùa;
Mặt trời biết chỗ lặn của nó.

²⁰"Chúa chi-định sự tối-tăm và nó trở thành đêm,
Trong đó, tất cả các thú rừng đều rình-mò quanh-quần.

²¹Các con sư-tử to gầm rống đuổi theo con mồi của mình,
Và săn thức-ăn của mình từ Đúc Chúa TRỜI.

²²Khi mặt trời mọc, chúng rút lui,
Và nằm xuống trong các hang của chúng.

²³Loài người đi đến công việc của họ
Và đến việc lao-động của họ cho đến chiều tối.

²⁴"Đúc GIA-VÊ ôi, công việc của Chúa nhiều biết bao!
Trong sự khôn-ngao, Chúa đã làm nên chúng hết thảy;
Trái đất thì tràn đầy tài-sản của Chúa.

²⁵Có biển, lớn và rộng,
Trong đó có vô-số đàn sinh-động-vật,
Những thú-vật cả nhỏ lẫn lớn.

²⁶Ở đó những chiếc tàu di-chuyến thông-suốt,
Và Lê-vi-a-than⁽¹⁾ mà Chúa đã nắn ra để nó đùa trong nó.

²⁷Hết thảy chúng đều trông-đợi Chúa,
Để cho chúng thức-ăn của chúng vào thời-diểm đã định.

²⁸Chúa ban cho chúng, chúng thu-tóm lấy nó hết;
Chúa xòe bàn tay của Ngài ra, chúng được thỏa-mãn với đồ tốt.

²⁹Chúa giấu mặt của Chúa, chúng thất-kinh;
Chúa cất đi linh của chúng, chúng bèn chết,
Và trở về bụi-đất của chúng.

³⁰Chúa phái Linh của Chúa ra, chúng được sáng-tạo;
Và Chúa làm mới lại mặt đất.

³¹Nguyện vinh-quang của Đúc GIA-VÊ tồn-tại mãi mãi;
Nguyện Đúc GIA-VÊ vui-vẻ trong các việc-làm của Ngài;

Psalms 104.9-104.31

⁹Thou didst set a boundary that they may not pass over;
That they may not return to cover the earth."

¹⁰He sends forth springs in the valleys;
They flows between the mountains;

¹¹They give drink to every beast of field;
The wild donkeys quench their thirst.

¹²Beside them the birds of the heavens dwell;
They lift up *their* voices among the branches.

¹³He waters the mountains from His upper chambers;
The earth is satisfied with the fruit of His works.

¹⁴He causes the grass to grow for the cattle,
And vegetation for the labor of man,
So that he may bring forth food from the earth.

¹⁵And wine which makes man's heart glad,
So that he may make *his* face glisten with oil,
And food which sustains man's heart.

¹⁶The trees of YHWH drink their fill,
The cedars of Lebanon which He planted,

¹⁷Where the birds build their nests,
And the stork, whose home is the fir trees.

¹⁸The high mountains are for the wild goats;
The cliffs are a refuge for the rock badgers.

¹⁹He made the moon for the seasons;
The sun knows the place of its setting.

²⁰"Thou dost appoint darkness and it becomes night,
In which all the beasts of the forest prowl about.

²¹The young lions roar after their prey,
And seek their food from God.

²²When the sun rises they withdraw,
And lie down in their dens.

²³Man goes forth to his work
And to his labor until evening.

²⁴"O YHWH, how many are Thy works!
In wisdom Thou hast made them all;

The earth is full of Thy possessions.
²⁵There is the sea, great and broad,

In which are swarms without number,
Animals both small and great.

²⁶There the ships move along,
And leviathan, which Thou hast formed to sport in it.

²⁷They all wait for Thee,
To give them their food in its appointed time.

²⁸Thou dost give to them, they gather *it* up;
Thou dost open Thy hand, they are satisfied with good.

²⁹Thou dost hide Thy face, they are dismayed;
Thou dost take away their spirit, they expire,
And return to their dust.

³⁰Thou dost send forth Thy Spirit, they are created;
And Thou dost renew the face of the ground.

³¹Let the glory of YHWH endure forever;
Let YHWH be glad in His works;

¹Lê-vi-a-than: con quái vật ở biển; thủy-quái

Psalms 104.32-105.18

³²He looks at the earth, and it trembles;
He touches the mountains, and they smoke.
³³I will sing to YHWH in my lifetime;
I will sing praise to my God while I still am being.
³⁴Let my meditation be pleasing to Him;
As for me, I shall be glad in YHWH.
³⁵Let sinners be consumed from the earth,
And let the wicked be no more.
Bless YHWH, O my soul.
Praise YHWH!

PSALM 105

¹Oh give thanks to YHWH, call upon His name;
Make known His deeds among the peoples.
²Sing to Him, sing praises to Him;
Speak of all His wonders.
³Glory in His holy name;
Let the heart of those who seek YHWH be glad.
⁴Seek YHWH and His strength;
Seek His face continually.
⁵Remember His wonders which He has done,
His marvels and the judgments uttered by His mouth,
⁶O seed of Abraham, His servant
O sons of Jacob His chosen ones!

⁷He is YHWH our God;
His judgments are in all the earth.
⁸He has remembered His covenant forever,
The word which He commanded to a thousand
generations,
⁹The covenant which He made with Abraham,
And His oath to Isaac.
¹⁰Then He confirmed it to Jacob for a statute,
To Israel as an everlasting covenant,
¹¹Saying, 'To you I will give the land of Canaan,
As the portion of your inheritance,'
¹²When they were only a few men in number,
Very few, and strangers in it.
¹³And they wandered about from nation to nation,
From *one* kingdom to another people.
¹⁴He permitted no man to oppress them,
And He reprov'd kings for their sakes:
¹⁵"Do not touch My anointed ones,
And do My prophets no harm."

¹⁶And He called for a famine upon the land;
He broke the whole staff of bread.
¹⁷He sent a man before them,
Joseph, *who* was sold as a slave.
¹⁸They afflicted his feet with fetters,
He himself was laid in irons;

Thánh-thi 104.32-105.18

³²Ngài nhìn trái đất, nó bèn run-rẩy;
Ngài rờ các núi, chúng bèn bốc khói.
³³Tôi sẽ ca hát cho Đức GIA-VÊ trong đời tôi;
Tôi sẽ hát lời ca-tụng Đức Chúa TRỜI của tôi trong khi tôi
vẫn còn tồn tại.
³⁴Nguyện sự suy-gẫm của tôi làm Ngài vui lòng;
Về phần tôi, tôi sẽ vui-vẻ trong Đức GIA-VÊ.
³⁵Xin cho những kẻ có tội bị diệt khỏi trái đất,
Và xin những kẻ độc-ác không còn nữa,
Hãy chúc-tụng Đức GIA-VÊ, hỡi hồn ta.
Hãy chúc-tụng Đức GIA-VÊ!

THÁNH-THI 105

Mọi việc diệu-kỳ Đức GIA-VÊ đã làm cho Y-sơ-ra-ên
Người viết: Đa-vít

¹Ồ, hãy tạ ơn Đức GIA-VÊ, hãy cầu-khẩn danh Ngài;
Hãy làm cho công-việc của Ngài được biết ở giữa các dân.
²Hãy hát cho Ngài, hãy hát các lời ca-tụng cho Ngài;
Hãy nói về mọi việc kỳ-diệu của Ngài.
³Hãy tôn vinh trong danh thánh của Ngài;
Tâm những kẻ tìm-kiếm Đức GIA-VÊ hãy vui-vẻ.
⁴Hãy tìm-kiếm Đức GIA-VÊ và sức mạnh của Ngài;
Hãy liên-tục tìm-kiếm mặt Ngài.
⁵Hãy nhớ các việc kỳ-diệu của Ngài mà Ngài đã làm,
Các kỳ-công của Ngài và các phán-xét thốt ra bởi miệng
của Ngài,
⁶Ôi, hỡi dòng-đôi của Áp-ra-ham, tôi-tớ của Ngài,
Ôi, hỡi các con trai Gia-cốp, các kẻ được chọn của Ngài!

⁷Ngài là GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI của chúng ta;
Các phán-xét của Ngài ở khắp trái đất.
⁸Ngài đã nhớ giao-ước của Ngài mãi mãi,
Lời mà Ngài đã truyền cho hàng ngàn thế-hệ,
⁹Giao-ước mà Ngài đã lập với Áp-ra-ham,
Và lời thề của Ngài với Y-sác.
¹⁰Đoạn Ngài đã xác-nhận nó với Gia-cốp làm một quy-
chế,
Với Y-sơ-ra-ên làm một giao-ước đời đời,
¹¹Rằng: "Cho người Ta sẽ ban đất Ca-na-an,
Làm phần thừa-kế của các người,"
¹²Khi họ chỉ là một số ít người,
Rất ít, và là những khách lạ tại đó.
¹³Họ lang-thang từ nước này đến nước nọ,
Từ vương-quốc này đến một dân-tộc khác.
¹⁴Ngài không cho phép bất cứ ai áp-bức họ,
Và Ngài khiển-trách các vua vì cố họ:
¹⁵"Chớ đụng những kẻ được xức dầu của Ta,
Và chớ làm hại các tiên-tri của Ta."

¹⁶Và Ngài giáng nạn đói trên xứ ấy;
Ngài đập vỡ toàn-thể ban lương-thực⁽¹⁾.
¹⁷Ngài sai một người đi trước họ,
Là Giô-sép, bị bán làm nô-lệ.
¹⁸Chúng dùng cùm làm các bàn chân người đau-đớn,
Chính người bị đặt trong xiềng xích;

¹nghĩa là: toàn bộ phương tiện để sản xuất ra thực phẩm

Thánh-thi 105.19-105.44

19Cho đến thời-điểm lời người đã xây ra,
Lời Đức GIA-VÊ đã thử người.
20Nhà vua sai phóng-thích người,
Vị cai-trị các dân, và cho người tự-do.
21Vua lập người làm chủ nhà của vua,
Coi sóc tất cả tài-sản của vua,
22Để bỏ tù các ông hoàng tùy ý,
Để người có thể dạy các trưởng-lão của vua sự khôn-ngoan.
23Y-so-ra-ên cũng vào trong Ê-díp-tô;
Như vậy Gia-cốp đã tạm-trú trong đất của Cham.
24Và Ngài đã khiến dân của Ngài sinh-sôi rất nhiều,
Và làm họ mạnh hơn các kẻ thù-địch của họ.

25Ngài biến-đổi tâm dân Ê-díp-tô để ghét dân Ngài,
Để đối-xử một cách quý-quyết với các tội-tử của Ngài.
26Ngài sai Môi-se, tội-tử Ngài,
Và A-rôn mà Ngài đã chọn.
27Họ đã làm các hành-động kỳ diệu của Ngài giữa chúng,
Và các phép lạ trong đất Cham.
28Ngài sai sự tối-tăm đến và làm nó tối;
Và chúng đã chẳng nổi-loạn chống lại các lời của Ngài.
29Ngài biến nước của chúng thành máu,
Và khiến cá của chúng chết.
30Ếch bu lúc-nhúc trên đất của chúng.
Cả trong phòng của những ông vua của chúng.
31Ngài phán, bèn có đám ruồi-mòng
Muối-mắt trong toàn lãnh thổ của chúng.
32Ngài cho chúng mưa đá thay mưa
Và lửa ngọn trong xứ của chúng.
33Ngài cũng triệt-hạ những gốc nho của chúng và những
cây vả của chúng,
Và làm tan-tác những cây-cối trong bờ-cõi của chúng.
34Ngài phán, và châu-chấu đến,
Và châu-chấu con, vô số,
35Ăn hết tất cả cây-cối trong xứ của chúng,
Và ăn hết hoa-quả của đất của chúng.
36Ngài cũng giết mọi con đầu lòng trong xứ của chúng,
Những quả đầu tiên của tất cả sự cường-tráng của chúng.

37Đoạn Ngài đem họ đi ra với bạc và vàng;
Và trong các chi-tộc của Ngài, chẳng có một ai vấp-ngã.
38Ê-díp-tô vui-mừng khi họ ra đi;
Vì sự kinh hãi của họ đã giáng trên chúng.
39Ngài trải một đám mây ra để bao-phủ,
Và lửa để soi-sáng ban đêm.
40Họ xin, Ngài đem chim cút đến,
Và thỏa-mãn họ với bánh trời.
41Ngài mở tảng đá, nước bèn chảy ra,
Nó chảy trong các nơi khô như một con sông.
42Vì Ngài nhớ lại lời thánh của Ngài
Với Áp-ra-ham tội-tử của Ngài;
43Và Ngài đem dân Ngài ra trong sự vui-vẻ,
Những kẻ được chọn của Ngài với tiếng la vui-mừng.
44Ngài cũng ban cho họ các đất của những quốc-gia,
Để họ có thể chiếm lấy kết-quả lao-động của các dân-tộc,

Psalms 105.19-105.44

19Until the time that his word came to pass,
The word of YHWH tested him.
20The king sent and released him,
The ruler of peoples, and set him free.
21He made him lord of his house,
And ruler over all his possessions,
22To imprison his princes at will,
That he might teach his elders wisdom.
23Israel also came into Egypt;
Thus Jacob sojourned in the land of Ham.
24And He caused His people to be very fruitful,
And made them stronger than their adversaries.

25He turned their heart to hate His people,
To deal craftily with His servants.
26He sent Moses His servant,
And Aaron whom He had chosen.
27They performed His wondrous acts among them,
And miracles in the land of Ham.
28He sent darkness and made it dark;
And they did not rebel against His words.
29He turned their waters into blood,
And caused their fish to die.
30Their land swarmed with frogs.
Even in the chambers of their kings.
31He spoke, and there came a swarm of flies
And gnats in all their territory.
32He gave them hail for rain
And flaming in their land.
33He struck down their vines also and their fig trees.
And shattered the trees of their territory.
34He spoke, and locusts came,
And young locusts, even without number,
35And ate up all vegetation in their land,
And ate up the fruit of their ground.
36He also struck down all the first-born in their land,
The first fruits of all their vigor.

37Then He brought them out with silver and gold;
And among His tribes there was not one who stumbled.
38 Egypt was glad when they departed;
For the dread of them had fallen upon them.
39He spread a cloud for a covering,
And fire to illumine by night.
40They asked, and He brought quail,
And satisfied them with the bread of heaven.
41He opened the rock, and water flowed out;
It ran in the dry places like a river.
42For He remembered His holy word
With Abraham His servant;
43And He brought forth His people with joy,
His chosen ones with a joyful shout.
44He gave them also the lands of the nations,
That they might take possession of the fruit of the peoples' labor,

Psalms 105.45-106.17

⁴⁵So that they might keep His statutes,
And observe His laws,
Praise YHWH!

PSALM 106

¹Praise YHWH!

Oh give thanks to YHWH, for He is good;
For His lovingkindness is everlasting.

²Who can speak of the mighty deeds of YHWH,
Or can show forth all His praise?

³How blessed are those who keep justice,
Who practice righteousness at all times!

⁴Remember me, O YHWH, in Thy favor toward Thy
people;
Visit me with Thy salvation.

⁵That I may see the prosperity of Thy chosen ones,
That I may rejoice in the gladness of Thy nation,
That I may glory with Thine inheritance.

⁶"We have sinned like our fathers,
We have committed iniquity, we have behaved wickedly.

⁷Our fathers in Egypt did not understand Thy wonders;
They did not remember the multitude of Thine kindnesses,
But rebelled by the sea, at the Red Sea."

⁸Nevertheless He saved them for the sake of His name,
That He might make His power known.

⁹Thus He rebuked the Red Sea and it dried up;
And He led them through the deeps, as though the
wilderness,

¹⁰So He saved them from the hand of the one who hated
them,

And redeemed them from the hand of the enemy.

¹¹And the waters covered their adversaries;
Not one of them was left.

¹²Then they believed His words;
They sang His praise.

¹³They quickly forgot His works;
They did not wait for His counsel,

¹⁴But craved intensely in the wilderness,
And tempted God in the desert.

¹⁵So He gave them their request,
But sent a wasting disease among them.

¹⁶When they became envious of Moses in the camp.
And of Aaron, the holy one of YHWH,

¹⁷The earth opened and swallowed up Dathan,
And engulfed the company of Abiram.

Thánh-thi 105.45-106.17

⁴⁵Ngõ hầu họ có thể giữ các quy-chế của Ngài,
Và tuân-phục các luật-pháp của Ngài,
Ca-tụng Đức GIA-VÊ!⁽¹⁾

THÁNH-THI 106

**Sự nổi-loạn của Y-sơ-ra-ên và sự giải-phóng của Đức
GIA-VÊ**

Người viết: Vô-danh

¹Ca-tụng Đức GIA-VÊ!

Ôi, hãy dâng lời tạ ơn lên Đức GIA-VÊ, vì Ngài là thiện;
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời.

²Ai có thể nói về các việc làm phi-thường của Đức GIA-
VÊ,

Hay có thể biểu lộ tất cả lời ca-tụng Ngài?

³Phước biết bao cho những kẻ giữ công-lý,
Những người luôn luôn thực-hành công-chính!

⁴"Xin nhớ đến con, Đức GIA-VÊ ôi, trong ân-huệ của
Chúa cho dân Chúa;

Xin viếng thăm con với sự cứu-rỗi của Chúa,

⁵Để con được thấy sự phồn-vinh của những kẻ được chọn
của Chúa,

Để con được mừng-rỡ trong sự vui-vẻ của nước Chúa,
Để con được tôn vinh với tài sản riêng⁽²⁾ của Chúa.

⁶"Chúng con đã phạm tội như tổ-phụ của chúng con,
Chúng con đã làm điều ác, chúng con đã xử-sự độc-ác.

⁷Tổ-phụ của chúng con tại Ê-díp-tô đã chẳng hiểu các việc
kỳ-diệu của Chúa;

Họ đã không nhớ lòng ân-cần thương-yêu vô hạn của
Chúa,

Nhưng đã nổi-loạn bên cạnh biển, nơi Biển Đỏ."

⁸Đầu vậy, Ngài vẫn cứu họ vì danh Ngài,

Để Ngài có thể làm cho quyền-năng của Ngài được biết.

⁹Vậy Ngài quở Biển Đỏ, nó bèn khô;

Và Ngài dẫn họ qua các vực sâu như qua vùng hoang-vu.

¹⁰Thế là Ngài cứu họ khỏi bàn tay kẻ ghét họ,

Và chuộc họ khỏi bàn tay kẻ thù.

¹¹Và nước lấp cứu-địch của họ.

Chẳng một ai trong bọn chúng còn sót.

¹²Thế thì họ tin các lời Ngài;

Họ hát lời ca-tụng Ngài.

¹³Họ lại nhanh-chóng quên các việc-làm của Ngài;
Họ không đợi lời chi-giáo của Ngài,

¹⁴Nhưng thèm-thuồng rõ dãi trong vùng hoang-vu,
Và thù Đức Chúa TROI trong sa mạc.

¹⁵Vì vậy Ngài thoả mãn điều họ yêu-cầu,

Nhưng gởi đến bệnh lâm hao-mòn thân thể ở giữa họ.

¹⁶Khi họ trở nên ganh ghét Môi-se trong trại,
và A-rôn, người thánh của Đức GIA-VÊ,

¹⁷Thì đất há ra nuốt mất Đa-than,

Và lấp bọn A-bi-ram.

¹Nguyên ngữ: Ha-lê-lu-gia! = Ca-tụng Đức GIA-VÊ!

²tức là dân sự của Chúa

Thánh-thi 106.18-106.41

18Và lửa bèn phát cháy trong bọn chúng;
Ngọn lửa thiêu-đốt những kẻ ác ấy.

19Họ làm một con bò con tại Hô-rếp,
Và thờ-lạy một tượng đúc.

20Như vậy họ đổi vinh-quang của họ
Để lấy hình-tượng của con bò ăn cỏ.

21Họ quên Đức Chúa TRỜI Đấng Cứu-rỗi của họ,
Đấng đã làm các công-việc vĩ-đại trong Ê-díp-tô,

22Các việc kỳ-diệu trong xứ Cham,
Và các điều đáng kinh-sợ bên Biển-Đỏ.

23Bởi vậy, Ngài phán rằng Ngài sẽ hủy-diệt họ,
Nếu Môi-se, người được chọn của Ngài, đã chẳng đứng
vào nơi đó võ trước mặt Ngài,
Đề quay đi cơn giận của Ngài khỏi hủy-diệt họ.

24Sau đó họ đã khinh-khi xứ tốt-đẹp ấy;
Họ đã chẳng tin lời Ngài,

25Nhưng cần-nhẫn trong các lều của họ;
Họ đã chẳng nghe tiếng Đức GIA-VÊ.

26Do đó Ngài thề cùng họ,
Rằng Ngài sẽ ném họ xuống trong vùng hoang-vu,

27Và rằng Ngài sẽ quăng dòng-đội họ ở giữa các quốc-gia,
Và phân tán họ trong các xứ.

28Họ cũng tự nhập bọn với Ba-anh-Phê-ô,
Và ăn các tế vật được dâng cho người chết.

29Như vậy, họ chọc Ngài giận bằng các việc-làm của họ;
Và bệnh dịch bộc-phát ở giữa họ.

30Lúc ấy Phi-nê-a đứng dậy và can-thiệp vào;
Vì vậy bệnh dịch bị chặn lại.

31Việc đó được kể cho người là công-chính,
Cho tất cả các thế-hệ mãi mãi.

32Họ cũng chọc giận Ngài tại các vùng nước Mê-ri-ba,
Đến nỗi nó trở thành khó-khăn cho Môi-se vì cơn giận;

33Bởi vì họ nổi loạn chống Linh Ngài,
Ông nói ầu-tả với các môi của ông.

34Họ không hủy-diệt các dân-tộc,
Như Đức GIA-VÊ đã truyền cho họ,

35Nhưng họ lại trà-trộn với các dân,
Và học theo các tập tục của chúng,

36Và phục-vụ các hình-tượng của chúng,
Chúng trở thành cái bẫy cho họ.

37Họ hiến-tế cả các con trai và con gái của họ cho quỷ-sứ,
38Làm đổ máu vô-tội,

Máu của những con trai và con gái của họ,
Mà họ đã hiến-tế cho các hình-tượng của Ca-na-an;
Và đất ấy bị ô-nhiễm với máu.

39Như vậy họ trở thành ô-uế trong các tập tục của họ,
Và chơi trò đi-điểm trong các việc-làm của họ.

40Bởi vậy cơn giận của Đức GIA-VÊ được khơi lên chống
lại dân Ngài,

Và Ngài gớm-ghiếc tài sản riêng của Ngài.

41Rồi Ngài phó họ vào trong tay các quốc-gia;
Và những kẻ ghét họ cai-trị họ.

Psalms 106.18-106.41

18And a fire blazed up in their company;
The flame consumed the wicked.

19They made a calf in Horeb,
And worshiped a molten image.

20Thus they exchanged their glory
For the image of an ox that eats grass.

21They forgot God their Savior,
Who had done great things in Egypt,

22Wonders in the land of Ham
And awesome things by the Red Sea.

23Therefore He said that He would destroy them,
Had not Moses His chosen one stood in the breach before
Him,
To turn away His wrath from destroying them.

24Then they despised the pleasant land;
They did not believe in His word,

25But grumbled in their tents;
They did not listen to the voice of YAHWEH.

26Therefore He swore to them,
That He would cast them down in the wilderness,

27And that He would cast their seed among the nations,
And scatter them in the lands.

28They joined themselves also to Baal-peor,
And ate sacrifices offered to the dead.

29Thus they provoked Him to anger with their deeds;
And the plague broke out among them.

30Then Phinehas stood up and interposed;
And so the plague was stayed.

31And it was reckoned to him for righteousness,
To all generations forever.

32They also provoked Him to wrath at the waters of
Meribah,

So that it went hard with Moses on their account;
33Because they were rebellious against His Spirit,
He spoke rashly with his lips.

34They did not destroy the peoples,
As YHWH commanded them,

35But they mingled with the nations,
And learned their practices,

36And served their idols,
Which became a snare to them.

37They even sacrificed their sons and their daughters to
the demons,

38And shed innocent blood,
The blood of their sons and their daughters,
Whom they sacrificed to the idols of Canaan;
And the land was polluted with the blood.

39Thus they became unclean in their practices,
And played the harlot in their deeds.

40Therefore the anger of YHWH was kindled against His
people,

And He abhorred His inheritance.

41Then He gave them into the hand of the nations;
And those who hated them ruled over them.

Psalms 106.42-107.10

42Their enemies also oppressed them,
And they were subdued under their hand.
43Many times He would deliver them;
They, however, were rebellious in their counsel,
And *so* sank down in their iniquity.

44Nevertheless He looked upon their distress,
When He heard their cry;
45And He remembered His covenant for their sake,
And was sorry according to the greatness of His
lovingkindness.
46He also made them *objects* of compassion
In the presence of all their captors.

47"Save us, O YHWH our God,
And gather us from among the nations,
To give thanks to Thy holy name
And boast in Thy praise."

48Blessed be YHWH, the God of Israel,
From everlasting even to everlasting.
And let all the people say, 'Amen.' "
Praise YHWH!

**Book V
Palms 107.1-150.6**

PSALM 107

1Oh give thanks to YHWH, for He is good;
For His lovingkindness is everlasting.
2Let the redeemed of YHWH say *so*,
Whom He has redeemed from the hand of the adversary,
3And gathered from the lands,
From the east and from the west,
From the north and from the south.

4They wandered in the wilderness in a waste region;
They did not find a way to an inhabited city.
5They were hungry and thirsty;
Their soul fainted within them.
6Then they cried out to YHWH in their trouble;
He delivered them out of their distresses.
7He led them also by a straight way,
To go to an inhabited city.
8Let them give thanks to YHWH for His lovingkindness,
And for His wonders to the sons of men!
9For He has satisfied the thirsty soul,
And the hungry soul He has filled with what is good.

10There were those who dwelt in darkness and in the
shadow of death,
Prisoners in misery and chains,

Thánh-thi 106.42-107.10

42Những kẻ thù của họ cũng áp-bức họ,
Và họ bị bắt phục dưới tay chúng.
43Nhiều lần Ngài muốn giải-phóng họ;
Tuy nhiên, họ vẫn nổi-loạn trong dự-tính của họ,
Và đã chìm xuống trong tội-ác của họ.

44Tuy vậy, Ngài cũng đoái-xem cảnh khốn-cùng của họ,
Khi Ngài nghe tiếng khóc của họ;
45Và Ngài nhớ giao-ước của Ngài vì cớ họ,
Và tiếc nuối y theo sự vĩ-đại của sự ân-cần thương-yêu
của Ngài.
46Ngài cũng làm họ thành *đối-tượng* cho sự thương-xót
Trong sự hiện-diện của tất cả những kẻ bắt họ.

47"Xin cứu chúng con, GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI chúng
con ôi,
Và xin gom chúng con lại từ ở giữa các quốc-gia,
Đề dâng các lời cảm-tạ tới danh thánh của Chúa,
Và khoe khoang trong sự ca-tụng Chúa."

48Đáng chúc-tụng thay Đức GIA-VÊ, Đức Chúa TRỜI
của Y-so-ra-ên,
Từ đời đời cho đến cả đời đời,
Và mọi dân-tộc hãy nói: 'A-men.' "
Hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ!

**Quyển V
Các Thánh-Thi 107.1-150.6**

THÁNH-THI 107

**Đức GIA-VÊ giải-phóng những người trong cảnh khổ-
nạn trăm bề**

Người viết: Vô-danh

1Ồ! Hãy dâng các lời cảm-tạ lên Đức GIA-VÊ, vì Ngài là
thiện;
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời.
2Những kẻ được chuộc của Đức GIA-VÊ hãy nói *như thế*,
Là những người mà Ngài đã chuộc khỏi bàn tay kẻ địch,
3Và đã gom lại từ các xứ,
Từ phương đông và từ phương tây,
Từ phương bắc và từ phương nam.

4Họ đã lang-thang trong vùng hoang-vu trong hoang mạc;
Họ đã không tìm được một con đường đến một thành có
dân cư.

5Đói và khát;
Hồn họ yếu-ớt ở bên trong họ.
6Rồi họ kêu-cầu Đức GIA-VÊ trong nỗi phiền-hà của họ;
Ngài giải-thoát họ khỏi các nỗi đau-khổ của họ.

7Ngài cũng dẫn họ bởi đường thẳng,
Đề đến một thành có dân cư.

8Hãy để họ dâng các lời cảm-tạ lên Đức GIA-VÊ vì sự ân-
cần thương-yêu của Ngài,
Và vì các việc làm kỳ-diệu của Ngài cho những con trai
loài người!

9Vì Ngài đã làm thỏa-mãn hồn khao-khát,
Và hồn đói, Ngài đã làm đầy với điều tốt-lành.

10Có những kẻ ở trong tối-tăm và ở trong bóng của sự
chết,
Các tù-nhân trong khổn-khở và xiềng-xích,

Thánh-thi 107.11-107.34

1¹Bởi vì họ đã nổi-loạn chống lại các lời của *Đức* Chúa TRỜI,
 Và khinh-dể sự khuyển-dạy của Đấng Chí Cao.
 1²Bởi thế Ngài làm tâm họ khiêm nhường bằng lao-động;
 Họ vấp ngã và chẳng có ai giúp-đỡ.
 1³Rồi họ kêu-cầu *Đức* GIA-VÊ trong nỗi phiền-hà của họ;
 Ngài cứu họ khỏi các nỗi đau-khổ của họ.
 1⁴Ngài đem họ ra khỏi tối-tăm và bóng của sự chết,
 Và bẻ các xiềng của họ ra.
 1⁵Hãy để họ dâng lời cảm-tạ lên *Đức* GIA-VÊ vì sự ân-cần
 thương-yêu của Ngài,
 Và vì các việc kỳ-diệu của Ngài cho những con trai loài
 người!
 1⁶Vì Ngài đã đập vỡ các cổng bằng đồng,
 Và đã cắt các song sắt ra từng mảnh.
 1⁷Những kẻ ngu-dại, vì đường-lối nổi loạn của họ
 Và vì các điều độc-ác của họ, đều bị khốn-khổ.
 1⁸Hồn họ ghê-tởm tất cả các loại thực-phẩm;
 Và họ kéo đến gần các cổng sự chết.
 1⁹Rồi họ kêu-cầu *Đức* GIA-VÊ trong nỗi phiền-hà của họ;
 Ngài cứu họ ra khỏi các nỗi đau-khổ của họ.
 2⁰Ngài sai lời Ngài đi và chữa họ lành,
 Và giải-thoát họ khỏi các sự hủy-diệt của họ.
 2¹Hãy để họ dâng lời cảm-tạ lên *Đức* GIA-VÊ vì sự ân-
 cần thương-yêu của Ngài,
 Và vì các việc kỳ-diệu của Ngài cho những con trai loài
 người!
 2²Họ cũng hãy dâng các tế-vật tạ ơn,
 Và nói về các việc làm của Ngài trong khi ca hát vui-vẻ.
 2³Những người đi biển trong những chiếc tàu,
 Những kẻ buôn bán trong các vùng nước lớn;
 2⁴Họ đã thấy các việc làm của *Đức* GIA-VÊ,
 Các việc kỳ-diệu của Ngài nơi vực sâu.
 2⁵Vì Ngài đã phán và làm gió bão nổi lên,
 Gió nâng các lượn-sóng biển lên.
 2⁶Chúng dâng lên đến các tầng trời, chúng đi xuống đến
 các vực sâu;
 Hồn họ tan đi trong sự khốn-khổ.
 2⁷Họ lao-đảo và loạng-choạng như một người say rượu,
 Và tất cả sự khôn-ngoa của họ bị nuốt mất.
 2⁸Rồi họ kêu-cầu *Đức* GIA-VÊ trong nỗi phiền-hà của họ;
 Và Ngài đem họ ra khỏi các nỗi đau-khổ của họ.
 2⁹Ngài khiến bão đứng yên,
 Để các lượn-sóng biển lặng đi.
 3⁰Thế thì họ vui-mừng bởi vì chúng êm-lặng,
 Như thế Ngài đã dẫn họ vào bến ước-ao của họ.
 3¹Hãy để họ dâng lời cảm-tạ lên *Đức* GIA-VÊ vì sự ân-
 cần thương-yêu của Ngài,
 Và vì các việc kỳ-diệu của Ngài cho những con trai loài
 người!
 3²Hãy để họ cũng tán-dương Ngài trong hội-chúng của
 dân-tộc,
 Và ca-tụng Ngài nơi ghế ngồi của các trưởng-lão.
 3³Ngài biến sông ngòi thành một nơi hoang-vu,
 Và các suối nước thành đất khô-hạn;
 3⁴Đất màu-mỡ thành đất hoang có muối,
 Bởi vì sự độc-ác của những kẻ ngu trong đó.

Psalms 107.11-107.34

1¹Because they had rebelled against the words of God,
 And spurned the counsel of the Most High.
 1²Therefore He humbled their heart with labor;
 They stumbled and there was none to help.
 1³Then they cried out to YHWH in their trouble;
 He saved them out of their distresses.
 1⁴He brought them out of darkness and the shadow of
 death,
 And broke their bands apart.
 1⁵Let them give thanks to YHWH for His lovingkindness,
 And for His wonders to the sons of men!
 1⁶For He has shattered gates of bronze,
 And cut bars of iron asunder.
 1⁷Fools, because of the way of their transgression,
 And because of their iniquities, were afflicted.
 1⁸Their soul abhorred all kinds of food;
 And they drew near to the gates of death.
 1⁹Then they cried out to YHWH in their trouble;
 He saved them out of their distresses.
 2⁰He sent His word and healed them,
 And delivered *them* from their destructions.
 2¹Let them give thanks to YHWH for His lovingkindness,
 And for His wonders to the sons of men!
 2²Let them also offer sacrifices of thanksgiving,
 And tell of His works with joyful singing.
 2³Those who go down to the sea in ships,
 Who do business on great waters;
 2⁴They have seen the works of YHWH,
 And His wonders in the deep.
 2⁵For He spoke and raised up a stormy wind,
 Which lifted up the waves of the sea.
 2⁶They rose up to the heavens, they went down to the
 depths;
 Their soul melted away in *their* misery.
 2⁷They reeled and staggered like a drunken man,
 And all their wisdom was swallowed up.
 2⁸Then they cried to YHWH in their trouble,
 And He brought them out of their distresses.
 2⁹He caused the storm to be still,
 So that the waves of the sea were hushed.
 3⁰Then they were glad because they were quiet;
 So He guided them to their desired haven.
 3¹Let them give thanks to YHWH for His lovingkindness,
 And for His wonders to the sons of men!
 3²Let them extol Him also in the congregation of the
 people.
 And praise Him at the seat of the elders.
 3³He changes rivers into a wilderness,
 And springs of water into a thirsty ground;
 3⁴A fruitful land into a salt waste,
 Because of the wickedness of those who dwell in it.

Psalms 107.35-108.12

35He changes a wilderness into a pool of water,
And a dry land into springs of water;
36And there He makes the hungry to dwell,
So that they may establish an inhabited city,
37And sow fields, and plant vineyards,
And gather a fruitful harvest.
38Also He blesses them and they multiply greatly;
And He does not let their cattle decrease.

39When they are diminished and bowed down
Through oppression, misery, and sorrow,
40He pours contempt upon princes,
And makes them wander in a pathless waste.
41But He sets the needy securely on high away from
affliction,
And makes *his* families like a flock.
42The upright see it, and are glad;
But all unrighteousness shuts its mouth.
43Who is wise? Let him give heed to these things;
And consider the lovingkindnesses of YHWH.

PSALM 108

1"My heart is steadfast, O God;
I will sing, I will sing praises, even with my glory."
2Awake, harp and lyre;
"I will awaken the dawn!"
3"I will give thanks to Thee, O YHWH, among the
peoples;
And I will sing praises to Thee among the nations.
4For Thy lovingkindness is great above the heavens;
And Thy truth reaches to the skies.

5"Be exalted, O God, above the heavens,
And Thy glory above all the earth.
6That Thy beloved may be delivered,
Save with Thy right hand, and answer me!"

7God has spoken in His holiness:
"I will exult, I will portion out Shechem,
And measure out the valley of Succoth.
8Gilead is Mine, Manasseh is Mine;
Ephraim also is the helmet of My head;
Judah is My scepter.
9Moab is My washbowl;
Over Edom I shall throw My shoe;
Over Philistia I will shout aloud."

10"Who will bring me into the besieged city?
Who will lead me to Edom?
11Hast not Thou Thyself, O God, rejected us?
And wilt Thou not go forth with our armies, O God?
12Oh give us help against the adversary,
For deliverance of man is in vain."

Thánh-thi 107.35-108.12

35Ngài biến vùng hoang-vu thành một ao nước,
Và đất khô thành các suối nước;
36Và ở đó Ngài khiến cho kẻ đói cư-ngụ,
Ngõ hầu họ có thể thiết-lập một thành có người ở,
37Và gieo hạt cho các cánh đồng, và trồng các vườn nho,
Và gặt hái mùa đầy bông-trái.
38Ngài cũng ban phước cho họ và họ sinh-sôi nhiều;
Ngài chẳng để cho súc-vật họ bị giảm sút.

39Khi họ bị thu nhỏ và bị cúi đầu
Vì áp-bức, khô-nạn, và đau-buôn,
40Ngài đổ sự khinh-rẻ trên những ông hoàng,
Và khiến chúng lưu-lạc trong hoang mạc không lối đi.
41Nhưng Ngài đặt kẻ thiếu-thốn an-toàn trên cao khỏi nỗi
sầu-não,
Và làm các gia-đình của *hắn* như bầy chiên.
42Những người ngay-thẳng thấy điều ấy, và vui-mừng;
Nhưng mọi kẻ không công-chính ngậm miệng của nó.
43Ai khôn-ngoa? Kẻ đó chú ý về các điều này,
Và hãy suy-xét sự ân-cần thương-yêu của Đức GIA-VÊ.

THÁNH-THI 108

*Tác-giả ca-tụng Đức Chúa TRỜI và cầu xin Ngài ban
cho chiến-thắng*
Người viết: Đa-vít

1"Tâm của con trước sau như một, Đức Chúa TRỜI ôi;
Con sẽ ca, con sẽ hát các lời ca-tụng, cả với vinh quang
của con."
2Hãy thức, hỡi hạc-cầm và thất-huyền-cầm;
"Con sẽ thức lúc rạng đông!
3Con sẽ tạ ơn Chúa, Đức GIA-VÊ ôi, ở giữa các dân-tộc;
Và con sẽ hát các lời ca-tụng lên Chúa ở giữa các nước.
4"Vì sự ân-cần thương-yêu của Chúa là vĩ-đại ở bên trên
các tầng trời;
Và lẽ-thật của Chúa *đụng* tới các bầu trời.

5"Nguyện Chúa được tôn cao, Đức Chúa TRỜI ôi, ở trên
các tầng trời,
Và vinh-quang của Chúa ở bên trên tất cả trái đất.
6Để kẻ yêu-dấu của Chúa có thể được giải-phóng,
Xin cứu với bàn tay hữu của Chúa, và xin trả lời con!"

7Đức Chúa TRỜI đã phán trong sự thánh của Ngài:
"Ta sẽ hôn-hờ, Ta sẽ chia Si-chem ra,
Và đo thung-lũng Su-cốt.
8Ga-la-át là của Ta, Ma-na-se là của Ta;
Ép-ra-im cũng là mũi sứt của đầu Ta;
Giu-đa là cây trượng của Ta.
9Mô-áp là chậu rửa-tay của Ta;
Trên Ê-dôm, Ta sẽ ném dép Ta;
Trên Phi-li-tin Ta sẽ la lớn."

10" Ai sẽ đưa con vào trong thành bị bao vây ấy?
Ai sẽ dẫn con đến Ê-dôm?
11 Há chẳng phải chính Chúa, Đức Chúa TRỜI ôi, đã bác-
bỏ chúng con?
Và Chúa sẽ không tiến tới cùng với các đạo quân của
chúng con hay sao, Đức Chúa TRỜI ôi?
12 Ôi, xin giúp-đỡ chúng con chống lại đối-thù ấy,
Vì sự giải-phóng của loài người là hư-không."

Thánh-thi 108.13-109.20

¹³Nhờ Đức Chúa TRỜI chúng ta sẽ làm một cách can-
dâm;
Và chính Ngài sẽ đạp lên những kẻ địch của chúng ta.

THÁNH-THI 109

Cầu Chúa báo-thù kẻ địch (Cho trường ban nhạc)
Người viết: Đa-vít

¹"Đức Chúa TRỜI của sự ca-tụng của con ôi,
Xin đừng nín-lặng!
²Vì chúng nó đã mở cái miệng ác-độc và gian-dối chống
lại con;
Chúng đã nói chống lại con với cái lưỡi nói dối.
³Chúng cũng đã vây-phủ con với các lời căm-ghét,
Và đã vô cớ đánh chống con.
⁴Để đáp lại tình thương của con, chúng hành-động như
những kẻ buộc tội con;
Nhưng con ở trong sự cầu-nguyện.
⁵Như thế, chúng lấy xấu-xa trả tốt-lành,
Và lấy căm-ghét trả cho tình thương của con.

⁶"Xin chỉ-định một kẻ ác *cai-trị* hấn,
Và xin để một kẻ buộc tội đứng bên tay hữu của hấn.
⁷Khi hấn bị phán-xét, nguyện hấn bị kết tội,
Và xin cho lời cầu-nguyện của hấn trở thành tội-lỗi.
⁸Nguyện các ngày của hấn là ít;
Xin cho một kẻ khác chiếm lấy chức-phận hấn.
⁹Nguyện các đứa con của hấn là những kẻ không cha,
Và vợ hấn là một góa-phụ.
¹⁰Nguyện các đứa con của hấn đi lang-thang và xin-ăn;
Và xin cho chúng *kiếm ăn* xa khỏi các nhà bị đô-nát của
chúng.
¹¹Nguyện chủ-nợ lấy hết mọi vật hấn có;
Và xin cho các kẻ lạ cướp bóc sản-phẩm của sự lao-động
của hấn.
¹²Nguyện chẳng có ai tiếp-tục ân-cần thương-yêu hấn,
Cũng chẳng có ai khoan-dung với con cái không cha của
hấn,
¹³Nguyện hậu-tự hấn bị diệt đi;
Trong một thế-hệ sau, xin tên chúng bị xóa mất đi.

¹⁴"Nguyện sự gian-ác của tổ-phụ của hấn bị ghi nhớ trước
mặt Đức GIA-VÊ,
Và xin đừng cho tội của mẹ hấn được bỏ đi.
¹⁵Xin chúng liên-tục hiện diện trước mặt Đức GIA-VÊ,
Để Ngài có thể cắt đứt ký ức về chúng nó khỏi trái đất;
¹⁶Bởi vì hấn đã quên biểu lộ lòng ân-cần thương-yêu,
Nhưng bắt bớ kẻ khốn-cùng và thiếu-thốn,
Và kẻ thất-vọng trong tâm, đặng giết họ chết.
¹⁷Hấn cũng ưa rửa-sả, thế là sự rửa-sả đã đến với hấn;
Và hấn đã chẳng ưa chúc phước, thế là nó đã xa khỏi hấn.
¹⁸Nhưng hấn mặc cho hấn việc rửa-sả như mặc áo,
Rồi việc rửa-sả đã đi vào nội tạng của hấn như nước,
Và như dầu vào trong các xương của hấn.
¹⁹Nguyện việc rửa-sả đối với hấn như cái áo mà hấn che
minh hấn,
Và như cái đai mà hấn luôn luôn thắt lưng hấn.
²⁰Đây là phần-thưởng cho những kẻ buộc tội ta từ Đức
GIA-VÊ,
Và cho những kẻ nói xấu hồn ta.

Psalms 108.13-109.20

¹³Through God we shall do valiantly;
And it is He who will tread down our adversaries.

PSALM 109

¹"O GOD of my praise,
Do not be silent!
²For they have opened the wicked and deceitful mouth
against me;
They have spoken against me with a lying tongue.
³They have also surrounded me with words of hatred,
And fought against me without cause.
⁴In return for my love they act as my accusers;
But I am *in* prayer.
⁵Thus they have repaid me evil for good,
And hatred for my love.

⁶Appoint a wicked man over him;
And let an accuser stand at his right hand.
⁷When he is judged, let him come forth guilty;
And let his prayer become sin.
⁸Let his days be few;
Let another take his office.
⁹Let his children be fatherless,
And his wife a widow.
¹⁰Let his children wander about and beg;
And let them seek *sustenance* far from their ruined homes.
¹¹Let the creditor seize all that he has;
And let strangers plunder the product of his labor.
¹²Let there be none to continue lovingkindness to him,
Nor any to be gracious to his fatherless children.
¹³Let his posterity be cut off;
In a following generation let their name be blotted out."

¹⁴"Let the iniquity of his fathers be remembered before
YHWH,
And do not let the sin of his mother be blotted out.
¹⁵Let them be before YHWH continually,
That He may cut off their memory from the earth;
¹⁶Because he did not remember to show lovingkindness,
But persecuted the afflicted and needy man,
And the despondent in heart, to put *them* to death.
¹⁷He also loved cursing, so it came to him;
And he did not delight in blessing, so it was far from him.
¹⁸But he clothed himself with cursing as with his garment,
And it entered into his inward parts like water,
And like oil into his bones.
¹⁹Let it be to him as a garment with which he covers
himself,
And for a belt with which he constantly girds himself,
²⁰This is the reward of my accusers from YHWH,
And of those who speak evil against my soul.

Psalms 109.21-111

21But Thou, YHWH, the Lord, deal *kindly* with me for Thy name's sake;
Because Thy lovingkindness is good, deliver me;
22For I am afflicted and needy,
And one has pierced my heart within me.
23I am passing like a shadow when it lengthens;
I am shaken off like the locust.
24My knees are weak from fasting,
And my flesh has grown lean, without fatness.
25I also have become a reproach to them;
When they see me, they wag their head.

26Help me, O YHWH my God;
Save me according to Thy lovingkindness.
27And let them know that this is Thy hand;
Thou, YHWH, have done it.
28Let them curse, but Thou bless;
When they arise, they shall be ashamed,
29Let my accusers be clothed with dishonor,
And let them cover themselves with their own shame as with a robe.

30With my mouth I will give thanks abundantly to YHWH;
And in the midst of many I will praise Him.
31For He stands at the right hand of the needy,
To save him from those who judge his soul.

PSALM 110

1YHWH says to my Lord:
"Sit at My right hand,
Until I make Thine enemies a footstool for Thy feet."

2"YHWH will stretch forth Thy strong scepter from Zion,
saying,
'Rule in the midst of Thine enemies.'
3Thy people will be freewill offerings in the day of Thy army;
In holy array, from the womb of the dawn,
Thy youth are to Thee as the dew.

4"YHWH has sworn and will not be sorry,
'Thou art a priest forever
According to the order of Melchizedek.'
5The Lord is at Thy right hand;"
He will shatter kings in the day of His wrath.
6He will judge among the nations,
He will *fill* them with corpses,
He will shatter the chief men over a broad country.
7He will drink from the brook by the wayside;
Therefore He will lift up *His* head.

PSALM 111

Thánh-thi 109.21-111

21Nhưng Chúa, *Đức* GIA-VÊ, Chúa ôi, xin hậu-đãi con vì cơ danh của Chúa;
Vì sự ân-cần thương-yêu của Chúa là tốt, xin giải-cứu con;
22Vì con khôn-cùng và thiếu-thốn,
Và người đâm thủng tim con ở trong con.
23Con đang qua đời như bóng kéo dài ra;
Con bị tống khứ như cào cào.
24Đầu gối con yếu vì kiêng ăn,
Và thịt con dần dần gầy còm, không có mỡ.
25Con cũng đã thành sự si-nhục cho chúng;
Khi chúng thấy con, chúng lắc đầu.

26Xin giúp-đỡ con, ôi GIA-VÊ *Đức* Chúa TRỜI của con;
Xin cứu con theo sự ân-cần thương-yêu của Chúa.
27Và xin để chúng biết rằng đây là bàn tay của Chúa;
Chúa, *Đức* GIA-VÊ ôi, đã làm điều đó.
28Xin để chúng rửa-sả, nhưng Chúa cứ ban phước;
Khi chúng chỗi dậy, chúng sẽ bị hổ-thẹn,
29Xin để những kẻ buộc tội con bị mặc vào sự si-nhục,
Và để chúng tự bao-phủ chúng bằng cái xấu hổ riêng của chúng như bằng cái áo choàng.

30Với miệng tôi, tôi sẽ hết sức cảm-tạ *Đức* GIA-VÊ;
Và giữa nhiều người tôi sẽ ca-tụng Ngài.
31Vì Ngài đứng bên hữu người thiếu-thốn,
Để cứu người khỏi những kẻ đoán-xét hồn người.

THÁNH-THI 110

Đức GIA-VÊ ban quyền cai-trị cho Vua ấy
Người viết: Đa-vít

1*Đức* GIA-VÊ nói với Chúa tôi:
"Hãy ngồi bên tay hữu của Ta,
Cho đến khi Ta làm các kẻ thù của Chúa là bệ chân cho các bàn chân của Chúa.

2"*Đức* GIA-VÊ từ Si-ôn sẽ giương cây trượng của Chúa ra, *phán:*
'Hãy cai-trị giữa các kẻ thù của Chúa.'
3Dân Chúa sẽ là những của-lễ tình-nguyện trong ngày có quân-đội của Chúa;
Trong đội hình thánh, từ từ-cung của buổi rạng đông,
Thanh-niên của Chúa đối với Chúa như sương mai.

4"GIA-VÊ đã thề và sẽ không tiếc,
'Chúa là thầy tế-lễ mãi mãi
Theo ban Mên-chi-xê-đéc.'
5Chúa ở bên tay hữu của Chúa;"
Ngài sẽ chà-nát các vua trong ngày thịnh-nộ của Ngài.
6Ngài sẽ phán-xét ở giữa các quốc-gia,
Ngài sẽ rải *đầy* các nước với xác chết,
Ngài sẽ chà-nát những thù-linh trên một xứ rộng lớn.
7Ngài sẽ uống nước từ khe bên đường;
Vì thế Ngài sẽ ngược đầu của Ngài lên.

THÁNH-THI 111

Ca-tụng Đức GIA-VÊ vì sự tốt-lành của Ngài
Người viết: Vô-danh

Thánh-thi 111.1-112.10

¹Hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ!
Tôi sẽ cảm-tạ Đức GIA-VÊ với tất cả tâm-lòng của tôi,
Trong đám người ngay thẳng và trong hội-chúng.
²Lớn-lao thay những công việc của Đức GIA-VÊ;
Mà mọi kẻ ưa-thích chúng nghiên-cứu chúng,
³Huy-hoàng và oai-nghi là việc làm của Ngài;
Và sự công-chính của Ngài tồn-tại mãi mãi.
⁴Ngài đã làm các việc kỳ-diệu của Ngài để được nhớ đến;
Đức GIA-VÊ thì khoan-dung và có lòng thương-xót.
⁵Ngài đã ban thực-phẩm cho những kẻ kinh-sợ Ngài;
Ngài sẽ nhớ giao-ước của Ngài mãi mãi.
⁶Ngài đã cho dân Ngài biết quyền-năng những việc làm
của Ngài,
Bằng việc ban cho họ của thừa-kế trong các quốc-gia.

⁷Các việc của những bàn tay Ngài là lẽ-thật và công-lý;
Tất cả lời dạy của Ngài là chắc-chắn;
⁸Chúng được duy-trì đời đời và vô cùng;
Chúng được thực-hiện bằng lẽ-thật và sự ngay-thẳng.
⁹Ngài đã sai sự cứu-chuộc đến cùng dân Ngài;
Ngài đã định trước giao-ước Ngài mãi mãi;
Thánh và đáng kinh-sợ thay danh Ngài.
¹⁰Sự kinh-sợ Đức GIA-VÊ là sự khởi-đầu của sự khôn-
ngoan;
Mọi kẻ thi-hành các điều-răn Ngài có được sự hiểu-biết
tốt-lành;
Sự ca-tụng Ngài tồn-tại mãi mãi.

THÁNH-THI 112

Sự phồn-vinh của người kinh-sợ Đức GIA-VÊ
Người viết: Vô-danh

¹Hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ!
Phước thay cho người kinh-sợ Đức GIA-VÊ,
Rất ưa-thích các điều-răn của Ngài.
²Dòng-gióng người sẽ mạnh-mẽ trên đất;
Thế-hệ của người ngay-thẳng sẽ được phước.
³Của-cải và sự giàu-có đều ở trong nhà người,
Và sự công-chính của người tồn-tại mãi mãi.
⁴Ánh-sáng chói-dậy trong tối-tăm cho người ngay-thẳng,
Ngài thì khoan-dung và có lòng thương-xót và công-chính.
⁵Thật là tốt cho người khoan-dung và cho mọn;
Người sẽ duy-trì nguyên cơ của mình trong sự phán-xét.
⁶Vi người sẽ chẳng bao giờ bị lay động;
Người công-chính sẽ được ghi nhớ mãi mãi.
⁷Người sẽ không sợ tin hung;
Tâm của người kiên-định, trông-cậy nơi Đức GIA-VÊ.
⁸Tâm người được giữ vững, người sẽ không sợ-hãi,
Cho đến khi người nhìn các kẻ địch của mình với sự hả hê.
⁹Người đã cho không kẻ nghèo;
Sự công-chính của người tồn-tại mãi mãi;
Sừng của người sẽ được nâng cao trong vinh-dự.

¹⁰Kẻ độc-ác sẽ thấy điều ấy và khó chịu;
Hắn sẽ nghiền răng của hắn và tan biến đi;
Sự ham muốn của kẻ độc-ác sẽ hư mất.

Psalms 111.1-112.10

¹Praise YHWH!
I will give thanks to YHWH with all *my* heart,
In the company of the upright and in the assembly.
²Great are the works of YHWH;
They are studied by all who delight in them.
³Splendid and majestic is His work;
And His righteousness endures forever.
⁴He has made His wonders to be remembered;
YHWH is gracious and compassionate.
⁵He has given food to those who fear Him;
He will remember His covenant forever.
⁶He has made known to His people the power of His
works,
In giving them the heritage of the nations.

⁷The works of His hands are truth and justice;
All His precepts are sure.
⁸They are upheld forever and ever;
They are performed in truth and uprightness.
⁹He has sent redemption to His people;
He has ordained His covenant forever;
Holy and awesome is His name.
¹⁰The fear of YHWH is the beginning of wisdom;
A good understanding have all those who do His
commandments;
His praise endures forever.

PSALM 112

¹Praise YHWH!
How blessed is the man who fears YHWH,
Who greatly delights in His commandments.
²His seed will be mighty on earth;
The generation of the upright will be blessed.
³Wealth and riches are in his house,
And his righteousness endures forever.
⁴Light arises in the darkness for the upright;
He is gracious and compassionate and righteous.
⁵It is well with the man who is gracious and lends,
He will maintain his cause in judgment.
⁶For he will never be shaken;
The righteous will be remembered forever.
⁷He will not fear evil tidings;
His heart is steadfast, trusting in YHWH.
⁸His heart is upheld, he will not fear,
Until he looks *with satisfaction* on his adversaries.
⁹He has given freely to the poor;
His righteousness endures forever;
His horn will be exalted in honor.

¹⁰The wicked will see it and be vexed;
He will gnash his teeth and melt away;
The desire of the wicked will perish.

PSALM 113

1Praise YHWH!
Praise, O servants of YHWH.
Praise the name of YHWH.
2Blessed be the name of YHWH
From this time forth and forever.
3From the rising of the sun to its setting
The name of YHWH is be praised.
4YHWH is high above all nations;
His glory is above the heavens.

5Who is like YHWH our God,
Who is enthroned on high,
6Who humbles Himself to behold
The things that are in heaven and in the earth?
7He raises the poor from the dust,
And lifts the needy from the ash heap,
8To make *them* sit with princes,
With the princes of His people.
9He makes the barren woman abide in the house
As a joyful mother of children.
Praise YHWH!

PSALM 114

1When Israel went forth from Egypt,
The house of Jacob from a people of strange language,
2Judah became His sanctuary,
Israel, His dominion.

3The sea looked and fled;
The Jordan turned back.
4The mountains skipped like rams,
The hills, like lambs.
5What ails you, O sea, that you flee?
O Jordan, that you turn back?
6O mountains, that you skip like rams?
O hills, like lambs?

7Tremble, O earth, before the Lord,
Before the God of Jacob,
8Who turned the rock into a pool of water,
The flint into a fountain of water.

PSALM 115

1"Not to us, O YHWH, not to us,
But to Thy name give glory
Because of Thy lovingkindness, because of Thy truth.
The work of man's hands.

THÁNH-THI 113

Đức GIA-VÊ nâng người khiêm-nhường lên
Người viết: Vô-danh

1Hãy ca-tụng *Đức GIA-VÊ!*
Hãy ca-tụng, hỡi các tôi-tớ của *Đức GIA-VÊ.*
Hãy ca-tụng danh *Đức GIA-VÊ.*
2Đáng chúc-tụng thay danh của *Đức GIA-VÊ*
Từ thời-điểm này trở đi mãi mãi.
3Từ mặt trời mọc tới mặt trời lặn
Danh *Đức GIA-VÊ* phải được ca-tụng.
4*Đức GIA-VÊ* cao bên trên mọi quốc-gia;
Vinh-quang của Ngài ở bên trên các tầng trời.

5Ai như *GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI* của chúng ta,
Đấng ngồi trên ngôi nơi cao,
6Đấng tự hạ mình xuống để xem
Các vật ở trong trời và trên trái đất?
7Ngài nâng kẻ nghèo lên khỏi bụi-đất,
Và đỡ kẻ thiếu-thốn lên khỏi đống tro,
8Để khiến *họ* ngồi với những ông hoàng,
Với những ông hoàng của dân Ngài.
9Ngài khiến người đàn-bà hiếm muộn ở trong nhà
Như một người mẹ vui-vẻ của những đứa con.
Hãy ca-tụng *Đức GIA-VÊ!*

THÁNH-THI 114

Sự giải-phóng Y-sơ-ra-ên của Đức Chúa TRỜI khỏi Ê-díp-tô
Người viết: Vô-danh

1Khi Y-sơ-ra-ên đi ra từ Ê-díp-tô,
Nhà Gia-cốp từ một dân-tộc có ngôn-ngữ xa-lạ,
2Giu-đa trở thành nơi thánh của Ngài,
Y-sơ-ra-ên, lãnh thổ của Ngài.

3Biển nhìn và chạy trốn;
Sông Giô-đanh chảy lui.
4Các núi nhảy như những chiên đực,
Các đồi, như những chiên con.
5Cái gì khiến người đau nhức, ở biển, để người chạy trốn?
Bờ Giô-đanh, khiến người chảy lui?
6Bờ các núi, khiến người nhảy như những chiên đực?
Ồ các đồi, như những chiên con?

7Hãy run-rẩy, bờ đất, trước mặt Chúa,
Trước mặt *Đức Chúa TRỜI* của Gia-cốp,
8Là Đấng đã biến tảng đá thành một ao nước,
Đá lửa thành một nguồn nước.

THÁNH-THI 115

So-sánh các hình-tượng với Đức GIA-VÊ
Người viết: Vô-danh

1"Đừng cho chúng con, *Đức GIA-VÊ* ôi, đừng cho chúng con,
Nhưng cho danh của Chúa, xin ban vinh-quang
Vì sự ân-cần thương-yêu của Chúa, vì lẽ-thật của Chúa.

Thánh-thi 115.2-116.5

²Tại sao các quốc-gia lại nói:
'Bây giờ, Đức Chúa TRỜI của chúng ở đâu?' "

³Nhưng Đức Chúa TRỜI của chúng ta ở trong các tầng trời;
Ngài làm bất cứ điều gì Ngài thích.
⁴Các hình-tượng của chúng là bạc và vàng,
Việc làm của bàn tay loài người.
⁵Chúng có miệng, nhưng chúng không thể nói;
Chúng có mắt, nhưng chúng không thể thấy;
⁶Chúng có lỗ tai, nhưng chúng không thể nghe;
Chúng có lỗ mũi, nhưng chúng không thể ngửi;
⁷Chúng có bàn tay, nhưng chúng không thể cầm-giác;
Chúng có bàn chân, nhưng chúng không thể bước đi;
Chúng không thể phát tiếng bằng cuống họng của chúng.
⁸Những kẻ tạo ra chúng sẽ trở thành như chúng,
Mọi kẻ trông-cậy nơi chúng.

⁹Hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy trông-cậy nơi Đức GIA-VÊ;
Ngài là sự giúp-đỡ của họ và là cái khiên của họ.
¹⁰Hỡi nhà A-rôn, hãy trông-cậy nơi Đức GIA-VÊ;
Ngài là sự giúp-đỡ họ và là cái khiên của họ.
¹¹Các người, những kẻ kinh-sợ Đức GIA-VÊ, hãy trông-cậy nơi Đức GIA-VÊ;
Ngài là sự giúp-đỡ của họ và là cái khiên của họ.

¹²Đức GIA-VÊ đã lưu tâm đến chúng ta; Ngài sẽ ban phước cho chúng ta;
Ngài sẽ ban phước cho nhà Y-sơ-ra-ên;
Ngài sẽ ban phước cho nhà A-rôn.
¹³Ngài sẽ ban phước cho những kẻ kinh-sợ Đức GIA-VÊ,
Kẻ nhỏ cùng với kẻ lớn.
¹⁴Nguyện Đức GIA-VÊ ban cho các người sự gia-tăng,
Các người và những đứa con của các người.
¹⁵Nguyện các người được phước từ Đức GIA-VÊ,
Đấng Tạo-hóa của trời và đất.

¹⁶Các tầng trời là những tầng trời của Đức GIA-VÊ;
Song trái đất Ngài đã ban cho con trai của loài người.
¹⁷Những kẻ chết chẳng ca-tụng Đức GIA-VÊ,
Cũng thể bất cứ ai đi xuống trong cõi nín-lặng;
¹⁸Còn chúng ta, chúng ta sẽ chúc-tụng Đức GIA-VÊ
Từ thời-điểm này trở đi và mãi mãi.
Hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ!

THÁNH-THI 116

Cảm-tạ Chúa vì được cứu khỏi chết
Người viết: Vô-danh

¹Tôi yêu Đức GIA-VÊ, bởi vì Ngài nghe
Tiếng tôi và các lời nài-xin của tôi.
²Bởi vì Ngài đã nghiêng tai Ngài về tôi,
Bởi vậy chừng nào tôi còn sống thì tôi sẽ cầu-khẩn Ngài.
³Những dây sự chết đã vây quanh tôi,
Và các sự kinh-hãi từ Âm-phủ đã đến trên tôi;
Tôi đã gặp cảnh khốn-cùng và đau-buồn.
⁴Lúc đó tôi đã kêu-cầu danh Đức GIA-VÊ:
"Đức GIA-VÊ ôi, con van-nài Chúa, xin cứu hồn con!"

⁵Khoan-dung là Đức GIA-VÊ, và công-chính;
Phải, Đức Chúa TRỜI chúng ta có lòng thương-xót.

Psalms 115.2-116.5

²Why should the nations say,
'Where, now, is their God?' "

³But our God is in heavens;
He does whatever He pleases.
⁴Their idols are silver and gold,
⁵They have mouths, but they cannot speak;
They have eyes, but they cannot see;
⁶They have ears, but they cannot hear;
They have noses, but they cannot smell;
⁷They have hands, but they cannot feel;
They have feet, but they cannot walk;
They cannot make a sound with their throat.
⁸Those who make them will become like them,
Everyone who trusts in them.

⁹O Israel, trust in YHWH;
He is their help and their shield.
¹⁰O house of Aaron, trust in YHWH;
He is their help and their shield.
¹¹You who fear YHWH, trust in YHWH;
He is their help and their shield.

¹²YHWH has been mindful of us, He will bless us;
He will bless the house of Israel;
He will bless the house of Aaron.
¹³He will bless those who fear YHWH,
The small together with the great.
¹⁴May YHWH give you increase,
You and your children.
¹⁵May you be blessed of YHWH,
Maker of heaven and earth.

¹⁶The heavens are the heavens of YHWH;
But the earth He has given to the sons of men.
¹⁷The dead do not praise YHWH,
Nor do any who go down into silence;
¹⁸But as for us, we will bless YHWH
From this time forth and forever.
Praise YHWH!

PSALM 116

¹I love YHWH, because He hears
My voice and my supplications.
²Because He has inclined His ear to me,
Therefore I shall call upon Him as long as I live.
³The cords of death encompassed me,
And the terrors of Sheol came upon me;
I found distress and sorrow.
⁴Then I called upon the name of YHWH:
"O YHWH, I beseech Thee, save my soul!"

⁵Gracious is YHWH, and righteous;
Yes, our God is compassionate.

Psalms 116.6-118.5

⁶YHWH preserves the simple;
I was brought low, and He saved me.

⁷Return to your rest, O my soul,
For YHWH has dealt bountifully with you.

⁸"For Thou hast rescued my soul from death,
My eyes from tears,
My feet from stumbling.

⁹I shall walk before YHWH
In the lands of the living.

¹⁰I believed when I said,
'I am greatly afflicted.'

¹¹I said in my alarm,
'All men are liars.' "

¹²What shall I render to YHWH
For all His benefits toward me?

¹³I shall lift up the cup of salvation,
And call upon the name of YHWH.

¹⁴I shall pay my vows to YHWH,
Oh *may it be* in the presence of all His people.

¹⁵Precious in the sight of YHWH
Is the death of His godly ones.

¹⁶"O YHWH, surely I am Thy servant,
I am Thy servant, the son of Thy handmaid,
Thou hast loosed my bonds.

¹⁷To Thee I shall offer a sacrifice of thanksgiving,
And call upon the name of YHWH."

¹⁸I shall pay my vows to YHWH,
Oh *may it be* in the presence of all His people,

¹⁹In the courts of YHWH's house,
In the midst of you, O Jerusalem.
Praise YHWH!

PSALM 117

¹Praise YHWH, all nations;
Laud Him, all peoples!

²For His lovingkindness is great toward us.
And the truth of YHWH is everlasting.
Praise YHWH!

PSALM 118

¹Give thanks to YHWH, for He is good;
For His lovingkindness is everlasting.

²Oh let Israel say,
"His lovingkindness is everlasting."

³Oh let the house of Aaron say,
"His lovingkindness is everlasting."

⁴Oh let those who fear YHWH say,
"His lovingkindness is everlasting."

⁵From *my* distress I called upon YHWH;
YHWH answered me *and set me* in a large place.

Thánh-thi 116.6-118.5

⁶Đức GIA-VÊ bảo-vệ người thật-thà;
Tôi đã bị hạ thấp, và Ngài đã cứu tôi.

⁷Hãy trở về nơi nghỉ-ngơi của người, hồi hồn ta,
Vì Đức GIA-VÊ đã đối-đãi người một cách rộng-rãi.

⁸"Vì Chúa đã giải-cứu hồn con khỏi sự chết,
Đôi mắt con khỏi các giọt lệ,
Những bàn chân con khỏi vấp ngã.

⁹Con sẽ đi trước mặt Đức GIA-VÊ
Trong các mảnh đất của kẻ sông.

¹⁰Con đã tin khi con đã nói:
'Con đã bị đau khổ nhiều.'

¹¹Con đã nói trong sự hoảng-hốt của con:
'Mọi người đều là những kẻ nói dối.' "

¹²Cái gì tôi sẽ hoàn lại Đức GIA-VÊ
Vì mọi phúc-lợi của Ngài dành cho tôi?

¹³Tôi sẽ nâng cái chén cứu-rỗi lên,
Và cầu-khẩn danh Đức GIA-VÊ.

¹⁴Tôi sẽ trả xong lời nguyện của tôi cho Đức GIA-VÊ,
Ôi, *xin là vậy* trong sự hiện-diện của tất cả dân Ngài.

¹⁵Quý-báu trong cái nhìn của Đức GIA-VÊ
Là cái chết các người thánh của Ngài.

¹⁶"Đức GIA-VÊ ôi, chắc-chắn con là tôi-tớ của Chúa,
Con là tôi-tớ của Chúa, đứa con trai của con đòi của Chúa,
Chúa đã cởi bỏ các xiềng-xích của con.

¹⁷Cho Chúa, con sẽ dâng của-lễ tạ ơn,
Và cầu-khẩn danh Đức GIA-VÊ."

¹⁸Tôi sẽ trả xong lời nguyện của tôi cho Đức GIA-VÊ,
Ôi, *xin là vậy* trong sự hiện-diện của tất cả dân Ngài,

¹⁹Trong các sân của đền của Đức GIA-VÊ,
Ở giữa người, hồi Giê-ru-sa-lem.

Hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ!

THÁNH-THI 117

Một thánh-thi ca-tụng

Người viết: Vô-danh

¹Hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ, mọi quốc-gia;
Hãy ca-ngợi Ngài, hồi tất cả các dân-tộc!

²Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài rất lớn cho chúng ta,
Và lẽ-thật của Đức GIA-VÊ là đời đời.
Hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ!

THÁNH-THI 118

Hãy tạ-ơn Đức GIA-VÊ vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài tồn-tại đời đời

Người viết: Vô-danh

¹Hãy tạ ơn Đức GIA-VÊ, vì Ngài là thiện;
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời.

²Ôi, Y-sơ-ra-ên hãy nói:
"Sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời."

³Ôi, nhà A-rôn hãy nói:
"Sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời."

⁴Ôi, những kẻ kinh-sợ Đức GIA-VÊ hãy nói:
"Sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời."

⁵Từ nỗi khổ-đau tôi cầu-khẩn Đức GIA-VÊ;
Đức GIA-VÊ đáp lời tôi và đặt tôi trong một chỗ rộng-rãi.

Thánh-thi 118.6-118.29

⁶Đức GIA-VÊ vì tôi, tôi sẽ không sợ;
Loài người có thể làm điều gì cho tôi?
⁷Đức GIA-VÊ vì tôi ở giữa vòng những kẻ giúp-đỡ tôi;
Bởi thế tôi sẽ nhìn những kẻ ghét tôi *với sự hả hê*.
⁸Ấy là tốt để ẩn-náu trong Đức GIA-VÊ
Hơn là trông-cậy nơi loài người.
⁹Ấy là tốt để ẩn-náu trong Đức GIA-VÊ
Hơn là trông-cậy nơi các vua-chúa.

¹⁰Tất cả các quốc-gia đã vây tôi;
Trong danh Đức GIA-VÊ tôi chắc-chắn sẽ diệt chúng.
¹¹Chúng vây tôi, đúng, chúng vây tôi;
Trong danh Đức GIA-VÊ tôi chắc-chắn sẽ diệt chúng.
¹²Chúng bủa vây tôi như những con ong;
Chúng bị dập tắt như lửa bụi gai;
Trong danh Đức GIA-VÊ tôi chắc-chắn sẽ diệt chúng.
¹³Người đã xô ta một cách hung-bạo hầu cho ta ngã,
Nhưng Đức GIA-VÊ đã giúp-đỡ ta.
¹⁴Đức GIA-VÊ là sức mạnh và là bài ca của ta,
Và Ngài đã trở thành sự cứu-rỗi của ta.

¹⁵Tiếng reo-hò vui-vẻ và sự cứu-rỗi thì ở trong các lều của
các người công-chính;
Bàn tay hữu Đức GIA-VÊ làm một cách dũng-cảm.
¹⁶Bàn tay hữu Đức GIA-VÊ được nâng cao;
Bàn tay hữu Đức GIA-VÊ làm một cách dũng-cảm.
¹⁷Tôi sẽ không chết, nhưng sống,
Và nói về các việc làm của Đức GIA-VÊ.
¹⁸Đức GIA-VÊ đã kỷ-luật tôi một cách nghiêm-khắc,
Nhưng Ngài đã chẳng phó tôi cho sự chết.

¹⁹"Xin mở cho con những cổng công-chính;
Con sẽ đi vào xuyên qua chúng, con sẽ tạ ơn Đức GIA-
VÊ.
²⁰"Đây là cái cổng của Đức GIA-VÊ;
Kẻ công-chính sẽ đi vào xuyên qua nó.
²¹"Con sẽ tạ ơn Chúa, vì Chúa đã đáp lời con;
Và Chúa đã trở thành sự cứu-rỗi con."

²²Hòn đá mà các thợ nề đã loại ra
Đã trở nên đá đầu góc nhà.
²³Đây là việc làm của Đức GIA-VÊ;
Nó kỳ-diệu trước mắt chúng ta.
²⁴Đây là cái ngày Đức GIA-VÊ đã lập;
Chúng ta hãy mừng-rỡ và vui-vẻ trong nó.
²⁵"Đức GIA-VÊ ôi, xin cứu, chúng con nài-xin Chúa;
Đức GIA-VÊ ôi, chúng con nài-xin Chúa, xin đem đến sự
phồn-vinh!"

²⁶Phước thay cho kẻ đến trong danh Đức GIA-VÊ;
Chúng ta đã chúc-phước cho người từ đền của Đức GIA-
VÊ.
²⁷Đức GIA-VÊ là Đức Chúa TRỜI, và Ngài đã ban cho
chúng ta sự sáng;
Hãy cột tể-vật bằng các dây vào các sừng của bàn-thờ.
²⁸"Chúa là Đức Chúa TRỜI của con, và con cảm-tạ Chúa;
Chúa là Đức Chúa TRỜI của con, con ca-tụng Chúa."
²⁹Hãy cảm-tạ Đức GIA-VÊ, vì Ngài là thiện;
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời.

Psalms 118.6-118.29

⁶YHWH is for me; I will not fear;
What can man do to me?
⁷YHWH is for me among those who help me;
Therefore I shall look *with satisfaction* on those who hate
me.
⁸It is better to take refuge in YHWH
Than to trust in man.
⁹It is better to take refuge in YHWH
Than to trust in princes.

¹⁰All nations surrounded me;
In the name of YHWH I will surely cut them off.
¹¹They surrounded me, yes, they surrounded me;
In the name of YHWH I will surely cut them off.
¹²They surrounded me like bees;
They were extinguished as a fire of thorns;
In the name of YHWH I will surely cut them off.
¹³You pushed me violently so that I was felling,
But YHWH helped me.
¹⁴YHWH is my strength and song,
And He has become my salvation.

¹⁵The sound of joyful shouting and salvation is in the
tents of the righteous;
The right hand of YHWH does valiantly.
¹⁶The right hand of YHWH is exalted;
The right hand of YHWH does valiantly.
¹⁷I shall not die, but live,
And tell of the works of YHWH.
¹⁸YHWH has disciplined me severely,
But He has not given me over to death.

¹⁹"Open to me the gates of righteousness;
I shall enter through them, I shall give thanks to YHWH.
²⁰"This is the gate of YHWH;
The righteous will enter through it.
²¹"I shall give thanks to Thee, for Thou hast answered me;
And Thou hast become my salvation."

²²The stone which the builders rejected
Has become the chief corner stone.
²³This is YHWH's doing.
It is marvelous in our eyes.
²⁴This is the day which YHWH has made;
Let us rejoice and be glad in it.
²⁵"O YHWH, do save, we beseech Thee,
O YHWH, we beseech Thee, do send prosperity!"

²⁶Blessed is the one who comes in the name of YHWH;
We have blessed you from the house of YHWH.
²⁷YHWH is God, and He has given us light;
Bind the festival sacrifice with cords to the horns of the
altar,
²⁸"Thou art my God, and I give thanks to Thee;
Thou art my God, I extol Thee."
²⁹Give thanks to YHWH, for He is good;
For His lovingkindness is everlasting.

PSALM 119

Aleph

1How blessed are those whose way is blameless,
Who walk in the law of YHWH.
2How blessed are those who observe His testimonies,
Who seek Him with all *their* heart.
3They also do no unrighteousness,
They walk in His ways.
4"Thou hast ordained Thy precepts,
That we should keep *them* diligently.
5Oh that my ways may be established
To keep Thy statutes!
6Then I shall not be ashamed
When I look upon all Thy commandments.
7I shall give thanks to Thee with uprightness of heart,
When I learn Thy righteous judgments.
8I shall keep Thy statutes;
Do not forsake me utterly!"

Beth

9"How can a young man keep his way pure?
By keeping *it* according to Thy word.
10With all my heart I have sought Thee;
Do not let me wander from Thy commandments.
11Thy word I have treasured in my heart,
That I may not sin against Thee.
12Blessed art Thou, O YHWH;
Teach me Thy statutes.
13With my lips I have told of
All the ordinances of Thy mouth.
14I have rejoiced in the way of Thy testimonies,
As over all riches.
15I will meditate on Thy precepts,
And regard Thy ways.
16I shall delight in Thy statutes;
I shall not forget Thy word."

Gimel

17"Deal bountifully with Thy servant,
That I may live and keep Thy word.
18Open my eyes, that I may behold
Wonderful things from Thy law.
19I am a stranger in the earth;
Do not hide Thy commandments from me.
20My soul is crushed for longing
After Thine ordinances at all times.

THÁNH-THI 119

Những suy-gẫm và các lời cầu-nguyện liên-hệ với Luật-pháp của Đức Chúa TRỜI

Người viết: Vô-danh, có thể là E-xo-ra, thầy tế-lễ ấy

A-lép⁽¹⁾

1Phước thay cho những kẻ mà đường-lối của họ không
chỗ trách được,
Là những kẻ bước đi trong luật-pháp của Đức GIA-VÊ.
2Phước thay cho những kẻ tuân-phục những chứng-cớ của
Ngài,
Là những kẻ tìm-câu Ngài với tất cả tâm của họ.
3Họ cũng không làm sự bất chính;
Họ bước đi trong các đường-lối của Ngài.
4"Chúa đã chi-định trước các lời giáo-huấn của Chúa,
Để chúng con phải giữ một cách chuyên-cần.
5Ôi, ước gì các đường-lối của con có thể được vững-lập
Để giữ các luật-lệ của Chúa!
6Thế thì con sẽ không bị hổ-thẹn
Khi con tra xem mọi điều-răn của Chúa.
7Con sẽ cảm-tạ Chúa với sự ngay thẳng của tâm-lòng,
Khi con học các phán-xét công-chính của Chúa.
8Con sẽ giữ các luật-lệ của Chúa;
Xin đừng hoàn-toàn bỏ rơi con!"

Bét

9"Làm sao một người trai trẻ có thể giữ đường-lối của
mình trong-sạch?
Bằng việc giữ *nó* theo lời Chúa.
10Với tất cả tâm con, con đã tìm-câu Chúa;
Xin đừng để con đi lạc khỏi các điều-răn của Chúa.
11Lời Chúa, con đã tàng-trữ trong tâm con,
Để con không được phạm tội cùng Chúa.
12Chúa đáng được tán-tụng, Đức GIA-VÊ ôi;
Xin dạy con các luật-lệ của Chúa.
13Với *đôi* môi con, con đã nói về
Tất cả mạng-lệnh của miệng của Chúa.
14Con đã vui trong đường-lối có các chứng-cớ của Chúa,
Như *vui* trên tất cả của-cải.
15Con sẽ suy-gẫm các giáo-huấn của Chúa,
Và xem trọng các đường-lối của Chúa.
16Con sẽ ưa-thích các luật-lệ của Chúa;
Con sẽ không quên lời Chúa."

Ghí-mèn

17"Xin đối-xử rộng-rãi với tôi-tớ này của Chúa,
Để con được sống và giữ lời Chúa.
18Xin mở cặp mắt của con, để con được nhìn thấy
Các điều kỳ-diệu từ luật-pháp của Chúa.
19Con là một khách lạ trên mặt đất;
Xin đừng giấu những điều-răn của Chúa khỏi con.
20Hồn con tan nát vì khao-khát
Các mạng-lệnh của Chúa luôn luôn.

¹A-lép: chữ thứ nhất trong bộ chữ Hê-bơ-rơ; 22 đoạn của Thánh-thi này có tên theo 22 chữ của bộ chữ theo thứ tự

Thánh-thi 119.21-119.43

21Chúa quở-trách kẻ kiêu-ngạo, kẻ bị rủa-sả,
Những kẻ sai lạc các điều-răn của Chúa.
22Xin cất đi sự si-nhục và sự khinh-dể khỏi con,
Vì con tuân-thủ các chứng-cớ của Chúa.
23Mặc dầu các ông hoàng-ngôi nói chống lại con,
Kẻ tội-tớ này của Chúa vẫn suy-gẫm các luật-lệ của Chúa.
24Các chứng-cớ của Chúa cũng là sự ưa-thích của con;
Chúng là những cổ-vấn của con."

Đa-lết

25"Hồn con bám vào bụi-đất;
Xin hồi-sinh con theo lời Chúa.
26Con đã nói về các đường-lối của con, và Chúa đã đáp
lời con;
Xin dạy con các luật-lệ của Chúa.
27Xin khiến con hiểu cách thức của các lời giáo-huấn của
Chúa,
Để con sẽ suy-gẫm các việc kỳ-diệu của Chúa.
28Hồn con khóc vì sầu-khổ;
Xin thêm sức cho con theo lời của Chúa.
29Xin cất đường-lối dối-trá khỏi con,
Và một cách khoan-dung ban cho con luật-pháp của Chúa.
30Con đã chọn con đường thành-tín;
Con đã đặt các mạng-lệnh của Chúa *trước mắt con*.
31Con bám vào những chứng-cớ của Chúa;
Đức GIA-VÊ ôi, xin đừng khiến con bị xấu hổ!
32Con sẽ chạy *theo* cách thức của các điều-răn của Chúa,
Vì Chúa sẽ mở rộng tâm-lòng con."

Hê

33"Xin dạy con, *Đức GIA-VÊ ôi*, cách thức của luật-lệ của
Chúa,
Rồi con sẽ tuân-phục nó cho đến cùng.
34Xin ban cho con sự hiểu-biết, để con có thể tuân-giữ
luật-pháp của Chúa,
Và giữ nó với tất cả tâm-lòng của con.
35Xin khiến con đi trong lối của các điều-răn của Chúa,
Vì con vui-thích trong nó.
36Xin hướng tâm con về những chứng-cớ của Chúa,
Và không về lợi-lộc.
37Xin xoay cặp mắt con khỏi việc nhìn sự hư-không,
Và xin hồi-sinh con trong các đường-lối của Chúa.
38Xin vững-lập lời Chúa cho kẻ tội-tớ này của Chúa,
Đó là cho sự kính-sợ Chúa.
39Xin quay đi sự si-nhục của con mà con khiếp-sợ,
Vì các mạng-lệnh của Chúa là tốt lành.
40Kìa, con khao-khát các lời giáo-huấn của Chúa;
Xin hồi-sinh con nhờ sự công-chính của Chúa."

Vau

41"Nguyện sự ân-cần thương-yêu của Chúa cũng cho con,
Đức GIA-VÊ ôi,
Sự cứu-rỗi của Chúa theo lời Chúa;
42Để con sẽ có một câu trả lời cho kẻ si-nhục con,
Vì con trông-cậy nơi lời Chúa.
43Xin đừng cất lời của lẽ-thật hoàn-toàn khỏi miệng con,
Vì con trông-chờ các mạng-lệnh của Chúa.

Psalms 119.21-119.43

21Thou dost rebuke the arrogant, the cursed,
Who wander from Thy commandments.
22"Take away reproach and contempt from me,
For I observe Thy testimonies.
23Even though princes sit and talk against me,
Thy servant meditates on Thy statutes.
24Thy testimonies also are my delight;
They are my counselors."

Daleth

25"My soul cleaves to the dust;
Revive me according to Thy word.
26I have told of my ways, and Thou hast answered me;
Teach me Thy statutes.
27Make me understand the way of Thy precepts,
So I will meditate on Thy wonders.
28My soul weeps because of grief;
Strengthen me according to Thy word.
29Remove the false way from me,
And graciously grant me Thy law.
30I have chosen the faithful way;
I have placed Thine ordinances *before me*.
31I cleave to Thy testimonies;
O YHWH, do not put me to shame!
32I shall run the way of Thy commandments,
For Thou wilt enlarge my heart."

He

33"Teach me, O YHWH, the way of Thy statutes,
And I shall observe it to the end.
34Give me understanding, that I may observe Thy law,
And keep it with all *my* heart.
35Make me walk in the path of Thy commandments,
For I delight in it.
36Incline my heart to Thy testimonies,
And not to *dishonest* gain.
37Turn away my eyes from looking at vanity,
And revive me in Thy ways.
38Establish Thy word to Thy servant,
Which is for the fear of Thee.
39Turn away my reproach which I dread,
For Thine ordinances are good.
40"Behold, I long for Thy precepts;
Revive me through Thy righteousness."

Vav

41"May Thy lovingkindnesses also to me, O YHWH,
Thy salvation according to Thy word;
42So I shall have an answer for him who reproaches me,
For I trust in Thy word.
43And do not take the word of truth utterly out of my
mouth,
For I wait for Thine ordinances.

Psalms 119.44-119.66

44 So I will keep Thy law continually,
Forever and ever.
45 "And I will walk in a wide place,
For I seek Thy precepts.
46 I will also speak of Thy testimonies before kings,
And shall not be ashamed.
47 And I shall delight in Thy commandments,
Which I love.
48 And I shall lift up my hands to Thy commandments,
Which I love;
And I will meditate on Thy statutes."

Zayin

49 "Remember the word to Thy servant,
In which Thou hast made me hope.
50 This is my comfort in my affliction,
That Thy word has revived me.
51 The arrogant utterly deride me,
Yet I do not turn aside from Thy law.
52 I have remembered Thine ordinances of old, O
YAHWEH,
And comfort myself.
53 Burning indignation has seized me because of the
wicked,
Who forsake Thy law.
54 Thy statutes are my songs
In the house of my pilgrimage.
55 O YHWH, I remember Thy name in the night,
And keep Thy law.
56 This has become mine,
That I observe Thy precepts."

Heth

57 "YHWH is my portion;
I have said that I would keep Thy words.
58 I entreated Thy favor with all my heart;
Be gracious to me according to Thy word.
59 I considered my ways,
And turned my feet to Thy testimonies.
60 I hastened and did not delay
To keep Thy commandments.
61 The cords of the wicked have encircled me.
But I have not forgotten Thy law.
62 At midnight I shall rise to give thanks to Thee
Because of Thy righteous ordinances.
63 I am a companion of all those who fear Thee.
And of those who keep Thy precepts.
64 The earth is full of Thy lovingkindness, O YHWH;
Teach me Thy statutes."

Teth

65 "Thou hast dealt well with Thy servant,
O YHWH, according to Thy word.
66 Teach me good discernment and knowledge.
For I believe in Thy commandments.

Thánh-thi 119.44-119.66

44 Vì vậy con sẽ liên-tục giữ luật-pháp của Chúa,
Đời đời và vô-cùng,
45 Và con sẽ bước đi trong một chỗ rộng-rãi,
Vì con tìm-kiếm các lời giáo-huấn của Chúa.
46 Con cũng sẽ nói về các chứng-cớ của Chúa trước mặt
các vì vua,
Và sẽ không hổ-thẹn.
47 Và con sẽ vui-thích trong các điều-răn của Chúa,
Mà con yêu-mến.
48 Con sẽ nâng các bàn tay con lên về các điều-răn của
Chúa,
Mà con yêu-mến;
Và con sẽ suy-gẫm các luật-lệ Chúa."

Zái-in

49 "Xin nhớ lại lời *Chúa phán* cho tôi-tớ này của Chúa,
Trong đó Chúa đã làm cho con hy-vọng.
50 Đây là sự an-ủi của con trong cơn hoạn-nạn của con,
Rằng lời Chúa đã hồi sinh con.
51 Kê kiêu-ngạo hoàn-toàn chế-nhạo con,
Nhưng con không xây bỏ luật-pháp của Chúa.
52 Con đã nhớ các mạng-lệnh của Chúa thuở xưa, *Đức*
GIA-VÊ ôi,
Và tự an-ủi.
53 Con giận cháy bùng đã hãm bắt con vì những kẻ ác,
Là những kẻ bỏ rơi luật-pháp của Chúa.
54 Những luật-lệ của Chúa là các bài hát của con
Trong cái nhà trong chuyến hành-hương của con.
55 *Đức* GIA-VÊ ôi, con nhớ danh Chúa trong ban đêm,
Và giữ luật-pháp của Chúa.
56 *Điều* này đã trở thành của con,
Rằng con tuân-phục các lời giáo-huấn của Chúa."

Hét

57 "*Đức* GIA-VÊ là phần chia của con;
Con đã nói rằng con muốn giữ các lời của Chúa.
58 Con nài xin ân-huệ của Chúa với tất cả tâm-lòng con;
Xin khoan-dung với con theo lời của Chúa.
59 Con đã nghĩ về các đường-lối con,
Và đã hướng các bàn chân con về các chứng-cớ của Chúa.
60 Con đã vội vã và đã không chậm-trễ
Giữ các điều-răn của Chúa.
61 Các dây của kẻ ác đã bao-vây con,
Nhưng con đã chẳng quên luật-pháp của Chúa.
62 Lúc nửa đêm con sẽ chỗi dậy để cảm-tạ Chúa
Bởi cơ các mạng-lệnh công-chính của Chúa.
63 Con là bầu-bạn của mọi kẻ kinh-sợ Chúa,
Và của những kẻ giữ các lời giáo-huấn của Chúa.
64 "Trái đất đầy-dẫy sự ân-cần thương-yêu của Chúa, *Đức*
GIA-VÊ ôi;
Xin dạy con những luật-lệ của Chúa."

Tết

65 "Chúa đã hậu-đãi tôi-tớ này của Chúa,
Đức GIA-VÊ ôi, theo lời của Chúa.
66 Xin dạy con nhận-thức sáng-suốt và kiến-thức,
Vì con tin các điều-răn của Chúa.

Thánh-thi 119.67-119.88

67Trước khi con bị hoạn-nạn, con đã đi lạc,
Nhưng bây giờ con giữ lời Chúa.
68Chúa là thiện và làm lành;
Xin dạy con những luật-lệ của Chúa.
69Kẻ kiêu-ngạo làm bản con với các lời nói dối;
Với cả tâm-lòng, con sẽ tuân-phục các lời giáo-huấn của Chúa.
70Tâm của chúng bị mờ bao-bọc,
Con thích-thú luật-pháp của Chúa.
71Ấy là tốt cho con để con đã bị hoạn-nạn,
Để con được học các luật-lệ của Chúa.
72Luật-pháp của miệng của Chúa là tốt cho con
Hơn hằng ngàn bạc và vàng."

Gioạ

73"Các bàn tay Chúa đã làm ra con và đã thiết-lập con;
Xin cho con hiểu-biết, để con học được các điều-răn của Chúa.
74Nguyện các người kinh-sợ Chúa thấy con và vui-vẻ,
Bởi vì con trông chờ lời của Chúa.
75Con biết, Đức GIA-VÊ ôi, rằng các sự phán-xét của Chúa là công-chính,
Và trong sự thành-tín, Chúa đã đem khổ-nạn cho con.
76Ôi, nguyện sự ân-cần thương-yêu của Chúa là vì sự an-ùi của con,
Theo lời Chúa cho kẻ tội-tớ nầy của Chúa.
77Nguyện sự thương-xót của Chúa đến với con, để con có thể sống,
Vì luật-pháp Chúa là sự thích-thú của con.
78Nguyện kẻ kiêu-ngạo bị hổ-thẹn, vì chúng lật đổ con với lời nói dối;
Nhưng con sẽ suy-gẫm các lời giáo-huấn của Chúa.
79Nguyện kẻ kinh-sợ Chúa quay qua cùng con,
Tức là những kẻ biết những chứng-cớ của Chúa.
80Nguyện tâm con hoàn-hảo trong các luật-lệ của Chúa,
Để con có thể không bị hổ-thẹn."

Khọp

81"Hồn con mòn-mỏi vì sự cứu-rỗi của Chúa;
Con trông chờ lời của Chúa.
82Đôi mắt con mòn-mỏi vì khao-khát lời Chúa,
Trong khi con nói: 'Khi nào Chúa sẽ an-ùi con?'
83Dẫu con đã trở thành như bầu da rượu trong đám khói,
Con cũng không quên các luật-lệ của Chúa.
84Các ngày của tội-tớ nầy của Chúa là bao nhiêu?
Khi nào Chúa sẽ thi-hành sự phán-xét trên những kẻ bắt bớ con?
85Kẻ kiêu-ngạo đã đào các hố cho con,
Là những kẻ không phù-hợp với luật-pháp của Chúa.
86Tất cả các điều-răn của Chúa là thành-tín;
Chúng đã bắt bớ con với lời nói dối; xin giúp-đỡ con!
87Chúng hầu như đã hủy-diệt con trên trái đất,
Nhưng còn con, con đã chẳng chối-bỏ các lời giáo-huấn của Chúa.
88Xin hồi-sinh con theo sự ân-cần thương-yêu của Chúa,
Ngỡ hầu con có thể giữ chứng-cớ của miệng của Chúa."

Psalms 119.67-119.88

67Before I was afflicted I went astray,
But now I keep Thy word.
68Thou art good and doest good;
Teach me Thy statutes.
69The arrogant besmear me with lies;
With all *my* heart I will observe Thy precepts.
70Their heart is covered with fat,
But I delight in Thy law.
71It is good for me that I was afflicted,
That I may learn Thy statutes.
72The law of Thy mouth is better to me
Than thousands of gold and silver *pieces*."

Yodh

73"Thy hands made me and established me;
Give me understanding, that I may learn Thy commandments.
74May those who fear Thee see me and be glad,
Because I wait for Thy word.
75"I know, O YHWH, that Thy judgments are righteous
And that in faithfulness Thou hast afflicted me.
76O may Thy lovingkindness be for my comfort,
According to Thy word to Thy servant.
77May Thy compassion come to me that I may live.
For Thy law is my delight.
78May the arrogant be ashamed; for they subvert me with a lie;
But I shall meditate on Thy precepts.
79May those who fear Thee turn to me,
Even those who know Thy testimonies.
80May my heart be complete in Thy statutes,
That I may not be ashamed."

Kaph

81"My soul languishes for Thy salvation;
I wait for Thy word.
82My eyes fail *with longing* for Thy word,
While I say, 'When wilt Thou comfort me?'
83Though I have become like a wineskin in the smoke,
I do not forget Thy statutes.
84How many are the days of Thy servant?
When wilt Thou execute judgment on those who persecute me?
85The arrogant have dug pits for me,
Men who are not in accord with Thy law.
86All Thy commandments are faithful;
They have persecuted me with a lie; help me!
87They almost destroyed me in the earth
But as for me, I did not forsake Thy precepts.
88Revive me according to Thy lovingkindness,
So that I may keep the testimony of Thy mouth."

Psalms 119.89-119.112

Lamed

89"Forever, O YHWH,
Thy word stands firm in heaven.
90Thy faithfulness *continues* throughout all generations;
Thou didst establish the earth, and it stands.
91They stand this day according to Thine ordinances,
For all things are Thy servants.
92If Thy law had not been my delight,
Then I would have perished in my affliction.
93I will never forget Thy precepts,
For by them Thou hast revived me.
94I am Thine, save me;
For I have sought Thy precepts.
95The wicked wait for me to destroy me;
I shall diligently consider Thy testimonies.
96I have seen an end of all perfection;
Thy commandment is exceedingly broad."

Mem

97"O how I love Thy law!
It is my meditation all the day.
98Thy commandments make me wiser than my enemies,
For they are ever mine.
99I have more insight than all my teachers,
For Thy testimonies are my meditation.
100I understand more than the aged,
Because I have observed Thy precepts.
101I have restrained my feet from every evil way,
That I may keep Thy word.
102I have not turned aside from Thine ordinances,
For Thou Thyself hast taught me.
103How sweet are Thy words to my palate!
Yes, sweeter than honey to my mouth!
104From Thy precepts I get understanding;
Therefore I hate every false way."

Nun

105"Thy word is a lamp to my feet,
And a light to my path.
106I have sworn, and I will confirm it,
That I will keep Thy righteous ordinances.
107I am exceedingly afflicted;
Revive me, O YHWH, according to Thy word.
108O accept the freewill offerings of my mouth, O
YHWH,
And teach me Thine ordinances.
109My soul is continually in my hand,
Yet I do not forget Thy law.
110The wicked have laid a snare for me,
Yet I have not gone astray from Thy precepts.
111I have inherited Thy testimonies forever,
For they are the joy of my heart.
112I have inclined my heart to perform Thy statutes
Forever, *even* to the end.

Thánh-thi 119.89-119.112

La-méch

89"Mãi mãi, *Đức* GIA-VÊ ôi,
Lời Chúa đứng vững trong trời.
90Sự thành-tín của Chúa *tiếp-tục* suốt mọi thế-hệ;
Chúa đã thiết-lập trái đất, và nó đứng.
91Chúng đứng ngày nay theo các mạng-lệnh của Chúa,
Vì mọi vật là những tôi-tớ của Chúa.
92Nếu luật-pháp Chúa đã chẳng là sự thích-thú của con lâu
nay,
Thì con đã diệt-vong trong cơn hoạn-nạn của con.
93Con sẽ không bao giờ quên các lời giáo-huấn của Chúa,
Vì bởi chúng, Chúa đã hồi sinh con.
94Con là của Chúa, xin cứu con;
Vì con đã tìm-câu các lời giáo-huấn của Chúa.
95Những kẻ ác chờ con để diệt con;
Con sẽ chuyên-cần xem coi những chứng-cớ của Chúa.
96Con đã thấy một ngõ cùng của mọi sự toàn-hảo;
Điều-răn của Chúa là vô cùng rộng."

Mem

97"Ôi, con yêu luật-pháp của Chúa biết bao!
Nó là sự suy-gẫm của con suốt ngày.
98Các điều-răn của Chúa làm cho con khôn-ngoan hơn các
kẻ thù của con,
Vì chúng mãi mãi là của con.
99Con hiểu sâu hơn mọi thầy của con,
Vì các chứng-cớ của Chúa là sự suy-gẫm của con.
100Con hiểu-biết nhiều hơn những người già,
Bởi vì con đã tuân-phục các lời giáo-huấn của Chúa.
101Con đã kiềm-chế hai bàn chân con khỏi mọi lối tà,
Để con có thể giữ lời của Chúa.
102Con đã không xây bỏ các mạng-lệnh của Chúa,
Vì chính Chúa đã dạy con.
103Ngọt biết bao là các lời của Chúa cho họng của con!
Đúng, ngọt hơn mật ong cho miệng của con!
104Từ các lời giáo-huấn của Chúa, con được sự hiểu-biết;
Bởi vậy, con ghét mọi đường-lối giả-dối."

Nuôn

105"Lời Chúa là ngọn đèn cho hai bàn chân con,
Và là ánh-sáng cho lối đi của con.
106Con đã thề, và con sẽ xác-nhận nó,
Rằng con sẽ giữ các mạng-lệnh công-chính của Chúa.
107Con đau-khổ vô cùng;
Xin hồi-sinh con, *Đức* GIA-VÊ ôi, theo lời của Chúa.
108Ôi, xin nhận các của-lễ tự-nguyện của miệng của con,
Đức GIA-VÊ ôi,
Và xin dạy con các mạng-lệnh của Chúa.
109Hồn con tiếp-tục ở trong tay con,
Tuy nhiên, con không quên luật-pháp của Chúa.
110Những kẻ ác đã gài bẫy *hại* con,
Tuy nhiên con đã chẳng lia bỏ các lời giáo-huấn của Chúa.
111Con đã thừa-kế những chứng-cớ của Chúa mãi mãi,
Vì chúng là sự vui-mừng của tâm con.
112Con đã dốc tâm con để thực-hành các luật-lệ Chúa
Mãi mãi, *cả* đến cuối-cùng."

Xa-méch

113"Con ghét những kẻ hai lòng,
Nhưng con yêu luật-pháp của Chúa.
114Chúa là nơi ẩn-náu của con và là cái khiên của con;
Con trông chờ lời của Chúa."
115Hãy lia khỏi ta, hỡi những kẻ làm điều xấu-xa,
Đề ta có thể tuân-giữ các điều-răn của Đức Chúa TRỜI ta.
116"Xin duy trì con theo lời của Chúa, để con được sống;
Và xin đừng để con bị hổ-thẹn vì hy-vọng của con.
117Xin gìn-giữ con, để con có thể được an-toàn,
Đề con có thể liên-tục quan-tâm đến các luật-lệ của Chúa.
118Chúa đã bác-bỏ mọi kẻ đi lạc khỏi các luật-lệ của
Chúa,
Vì sự lừa- lọc của chúng là sự sai trái.
119Chúa đã khiến mọi độc-ác của trái đất dứt đi như cặn-
bã;
Bởi vậy con yêu-mến các chứng-cớ của Chúa.
120Thịt con run vì sự kinh-sợ Chúa,
Và con sợ các sự phán-xét của Chúa."

Ài-ín

121"Con đã thực-hành công-lý và sự công-chính;
Xin đừng bỏ con cho những kẻ áp-bức con.
122Xin bảo-đảm cho kẻ tội-tớ này của Chúa được tốt;
Xin đừng để kẻ kiêu-ngạo áp-bức con.
123Cặp mắt con hao mòn vì mong mỏi sự cứu-rỗi của
Chúa,
Và lời công-chính của Chúa.
124Xin đãi kẻ tội-tớ này của Chúa theo sự ân-cần thương-
yêu của Chúa,
Và xin dạy con các luật-lệ Chúa.
125Con là tội-tớ của Chúa; xin ban cho con hiểu-biết,
Đề con biết được các chứng-cớ của Chúa.
126Đây là thời-diêm để Đức GIA-VÊ hành-động,
Vì chúng đã phá luật-pháp của Chúa.
127Bởi vậy con yêu các điều-răn của Chúa
Hơn vàng, vâng, hơn cả vàng ròng.
128Bởi vậy, con quý mọi giới-luật của Chúa về mọi sự là
đúng;
Con ghét mọi đường-lối giả-dối."

Pê

129"Các chứng-cớ của Chúa là tuyệt vời;
Bởi thế hồn con tuân giữ chúng.
130Sự bày tỏ các lời của Chúa ban sự sáng;
Nó ban sự hiểu-biết cho người thật-thà.
131Con đã mở miệng con rộng ra và đã thờ hồn-hển,
Vì con đã mong mỏi các điều-răn của Chúa.
132Xin quay sang con và xin khoan-dung với con,
Theo kiểu cách của Chúa với những kẻ yêu danh Chúa.
133Xin làm cho các bước đi của con vững trong lời Chúa,
Và xin đừng để sự gian-ác nào thống-trị con.
134Xin chuộc con khỏi sự áp-bức của loài người,
Đề con có thể giữ các lời giáo-huấn của Chúa.
135Xin khiến mặt Chúa chiếu sáng trên tội-tớ của Chúa,
Và xin dạy con các luật-lệ của Chúa.

Samekh

113"I hate those who are double-minded,
But I love Thy law.
114Thou art my hiding place and my shield;
I wait for Thy word."
115Depart from me, evildoers,
That I may observe the commandments of my God.
116"Sustain me according to Thy word, that I may live;
And do not let me be put to shame because of my hope.
117Uphold me that I may be safe,
That I may have regard for Thy statutes continually.
118Thou hast rejected all those who wander from Thy
statutes,
For their deceitfulness is falsehood.
119"Thou hast caused to cease all the wicked of the earth
like dross;
Therefore I love Thy testimonies.
120My flesh trembles for fear of Thee,
And I am afraid of Thy judgments."

Ayin

121"I have done justice and righteousness;
Do not leave me to my oppressors.
122Be surety for Thy servant for good;
Do not let the arrogant oppress me.
123My eyes fail with longing for Thy salvation,
And for Thy righteous word.
124Deal with Thy servant according to Thy
lovingkindness,
And teach me Thy statutes.
125I am Thy servant; give me understanding,
That I may know Thy testimonies.
126It is time for YHWH to act,
For they have broken Thy law.
127Therefore I love Thy commandments
Above gold, yes, above fine gold.
128Therefore I esteem right all Thy precepts concerning
everything,
I hate every false way."

Pe

129"Thy testimonies are wonderful;
Therefore my soul observes them.
130The unfolding of Thy words gives light;
It gives understanding to the simple.
131I opened my mouth wide and panted,
For I longed for Thy commandments.
132Turn to me and be gracious to me,
After Thy manner with those who love Thy name.
133Establish my footsteps in Thy word,
And do not let any iniquity have dominion over me.
134Redeem me from the oppression of man,
That I may keep Thy precepts.
135Make Thy face shine upon Thy servant,
And teach me Thy statutes.

Psalms 119.136-119.158

136My eyes run down streams of water,
Because they do not keep Thy law."

Tsadhe

137"Righteous art Thou, O YHWH,
And upright are Thy judgments.
138Thou hast commanded Thy testimonies in
righteousness
And exceeding faithfulness.
139My zeal has consumed me,
Because my adversaries have forgotten Thy words.
140Thy word is very pure,
Therefore Thy servant loves it.
141I am small and despised,
Yet I do not forget Thy precepts.
142Thy righteousness is an everlasting righteousness,
And Thy law is truth.
143Trouble and anguish have found me;
Yet Thy commandments are my delight.
144Thy testimonies are righteous forever;
Give me understanding that I may live."

Qoph

145"I cried with all my heart; answer me, O YHWH!
I will observe Thy statutes.
146I cried to Thee; save me,
And I shall keep Thy testimonies.
147I rise before dawn and cry for help;
I wait for Thy words.
148My eyes anticipate the night watches,
That I may meditate on Thy word.
149Hear my voice according to Thy lovingkindness;
Revive me, O YHWH, according to Thine ordinances.
150Those who follow after wickedness, draw near;
They are far from Thy law.
151"Thou art near, O YHWH,
And all Thy commandments are truth.
152"Of old I have known from Thy testimonies,
That Thou hast founded them forever."

Resh

153"Look upon my affliction and rescue me,
For I do not forget Thy law.
154"Plead my cause and redeem me;
Revive me according to Thy word.
155"Salvation is far from the wicked,
For they do not seek Thy statutes.
156"Great are Thy mercies, O YHWH;
Revive me according to Thine ordinances.
157"Many are my persecutors and my adversaries,
Yet I do not turn aside from Thy testimonies.
158"I behold the treacherous and loathe *them*,
Because they do not keep Thy word.

Thánh-thi 119.136-119.158

136Cặp mắt con trào ra các dòng lệ,
Vì họ không giữ luật-pháp của Chúa."

Xá-đi

137"Công-chính là Chúa, *Đức* GIA-VÊ ôi,
Và ngay-thẳng là các phán-xét của Chúa.
138Chúa đã truyền các chứng-cớ của Chúa trong sự công-
chính
Và sự thành-tín vượt bực.
139Lòng sốt-sắng của con đã ăn nuốt con,
Vì các đối-thủ của con đã quên những lời của Chúa.
140Lời Chúa rất thuần-bạch,
Bởi vậy, tôi-tớ của Chúa yêu-mến nó.
141Con là nhỏ bé và bị khinh-dể,
Nhưng con không quên các lời giáo-huấn của Chúa.
142Sự công-chính của Chúa là một sự công-chính đời đời,
Và luật-pháp của Chúa là lẽ-thật.
143Sự rắc-rối và nỗi thống-khổ đã tìm gặp con;
Tuy nhiên, các điều-răn của Chúa là sự thích-thú của con.
144Các chứng-cớ của Chúa là công-chính mãi mãi;
Xin ban cho con sự hiểu-biết để con được sống."

Cuyp

145"Con đã khóc với tất cả tâm-lòng con; xin trả lời con,
Đức GIA-VÊ ôi!
Con sẽ tuân theo các luật-lệ của Chúa.
146Con đã kêu-cầu cùng Chúa; xin cứu con,
Và con sẽ giữ các chứng-cớ của Chúa.
147Con thức-dậy trước rạng-đông và khóc xin giúp-đỡ;
Con chờ đợi các lời của Chúa.
148Cặp mắt con mong đợi các canh đêm,
Để con có thể suy-gẫm lời của Chúa.
149Xin nghe tiếng của con theo sự ân-cần thương-yêu của
Chúa;
Hồi-sinh con, *Đức* GIA-VÊ ôi, theo các mạng-lệnh của
Chúa.
150"Những kẻ đeo-đuôi điều ác kéo đến gần;
Chúng xa cách luật-pháp của Chúa.
151"Chúa ở gần, *Đức* GIA-VÊ ôi,
Và mọi điều-răn của Chúa là lẽ-thật.
152"Từ lâu, con đã biết từ những chứng-cớ của Chúa,
Rằng Chúa đã tạo-lập chúng mãi mãi."

Rêch

153"Xin nhìn vào sự đau khổ của con và xin giải-cứ con,
Vì con chẳng quên luật-pháp của Chúa.
154"Xin biện hộ duyên-cớ của con và xin chuộc con;
Xin hồi-sinh con theo lời của Chúa.
155"Sự cứu-rỗi xa cách những kẻ ác,
Vì chúng chẳng tìm kiếm các mạng-lệnh của Chúa.
156"Lớn là các sự khoan-dung của Chúa, *Đức* GIA-VÊ ôi;
Xin hồi-sinh con theo các luật-lệ của Chúa.
157" Nhiều thay các kẻ bắt-bớ con và các đối-thủ của con,
Tuy nhiên con không quay bỏ những chứng-cớ của Chúa.
158Con thấy các kẻ xảo-quyệt và khinh ghét *chúng*,
Vì chúng không giữ lời Chúa.

Thánh-thi 119.159-120.3

159"Xin xem con yêu các lời giáo-huấn của Chúa làm sao!
Hồi-sinh con, *Đức GIA-VÊ* ôi, theo sự ân-cần thương-yêu của Chúa.

160"Sự cộng lại lời Chúa là lẽ-thật,
Và mỗi một mạng-lệnh công-chính của Chúa là đời đời."

Sin

161"Các ông hoàng bắt-bớ con vô cớ,
Nhưng tâm con sợ các lời của Chúa.

162"Con mừng-rỡ lời Chúa,
Như một người tìm thấy chiến-lợi-phẩm lớn.

163"Con ghét và khinh-miệt sự sai trái,
Nhưng con yêu-mến luật-pháp của Chúa.

164"Bảy lần một ngày con ca-tụng Chúa,
Vì các mạng-lệnh công-chính của Chúa.

165"Những kẻ yêu luật-pháp của Chúa có sự bình-an lớn,
Và chẳng có gì gây cho họ vấp-ngã.

166"Con hy-vọng được sự cứu-rỗi của Chúa, *Đức GIA-VÊ*
ôi,

Và thực-hành các điều-răn của Chúa.

167"Hồn con giữ những chứng-cớ của Chúa,

Và con cực-kỷ yêu-mến chúng.

168"Con giữ các lời giáo-huấn của Chúa và các chứng-cớ của Chúa,

Vì tất cả những đường-lối con đều ở trước mặt Chúa."

Tau

169"Xin cho tiếng khóc của con đến gần trước mặt Chúa,
Đức GIA-VÊ ôi;

Xin cho con sự hiểu-biết theo lời của Chúa.

170Xin cho lời nài-xin của con đến trước mặt Chúa;

Xin giải-thoát con theo lời Chúa.

171Xin để các môi con thốt ra lời ca-tụng,

Vì Chúa dạy con các luật-lệ Chúa.

172Xin cho lưỡi của con ca-hát về lời của Chúa,

Vì mọi điều-răn của Chúa là công-chính.

173Xin để bàn tay của Chúa giúp-đỡ con,

Vì con đã chọn các lời giáo-huấn của Chúa.

174Con mong môi sự cứu-rỗi của Chúa, *Đức GIA-VÊ* ôi,

Và luật-pháp của Chúa là sự thích-thú của con.

175Xin cho hồn con sống để nó được ca-tụng Chúa,

Và xin cho các mạng-lệnh của Chúa giúp-đỡ con.

176Con đã đi lạc như con chiên lạc; xin tìm-kiếm tôi-tớ của Chúa,

Vì con không quên các điều-răn của Chúa."

THÁNH-THI 120

Câu-nguyện xin sự giải-thoát khỏi kẻ xảo-trá lừa-lạc
Người viết: Vô-danh, nhiều người cho là Ê-xê-chia

¹Trong sự rắc-rối của tôi, tôi kêu-cầu *Đức GIA-VÊ*;
Và Ngài trả lời tôi.

²Xin giải-thoát hồn con, *Đức GIA-VÊ* ôi, khỏi các môi nói dối,
Khỏi một cái lưỡi lừa-phỉnh."

³Cái gì sẽ được ban cho người, và điều gì hơn nữa sẽ được làm cho người,
Người cái lưỡi lừa-phỉnh?

Psalms 119.159-120.3

159"Consider how I love Thy precepts;
Revive me, O YHWH, according to Thy lovingkindness.

160"The sum of Thy word is truth,
And every one of Thy righteous ordinances is everlasting."

Shin

161"Princes persecute me without cause,
But my heart stands in awe of Thy words.

162"I rejoice at Thy word,
As one who finds great spoil.

163"I hate and despise falsehood,
But I love Thy law.

164"Seven times a day I praise Thee,
Because of Thy righteous ordinances.

165"Those who love Thy law have great peace,
And nothing causes them to stumble.

166"I hope for Thy salvation, O YHWH,
And do Thy commandments.

167"My soul keeps Thy testimonies,
And I love them exceedingly.

168"I keep Thy precepts and Thy testimonies.
For all my ways are before Thee."

Tav

169"Let my cry come near before Thee, O YHWH;
Give me understanding according to Thy word.

170Let my supplication come before Thee;
Deliver me according to Thy word.

171Let my lips utter praise,
For Thou dost teach me Thy statutes.

172Let my tongue sing of Thy word,
For all Thy commandments are righteousness.

173Let Thy hand be to help me,
For I have chosen Thy precepts.

174I long for Thy salvation, O YHWH,
And Thy law is my delight.

175Let my soul live that it may praise Thee,
And let Thine ordinances help me.

176I have gone astray like a lost sheep; seek Thy servant
For I do not forget Thy commandments."

PSALM 120

¹In my trouble I cried to YHWH,
And He answered me.

²Deliver my soul, O YHWH, from lying lips,
From a deceitful tongue."

³What shall be given to you, and what more shall be done to you,
You deceitful tongue?

Psalms 120.4-122.7

⁴Sharp arrows of the warrior,
With the *burning* coals of the broom tree.

⁵Woe is me, for I sojourn in Meshech,
For I dwell among the tents of Kedar!

⁶Too long has my soul had its dwelling
With those who hate peace.

⁷I am *for* peace, but when I speak,
They are for war.

PSALM 121

¹I will lift up my eyes to the mountains;
From whence shall my help come?

²My help *comes* from YHWH,
Who made heaven and earth.

³He will not allow your foot to slip;
He who keeps you will not slumber.

⁴Behold, He who keeps Israel
Will neither slumber nor sleep.

⁵YHWH is your keeper;
YHWH is your shade on your right hand

⁶The sun will not smite you by day,
Nor the moon by night.

⁷YHWH will protect you from all evil;
He will keep your soul.

⁸YHWH will guard your going out and your coming in
From this time forth and forever.

PSALM 122

¹I was glad when they said to me,
"Let us go to the house of YHWH."

²Our feet are standing
Within your gates, O Jerusalem,

³Jerusalem, that is built,
As a city that is compact together;

⁴To which the tribes go up, even the tribes of YHWH,
An ordinance for Israel,

To give thanks to the name of YHWH.
⁵For there thrones were set for judgment,
The thrones of the house of David.

⁶Pray for the peace of Jerusalem:
"May they prosper who love you.

⁷May Peace be within your walls,
And prosperity within your palaces."

Thánh-thi 120.4-122.7

⁴Các mũi tên nhọn của dũng sĩ,
Vớ các than *cháy* của cây đay chổi.

⁵Thống-khổ là tôi, vì tôi tạm-lưu tại Mê-siéc,
Vì tôi ngụ ở giữa vòng các lều của Kê-đà!

⁶Đã quá lâu hồn tôi có chỗ ở của nó
Vớ những kẻ ghét hòa-bình.

⁷Tôi ủng-hộ hòa-bình, nhưng khi tôi nói,
Thì chúng ủng-hộ chiến-tranh.

THÁNH-THI 121

Đức GIA-VÊ Đấng gìn-giữ Y-sơ-ra-ên (Bài ca đi lên⁽¹⁾)
Người viết: Vô-danh, nhiều người cho là Ê-xê-chia

¹Tôi sẽ ngược mắt tôi lên các núi;
Từ đâu sự giúp-đỡ của tôi sẽ đến?

²Sự giúp-đỡ tôi đến từ *Đức GIA-VÊ*,
Đấng đã làm ra trời và đất.

³Ngài sẽ không cho phép bàn chân của người bị trượt;
Ngài, Đấng gìn-giữ người, sẽ không thiu thiu ngủ.

⁴Kìa, Ngài, Đấng gìn-giữ Y-sơ-ra-ên
Sẽ không thiu thiu ngủ cũng chẳng ngủ.

⁵*Đức GIA-VÊ* là Đấng gìn-giữ người;
Đức GIA-VÊ là bóng che của người ở tay hữu người.

⁶Mặt trời sẽ không đập người ban ngày,
Mặt trăng cũng không ban đêm.

⁷*Đức GIA-VÊ* sẽ giữ người khỏi mọi điều xấu;
Ngài sẽ bảo vệ hồn người.

⁸*Đức GIA-VÊ* sẽ canh giữ người đi ra và đi vào
Từ thời-điểm này trở đi mãi mãi.

THÁNH-THI 122

Câu-nguyện xin hòa-bình cho Giê-ru-sa-lem (Bài ca đi lên)

Người viết: Đa-vít

¹Tôi vui-mừng khi họ nói với tôi:
"Chúng ta hãy đi đến đền của *Đức GIA-VÊ*."

²Các bàn chân chúng ta đang đứng
Ở bên trong các cổng của người, hỡi Giê-ru-sa-lem,

³Giê-ru-sa-lem được xây-dựng,
Như một thành cổ kết lại với nhau;

⁴Mà các chi-tộc đi lên đó, tức là các chi-tộc của *Đức GIA-VÊ*,

Một mạng-lệnh cho Y-sơ-ra-ên,
Để cảm-tạ danh của *Đức GIA-VÊ*.

⁵Vì ở đó các ngôi đã được lập nên cho sự phán-xét,
Các ngôi của nhà Đa-vít.

⁶Hãy cầu-nguyện cho sự hòa-bình của Giê-ru-sa-lem:
"Nguyện những kẻ yêu-mến người phồn-vinh,

⁷Nguyện Hòa-bình ở trong các vách-tường của người,
Và phồn-vinh ở trong các cung-điện người."

¹Đây là bài ca của những người hành hương Do Thái trong khi đi lên Giê-ru-sa-lem, hay Núi Si-ôn hay đi lên các cấp của Đền Thánh

Thánh-thi 122.8-125.2

⁸Vì có các anh em tôi và các bạn tôi,
Tôi nay sẽ nói: "Nguyện bình-an ở trong tâm người."
⁹Vì có đền của GIA-VÊ Đức Chúa TRỜI của chúng ta
Ta sẽ tìm-kiếm điều tốt của người.

THÁNH-THI 123

Cầu xin sự giúp-đỡ của Đức Chúa TRỜI (Bài ca đi lên)
Người viết: Vô-danh, nhiều người cho là Ê-xê-chia

¹"Hướng về Chúa, con ngược cặp mắt con lên,
Ôi Chúa, Đấng ngồi trên ngai trong các tầng trời!"
²Kìa, như những con mắt của các đầy-tớ nhìn nơi tay ông
chủ của họ,
Như cặp mắt của một con đòi nhìn nơi tay bà chủ của nó,
Thế là những con mắt của chúng ta nhìn nơi GIA-VÊ Đức
Chúa TRỜI của chúng ta,
Cho đến khi Ngài sẽ khoan-dung cùng chúng ta.
³"Xin khoan-dung cùng chúng con, Đức GIA-VÊ ôi, xin
khoan-dung cùng chúng con;
Vì chúng con bị đổ quá đầy sự khinh-miệt.
⁴Hồn chúng con bị đổ quá đầy
Sự nhạo-báng của những kẻ nhàn-hạ,
Và sự khinh-rẻ của những kẻ kiêu-ngạo."

THÁNH-THI 124

Cầu-nguyện xin hòa-bình cho Giê-ru-sa-lem (Bài ca đi lên)
*Người viết: Đa-vít, có thể viết sau khi bị dân Phi-li-tin tin
đánh bại (2 Sa-mu-ên 5.17-5.25)*

¹Nếu không phải Đức GIA-VÊ đã ở về phía chúng ta,
Y-so-ra-ên bây giờ hãy nói,
²"Nếu không phải Đức GIA-VÊ đã ở về phía chúng ta,
Khi người ta chỗi dậy chống lại chúng ta;
³Thì họ đã nuốt sống chúng ta rồi,
Khi cơn giận của họ bùng lên chống lại chúng ta;
⁴Lúc đó các lũ nước hăn đã nhận chìm chúng ta,
Dòng nước ấy hăn đã tràn ngập hồn chúng ta;
⁵Rồi các lũ nước giận dữ hăn đã tràn ngập hồn chúng ta."
⁶Đấng chúc-tụng thay Đức GIA-VÊ,
Là Đấng đã chẳng phó chúng ta để rãng của chúng xé.
⁷Hồn của chúng ta đã thoát như con chim thoát khỏi bẫy
của kẻ đánh bẫy;
Bầy bị vỡ và chúng ta đã thoát khỏi.
⁸Sự giúp-đỡ của chúng ta là ở trong danh Đức GIA-VÊ,
Là Đấng đã làm ra trời và đất.

THÁNH-THI 125

Đức GIA-VÊ bảo-vệ dân Ngài (Bài ca đi lên)
Người viết: Vô-danh, nhiều người cho là Ê-xê-chia

¹Những kẻ trông-cậy nơi Đức GIA-VÊ
Thì như núi Si-ôn, không thể bị dời, nhưng vẫn cứ ở đó
mãi mãi.
²Như các núi bao quanh Giê-ru-sa-lem,
Thế là Đức GIA-VÊ bao quanh dân Ngài
Từ thời-điểm này trở đi và mãi mãi.

Psalms 122.8-125.2

⁸For the sake of my brothers and my friends,
I will now say, "May peace be within you."
⁹For the sake of the house of YHWH our God
I will seek your good.

PSALM 123

¹"To Thee I lift up my eyes,
O Thou who art enthroned in the heavens!"
²Behold, as the eyes of servants look to the hand of their
master,
As the eyes of a maid to the hand of her mistress;
So our eyes look to YHWH our God
Until He shall be gracious to us.
³Be gracious to us, O YHWH, be gracious to us;
For we are greatly filled with contempt.
⁴Our soul is greatly filled
With the scoffing of those who are at ease,
And with the contempt of the proud."

PSALM 124

¹Had it not been YHWH who was on our side,
Let Israel now say,
²"Had it not been YHWH who was on our side,
When men rose up against us;
³Then they would have swallowed us alive,
When their anger was kindled against us;
⁴Then the waters would have engulfed us,
The stream would have swept over our soul;
⁵Then the raging waters would have swept over our soul."
⁶Blessed be YHWH,
Who has not given us to be torn by their teeth.
⁷Our soul has escaped as a bird out of the snare of the
trapper;
The snare is broken and we have escaped.
⁸Our help is in the name of YHWH,
Who made heaven and earth.

PSALM 125

¹Those who trust in YHWH
Are as Mount Zion, which cannot be moved,
but abides forever.
²As the mountains surround Jerusalem,
So YHWH surrounds His people
From this time forth and forever.

Psalms 125.3-128

³For the scepter of wickedness shall not rest upon the lot of the righteous;
That the righteous may not put forth their hands to do wrong.

⁴"Do good, O YHWH, to those who are good,
And to those who are upright in their hearts."

⁵But as for those who turn aside to their crooked ways,
YHWH will lead them away with the doers of iniquity.
Peace be upon Israel.

PSALM 126

¹When YHWH brought back the captive ones of Zion,
We were like those who dream.

²Then our mouth was filled with laughter,
And our tongue with joyful shouting;
Then they said among the nations,
"YHWH has done great things for them."

³YHWH has done great things for us;
We are glad.

⁴"Restore our captives, O YHWH,
As the streams in the South."

⁵Those who sow in tears shall reap with joyful shouting.

⁶He who goes to and fro weeping, carrying *his* bag of seed,
Shall indeed come again with a shout of joy, bringing his sheaves *with him*.

PSALM 127

¹Unless YHWH builds the house,
They labor in vain who build it;
Unless YHWH guards the city,
The watchman keeps awake in vain.

²It is vain for you to rise up early,
To retire late,
To eat the bread of painful labors;
For He gives to His beloved *even in his* sleep.

³Behold, children are a gift of YHWH;
The fruit of the womb is a reward.

⁴Like arrows in the hand of a warrior,
So are the children of one's youth.

⁵How blessed is the man whose quiver is full of them;
They shall not be ashamed,
When they speak with their enemies in the gate.

PSALM 128

Thánh-thi 125.3-128

³Vì cây trượng độc-ác sẽ không được đặt trên phần đất của người công-chính;
Để người công-chính có thể không đưa các tay mình ra để làm sai.

⁴"Xin làm điều tốt, Đức GIA-VÊ ôi, cho những kẻ tốt,
Và cho những kẻ ngay-thẳng trong tâm của họ."

⁵Nhưng còn các kẻ rẽ theo các lối cong-queo của chúng,
Đức GIA-VÊ sẽ dẫn chúng đi mất với các kẻ làm ác.
Xin bình-an ở trên Y-sơ-ra-ên!

THÁNH-THI 126

Cầu xin sự giúp-đỡ của Đức Chúa TRỜI (Bài ca đi lên)
Người viết: Vô-danh, có lẽ được viết để làm lễ vui mừng sự trở về của những người lưu-vong từ sự giam-cầm (Ê-xơ-ra 1)

¹Khi Đức GIA-VÊ đã đem những kẻ bị giam-cầm của Si-ôn về,

Chúng ta như những kẻ nằm chiêm-bao.

²Lúc ấy miệng của chúng ta đã đầy tiếng cười,

Và lưỡi chúng ta tiếng hò-reo vui-vẻ;

Lúc đó người ta đã nói ở giữa các quốc-gia:

"Đức GIA-VÊ đã làm những việc vĩ-đại cho họ."

³Đức GIA-VÊ đã làm những việc vĩ-đại cho chúng ta;
Chúng ta vui-mừng.

⁴"Xin phục-hồi những kẻ bị giam-cầm của chúng con,
Đức GIA-VÊ ôi,

Như các dòng nước ở miền Nam."

⁵Các kẻ gieo trong nước mắt sẽ gặt với tiếng la vui-vẻ.

⁶Người mang bao hạt giống vừa đi tới đi lui vừa khóc,
Sẽ thực sự lại đến với tiếng la vui-vẻ, mang các bó lúa của mình.

THÁNH-THI 127

Sự phồn-vinh đến từ Đức GIA-VÊ (Bài ca đi lên)
Người viết: Sa-lô-môn

¹Trừ phi Đức GIA-VÊ cất nhà,
Những kẻ xây-cất nó chỉ lao-động luống-công;

Trừ phi Đức GIA-VÊ canh giữ thành,

Người canh giữ thức luống-công.

²Thật là phí cho các người thức dậy sớm,

Đi ngủ trễ,

Ăn bánh của các lao-động đau đớn;

Vì Ngài ban cho kẻ yêu-dầu của Ngài *cả trong* khi nó ngủ.

³Này, con cái là quà tặng của Đức GIA-VÊ;

Kết-quả của tử-cung là một phần thưởng.

⁴Như các mũi tên trong bàn tay của một dũng-sĩ,

Con cái trong thời niên-thiếu của người ta cũng thế.

⁵Phước cho kẻ mà bao đựng tên của hắn có đầy chúng;

Họ sẽ không bị hổ-thẹn,

Khi họ nói với các kẻ thù của họ trong cổng thành.

THÁNH-THI 128

Phước của người sợ Đức GIA-VÊ (Bài ca đi lên)
Người viết: Vô-danh, nhiều người cho là Ê-xê-chia

Thánh-thi 128.1-130.4

¹Phước biết bao cho mọi kẻ kinh-sợ Đức GIA-VÊ,
Bước đi trong các đường-lối của Ngài.
²Khi người sẽ ăn kết-quả những bàn tay người⁽¹⁾,
Người sẽ được hạnh-phúc và nó sẽ tốt-lành với người.
³Vợ người sẽ như gốc nho đầy trái,
Ở trong các hóc hẻm bên trong nhà của người,
Con cái của người như những cây ô-li-ve
Ở xung-quanh bàn của người.
⁴Này, vì như vậy người ấy sẽ được ban phước
Là người kinh-sợ Đức GIA-VÊ.

⁵Đức GIA-VÊ ban phước cho người từ Si-ôn,
Và nguyện người có thể thấy sự phồn-vinh của Giê-ru-sa-
lem tất cả những ngày của đời người.
⁶Quả thật, nguyện người thấy được con cái của con cái
người.
Nguyện sự bình-an ở trên Y-sơ-ra-ên!

THÁNH-THI 129

*Lời cầu-nguyện xin đánh đổ những kẻ thù-nghịch của
Si-ôn (Bài ca đi lên)*
Người viết: Vô-danh, nhiều người cho là Ê-xê-chia

¹Nhiều lần chúng đã tỏ ra thù-địch với tôi từ thời thiếu-
niên của tôi trở đi,
Y-sơ-ra-ên bây giờ hãy nói:
²"Nhiều lần chúng đã tỏ ra thù-địch với tôi từ thời thiếu-
niên của tôi trở đi;
Nhưng chúng đã chẳng thắng lại tôi.
³Những thợ cày cày trên lưng tôi;
Họ kéo dài các luống cày của mình ra."
⁴Đức GIA-VÊ công-chính;
Ngài đã cắt các dây của những kẻ độc-ác ra làm hai.
⁵Nguyện tất cả các kẻ ghét Si-ôn,
Bị xấu-hổ và quay ngược lại,
⁶Xin cho họ như cỏ trên các nóc nhà,
Héo đi trước khi nó lớn lên;
⁷Với nó thợ gặt không làm đầy lòng bàn tay mình,
Hay kẻ bó lúa không làm đầy ngực mình;
⁸Những kẻ qua đường cũng chẳng nói:
"Xin phước của Đức GIA-VÊ ở trên các người!
Chúng ta chúc phước cho các người nhân danh Đức GIA-
VÊ."

THÁNH-THI 130

Hy-vọng nơi sự tha-thứ của Đức GIA-VÊ (Bài ca đi lên)
Người viết: Vô-danh, nhiều người cho là Ê-xê-chia

¹"Từ các nơi sâu thẳm, con đã kêu-cầu cùng Chúa, Đức
GIA-VÊ ôi.
²Chúa ôi, xin nghe tiếng con!
Xin các lỗ tai của Chúa lắng nghe
Tiếng nài-xin của con.
³"Nếu Chúa, Đức GIA-VÊ, ghi dấu các điều độc-ác,
Thì, Chúa ôi, ai có thể đứng được?
⁴Nhưng sự tha-thứ ở cùng Chúa,
Ngõ hầu Chúa được kinh-sợ."

¹hay: Khi người được hưởng việc làm của hai tay mình

Psalms 128.1-130.4

¹How blessed is everyone who fears YHWH,
Who walks in His ways.
²When you shall eat of the fruit of your hands,
You will be happy and it will be well with you.
³Your wife shall be like a fruitful vine,
In the innermost parts of your house,
Your children like olive plants
Around your table.
⁴Behold, for thus shall the man be blessed
Who fears YHWH.

⁵YHWH bless you from Zion,
And may you see the prosperity of Jerusalem all the days
of your life.
⁶Indeed, may you see your children's children.
Peace be upon Israel!

PSALM 129

¹Many times they have showed hostility toward me from
my youth up,
Let Israel now say,
²"Many times they have showed hostility toward me from
my youth up;
Yet they have not prevailed against me.
³The plowers plowed upon my back;
They lengthened their furrows."
⁴YHWH is righteous;
He has cut in two the cords of the wicked.
⁵May all who hate Zion,
Be put to shame and turned backward,
⁶Let them be like grass upon the housetops,
Which withers before it grows up;
⁷With which the reaper does not fill his palm,
Or the binder of sheaves his bosom;
⁸Nor do those who pass by say,
"The blessing of YHWH be upon you;
We bless you in the name of YHWH."

PSALM 130

¹"Out of the depths I have cried to Thee, O YHWH.
²Lord, hear my voice!
Let Thine ears be attentive
To the voice of my supplications.

³"If Thou, YHWH, shouldst mark iniquities,
O Lord, who could stand?
⁴But there is forgiveness with Thee,
That Thou mayest be feared."

Psalms 130.5-132.12

⁵I wait for YHWH, my soul does wait,
And in His word do I hope.
⁶My soul *waits* for the Lord
More than the watchmen for the morning;
Indeed, more than the watchmen for the morning.
⁷O Israel, hope in YHWH;
For with YHWH there is lovingkindness,
And with Him is abundant redemption.
⁸And He will redeem Israel
From all his iniquities.

PSALM 131

¹"O YHWH, my heart is not proud, nor my eyes haughty;
Nor do I involve myself in great matters,
Or in things too difficult for me.
²"Surely I have composed and quieted my soul;
Like a weaned child *rests* against his mother,
My soul is like a weaned child within me.
³O Israel, hope in YHWH
From this time forth and forever.

PSALM 132

¹"Remember, O YHWH, on David's behalf,
All his affliction;
²How he swore to YHWH,
And vowed to the Mighty One of Jacob,
³"Surely I will not enter my house,
Nor lie on my bed;
⁴I will not give sleep to my eyes,
Or slumber to my eyelids;
⁵Until I find a place for YHWH,
Dwelling places for the Mighty One of Jacob."
⁶Behold, we heard of it in Ephrathah;
We found it in the field of Jaar.
⁷Let us go into His dwelling places;
Let us worship at His footstool.
⁸"Arise, O YHWH, to Thy resting place;
Thou and the ark of Thy strength.
⁹Let Thy priests be clothed with righteousness;
And let Thy godly ones sing for joy.
¹⁰For the sake of David Thy servant,
Do not turn away the face of Thine anointed."
¹¹YHWH has sworn to David,
A truth from which He will not turn back;
"Of the fruit of your body I will set upon your throne.
¹²If your sons will keep My covenant,
And My testimony which I will teach them,
Their sons also shall sit upon your throne forever."

Thánh-thi 130.5-132.12

⁵Tôi trông-đợi Đức GIA-VÊ, hồn tôi trông đợi,
Và trong lời Ngài, tôi hy-vọng.
⁶Hồn tôi *trông đợi* Chúa
Hơn các người lính canh *đợi* sáng;
Hơn các người lính canh *đợi* sáng.
⁷Y-sơ-ra-ên ơi, hãy hy-vọng nơi Đức GIA-VÊ;
Vì ở cùng Đức GIA-VÊ là sự ân-cần yêu-thương,
Và ở cùng Ngài có sự cứu-rỗi dư-dật.
⁸Và Ngài sẽ chuộc Y-sơ-ra-ên
Khỏi mọi sự độc-ác của người.

THÁNH-THI 131

Trông-cậy như trẻ con tin Đức GIA-VÊ (Bài ca đi lên)
Người viết: Đa-vít

¹"Đức GIA-VÊ ôi, tâm con không kiêu-ngạo, đôi mắt con không kiêu-căng;
Con cũng không làm con dính-líu trong các việc lớn,
Hay trong các việc quá khó đối với con.
²"Chắc-chắn con đã làm cho hồn con dịu-yên và bình-tĩnh;
Như một đứa con nít dứt sữa *nghi* bên trên mẹ của nó,
Hồn con như một đứa con nít dứt sữa ở bên trong con."
³Y-sơ-ra-ên ơi, hãy hy-vọng nơi Đức GIA-VÊ
Từ thời-điểm này trở đi và đời đời.

THÁNH-THI 132

Cầu-nguyện xin phước của Đức GIA-VÊ giăng trên nơi thánh (Bài ca đi lên)
Người viết: Vô-danh

¹"Xin nhớ, Đức GIA-VÊ ôi, vì ích-lợi của Đa-vít,
Hết thầy đau-khổ của người;
²Thề nào người đã thề cùng Đức GIA-VÊ,
Và đã hứa-nguyện cùng Đấng Toàn-năng của Gia-cốp:
³"Chắc-chắn con không sẽ vào nhà con,
Cũng không nằm trên giường con;
⁴Con sẽ không cho đôi mắt con ngủ,
Cũng không cho các mí-mắt của con ngủ ngon-lành;
⁵Cho đến khi con tìm được một chỗ cho Đức GIA-VÊ,
Các chỗ ngự cho Đấng Toàn-năng của Gia-cốp."
⁶Này, chúng ta đã nghe nói về nó tại Ép-ra-ta,
Chúng ta đã tìm thấy nó trong cánh đồng Gia-a.
⁷Chúng ta hãy đi vào trong các chỗ ngự của Ngài;
Chúng ta hãy thờ-lạy nơi ghé đê chân của Ngài.
⁸"Xin chỗi-dậy, Đức GIA-VÊ ôi, đến chỗ nghỉ của Chúa;
Chúa và cái rương sức mạnh của Chúa.
⁹Xin cho các thầy tế-lễ của Chúa được mặc sự công-chính;
Và xin cho những kẻ tin-kính Chúa ca hát vì niềm vui.
¹⁰Vì cố Đa-vít, tôi-tớ Chúa,
Xin đừng xoay mặt của đấng được xức dầu của Chúa đi."
¹¹Đức GIA-VÊ đã thề cùng Đa-vít,
Một lẽ-thật Ngài sẽ không quay khỏi nó;
"Ta sẽ đặt trên ngôi của người quá của thân-thể người,
¹²Nếu những con trai của người giữ giao-ước của Ta,
Và chúng-cớ Ta mà Ta sẽ dạy chúng,
Những con trai của chúng cũng sẽ ngồi trên ngôi người
mãi mãi."

Thánh-thi 132.13-135.6

13Vì Đức GIA-VÊ đã chọn Si-ôn;
Ngài đã muốn nó làm nơi ở của Ngài.
14"Đây là nơi nghỉ-ngoi của Ta đời đời;
Ở đây Ta sẽ ngự, vì Ta đã muốn nó.
15Ta một cách dư-dật ban phước sẽ cho lương-thực nó;
Ta sẽ làm thỏa-mãn những kẻ thiếu-thốn của nó với bánh.
16Các thầy tế-lễ của nó Ta cũng sẽ cho mặc sự cứu-rỗi;
Và những kẻ tôn-kính của nó sẽ ca hát lớn tiếng vì niềm vui.
17Ồ đó Ta sẽ khiến cho cái sừng của Đa-vít đâm chồi;
Ta đã chuẩn-bị một ngọn đèn cho kẻ được xức dầu của Ta.
18Những kẻ thù người, Ta sẽ cho mặc sự hổ-thẹn;
Nhưng trên chính người, mũ của người sẽ chiếu sáng."

THÁNH-THI 133

Sự tuyệt-hảo của tình đoàn-kết anh em (Bài ca đi lên)
Người viết: Đa-vít

1Kìa, ấy là tốt đẹp biết bao và thích-thú biết bao
Cho anh em ở với nhau trong sự đoàn-kết!
2Ấy là như dầu quý đổ trên đầu,
Chảy xuống trên râu,
Tức là râu của A-rôn,
Xuống đến trên các áo dài của người.
3Ấy là như sương-mốc của Núi Hết-môn,
Sa xuống trên các núi của Si-ôn;
Vì ở đó Đức GIA-VÊ đã truyền ban phước—sự sống mãi.

THÁNH-THI 134

Khuyến kẻ canh-giữ đền Chúa khá ca-tụng Ngài (Bài ca đi lên)
Người viết: Vô-danh, nhiều người cho là Ê-xê-chia

1Này, hãy chúc-tụng Đức GIA-VÊ, hồi mọi tội-tớ của Đức GIA-VÊ,
Những người đứng ban đêm trong đền Đức GIA-VÊ!
2Hãy giơ tay mình lên hướng về nơi thánh,
Và chúc-tụng Đức GIA-VÊ.
3Nguyện Đức GIA-VÊ ban phước cho các người từ Si-ôn,
Đấng đã làm ra trời và đất.

THÁNH-THI 135

Ca-tụng công-việc lạ-lùng của Đức GIA-VÊ—Sự hư-không của hình-tượng
Người viết: Vô-danh

1Hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ!
Hãy ca-tụng danh Đức GIA-VÊ;
Hãy ca-tụng Ngài, hồi các tội-tớ của Đức GIA-VÊ,
2Các người, những kẻ đứng trong đền Đức GIA-VÊ,
Trong các sân của đền Đức Chúa Trời chúng ta!
3Hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ, vì Đức GIA-VÊ là thiện;
Hãy hát các lời ca-tụng danh Ngài, vì đó là đáng yêu.
4Vì Đức GIA-VÊ đã chọn Gia-cốp cho chính Ngài,
Y-sơ-ra-ên làm sở-hữu riêng của Ngài.
5Vì ta biết rằng Đức GIA-VÊ là vĩ đại,
Và rằng Chúa chúng ta ở trên tất cả các thần.
6Điều gì Đức GIA-VÊ đẹp ý, thì Ngài làm,
Trong trời và trong đất, trong biển và trong mọi vực sâu.

Psalms 132.13-135.6

13For YHWH has chosen Zion;
He has desired it for His habitation.
14"This is My resting place forever;
Here I will dwell, for I have desired it.
15I will abundantly bless her provision;
I will satisfy her needy with bread.
16Her priests also I will clothe with salvation;
And her godly ones will sing aloud for joy.
17There I will cause the horn of David to spring forth;
I have prepared a lamp for Mine anointed.
18His enemies I will clothe with shame;
But upon himself his crown shall shine."

PSALM 133

1Behold, how good and how pleasant it is
For brothers to dwell together in unity!
2It is like the precious oil upon the head,
Coming down upon the beard,
Even Aaron's beard,
Coming down upon the edge of his robes.
3It is like the dew of Hermon,
Coming down upon the mountains of Zion;
For there YHWH commanded the blessing—life forever.

PSALM 134

1Behold, bless YHWH, all servants of YHWH,
Who stand by night in the house of YHWH!
2Lift up your hands to the sanctuary,
And bless YHWH.
3May YHWH bless you from Zion,
He who made heaven and earth.

PSALM 135

1Praise YHWH!
Praise the name of YHWH;
Praise Him, O servants of YHWH,
2You who stand in the house of YHWH,
In the courts of the house of our God!
3Praise YHWH, for YHWH is good;
Sing praises to His name, for it is lovely.
4For YHWH has chosen Jacob for Himself,
Israel for His own possession.
5For I know that YHWH is great,
And that our Lord is above all gods.
6Whatever YHWH pleases, He does,
In heaven and in earth, in the seas and in all deeps.

Psalms 135.7-136.6

⁷He causes the vapors to ascend from the ends of the earth;
Who makes lightnings for the rain;
Who brings forth the wind from His treasuries.

⁸He smote the first-born of Egypt,
Both of man and beast.
⁹He sent signs and wonders into your midst, O Egypt,
Upon Pharaoh and all his servants.
¹⁰He smote many nations,
And slew mighty kings,
¹¹Sihon, king of the Amorites,
And Og, king of Bashan,
And all the kingdoms of Canaan;
¹²And He gave their land as a heritage,
A heritage to Israel His people.

¹³"Thy name, O YHWH, is everlasting,
Thy remembrance, O YHWH, to all generations."
¹⁴For YHWH will judge His people,
And will have compassion on His servants.

¹⁵The idols of the nations are but silver and gold,
The work of man's hands;
¹⁶They have mouths, but they do not speak;
They have eyes, but they do not see;

¹⁷They have ears, but they do not hear;
Nor is there any breath at all in their mouths.
¹⁸Those who make them will be like them,
Yes, everyone who trusts in them.

¹⁹O house of Israel, bless YHWH;
O house of Aaron, bless YHWH;
²⁰O house of Levi, bless YHWH;
You who fear YHWH, bless YHWH.
²¹Blessed be YHWH from Zion,
Who dwells in Jerusalem.
Praise YHWH!

PSALM 136

¹Give thanks to YHWH, for He is good;
For His lovingkindness is everlasting.
²Give thanks to the God of gods,
For His lovingkindness is everlasting.
³Give thanks to the Lord of lords,
For His lovingkindness is everlasting.
⁴To Him who alone does great wonders,
For His lovingkindness is everlasting;
⁵To Him who made the heavens with understanding,
For His lovingkindness is everlasting;
⁶To Him who spread out the earth above the waters,
For His lovingkindness is everlasting;

Thánh-thi 135.7-136.6

⁷Đấng khiến hơi nước bay lên từ các đầu cùng của trái đất;
Là Đấng làm các chớp-nhoáng cho mưa;
Là Đấng đem ra gió từ các kho của Người.

⁸Ngài đã đánh hạ những con đầu lòng của Ê-díp-tô,
Cả người lẫn thú.
⁹Ngài đã sai các dấu-hiệu và các điều kỳ-diệu đến giữa
người, hỡi Ê-díp-tô,
Trên Pha-ra-ôn và mọi tôi-tớ của hắn.
¹⁰Ngài đã đánh hạ nhiều quốc-gia,
Và đã giết các vua hùng-mạnh,
¹¹Si-hôn, vua của dân A-mô-rít,
Và Óc, vua ở Ba-san,
Và mọi vương-quốc của Ca-na-an;
¹²Và Ngài đã ban xứ của chúng làm một của thừa-kế,
Một của thừa-kế cho Y-sơ-ra-ên dân của Ngài.

¹³"Danh của Chúa, Đức GIA-VÊ ôi, là đời đời,
Món quà lưu niệm của Chúa, Đức GIA-VÊ ôi, cho mọi
thế-hệ."
¹⁴Vì Đức GIA-VÊ sẽ phán-xét dân Ngài,
Và sẽ có lòng thương-xót cho các tôi-tớ của Ngài.

¹⁵Những hình-tượng của các dân-tộc chỉ là bạc và vàng,
Việc làm của các bàn tay loài người;
¹⁶Chúng có miệng, nhưng chúng chẳng nói;
Chúng có mắt, nhưng chúng chẳng thấy;
¹⁷Chúng có tai, nhưng chúng chẳng nghe;
Cũng không có một hơi-thở nào cả trong các miệng chúng.
¹⁸Những kẻ làm ra chúng sẽ giống như chúng,
Phải, mọi kẻ trông-cậy nơi chúng.

¹⁹Hỡi nhà Y-sơ-ra-ên, hãy chúc-tụng Đức GIA-VÊ;
Hỡi nhà A-rôn, hãy chúc-tụng Đức GIA-VÊ;
²⁰Hỡi nhà Lê-vi, hãy chúc-tụng Đức GIA-VÊ;
Các người, những kẻ kính-sợ Đức GIA-VÊ, hãy chúc-tụng
Đức GIA-VÊ!
²¹Đấng chúc-tụng thay Đức GIA-VÊ từ Si-ôn,
Đấng ngự tại Giê-ru-sa-lem.
Hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ!

THÁNH-THI 136

*Cảm-tạ sự tốt-lành của Đức GIA-VÊ cho Y-sơ-ra-ên
Người viết: Vô-danh*

¹Hãy cảm-tạ Đức GIA-VÊ, vì Ngài là thiện;
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời.
²Hãy cảm-tạ Đức Chúa TRỜI của các thần,
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời.
³Hãy cảm-tạ Chúa của các chúa,
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời;
⁴Tới Ngài, Đấng một mình làm các điều kỳ-diệu vĩ-đại,
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời;
⁵Tới Ngài, Đấng đã làm ra các tầng trời với sự hiểu-biết,
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời;
⁶Tới Ngài, Đấng đã trải rộng trái đất trên những bể nước,
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời;

Thánh-thi 136.7-137.2

7Tới Ngài, Đấng đã dựng nên các nguồn sáng lớn,
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời;
8Mặt trời để cai-trị ban ngày,
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời;
9Mặt trăng và các ngôi sao để cai-trị ban đêm,
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời;
10Tới Ngài, Đấng đã đánh Ê-díp-tô vào con đầu lòng của họ,
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời,
11Và đem Y-sơ-ra-ên ra từ giữa họ,
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời,
12Với bàn tay mạnh và cánh tay duỗi ra,
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời;
13Tới Ngài, Đấng đã chia Biển Sậy⁽¹⁾ ra từng phần,
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời,
14Và đã khiến Y-sơ-ra-ên đi qua giữa Biển ấy,
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời;
15Nhưng Ngài đã xô Pha-ra-ôn và quân-đội của hắn trong Biển Sậy
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời.
16Tới Ngài, Đấng đã dẫn dân Ngài đi qua vùng hoang-vu,
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời;
17Tới Ngài, Đấng đã đánh hạ các vua lớn,
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời,
18Và giết các vua hùng-mạnh,
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời:
19Si-hôn, vua của dân A-mô-rít,
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời,
20Và Óc, vua ở Ba-san,
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời,
21Và đã ban xứ của chúng làm một của thừa-kế,
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời;
22Tức là một của thừa-kế cho Y-sơ-ra-ên tới-tớ Ngài,
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời.
23Đấng đã nhớ đến chúng ta trong tình-trạng hèn-mọn của chúng ta,
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời,
24Và đã giải-cứ chúng ta khỏi các đối-thù chúng ta,
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời;
25Đấng ban đồ ăn cho mọi loài xác-thịt,
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời.
26Hãy dâng các lời cảm-tạ Đức Chúa TRỜI⁽²⁾ của trời,
Vì sự ân-cần thương-yêu của Ngài là đời đời.

THÁNH-THI 137

Một kinh-nghiệm của người bị lưu-đày
Người viết: Vô-danh

1Bên các con sông của Ba-by-lôn,
Ở đó chúng tôi đã ngồi xuống và khóc,
Khi chúng tôi nhớ lại Si-ôn.
2Trên các cây dương-liễu ở giữa nó
Chúng tôi đã treo các thụ-cầm của mình.

¹hay: Biển Đỏ

²hay: vị Thần của tầng trời, the God of heaven vì Đức Chúa Trời là Đấng Tạo-hóa, vị Thần độc-nhất

Psalms 136.7-137.2

7To Him who made *the* great lights,
For His lovingkindness is everlasting:
8The sun to rule by day,
For His lovingkindness is everlasting,
9The moon and stars to rule by night,
For His lovingkindness is everlasting.
10To Him who smote Egypt in their first-born,
For His lovingkindness is everlasting,
11And brought Israel out from their midst,
For His lovingkindness is everlasting,
12With a strong hand and an outstretched arm,
For His lovingkindness is everlasting;
13To Him who divided the Sea of Reeds in parts,
For His lovingkindness is everlasting,
14And made Israel pass through the midst of it,
For His lovingkindness is everlasting;
15But He shook off Pharaoh and his army in the Sea of Reeds,
For His lovingkindness is everlasting.
16To Him who led His people through the wilderness,
For His lovingkindness is everlasting;
17To Him who smote great kings,
For His lovingkindness is everlasting,
18And slew mighty kings,
For His lovingkindness is everlasting:
19Sihon, king of the Amorites,
For His lovingkindness is everlasting,
20And Og, king of Bashan,
For His lovingkindness is everlasting,
21And gave their land as a heritage,
For His lovingkindness is everlasting,
22Even a heritage to Israel His servant,
For His lovingkindness is everlasting.
23Who remembered us in our low estate,
For His lovingkindness is everlasting,
24And has rescued us from our adversaries,
For His lovingkindness is everlasting;
25Who gives food to all flesh,
For His lovingkindness is everlasting
26Give thanks to the God of heaven,
For His lovingkindness is everlasting.

PSALM 137

1By the rivers of Babylon,
There we sat down and wept;
When we remembered Zion.
2Upon the willows in the midst of it
We hung our lyres.

Psalms 137.3-138.8

³For there our captors asked of us words of song,
And our tormentors mirth, *saying*,
"Sing us one of the songs of Zion."

⁴How can we sing YHWH's song
In a foreign land?

⁵If I forget you, O Jerusalem,
May my right hand forget *her skill*.

⁶May my tongue cleave to the roof of my mouth.
If I do not remember you,
If I do not cause to ascend Jerusalem
Above my chief joy.

⁷"Remember, O YHWH, against the sons of Edom
The day of Jerusalem,
Who said, 'Raze it, raze it.
To its very foundation.' "

⁸O daughter of Babylon, you devastated one,
How blessed will be the one who repays you
With the recompense with which you have repaid us.

⁹How blessed will be the one who seizes and dashes your
little ones
Against the rock.

PSALM 138

¹"I will give Thee thanks with all my heart;
I will sing praises to Thee before the gods.
²I will bow down toward Thy holy temple,
And give thanks to Thy name for Thy lovingkindness and
Thy truth;
For Thou hast magnified Thy word according to all Thy
name.
³On the day I called Thou didst answer me;
Thou didst make me bold with strength in my soul."

⁴"All the kings of the earth will give thanks to Thee, O
YHWH
When they have heard the words of Thy mouth."

⁵And they will sing of the ways of YHWH.
For great is the glory of YHWH.

⁶For though YHWH is exalted,
Yet He regards the lowly;
But the haughty He knows from afar.

⁷"Though I walk in the midst of trouble,
Thou wilt revive me;
Thou wilt stretch Thy hand against the wrath of my
enemies,
And Thy right hand will save me.

⁸YHWH will accomplish what concerns me;
Thy lovingkindness, O YHWH, is everlasting;
Do not forsake the works of Thy hands."

Thánh-thi 137.3-138.8

³Vì ở đó các kẻ bắt giữ chúng tôi đã hỏi chúng tôi về các
lời của bài ca,
Và các kẻ hành-hạ chúng tôi đòi cười-đùa, *rằng*:
"Hát cho chúng ta nghe một trong các bài ca của Si-ôn."

⁴Làm thế nào chúng tôi có thể hát bài ca của *Đức GIA-VÊ*
Trong một đất lạ?

⁵Nếu ta quên người, hỡi Giê-ru-sa-lem,
Thì xin tay hữu của ta quên *năng khiếu của nó*.

⁶Xin lưỡi của ta dính vào vòm miệng ta,
Nếu ta không nhớ đến người,
Nếu ta không khiến Giê-ru-sa-lem thăng lên⁽¹⁾
Bên trên niềm vui chính của ta.

⁷"*Đức GIA-VÊ* ôi, xin nhớ chống lại những con trai của
Ê-đôm
Cái ngày của Giê-ru-sa-lem,
Chúng đã nói: 'Hãy san bằng nó, hãy san bằng nó,
Cho đến tận nền của nó!'"

⁸Bớ con gái Ba-by-lôn, người kẻ bị tàn-phá,
Phước biết bao cho người báo-trả người
Bằng chính thứ mà người đã báo chúng ta.

⁹Phước biết bao cho người chụp và quẳng những đứa con
nhỏ của người
Vào đá.

THÁNH-THI 138

Cảm-tạ vì đặc-ân của Đức GIA-VÊ
Người viết: Đa-vít

¹"Con sẽ cảm-tạ Chúa với tất cả tâm-lòng con;
Con sẽ hát các lời ca-tụng Chúa trước mặt các thần.
²Con sẽ gập mình hướng về đền-thờ thánh của Chúa,
Và cảm-tạ danh Chúa vì sự ân-cần thương-yêu của Chúa
và lẽ-thật của Chúa;
Vì Chúa đã tôn cao lời Chúa theo hết thảy danh Chúa.
³Vào ngày con đã kêu-cầu, Chúa đã trả lời con;
Chúa đã làm cho con bạo-dạn với sức mạnh trong hồn
con."

⁴"Tất cả các vua của trái đất sẽ cảm-tạ Chúa, *Đức GIA-*
VÊ ôi,
Khi họ đã nghe các lời của miệng Chúa."

⁵Và họ sẽ hát về các đường-lối của *Đức GIA-VÊ*,
Vì vĩ-đại là vinh-quang của *Đức GIA-VÊ*.

⁶Vì dầu *Đức GIA-VÊ* được nâng cao,
Ngài vẫn đoái đến kẻ thấp-hèn;
Nhưng kẻ kiêu-căng Ngài biết từ xa.

⁷"Dầu con bước đi giữa con rối-loạn,
Chúa *cũng* sẽ hồi sinh con;
Chúa sẽ duỗi tay Chúa ra chống lại con thịnh-nộ của các
kẻ thù con,
Và bàn tay hữu của Chúa sẽ cứu con.

⁸*Đức GIA-VÊ* sẽ hoàn-thành điều liên-hệ đến con;
Sự ân-cần thương-yêu của Chúa, *Đức GIA-VÊ* ôi, là đời
đời;
Xin đừng bỏ rơi các việc làm của các bàn tay Chúa."

¹hay: tán-dương

THÁNH-THI 139

Sự vô sở bất tại và vô sự bất tri của Đức Chúa TRỜI
(Cho trường ban nhạc)

Người viết: Đa-vít

1"*Đức* GIA-VÊ ôi, Chúa đã dò-xét con và đã biết con.

2Chúa biết việc con ngồi xuống và việc con đứng dậy;
Chúa hiểu tư-tưởng của con từ xa.

3Chúa dò-xét lối đi của con và việc con nằm xuống,
Và đã quen-thuộc cận kề với mọi đường-lối của con.

4Cả trước khi có một lời trên lưỡi của con,
Kìa, *Đức* GIA-VÊ ôi, Chúa biết nó hết thảy.

5Chúa đã vây quanh con phía sau và phía trước,
Và đã đặt bàn tay Chúa trên con.

6Kiến-thức đường ấy quá kỳ-diệu cho con;
Nó quá cao, con không thể đạt tới nó.

7"Ở đâu con có thể đi khỏi Linh của Chúa?
Hay ở đâu con có thể trốn khỏi sự hiện-diện của Chúa?

8Nếu con lên tới trời, Chúa ở đó;
Nếu con làm giường con nơi Âm-phủ, kìa, Chúa ở đó.

9Nếu con lấy những cánh của hừng-đông,
Nếu con cư-ngụ tại phần xa nhất của biên-cả,

10Ngay cả ở đó bàn tay Chúa cũng sẽ dẫn-dắt con,
Và bàn tay hữu Chúa sẽ nắm-giữ con.

11Nếu con nói: 'Chắc-chắn sự tối-tăm sẽ làm con bầm dập,
Và ánh-sáng chung-quanh con sẽ là đêm tối,'

12Cả sự tối-tăm *cũng* không là tăm-tối đối với Chúa,
Và đêm tối *cũng* sáng chói như ban ngày.

Sự tối-tăm và ánh-sáng đều như nhau *đối với Chúa*.

13"Vì Chúa đã nắn thành lục tạng của con⁽¹⁾;

Chúa đã dệt con trong tử-cung của mẹ con.

14Con sẽ cảm-tạ Chúa, vì con được làm ra một cách đáng
sợ và kỳ-diệu;

Kỳ-diệu thay các việc làm của Chúa,
Và hồn con biết nó rất rõ.

15Xương xóc con đã không khuất được Chúa,
Khi con đã được tạo thành trong sự bí-mật⁽²⁾,

Và được nắn lên tinh-xảo trong các vực sâu⁽³⁾ của trái đất.

16Các mắt của Chúa đã thấy thể-chất chưa thành của con;
Và trong sách của Chúa chúng đã được viết ra hết thảy,

Các ngày đã được định *cho con*,

Khi chưa có một ngày nào trong các ngày ấy.

17Tư-tưởng của Chúa đối với con cũng quý biết bao, *Đức*
Chúa TRỜI ôi!

Toàn bộ *các tư-tưởng ấy* bao la biết bao!

18Nếu con phải đếm chúng, thì chúng nhiều hơn cát.

Khi con thức-giác, con vẫn còn ở với Chúa.

19"Ôi, ắt Chúa sẽ giết kẻ độc-ác, *Đức* Chúa TRỜI ôi;"

'Hãy đi khỏi ta,' vì vậy, 'hỡi những kẻ đổ máu.'

20"Vì chúng nói chống Chúa một cách độc-ác,
Và những kẻ thù Chúa dùng *danh* Chúa không hiệu quả.

¹Nguyên ngữ: các trái thận của con

²hay: trong nơi kín, có thể hiểu là trong tử-cung

³có thể hiểu "các nơi sâu-thẳm của trái đất" là "các chỗ tối của tử-cung"

PSALM 139

1"O YHWH, Thou hast searched me and known *me*.

2Thou dost know my sitting down and my rising up:
Thou dost understand my thought from afar.

3Thou dost winnow my path and my lying down,
And art intimately acquainted with all my ways.

4Even before there is a word on my tongue,
Behold, O YHWH, Thou dost know it all

5Thou hast enclosed me behind and before
And laid Thy hand upon me.

6*Such* knowledge is too wonderful for me;
It is *too* high, I cannot attain to it.

7"Where can I go from Thy Spirit?

Or where can I flee from Thy presence?

8If I ascend to heaven, Thou art there;

If I make my bed in Sheol, behold, Thou art there.

9If I take the wings of the dawn,

If I dwell in the remotest part of the sea,

10Even there Thy hand will lead me,

And Thy right hand will lay hold of me.

11If I say, 'Surely the darkness will bruise me,

And the light around me will be night,'

12Even the darkness is not dark to Thee,

And the night is as bright as the day.

Darkness and light are alike *to Thee*.

13"For Thou didst form my inward parts;

Thou didst weave me in my mother's womb.

14I will give thanks to Thee, for I am fearfully and
wonderfully made;

Wonderful are Thy works,

And my soul knows it very well.

15My bones were not hidden from Thee,

When I was made in secret,

And skillfully wrought in the depths of the earth.

16Thine eyes have seen my unformed substance;

And in Thy book they were all written,

The days that were ordained *for me*,

When as yet there was not one of them.

17How precious also are Thy thoughts to me, O God!

How vast is the sum of them!

18If I should count them, they would outnumber the sand.

When I awake, I am still with Thee.

19"O that Thou wouldst slay the wicked, O God;"

'Depart from me,' therefore, 'men of bloodshed.'

20"For they speak against Thee wickedly,

And Thine enemies take Thy *name* in vain.

Psalms 139.21-141

21 Do I not hate those who hate Thee, O YHWH?
And do I not loathe those who rise up against Thee?
22 I hate them with the utmost hatred;
They have become my enemies.

23 "Search me, O God, and know my heart;
Try me and know my anxious thoughts;
24 And see if there be any hurtful way in me,
And lead me in the everlasting way."

PSALM 140

1 "Rescue me, O YHWH, from evil men;
Preserve me from violent men,
2 Who devise evil things in their hearts;
They continually stir up wars.
3 They sharpen their tongues as a serpent;
Poison of a viper is under their lips. [Selah.
4 "Keep me, O YHWH, from the hands of the wicked;
Preserve me from violent men,
Who have purposed to push violently my feet.
5 The proud have hidden a trap for me, and cords;
They have spread a net by the wayside;
They have set snares for me." [Selah.
6 I said to YHWH, "Thou art my God;
Give ear, O YHWH, to the voice of my supplications.
7 O YHWH the Lord, the strength of my salvation,
Thou hast covered my head in the day of battle.
8 "Do not grant, O YHWH, the desires of the wicked;
Do not promote his evil device, lest they be exalted." [Selah.
9 "As for the head of those who surround me,
May the mischief of their lips cover them.
10 May burning coals fall upon them;
May they be cast into the fire,
Into watery pits from which they cannot rise."
11 "May a slanderer not be established in the earth;
May evil hunt the violent man speedily."
12 "I know that YHWH will maintain the cause of the
afflicted,
And justice for the poor.
13 Surely the righteous will give thanks to Thy name;
The upright will dwell in Thy presence."

PSALM 141

Thánh-thi 139.21-141

21 Có phải con chẳng ghét những kẻ ghét Chúa hay sao,
Đức GIA-VÊ ôi?
Và con chẳng ghê-tởm những kẻ nổi lên chống Chúa hay
sao?
22 Con ghét chúng với sự căm-ghét tận-cùng;
Chúng đã trở thành các kẻ thù của con.
23 "Xin tra-xét con, Đức Chúa TRỜI ôi, và xin biết tâm-
lòng con;
Xin thử con và xin biết các tư-tưởng khắc-khoài của con;
24 Và xem nếu có một đường-lối có hại nào trong con
chẳng,
Và xin dẫn-dắt con trong đường-lối đời đời."

THÁNH-THI 140

*Câu-nguyện xin bảo-vệ chống kẻ ác (Cho trường ban
nhạc)
Người viết: Đa-vít*

1 "Xin giải-cứu con, Đức GIA-VÊ ôi, khỏi các kẻ xấu-xa;
Xin bảo-vệ con khỏi các người hung-bạo,
2 Những kẻ chế ra các điều xấu-xa trong tâm chúng;
Chúng liên-tục khuấy-động những cuộc chiến-tranh.
3 Chúng mài nhọn lưỡi của chúng như răn;
Nọc độc răn hồ thi ở nơi các môi chúng. [Sê-la.
4 "Xin giữ con, Đức GIA-VÊ ôi, khỏi tay những kẻ độc-ác;
Xin bảo-vệ con khỏi các người hung-bạo,
Là những kẻ đã có ý xô các chân con một cách hung-bạo.
5 Các kẻ kiêu-ngạo đã gài bẫy và chằng dây cho con;
Chúng đã giương lưới cạnh bờ đường;
Chúng đã đặt bẫy gài con." [Sê-la.
6 Tôi đã thưa cùng Đức GIA-VÊ: "Chúa là Đức Chúa
TRỜI của con;
Xin đề tai, Đức GIA-VÊ ôi, nghe tiếng nài-xin của con.
7 Ôi Đức GIA-VÊ Chúa, sức mạnh của sự cứu-rỗi của con,
Chúa đã che-phủ đầu con trong ngày chiến-trận.
8 "Xin chớ ban, Đức GIA-VÊ ôi, ước-ao của kẻ độc-ác;
Xin chớ ủng-hộ mưu xấu của hắn, e chúng được đề-cao
chẳng." [Sê-la.
9 "Còn về đầu-trưởng của những kẻ bao-vây con,
Nguyện trò tình quái của các môi chúng bao-phủ chúng.
10 Nguyện đám than cháy đỏ rơi xuống trên chúng;
Nguyện chúng bị quăng vào trong lửa,
Vào trong các hố nước từ đó chúng không thể chỗi-dậy."
11 "Nguyện kẻ vu-không chẳng được vững lập trên trái đất;
Nguyện điều xấu nhanh chóng sẵn người hung-bạo ấy."
12 "Con biết rằng Đức GIA-VÊ sẽ bảo-trì duyên-cớ của kẻ
khổ-nạn,
Và công-lý cho người nghèo.
13 Chắc-chắn người công-chính sẽ cảm-tạ danh Chúa;
Người ngay-thăng sẽ ở trong sự hiện-diện của Chúa."

THÁNH-THI 141

*Lời câu-nguyện buổi chiều xin được nên thánh và được
bảo-vệ khỏi các tội ác
Người viết: Đa-vít*

Thánh-thi 141.1-142.7

1"*Đức* GIA-VÊ ôi, con cầu-xin Chúa mau đến cùng con!
Xin để tai nghe tiếng của con khi con kêu-cầu Chúa!
2Nguyên lời cầu-nguyện của con được xem như hương
thơm trước mặt Chúa;
Việc con nâng hai bàn tay lên như của-lễ buổi chiều.
3*Đức* GIA-VÊ ôi, xin đặt một kẻ canh-gác miệng của con;
Xin cứ canh giữ cửa của các môi con.
4Xin đừng hướng tâm con về một điều xấu nào,
Đề thực hành các việc độc-ác
Vớ những kẻ làm điều tội lỗi;
Và xin đừng để con ăn từ các món ngon của chúng.
5"Xin cho người công-chính đánh con trong sự từ-tế và
khiến-trách con;
Đó là dầu trên đầu;
Xin đừng cho đầu của con từ-chối nó,
Vì lời cầu-nguyện của con vẫn chống lại các việc độc ác
của chúng.
6Các quan án của chúng bị ném xuống bên cạnh tảng đá,
Và họ nghe các lời con, vì chúng êm dịu.
7Như khi một người cày và vỡ đất ra,
Thì xương chúng con đã bị rải nơi miệng của Âm-phủ rồi.
8"Vì đôi mắt con hướng về Chúa, ôi *Đức* GIA-VÊ, Chúa;
Trong Chúa con ẩn-náu; xin đừng đổ hồn con ra.
9Xin giữ con khỏi các hàm của cái bẫy mà chúng đã gài
cho con,
Và khỏi bẫy của kẻ làm ác.
10Xin cho kẻ độc-ác sa vào chính các lưới của chúng,
Trong khi con an-toàn đi ngang qua."

THÁNH-THI 142

Lời cầu-nguyện xin giúp-đỡ trong cơn gian-truân
Người viết: Đa-vít khi ở trong hang đá

1Tôi khóc lớn với tiếng của tôi cùng *Đức* GIA-VÊ;
Tôi nài-xin bằng tiếng của tôi cùng *Đức* GIA-VÊ.
2Tôi đổ sự than-thở của tôi ra trước mặt Ngài;
Tôi công-bố nỗi lo-phiền của tôi trước mặt Ngài.
3"Khi linh của con đã lìa đi ở trong con,
Chúa đã biết nẻo-đường của con.
Trong con đường nơi con bước đi
Chúng đã giấu một cái bẫy cho con.
4Xin nhìn bên phải và xem;
Vì chẳng có một ai lưu-ý đến con;
Không có một lối thoát cho con;
Chẳng có một người nào quan-tâm đến hồn con.
5"Con đã kêu-cầu cùng Chúa, *Đức* GIA-VÊ ôi;
Con đã thưa: 'Chúa là nơi ẩn-náu của con,
Phần của con trong đất kẻ sống.
6Xin chú ý đến tiếng khóc của con,
Vì con bị hạ quá thấp;
Xin giải-thoát con khỏi những kẻ bắt-bớ con,
Vì chúng quá mạnh cho con.
7Xin đem hồn con ra khỏi nhà giam,
Đề con được cảm-tạ danh Chúa;
Người công-chính sẽ vây quanh con,
Vì Chúa sẽ đối-xử một cách rộng-rãi với con.'"

Psalms 141.1-142.7

1"O YHWH, I call upon Thee, hasten to me!
Give ear to my voice when I call to Thee!
2May my prayer be counted as incense before Thee;
The lifting up of my hands as the evening offering.
3Set a guard, O YHWH, over my mouth;
Keep watch over the door of my lips.
4Do not incline my heart to any evil thing,
To practice deeds of wickedness
With men who do iniquity;
And do not let me eat of their delicacies.
5"Let the righteous smite me in kindness and reprove me;
It is oil upon the head;
Do not let my head refuse it,
For still my prayer is against their wicked deeds.
6Their judges are thrown down by sides of the rock,
And they hear my words, for they are pleasant.
7As when one plows and breaks open the earth,
Our bones have been scattered at the mouth of Sheol.
8"For my eyes are toward Thee, O YHWH, the Lord;
In Thee I take refuge; do not pour out my soul.
9Keep me from the jaws of the trap which they have set
for me,
And from the snares of those who do iniquity.
10Let the wicked fall into their own nets,
While I pass by safely."

PSALM 142

1I cry aloud with my voice to YHWH;
I make supplication with my voice to YHWH,
2I pour out my complaint before Him;
I declare my trouble before Him.
3"When my spirit fainted within me,
Thou didst know my path.
In the way where I walk
They have hidden a trap for me.
4Look to the right and see;
For there is no one who regards me;
There is no escape for me;
No one cares for my soul.
5"I cried out to Thee, O YHWH;
I said, 'Thou art my refuge,
My portion in the land of the living.
6Give heed to my cry,
For I am brought very low;
Deliver me from my persecutors,
For they are too strong for me.
7Bring my soul out of prison,
So that I may give thanks to Thy name;
The righteous will surround me,
For Thou wilt deal bountifully with me.'"

PSALM 143

1"Hear my prayer, O YHWH,
Give ear to my supplications!
Answer me in Thy faithfulness, in Thy righteousness!
2And do not enter into judgment with Thy servant,
For in Thy sight no man living is righteous.

3"For the enemy has persecuted my soul;
He has smitten my life down to the ground;
He has made me dwell in dark places, like those who have
long dead.
4"Therefore my spirit faints within me;
My heart is appalled within me.

5"I remember the days of old;
I meditate on all Thy doings;
I muse on the work of Thy hands.
6"I stretch out my hands to Thee;
My soul *longs* for Thee, as a parched land. [Selah.

7"Answer me quickly, O YHWH, my spirit fails;
Do not hide Thy face from me,
Lest I become like those who go down to the pit.
8Let me hear Thy lovingkindness in the morning;
For I trust in Thee;
Teach me the way in which I should walk;
For to Thee I lift up my soul.

9"Deliver me, O YHWH, from my enemies;
I take refuge in Thee.
10Teach me to do Thy will,
For Thou art my God;
Let Thy good Spirit lead me on level land.
11For the sake of Thy name, O YHWH, revive me.
In Thy righteousness bring my soul out of trouble.
12And in Thy lovingkindness cut off my enemies,
And destroy all those who afflict my soul;
For I am Thy servant."

PSALM 144

1"Blessed be YHWH, my rock,
Who trains my hands for war,
And my fingers for battle;
2My lovingkindness and my fortress,
My stronghold and my deliverer;
My shield and He in whom I take refuge;
Who subdues my people under me.

3"O YHWH, what is man, that Thou dost take knowledge
of him?
Or the son of man, that Thou dost think of him?

THÁNH-THI 143

Lời cầu-nguyện xin sự giải-thoát và hướng-dẫn
Người viết: Đa-vít

1"Xin nghe lời cầu-nguyện của con, *Đức* GIA-VÊ ôi,
Xin để tai nghe các sự nài-xin của con!
Xin đáp lời con trong sự thành-tín của Chúa, trong sự
công-chính của Chúa!
2Và xin đừng vào sự phán-xét với tôi-tớ của Chúa,
Vì trong cái nhìn của Chúa chẳng có một ai sống là công-
chính.

3"Vì kẻ thù ấy đã bắt bớ hồn con;
Hắn đã đánh hạ sinh-mạng con xuống tới mặt đất;
Hắn đã làm con ở trong các chỗ tối, như những kẻ đã chết
từ lâu.
4Bởi vậy, linh con là đi ở trong con;
Tâm con bị làm hoảng sợ ở trong con.

5"Con nhớ lại những ngày thuở xưa;
Con ngẫm-nghĩ tất cả những việc làm của Chúa;
Con trầm-ngâm về công-việc của bàn tay Chúa.
6Con đuổi ra các bàn tay con lên Chúa;
Hồn con mong mỏi Chúa, như một đất cháy khô. [Selah.

7"Xin mau đáp lời con, *Đức* GIA-VÊ ôi, linh con suy-sụp;
Xin đừng giấu mặt Chúa khỏi con,
E con trở nên như những kẻ đi xuống hố.
8Xin cho con nghe sự ân-cần thương-yêu của Chúa vào
buổi sáng;
Vì con trông-cậy nơi Chúa;
Xin dạy con đường-lối mà con phải bước đi trong đó;
Vì hướng về Chúa, con nâng hồn con lên.

9"Xin giải-cứu con, *Đức* GIA-VÊ ôi, khỏi các kẻ thù con;
Con ẩn-náu trong Chúa.
10Xin dạy con thực-hiện ý-muốn của Chúa,
Vì Chúa là *Đức* Chúa TRỜI của con;
Nguyện Linh tốt-lành của Chúa dẫn-dắt con trên đất bằng.
11Vì cơ danh Chúa, *Đức* GIA-VÊ ôi, xin hồi sinh con.
Trong sự công-chính của Chúa xin đem hồn con ra khỏi sự
phiền-hà.
12Trong sự ân-cần thương-yêu của Chúa, xin diệt những
kẻ thù của con,
Và xin hủy-diệt tất cả những kẻ làm hồn con khổ;
Vì con là tôi-tớ của Chúa."

THÁNH-THI 144

Lời cầu-nguyện xin sự giải-cứu và sự phồn-vinh
Người viết: Đa-vít

1Đấng chúc-tụng thay *Đức* GIA-VÊ, là tảng đá của tôi,
Là Đấng huấn-luyện các bàn tay tôi cho chiến-tranh,
Và các ngón tay tôi cho trận-chiến;
2Là sự ân-cần thương-yêu của tôi và đồn-lũy của tôi,
Là đồn lũy của tôi và đấng giải-phóng của tôi;
Là cái khiên của tôi, và trong Ngài tôi ẩn-náu;
Ngài bắt dân tôi phục dưới tôi.

3"*Đức* GIA-VÊ ôi, con người là gì, mà Chúa nhận biết nó?
Hay con trai loài người là gì, mà Chúa nghĩ đến nó?

Thánh-thi 144.4-145.5

4Loài người như chi là một hơi-thở;
Các ngày của nó như cái bóng đi qua.

5"Xin uốn cong các tầng trời của Chúa, *Đức* GIA-VÊ ôi,
và xin giáng xuống;

Xin chạm các núi, để chúng có thể xông khói lên.

6Xin phát ra chớp-nhoáng và rải chúng ra;

Xin bắn các mũi tên Chúa ra và làm chúng lâm-lẫn.

7Xin dang tay Chúa ra từ nơi cao;

Xin giải-cứu con và giải-thoát con khỏi nhiều con nước lớn,

Ra khỏi tay những kẻ nước ngoài

8Có miệng nói điều dối-gạt,

Và có bàn tay hữu là tay sai lầm.

9"Con sẽ hát bài ca mới cho Chúa, *Đức* Chúa TRỜI ôi;
Trên thập huyền cầm, con sẽ hát các lời ca-tụng cho Chúa.

10Là Đấng ban sự cứu-rỗi cho các vua;

Là Đấng giải-cứu Đa-vít tôi-tớ Ngài khỏi thanh gươm xấu-xa.

11Xin giải-cứu con, và giải-thoát con khỏi bàn tay những người nước ngoài,

Có miệng nói điều dối-gạt,

Và có bàn tay hữu là tay sai lầm.

12"Xin cho những con trai của chúng con trong thời thanh niên của chúng như những cây trưởng thành,

Và các con gái của chúng con như các trụ góc được làm kiểu như cho một dinh-thự;

13Xin các kho thóc chúng con đầy, cung-cấp mọi thứ sản-phẩm,

Và các bầy chiên của chúng con sanh ra hằng ngàn hằng vạn trong những cánh đồng của chúng con;

14Xin cho các bò cái của chúng con mang thai,

Mà không có việc không may và không mất-mát,

Xin đừng có một tiếng la ó nào trong các đường phố của chúng con!

15Phước biết bao cho dân được quang-cảnh như vậy!

Phước biết bao cho dân có *Đức* Chúa TRỜI là *Đức* GIA-VÊ!"

THÁNH-THI 145

Lời ca-ngợi Đức GIA-VÊ vì sự tốt-lành của Ngài
(Thánh-thi ca-ngợi)

Người viết: Đa-vít

1"Con sẽ ca-tụng Chúa, *Đức* Chúa TRỜI của con, nhà Vua ôi;

Và con sẽ chúc-tụng danh Chúa đời đời vô cùng.

2"Mỗi ngày con sẽ chúc-tụng Chúa,

Và con sẽ ca-ngợi danh Chúa đời đời vô cùng.

3Vĩ đại là *Đức* GIA-VÊ, và rất đáng được ca-tụng;

Và sự vĩ đại của Ngài thì không thể dò-xét được.

4"Thế-hệ này đến thế-hệ khác sẽ ca-tụng các việc làm của Chúa,

Và sẽ công-bố các hành-động phi-thường của Chúa.

5Về vinh-quang chói lọi của sự oai-nghiêm của Chúa,

Và về các việc làm kỳ-diệu của Chúa, con sẽ suy ngẫm.

Psalms 144.4-145.5

4Man is like a mere breath;
His days are like a passing shadow.

5"Bow Thy heavens, O YHWH, and come down;
Touch the mountains, that they may smoke.

6Flash forth lightning and scatter them;

Send out Thine arrows and confuse them.

7Stretch forth Thy hand from on high;

Rescue me and deliver me out of great waters,

Out of the hand of aliens

8Whose mouths speak deceit,

And whose right hand is a right hand of falsehood.

9"I will sing a new song to Thee, O God;

Upon a harp of ten strings I will sing praises to Thee,

10Who dost give salvation to kings;

Who dost rescue David His servant from the evil sword.

11Rescue me, and deliver me out of the hand of aliens,

Whose mouth speaks deceit,

And whose right hand is a right hand of falsehood.

12"Let our sons in their youth be as grown-up plants,
And our daughters as corner pillars fashioned as for a palace;

13Let our garners be full, furnishing every kind of produce,

And our flocks bring forth thousands and ten thousands in our fields;

14Let our cattle bear,

Without mishap and without loss,

Let there be no outcry in our streets!

15How blessed are the people who are so situated;

How blessed are the people whose God is YHWH!"

PSALM 145

1"I will extol Thee, my God, O King;

And I will bless Thy name forever and ever.

2"Every day I will bless Thee,

And I will praise Thy name forever and ever."

3Great is YHWH, and highly to be praised;

And His greatness is unsearchable.

4"One generation shall praise Thy works to another,
And shall declare Thy mighty acts.

5"On the glorious splendor of Thy majesty,

And on Thy wonderful works, I will meditate.

Psalms 145.6-146.5

6And men shall speak of the power of Thine awesome acts;
 And I will tell of Thy greatness.
 7They shall eagerly utter the memory of Thine abundant goodness,
 And shall shout joyfully of Thy righteousness."
 8YHWH is gracious and merciful;
 Slow to anger and great in lovingkindness.
 9YHWH is good to all,
 And His mercies are over all His works.

10"All Thy works shall give thanks to Thee, O YHWH,
 And Thy godly ones shall bless Thee.
 11They shall speak of the glory of Thy kingdom,
 And talk of Thy power;
 12To make known to the sons of men Thy mighty acts,
 And the glory of the majesty of Thy kingdom.
 13Thy kingdom is an everlasting kingdom,
 And Thy dominion *endures* throughout all generations.

14"YHWH sustains all who fall,
 And raises up all who are bowed down.
 15The eyes of all look to Thee,
 And Thou dost give them their food in due time.
 16Thou dost open Thy hand,
 And dost satisfy the desire of every living thing."

17YHWH is righteous in all His ways,
 And kind in all His deeds.
 18YHWH is near to all who call upon Him,
 To all who call upon Him in truth.
 19He will fulfill the desire of those who fear Him;
 He will also hear their cry and will save them.
 20YHWH keeps all who love Him;
 But all the wicked, He will destroy.

21My mouth will speak the praise of YHWH;
 And all flesh will bless His holy name forever and ever.

PSALM 146

1Praise YHWH!
 Praise YHWH, O my soul!
 2I will praise YHWH while I live;
 I will sing praises to my God while I have my being.
 3Do not trust in princes,
 In mortal man, in whom there is no salvation.
 4His spirit departs, he returns to the earth;
 In that very day his thoughts perish.
 5How blessed is he whose help is the God of Jacob,
 Whose hope is in YHWH his God;

Thánh-thi 145.6-146.5

6Và người ta sẽ nói về quyền-năng của các hành-động kinh-khiếp của Chúa;
 Và con sẽ nói về sự vĩ đại của Chúa.
 7Họ sẽ sốt-sắng thốt ra kỷ ức về sự tốt-lành dư-dật của Chúa,
 Và sẽ la lên một cách vui-vẻ về sự công-chính của Chúa."
 8Đức GIA-VÊ khoan-dung và hay thương xót;
 Chậm giận và vĩ đại trong sự ân-cần thương-yêu.
 9Đức GIA-VÊ là thiện cho tất cả,
 Và các sự khoan-dung của Ngài thi ở trên mọi việc làm của Ngài.

10"Mọi công trình của Chúa sẽ cảm-tạ Chúa, Đức GIA-VÊ ôi,
 Và những kẻ tin-kính của Chúa sẽ chúc-tụng Chúa.
 11Họ sẽ nói về vinh-quang của vương-quốc Chúa,
 Và nói về quyền-năng của Chúa;
 12Để khiến cho những con trai của người ta biết các hành-động phi-thường của Chúa,
 Và vinh-quang của oai-nghiêm của vương-quốc Chúa.
 13Vương-quốc Chúa là một vương-quốc đời đời,
 Và nước của Chúa *tồn tại* suốt mọi thế-hệ.

14"Đức GIA-VÊ duy trì mọi kẻ ngã,
 Và đỡ mọi kẻ bị gập mình dậy.
 15Mọi cặp mắt nhìn vào Chúa,
 Và Chúa cho họ thực-phẩm của họ đúng lúc cần.
 16Chúa xòe bàn tay của Chúa ra,
 Và thỏa-mãn ước-ao của mọi sinh-vật."

17Đức GIA-VÊ công-chính trong mọi lối đi của Ngài,
 Và từ tế trong mọi việc làm của Ngài.
 18Đức GIA-VÊ gần mọi kẻ cầu-khẩn Ngài,
 Ở gần mọi kẻ cầu-khẩn Ngài trong lễ thật.
 19Ngài sẽ đáp-ứng ước-ao của những kẻ kinh-sợ Ngài;
 Ngài cũng sẽ nghe tiếng khóc của họ và sẽ cứu họ.
 20Đức GIA-VÊ giữ-gìn mọi kẻ yêu Ngài;
 Nhưng mọi kẻ độc-ác, Ngài sẽ hủy-diệt.

21Miệng tôi sẽ nói lên lời ca-tụng về Đức GIA-VÊ;
 Và mọi xác-thịt sẽ chúc-tụng danh thánh của Ngài đời đời vô cùng.

THÁNH-THI 146

Cảm-tạ Đức GIA-VÊ, Đấng Giúp-đỡ dư-dật
Người viết: Vô-danh

1Hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ!
 Hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ, hỡi hồn ta!
 2Tôi sẽ ca-tụng Đức GIA-VÊ trong khi tôi sống;
 Tôi sẽ hát các lời ca-tụng cho Đức Chúa TRỜI tôi trong khi tôi tồn tại.
 3Chớ trông-cậy nơi các ông hoàng,
 Nơi loài người phải chết, nơi nó chẳng có sự cứu-rỗi.
 4Linh của nó rời đi, nó trở về đất;
 Vào chính cái ngày đó, các suy nghĩ của nó diệt-vong.
 5Phước biết bao cho người mà Đức Chúa TRỜI của Gia-cốp giúp-đỡ,
 Là kẻ có hy-vọng nơi Đức GIA-VÊ, Đức Chúa TRỜI của hân;

Thánh-thi 146.6-147.15

⁶Là Đấng đã làm trời và đất,
Biển và mọi thứ ở trong chúng;
Là Đấng giữ đức-tin mãi mãi;
⁷Là Đấng thực-thi công-lý cho kẻ bị áp-bức;
Là Đấng ban thực-phẩm cho kẻ đói.
Đức GIA-VÊ phóng thích các tù-nhân.
⁸Đức GIA-VÊ mở mắt kẻ mù;
Đức GIA-VÊ đỡ kẻ bị gập mình dậy;
Đức GIA-VÊ yêu người công-chính;
⁹Đức GIA-VÊ bảo-vệ các khách lạ;
Ngài nâng-đỡ kẻ không cha và người góa-bụa;
Nhưng Ngài ngăn-cản đường-lối của kẻ độc-ác.

¹⁰Đức GIA-VÊ, Đức Chúa TRỜI của người, sẽ trị-vì mãi mãi cho mọi thế-hệ, hỡi Si-ôn.
Hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ!

THÁNH-THI 147

Ca-ngợi Đức GIA-VÊ cho sự phục-hồi và phồn-vinh của Giê-ru-sa-lem (được viết khi những người bị lưu-đày trở về Giê-ru-sa-lem)

Người viết: Vô-danh

¹Hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ!
Vì hát các lời ca-tụng cho Đức Chúa TRỜI của chúng ta là tốt;
Vì là thích-thú và sự ca-tụng là xứng.
²Đức GIA-VÊ dựng Giê-ru-sa-lem;
Ngài gom những kẻ bị ruồng bỏ của Y-sơ-ra-ên lại.
³Ngài chữa lành những kẻ có tâm tan vỡ,
Và băng-bó lại các vết thương của họ.
⁴Ngài đếm số các vì sao;
Ngài đặt tên cho hết thủy chúng.
⁵Vĩ-đại là Chúa của chúng ta, và dư-dật trong sức mạnh;
Sự hiểu biết của Ngài là vô tận.
⁶Đức GIA-VÊ nâng đỡ những kẻ bị đau-khổ;
Ngài hạ các kẻ ác xuống mặt đất.
⁷Hãy hát cho Đức GIA-VÊ với sự tạ ơn;
Hãy hát các lời ca-tụng cho Đức Chúa TRỜI chúng ta trên đàn lia,
⁸Là Đấng bao-phủ các tầng trời với các đám mây,
Là Đấng cung-cấp mưa cho trái đất,
Là Đấng khiến cỏ mọc trên núi.
⁹Ngài ban cho thú rừng đồ-ăn của nó,
Và cho các con quạ con đang kêu la.
¹⁰Ngài không hải lòng với sức mạnh của con ngựa;
Ngài không thích thú những cẳng chân của một người.
¹¹Đức GIA-VÊ chiếu cố những kẻ sợ Ngài,
Những kẻ trông-đợi sự ân-cần thương-yêu của Ngài.
¹²Hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ, hỡi Giê-ru-sa-lem!
Hãy ca-tụng Đức Chúa TRỜI của người, hỡi Si-ôn!
¹³Vì Ngài đã tăng sức cho các then công của người;
Ngài đã ban phúc cho những con trai người ở bên trong người.
¹⁴Ngài làm cho hòa-bình trong các biên-giới của người;
Ngài thỏa-mãn người với phần lúa mì tốt nhất.
¹⁵Ngài phát lệnh của Ngài ra cho trái đất;
Lời Ngài lan rất nhanh.

Psalms 146.6-147.15

⁶Who made heaven and earth,
The sea and all that is in them;
Who keeps faith forever;
⁷Who executes justice for the oppressed;
Who gives food to the hungry.
YHWH sets the prisoners free.
⁸YHWH opens *the* eyes of the blind;
YHWH raises up those who are bowed down;
YHWH loves the righteous;
⁹YHWH protects the strangers;
He supports the fatherless and the widow;
But He thwarts the way of the wicked.
¹⁰YHWH will reign forever, Thy God, O Zion, to all generations.
Praise YHWH!

PSALM 147

¹Praise YHWH!
For it is good to sing praises to our God;
For it is pleasant *and* praise is becoming.
²YHWH builds up Jerusalem;
He gathers the outcasts of Israel.
³He heals the broken hearted,
And binds up their wounds.
⁴He counts the number of the stars;
He gives names to all of them.
⁵Great is our Lord, and abundant in strength;
His understanding is infinite.
⁶YHWH supports the afflicted;
He brings down the wicked to the ground.
⁷Sing to YHWH with thanksgiving;
Sing praises to our God on the lyre,
⁸Who covers the heavens with clouds,
Who provides rain for the earth,
Who makes grass to grow on the mountain.
⁹He gives to the beast its food,
And to the young ravens which cry.
¹⁰He does not delight in the strength of the horse;
He does not take pleasure in the legs of a man.
¹¹YHWH favors those who fear Him,
Those who wait for His lovingkindness.
¹²Praise YHWH, O Jerusalem!
Praise your God, O Zion!
¹³For He has strengthened the bars of your gates;
He has blessed your sons within you.
¹⁴He makes peace in your borders;
He satisfies you with the finest of the wheat.
¹⁵He sends forth His command to the earth;
His word runs very swiftly.

Psalms 147.16-149.1

¹⁶He gives snow like wool;
He scatters the frost like ashes.
¹⁷He casts forth His ice as fragments;
Who can stand before His cold?
¹⁸He sends forth His word and melts them;
He causes His wind to blow and the waters to flow.
¹⁹He declares His words to Jacob,
His statutes and His ordinances to Israel.
²⁰He has not dealt thus with any nation;
And as for His ordinances, they have not known them.
Praise YHWH!

PSALM 148

¹Praise YHWH!
Praise YHWH from the heavens;
Praise Him in the heights!
²Praise Him, all His angels;
Praise Him, all His hosts!
³Praise Him, sun and moon;
Praise Him, all stars of light!
⁴Praise Him, heavens of heavens,
And the waters that are above the heavens!
⁵Let them praise the name of YHWH,
For He commanded and they were created.
⁶He has also established them forever and ever;
He has made a decree which will not pass away.

⁷Praise YHWH from the earth,
Sea monsters and all deeps;
⁸Fire and hail, snow and clouds;
Stormy wind, fulfilling His word;
⁹Mountains and all hills;
Fruit trees and all cedars;
¹⁰Beasts and all cattle;
Creeping things and winged fowl;
¹¹Kings of the earth and all peoples;
Princes and all judges of the earth;
¹²Both young men and virgins;
Old men and children,
¹³Let them praise the name of YHWH,
For His name alone is exalted;
His glory is above earth and heaven.
¹⁴And He has lifted up a horn for His people,
Praise for all His godly ones;
Even for the sons of Israel, a people near to Him.
Praise YHWH!

PSALM 149

¹Praise YHWH!
Sing to YHWH a new song,
And His praise in the congregation of the godly ones.

Thánh-thi 147.16-149.1

¹⁶Ngài ban cho tuyết như len;
Ngài rải sương ra như tro.
¹⁷Ngài ném nước đá của Ngài ra thành từng mảnh;
Ai có thể đứng nổi trước cái lạnh của Ngài?
¹⁸Ngài phát lời Ngài ra và làm tan chảy chúng;
Ngài khiến gió của Ngài thổi và những bề nước, chảy.
¹⁹Ngài tuyên-bố các lời Ngài cho Gia-cóp,
Các luật-lệ và mạng-lệnh của Ngài cho Y-sơ-ra-ên.
²⁰Ngài đã chẳng đối-xử như vậy với bất cứ quốc-gia nào;
Và còn về các mạng-lệnh của Ngài, họ đã chẳng biết chúng.
Hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ!

THÁNH-THI 148

Khuyên toàn-thể vật thọ-tạo ca-tụng Đức GIA-VÊ
Người viết: Vô-danh

¹Hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ!
Hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ từ các tầng trời;
Hãy ca-tụng Ngài ở các nơi cao!
²Hãy ca-tụng Ngài, hỡi mọi thiên-sứ của Ngài;
Hãy ca-tụng Ngài, hỡi mọi cơ-binh của Ngài!
³Hãy ca-tụng Ngài, hỡi mặt trời và mặt trăng;
Hãy ca-tụng Ngài, hỡi mọi sao sáng!
⁴Hãy ca-tụng Ngài, hỡi các tầng trời của các tầng trời,
Và những nước ở bên trên các tầng trời!
⁵Hãy để chúng ca-tụng danh Đức GIA-VÊ
Vì Ngài đã truyền lệnh, chúng bèn được sáng-tạo.
⁶Ngài cũng đã vững lập chúng đời đời vô cùng;
Ngài đã làm một sắc-lệnh mà sẽ không đi mất.

⁷Hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ từ trái đất,
Hỡi các quái-vật của biển và mọi vực sâu;
⁸Hỡi lửa và mưa đá, hỡi tuyết và mây;
Hỡi bão tố, làm lời Ngài ứng-nghiệm;
⁹Hỡi các núi và mọi đồi;
Hỡi những cây mang trái và mọi cây tuyết-tùng;
¹⁰Hỡi các thú rừng và mọi gia-súc;
Các loài bò sát và chim có cánh;
¹¹Hỡi các vua của trái đất và mọi dân-tộc;
Hỡi các ông hoàng và mọi quan-án của trái đất;
¹²Hỡi cả những người nam trẻ lẫn các gái đồng-trinh;
Hỡi các người già và con trẻ,
¹³Đề họ ca-tụng danh Đức GIA-VÊ,
Vì một mình danh Ngài được tôn cao;
Vinh-quang của Ngài ở bên trên đất và trời.
¹⁴Và Ngài đã nâng lên một cái sừng cho dân Ngài,
Sự ca-tụng cho mọi kẻ tin-kính của Ngài;
Tức là cho những con trai Y-sơ-ra-ên, một dân gần bên Ngài.
Hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ!

THÁNH-THI 149

Khuyên dân Y-sơ-ra-ên ca-tụng Đức GIA-VÊ
Người viết: Vô-danh

¹Hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ!
Hãy hát cho Đức GIA-VÊ một bài ca mới,
Và sự ca-tụng Ngài trong hội-chúng những kẻ tin-kính.

Thánh-thi 149.2-150.6

²Y-sơ-ra-ên hãy vui nơi Đấng Sáng-tạo của mình;
Các con trai Si-ôn hãy mừng-rỡ nơi Vua của mình.
³Chúng hãy ca-tụng danh Ngài bằng cách nhảy-múa;
Chúng hãy hát lời ca-tụng cho Ngài với trống com và đàn lia.
⁴Vì Đức GIA-VÊ thích thú với dân của Ngài;
Ngài sẽ làm đẹp những kẻ bị đau-khổ bằng sự cứu-rỗi.

⁵Những kẻ tin-kính hãy hớn hờ trong vinh-quang;
Chúng hãy hát-xương vì vui-về trên giường của chúng.
⁶Hãy đề các lời ca-tụng thanh-cao về Đức Chúa TRỜI ở
trong họng họ,
Và thanh gươm hai lưỡi trong tay họ,
⁷Đề thi-hành sự báo-thù các quốc-gia,
Và hình-phạt trên các dân-tộc;
⁸Đề trời các vua của chúng bằng xiềng,
Và các nhà quý-tộc của chúng bằng những cùm sắt;
⁹Đề thi-hành trên chúng cái án đã được chép;
Đây là một danh-dự cho mọi kẻ tin-kính Ngài.
Hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ!

THÁNH-THI 150

Đứng dùng nhạc-khí mà ca-ngợi Đức GIA-VÊ
Người viết: Vô-danh

¹Hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ!
Hãy ca-tụng Đức Chúa TRỜI trong nơi thánh của Ngài;
Hãy ca-tụng Ngài trong bầu trời đầy quyền-năng của Ngài.
²Hãy ca-tụng Ngài vì các việc làm phi-thường của Ngài;
Hãy ca-tụng Ngài theo sự vĩ đại tuyệt-diệu của Ngài.

³Hãy ca-tụng Ngài bằng tiếng kèn trom-bét;
Hãy ca-tụng Ngài bằng đàn hạc và đàn lia.
⁴Hãy ca-tụng Ngài bằng trống com và nhảy-múa;
Hãy ca-tụng Ngài bằng các nhạc-khí có dây và ống nhạc⁽¹⁾.
⁵Hãy ca-tụng Ngài bằng những chấp-chòa phát tiếng lớn;
Hãy ca-tụng Ngài bằng những chấp-chòa vang rền.
⁶Mọi vật có hơi thở hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ.
Hãy ca-tụng Đức GIA-VÊ!

Psalms 149.2-150.6

²Let Israel be glad in his Maker;
Let the sons of Zion rejoice in their King.
³Let them praise His name with dancing;
Let them sing praise to Him with timbrel and lyre.
⁴For YHWH takes pleasure in His people;
He will beautify the afflicted ones with salvation.

⁵Let the godly ones exult in glory;
Let them sing for joy on their beds.
⁶Let the high praises of God be in their throat,
And a two-edged sword in their hand,
⁷To execute vengeance on the nations,
And punishment on the peoples;
⁸To bind their kings with chains,
And their nobles with fetters of iron;
⁹To execute on them the judgment written;
This is an honor for all His godly ones.
Praise YHWH!

PSALM 150

¹Praise YHWH!
Praise God in His sanctuary;
Praise Him in His mighty firmament.
²Praise Him for His mighty deeds;
Praise Him according to His excellent greatness.

³Praise Him with trumpet sound;
Praise Him with harp and lyre.
⁴Praise Him with timbrel and dancing;
Praise Him with stringed instruments and pipe.
⁵Praise Him with loud cymbals;
Praise Him with resounding cymbals.
⁶Let everything that has breath praise YHWH.
Praise YHWH!

¹ống sáo, ống tiêu, ống nhạc hơi; đàn ống